

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Sương Nguyệt Minh**

#### **Tiểu sử**

Tên thật: Nguyễn Ngọc Sơn. Sinh ngày 15.3.1958 tại Ninh Bình.

#### **Tác phẩm**

Đêm làng Trọg Nhân, Người ở bến sông Châu, Trong cơn đại hồng thủy,  
Đi qua đồng chiêm, Mười hai bến nước



### **Mục Lục**

**Đêm trắng - 2**

**Đi qua đồng chiêm – 8**

**Sao lại bịa chuyện bôi xấu vua Gia Long đến thế? – Trần Mạnh Hào - 15**

**Đêm làng Trọg Nhân – 19**

**Người đàn ông làng Yên Hạ - 27**

**Ngày xưa nơi đây là cửa rừng - 34**

#### **Phụ đính:**

**Mười hai bến nước**

**Chuyến đi săn cuối cùng**

**Đêm miền rừng**

**Cái nón chóp mê thủng chóp**

**Lửa cháy trong rừng hoang**

**Chợ tình cuối mùa xuân**

**Người Hà Nội, người ở Hà Nội**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Đêm trắng

Tôi về bến sông Trinh Nữ, trăng giữa tháng đã nhô lên khỏi đèo Eo Bát. Sương sớm tràn ra đồi Dâu, ủa vào trại Chuối như khói bay là là mặt đất và lập lênh ngang gối chân. Chỉ một lúc nữa, đồng Cỏ và cả dãy Tam Điệp kia cũng nhập nhòa sương trắng. Ở vùng bán sơn địa quê tôi cứ chập tối và mờ sáng thường hay có sương giăng; mùa đông hầu như tối nào cũng mù. Còn những đêm trăng lạnh, mờ đục, nền trời bàng bạc là sương giăng trắng suốt đêm.

Chú Rạng đã biên thư bảo tôi về ngay. Về ngay! Không hiểu điều gì đã xảy ra với u tôi, với anh rể tôi và hai đứa cháu gái?

Tiếng sóng vỗ lóc bóc và cá toài óc ách. Đã cuối thu, nước trong đồng cạn dần, cá chuối, cá rô theo nhau tìm đường ra sông. Tôi cúi nhìn cống Vòm, không thấy bờ khăm chỉ có ánh đèn loang loáng. Tiếng khỏa nước và lội uòm uòm. Tôi nhận ra một người đàn ông như đang bơi trong sương mù từ dưới cống Vòm lên bờ. Hóa ra là anh rể.

- Anh Na... am!

- Ở kia! Dì Vân. Sao về muộn thế?

- Tàu về chậm. Tắt mặt trời em mới xuống ga Gành.

Anh Nam xách giỏ cá nặng, đèn ló gắn trên đầu lấp lóa chiếu sáng một vệt sương bay như khói trắng.

- Diêm trong lều ấy. Dì Vân đốt lửa hộ tôi.

Hai hàm răng anh Nam va vào nhau lập cập. Tôi chui vào lều coi cá khăm, lều trống trơn nhưng còn ẩm hơi người. Anh cũng chui vào, xuyt xoa luôn miệng. Tôi nhoáng nhoáng nhóm lửa. Lửa bùng sáng, nhìn rõ đôi vai vạm vạp và ngực trần vạm vỡ của anh loang loáng nước. Tôi lấy áo để ở góc lều choàng lên hai vai anh. Tôi cảm nhận được mùi mồ hôi đàn ông và mùi bùn non ngai ngái anh mang theo từ cống Vòm lên. Tôi than thở:

- Khổ thân anh! Sao không bơi thuyền vỏ trấu, anh Nam?

- Anh cho... mượn rồi?

Lửa reo lách tách, nhìn rõ mấy túi phân hóa học bón hoa ở bên, tôi hỏi:

- Nhà mình có trồng hoa đâu, anh Nam?

- ừ. à... Anh mua giúp... người ta ấy mà.

Nói chuyện, anh Nam toàn lờ lời, lúng túng, âm à âm ừ như cố giấu điều gì. Tôi lấy nốt quần dài đưa cho anh, nhưng lại đụng phải túi ni lông đựng cái nịt vú và quần lót phụ nữ. Mắt tôi bung hoa cà hoa cải cùng sự nghi ngờ căng cứng đầy suy diễn... Đưa quần dài cho anh Nam, tôi bước phất ra ngoài.

Bầu trời sáng bàng bạc. Sông Trinh Nữ uốn lượn ngoằn ngoèo như dải lụa ngà rơi xuống biển sương mù. Con sông quen thuộc quá, tôi chưa đến đầu nguồn. Chỉ nghe người ta nói ngược

lên vẫn thấy sông Trinh Nữ len lỏi qua thung, qua eo, qua đồi núi của dãy Tam Điệp.

Một người đàn bà chèo cái thuyền hình vỏ trấu trên sông. Chị ta đang xoa tóc bông bành, đang ngập lặn trong màu trắng đục kỳ ảo vô bờ bến của sương đêm. Bất chợt, từ dưới sông tiếng hát vọng lên, nghe buồn da diết:

Đàn bầu ai gảy thì nghe

Làm thân con gái chớ nghe đàn bầu...

Rồi lại:

Thân em như hạt mưa sa

Hạt vào vại nước hạt ra ngoài đồng...

Giọng hát lúc dịu dặt, lúc sâu lắng làm tôi nhớ đến chị Ngàn chèo đò ngang ở bến sông Trinh Nữ năm xưa. Chị Ngàn ở bên kia sông. Giọng trong trẻo lắm, chị vừa vung chèo quấy nước, vừa hát. Lũ trẻ ranh cùng tuổi tôi ngồi trên mình trâu ở triền sông cũng đồng tai lắng nghe.

Chị Ngàn đã làm bao chàng trai khỏ sở, ngẩn ngơ. Họ mơ tưởng cô gái chèo đò đến mức chẳng có việc gì cũng kiếm cớ xuống thuyền sang sông. Chẳng qua là để ngắm cái bắp chân tròn thon, cái cổ cao ba ngón trắng ngần ngó sen, cái mặt trắng hồng, cái eo hông thắt lại và ngực căng đầy dưới làn áo phin mỏng của chị. Anh Nam cũng từng sang sông, và nhiều lần ngồi trên bờ ngẩn ngơ nhìn con đò nghe chị Ngàn hát. Thế rồi chiến tranh biên giới, anh Nam đi bộ đội biên phòng. Một thời gian sau, chị Ngàn cũng đi bộ đội thông tin. Từ bấy đến giờ chẳng bao giờ tôi được nghe chị Ngàn hát nữa.

Cái thuyền mỏng mảnh hình vỏ trấu áp sát vào bờ sông. Người đàn bà bước lên bờ rất khó nhọc, thập thễnh và chui vào lều kéo vó. Anh Nam bồn chồn đứng nhìn. Có cảm giác không có tôi là anh chạy ngay xuống đó. Tôi lại nghĩ đến cái nịt vú và gói quần áo phụ nữ trong lều coi cá khăm, rồi tưởng tượng đủ chuyện.

- Anh Nam có việc... thì mình em về trước cũng được.

- Ai lại thế. Anh đưa dì về.

Nhà tôi ở đầu làng, từ cổng Vòm về chỉ một đoạn ngắn. Tôi bước đi bên anh Nam xuống dốc đê và ngổn ngang bao điều trong lòng chưa cất nghĩa được. Đến chỗ lội, anh xắn cao quần bước xuống rồi quay lại ngập ngừng giơ tay ra:

- Dì Vân để anh...

Bước ào xuống nước, tôi lội uồm uồm qua trước mặt anh Nam. Lên bờ, mới biết mình không xắn quần bị ướt quá đầu gối. Chân tôi vấp phải cái cầu tạm ghép mấy cây luồng bị quăng trên bờ, đau điếng.

- Trẻ trâu nghịch quá. Để anh bắc lại cầu... Dì Vân xách cá về trước, giúp anh.

- Muộn rồi, anh Nam còn đi đâu? Hay là...

- Trúm lươn. Còn mấy ống, anh... anh... chưa đặt xong.

Anh Nam do dự rồi chụp đèn ló lên đầu tôi. Hóa ra anh không về. Anh chỉ đưa tôi qua chỗ lội. Tôi đón giỏ cá vội như giạt lầy, bước luôn. Từ lúc đó về đến nhà, làm lúi búi. Tôi lại nghĩ đến người đàn bà bơi thuyền vỏ trấu, và tưởng tượng...

Trăng tràn vào sân quện với sương giăng. Tôi bản thân đứng ở ngoài thềm hè.

- U ơi!

Vắng ngắt.

- Sa, Sim ơi! Hai cháu đâu?

Nhà tối om. Tiếng chuột kêu rích rích. Tôi quét đèn ló loang loáng. Trời ơi! Hai đứa cháu tôi nằm ngật nghèo, quay ngược nhau. Đầu tóc không cặp, xoa sượt phủ lên mặt, lên cái cổ gầy nhằng. Chân chiền bị đạp tung ra, mặc phong phanh áo mỏng. Tôi xoay đứa nọ cùng chiều đứa kia, kéo chân rồi nằm xuống quàng tay ôm cháu. Nhắm mắt, tôi vùi mặt vào hơi thở nóng hổi, vào mái tóc non cháy nắng khen khét của con Sim, mặc cho lòng rung rung. Tôi giận anh Nam quá. Người đàn bà bơi thuyền vỏ trấu, rồi thập thễnh bước lại hiện ra...

U tôi đi đám ăn hỏi về. Tôi chưa kịp chào, u đã mau mắn hỏi:

- Sao tự nhiên mà về, Vân?

- Thì chú Rạng... biên thư bảo...

- Thôi, thôi... U hiểu rồi. Cái nhà chú này nồm nóng quá. Cũng tại người ta ồn. Đêm hôm thằng anh rể mà hay ra lều kéo vó gập con Ngân. Có để hai đứa phải lòng nhau. Họ lại ồn: hóa ra nuôi ong tay áo, thằng rể mưu mô chiếm cái nhà, dứt khoát chúng nó cưới, rồi đưa nhau về đây ở. Chú Rạng bàn: "Hay là con chị nó đi, con dì nó thế..." U chả biết tính sao. Người ta như đứa có đôi, con rể nhà mình sống cảnh gà trống nuôi con. Tội lắm! Còn mà nữa, nhiều lúc nghĩ u lại lo lo. Cứ đứng núi này trông núi nọ. Quá lừa nhờ thì, khổ lắm con ạ...

- Thôi, con xin u đừng nói nữa.

Cảnh nhà bẽ bàng quá. Chị Ván tôi mất đã mấy năm, anh Nam có quyền lấy vợ. Nhưng lấy xong, anh chị ở đâu? Về nhà tôi ở? Hay ở bên nhà người ta? Còn u tôi nữa? Vô vàn câu hỏi lộn xộn trong đầu. Lại nghĩ đến hai đứa cháu mồ côi và tôi nghĩ đến tôi...

Lát sau, tôi bảo:

- Đi đâu u cũng liệu sớm sớm mà về lo cơm nước cho cháu.

- Mà đừng trách u. Tâm này mọi hôm anh Nam mà đã ở nhà lâu rồi.

- Bây giờ người ta đã có người khác thay chị Ván. Người ta không để ý đến con cái, đến mẹ vợ cũ nữa đâu.

- Đừng nói thế phải tội cho anh. Mà đi xa không biết, nó là đứa sống biết điều. Mấy năm nay mẹ vợ con rể, bà cháu sống nuôi nhau chả điều tiếng gì. Với lại anh rể mà mới được bầu làm

xã đội trưởng, công việc bận lắm.

- Bạn... bạn cái gì? U ra lều kéo vó, lều coi cá khăm mà xem người ta đang hú hí với nhau kia kìa.

- Ruột gan u nấu cả lên.

Tủi thân, không nói được, vui buồn, hờn giận, trách cứ lẫn lộn trong lòng. Tôi nhớ dạo anh Nam phục viên về được mấy ngày là đến tán chị Vần. Chẳng biết duyên số thế nào hai người yêu nhau, hạnh phúc lắm. Dạo đó, tôi hơi lớn lớn và nghịch ngợm như quỷ sứ. Tôi chui vào bụi chuối hồi nhà nghe anh chị thể thọt tâm tình, tôi kéo gậy tào lá chuối và ù òa rõ to làm chị Vần sợ rúm ôm chặt lấy anh Nam. Hôm sau, chị Vần mắng. Tôi bảo: “Có mà phải ơn em. Được ôm chầm vào trai, sướng bỏ bà còn làm bộ”. Đúng ba tháng thì cưới. Sau này, chị Vần bảo: “Mày còn bé chưa biết chứ ngày trước lão ta có để ý đến chị đâu. Biên giới im tiếng súng mấy năm, không thấy cái Ngàn về, chẳng chờ được, lão mới đến tán chị”. Rồi chị Vần nguyệt yêu: “Cái ngữ mày, kông khéo về sau ế chồng cho mà xem”...

Tôi không tin mình ế chồng. Nhiều người con trai đi ngang qua đời tôi mà chẳng ai quyến rũ được tôi. Kẻ hời hợt, nông cạn; người sâu sắc nhưng kỹ tính quá, chẳng ai làm trái tim tôi rung động. Tôi vẫn chờ, vẫn tìm người yêu thương trong cõi đời mênh mông này.

Tôi đánh thức hai đứa cháu dậy. Mẹ con, bà cháu ăn cơm xong một lúc anh Nam vẫn chưa về. U tôi đi làm cá. Cái Sa ngồi vào bàn học, cái Sim quần lấy tôi, sà vào lòng ngồi. Cái Sim quần quần đuôi tóc tôi, nói:

- Di về nhà ở hẳn nhá, di Vần.

- Di còn bận chưa về luôn được. Sim ở nhà có ngoan không?

- ừ ngoan. Lúc nào cô Ngàn đến cho kẹo, cháu mới ngoan. Cô Ngàn thương Sim lắm, di Vần à.

Như cật nửa cửa vào lòng. Vậy là cái điều chú Rạng viết thư là thật. Người ta sẽ lấy mất anh Nam, lấy mất luôn hai đứa cháu tôi. Và anh Nam sẽ như người đứng nước lã ư? Tôi thả cái Sim xuống cho nó chơi rồi đến chỗ u đang đánh vẩy cá. Tôi giận dữ nói:

- U để hết nhà cửa, ruộng vườn cho anh Nam. Để anh ấy được tự do yêu thương, tự do lấy vợ, không phải chui lủi dấm dúi nữa. Con sẽ đưa u lên thành phố, mẹ con sớm tối có nhau.

- Mày có lớn mà chẳng có khôn. Gần ba mươi tuổi, chứ ít đâu. Có phúc đã con bé con bông. Mày thích ở thành phố cứ ở. Còn u sinh ra ở làng, làm dâu ở làng, u sống chết cũng ở cái làng này thôi.

Khuya.

Anh Nam về. Anh nói với u là anh ăn cơm rồi. U phàn nàn:

- Em nó về. Sao anh không về sớm sửa, cả nhà ăn cơm đông đủ một bữa.

Anh Nam ậm à ậm ừ:

- Con... con có lỗi... ối.

Tôi bực mình lắm, chỉ muốn nói: “U không phải bận tâm nữa. Người ta đã có nơi có chốn nấu cho ăn rồi”. Nhưng cổ tôi nghẹn tắc không sao cất nên lời.

Khuya lắm rồi. Ngọn đèn dầu lù mù không xua nổi sương bay là là ở thềm hè. U nói chuyện rì rầm với anh Nam. Tôi nằm cho cái Sim gối đầu tay, nghe tiếng được tiếng mất. Anh Nam thỉnh thoảng thờ dài. Mỗi lần anh thờ dài, tôi lại ôm chặt cái Sim vào lòng. Khổ thân hai cháu gái bé bỏng. Nay mai có người đàn bà lạ trong nhà, cháu tôi sẽ sống ra sao?

Anh Nam không ngủ, vác riu bỏ gốc tre khô. Choạc... Choạc... Tiếng riu bỏ vào đêm vắng rõ mồn một. Choạc... Choạc...

Tôi vùng dậy, lấy áo ngoài choàng lên bộ đồ ngủ mỏng cho bớt lạnh. Trăng chênh chếch mái ngói phía tây. Hơi nước từ sông Trinh Nữ theo gió ào đến. Tôi khẽ rùng mình. Trời ơi! Đồng Cỏ, đồi Dâu, trại Chuối một màu trắng đêm và dãy Tam Điệp mờ xa cũng chìm trong đêm trắng.

- Đừng hành hạ mình thế nữa. Anh Nam!

Vẫn choạc... choạc... Tôi nhào đến giữ tay anh. Anh thở hổn hển:

- Dì Vân! Mặc kệ... anh.

- Nghe em đi. Sương xuống ướt tóc anh rồi này.

Giọng tôi nhỏ, chùng hẳn làm anh mềm lòng:

- Anh khổ tâm lắm! Dì Vân à.

Lại làn gió lạnh thổi ào tới. Chiếc áo choàng trên vai tôi tuột xuống đất. Anh Nam bỏ riu, cúi nhặt, lúng túng không biết đưa hay khoác cho tôi. Tôi ngồi bệt xuống đồng gốc tre khô chưa bỏ. Choàng áo lên vai tôi, anh ngồi xuống theo.

Vẫn đêm trắng. Anh không nói gì. Tôi cũng lặng im.

Lúc sau, tôi bảo:

- Anh Nam nói gì đi.

Anh tần ngần, lưỡng lự:

- Dì Vân... nói gì đi.

Đến lúc này thì tôi đứng phất dậy. Tôi bước đi ra cổng. Anh Nam cũng đứng dậy và đến gốc cây bưởi lấy giỏ đựng cá. Anh lặng lẽ đi sau tôi. Chẳng lẽ anh đi bắt cá khăm buổi sáng sớm? Vô duyên! Tôi thầm nghĩ như thế.

Trăng bạc dần. Tôi đi lang thang ở đầu làng, tôi nhón nhén bước trên cầu tạm bắc qua chỗ lội và bước lên dốc đê.

Chộp! Tiếng gọng vó chạm nước. Bốn gọng vó khảng khiu, gầy guộc dầm mình trong nước

sông Trinh Nữ rồi lại cát lên in hình vào đêm trắng. Cản mẫn, lặng lẽ trong đêm, chẳng biết cái vó ấy được cát lên thả xuống bao nhiêu lần? Người đàn bà ấy ngồi trong lều kéo vó đã bao đêm?

Trời bàng bạc sáng. Người làng đi chợ sớm lao xao gồng gánh. Những người buôn rau, cá, buôn hoa lên thị xã đã chờ sẵn ở bến sông để cất hàng. Mấy cái xe trâu không tháo ách nối nhau đứng trên mặt đê.

Một cái thuyền vỏ trấu chở hoa tươi và rổ cá từ từ cập bờ. Mấy bà buôn chuyến lau chau chạy đến. Người đàn bà bước lên bờ khó nhọc quá, mấy bà buôn giơ tay kéo chị ta lên. Tôi chợt nhận ra chị Ngân. Rõ là chị Ngân chèo đò ở bến sông ngày trước. Không thể nhầm, tôi nhìn kỹ lắm. Ngân ấy năm rồi, tôi vẫn nhận ra. Chỉ tội một chân chị bị cụt đến đầu gối...

Khổ thân chị! Lại còn đến nông nỗi ấy nữa. Mọi suy nghĩ, toan tính của tôi đều vô nghĩa hết. Vô nghĩa trước chị Ngân cụt một chân trồng hoa, kéo vó đêm và rạng sáng chèo thuyền vỏ trấu chở hoa tươi, chở cá... Tôi quay bước, chạy về làng, Tôi khóc. Mặc gió ù ù bên tai, mặc sương đọng ngọn cỏ làm ướt ống quần.

Thay quần áo ngủ, tôi tổng tất cả vào ba lô bụi. U dậy, bảo:

- Mặt trời lên, sương tan hãy đi con à.

Anh Nam lao vào nhà, cái giỏ vẫn trống không. Anh giữ ba lô bụi của tôi lại:

- Đừng vội đi, dì Vân.

- Thôi để em đi. Em ở lại là không bao giờ đi được nữa. Người ta cần anh.

U sụt sịt:

- Khổ thân các con tôi.

- Bị thương. Mặc cảm. Cô ấy ở lại trại an dưỡng không muốn về làng ngay. Khi Nhà nước chủ trương cho thương binh về sống tại gia đình, động viên mãi cô ấy mới về nhà. Vừa trồng hoa, vừa kéo vó bè làm niềm vui. Nghĩ cũng tội. Dì Vân à.

Anh Nam nói nhanh như sợ tôi cất ngang. Tôi buông một tiếng thở dài, bảo:

- Thôi, anh chị gắng sống với nhau cho vuông tròn. U cần anh, u không thể xa các cháu đâu. Về đây mà ở để bà cháu sum vầy, anh Nam ạ. U đồng ý là chú Rạng cũng theo thôi - Tôi quay sang u đang nước mắt ngấn nước mắt dài - U nhỉ?

U tôi gật đầu. Tôi đến thơm vào má con Sa, con Sim còn đang ngủ, và khoác ba lô bụi lên vai. Chào u, chào anh Nam, rồi tôi đi. Tôi không dám quay mặt nhìn u, nhìn anh Nam. Tôi mà quay mặt lại là tôi ở nhà mãi mãi. Tôi hình dung sau lưng mình, anh Nam đứng lặng nhìn theo, bên cạnh là u tôi nước mắt lưng tròng.

Đêm trắng đã qua. Đàng đông, trời rạng hẳn. Đàng tây, chỉ còn một vầng trăng mờ, mỏng mảnh neo trên bầu trời

## Đi qua đồng chiều

Tôi đánh xe trâu chở anh từ ga Xép về làng.

Tháng năm âm lịch. Cuối vụ gặt. Nước lấp xấp, đồng chiều trơ gốc rạ. Thịnh thoảng sót lại một vài đám ruộng nhà ai đó chưa gặt, lúa trĩu bông vàng suộm. Tiếng đế nỉ non và tiếng chẫu chuộc nhảy tồm xuống nước. Muồm muồm, cào cào, châu chấu nhiều vô kể, đậu xúm xít hai bên bờ cỏ, có con xoè áo khoác xanh, áo cánh đỏ làm dáng. Bước chân trâu đánh động những sinh vật nhỏ nhoi của cánh đồng bay rào rào lên thành muôn nghìn chấm nhỏ xù xịt trên không trung. Khói xanh ở gò Mã Giáng ngùn thành vệt dài theo chiều gió nam thổi. Bọn trẻ trâu đang vơ rơm rạ khô, bụi nhùi bỏ thêm vào đồng lửa đỏ. Mùi khói rơm mới lẫn mùi cào cào, muồm muồm nướng thơm ngậy ngậy. Anh chỉ về phía đó, hỏi:

- Cô gì ơi! Bọn trẻ làm gì thế?

- Nướng cào cào.

- Người nhà quê hay nhỉ!

Anh cười cười, ngường ngường. Chẳng biết anh khen hay là chê. Tôi hỏi:

- Anh chưa nhìn thấy cào cào bao giờ à?

- Chưa! Cô gì ơi. Cô chở thuê. Ngày nào cũng đánh xe trâu lên ga à?

- Một tháng đôi ba bận thôi. Tôi phụ thêm cho cha. Sao anh không đi xe ô tô lại ngồi xe trâu chở hàng của tôi?

- Ô tô lúc nào đi chả được. ở bên kia tôi có nằm mơ cũng không thấy xe trâu. Lộc cộc. Thô sơ. Thế mà sượng. Người nhà quê hay nhỉ?

Lòng tôi nhộn nhạo không yên. Anh thật ga lăng. Quần bò, áo thun, trên ngực in hình con Kanguru. Một mớ tóc xoăn xoã trên trán, mắt rất hoang dã như mắt cừu. Tôi đã bắt gặp hình ảnh này ở đâu nhỉ? Phải rồi, ở đồng cỏ, đồng cỏ mênh mông nước Ôxtrâyliá trong phim. Nhưng móng tay anh để dài hồng hồng trắng và nước da còn trắng hơn tôi, trắng hơn nước da con gái làng. Mùi nước hoa đàn ông ngàn ngạt, lạ lẫm! Tôi không quen mùi này nhưng cố hít hít. Bất chợt, tôi nhìn xuống đôi tay mình: da dày sứt sứt vì đi gặt lá lúa quắt, dầm thóc dầm. Một người đàn ông đang cầm sào tre dài, ngọn buộc một mảnh ni lông trắng bay lấp phấp phấp bồm bộp theo sau đàn vịt. Vịt kêu vẳng một góc đồng chiều, đít vịt ngồng vếch lên, mỏ vịt cắm xuống sùng sục kiếm thức ăn. Nước đồng đục ngầu nổi bong bóng, gốc dạ toẽ ra khi đàn vịt đi qua. Vịt đàn ăn lúa rơi vãi nhiều nhưng đang độ đẻ rộ con nào con nấy gầy rạc.

Ho...ọ! Tôi kéo thùng giăng ở mũi con Đen dừng xe lại. Con Đen ngênh ngênh đôi sùng cánh ná, mắt đỏ đồng đọc nhìn đàn vịt lau chầu vượt qua đường sang cánh đồng bên vừa mới gặt xong. Tiếng vịt kêu: Cạc... Cạc... Cạc... Rồi tiếng trâu rống: ọ... ọ... ọ." Anh đứng hẳn người lên, chăm chăm nhìn đàn vịt:

- Cái ông kia buồn cười nhỉ?

Tôi bảo:

- Đuổi vịt. Ông ấy đang đuổi vịt.

- Người nhà quê hay nhỉ.

- Anh chưa nhìn thấy vịt bao giờ à?

- ừ! Anh chỉ biết cừu và Kanguru thôi. Em có biết Thế vận hội Xít Nây người ta lấy biểu tượng Kanguru không? Không à! Bao giờ Việt Nam mình là chủ nhà của Uôn Cấp chẳng hạn. Lúc ấy, nước mình lấy con gì làm biểu tượng? Lấy vịt? Hay cào cào nhỉ?

Anh lại cười. Chẳng biết anh nghĩ gì về nhà quê chúng tôi?

Trời sầm sầm tối. Xe trâu dừng trước nhà bác Hán. Bác Hán vồn vã:

- Xem nào. Xem nào. Thăng cháu bác to bằng nào rồi nào. Ôi trời ơi! Cao lớn hơn thằng bố mày. Có dễ đến hơn mười năm mày chưa về quê ấy nhỉ? Bác cứ lo mày không biết đường về.



- Cả cái thành phố Xít Nây mênh mông chỗ nào cháu cũng biết. Huống hồ là cái làng quê bé tẹo này.
  - Thế mà ngồi xe trâu có thích không?
  - Thấy là lạ. Cháu muốn tìm cảm giác mới. Cứ như ngồi xe chó kéo của thổ dân Úc ấy, bác ạ.
  - Chuyển nghĩ hè này bác sẽ cho mày cưới trâu, cưới bò, cưới dê nữa. Để cho mày hiểu như thế nào là nơi bố mày với bác đã sinh ra và lớn thành người, thằng cò ạ.
  - Cháu chỉ sợ vài ba hôm, mẹ cháu xót con lại đánh điện về bắt cháu đi.
  - Đến bốn lần giỗ họ, sao bố mày không về?
  - Vẫn phòng đại diện bên Úc có việc gấp; không chờ cháu được, ba mẹ cháu sang trước. Ba mẹ gửi bưu điện biếu bác hai triệu đồng, bác nhận được chưa?
- Bác Hán bảo:
- Vê. Tao nhà quê ăn tiêu gì mấy. Cái bác cần là tình cảm cơ. Giá bố mày đổi hai triệu đồng thành mỗi năm hai lần về nhỉ?
- Tôi bỏ nốt túi du lịch xuống cho anh. Cộc... cộc... Con Đen đánh sừng vào ách xe. Sừng con Đen quệt nhẹ vào hông anh. Anh nhảy dựng lên:
- Chết tôi rồi!
  - Cái thằng! Thần hồn nát thần tính. Chết làm sao được.

Bác Hán mắng to rồi dịu giọng dần. Tôi bật cười khúc khích. Anh bẽn lễn, ngượng ngịu: “Cái sừng cánh ná khềnh khoáng. Cháu kinh quá.” Tôi chào bác Hán rồi tôi quất roi tre đét vào mông con Đen đánh xe đi. Anh chạy theo: “ói, cô gì ơi! Tôi trả tiền cô chở thuê.” Anh ấn vào tay tôi tờ năm mươi ngàn đồng, số tiền này đong được hơn hai thùng thóc, hoặc một yến cá mè hoa, hay mười gánh rau răm. Rất sòng phẳng! Tôi nhận ra ánh mắt của anh, ánh mắt soi vào thân phận làm thuê của tôi? Không dấu được, làm thuê ở đâu cũng là làm thuê. “Xe trâu nhà tôi chỉ chở hàng. Ai thích. Cho đi nhờ thôi. Tiền nong gì.” Có cái gì đó chạy dọc cổ tôi nghẹn tức. Tôi nhét trả tờ năm mươi ngàn đồng vào túi áo ngực anh. Anh ngạc nhiên: “Người nhà quê hay nhỉ.”

Tôi tên là Na, thời bé tôi đi học sớm một năm. Năm nay, tôi mười bảy tuổi. Mười bảy tuổi đã bao nhiêu đêm tôi mơ được vào đại học như mấy chị ở làng. Vào đại học thích lắm! Được ra thủ đô học, được bay nhảy ở chân trời xa. Một chị bảo tôi: “Mày đã biết yêu chưa? Yêu hay lắm mày ạ.” Một chị khác nói: “Mày đẹp. Có khi con trai các trường khác xúm vào tán. Còn lâu mới học được.” Tôi rất mơ mộng, hay làm thơ. Người ta nói đàn bà dính với văn chương thường là nhọc nhằn, bất hạnh; lại bảo chỉ có làm sao đấy mới chạy trốn vào văn thơ? Con gái ở nông thôn làm thơ càng bất hạnh hơn. Sở nhật ký của tôi đầy tâm sự, có gần một trăm bài thơ. Bài thơ nào cũng mang nỗi niềm băng quơ, thoát vui, chợt buồn đúng như cái tuổi mười sáu mười bảy của tôi vậy. Tuy nhiên, tôi dấu cha, dấu bạn bè, tôi làm thơ cho riêng mình. Cha tôi bảo: “Học nhiều chỉ tổ xí xón theo giai. Đứng núi nọ trông núi kia làm gì. Tao không thể nuôi báo cô mày mãi. Lấy chồng đi cho xong chuyện.” Cha không cho tôi học tiếp. Chân trời xa của tôi chỉ dừng ở trong lũy tre làng. Chẳng lẽ cuộc đời tôi cứ đi cày, đi cắt cỏ, đi chăn dê và thỉnh thoảng đánh xe trâu thay cha lên ga Xép rồi lấy chồng?

*Tôi lại nghĩ đến đồng chiêm.*

*Tôi nghĩ về sự ngổn ngang cuống dạ.*

*Cuống dạ toé ra, nát như khi vịt đàn đi qua.*

*Cuống dạ nhấn sâu dưới bùn khi chân trâu bước qua.*

*Đồng chiêm vui, buồn, đờn đau, tủi hổ*

*Khi mặt trời đi qua, mặt trăng đi qua*

*Ngọn gió hoang lùa qua*

*Cánh cò cánh vạc bay qua*

*Bước chân người lam lũ đi qua*

*Mồ hôi trâu bò lẩn bùn non ngai ngái*

*Tôi cúi nhặt giọt mồ hôi người thợ cày*

*Tôi lượm giọt nước mắt người thợ cấy  
Tôi đau đớn, tôi gọi: Đồng chí... ừ!...*

Cha tôi biết chuyện.

Lúc ăn cơm, cha bảo: “Cái thứ nhà quê như mày ngàn đời nay vẫn ngu, Na ạ. Lòng tốt hảo, nhiều khi lại tiếp tay cho thói kênh kiệu làm người ta kênh kiệu thêm. Cái bọn thành phố như nó chỉ muốn đè nén, áp bức nông thôn mình. Tội đéch gì mà sỹ diện hảo. Sao mày không lấy tiền của lũ chúng nó đem cho cô Ném điên ấy.” Tôi nhai trệu trạo, miếng cơm như miếng rơm rạ. Có vẻ như cha tôi rất ghét người thành phố, ghét đến mức đố kỵ. Theo ông thì nông thôn chỉ là bãi rác thải, là nơi dừng chân của người thành phố. Người nhà quê chỉ dùng lại đồ cũ, đồ hạng ba: Xe máy cũ, quần áo cũ, hàng hoá chất lượng thấp đều do người thành phố tuồn về. Họ bắt nạt sự ngu dốt của thôn quê. Còn các đồ ngon nhất người nhà quê lại đưa ra thành phố: Rau sạch, gà ri, lợn ỉn, dê, bê non, tôm hùm, cua bể... Bao nhiêu đồ ăn ngon người nhà quê đều cấp cảm dành dụm mang bán cho người thành phố. Lẽ sống đời của người nghèo nông thôn vẫn là buồn trầu ăn chũm cau. Người nhà quê đều là người nghèo. Khổ thế!

Hoá ra, thời nhỏ, cha tôi và cha anh là bạn chần trâu cắt cỏ rất thân nhau. Học hết cấp ba trường huyện thì số phận quẳng mỗi người đi một nơi. Nhà nghèo, cha tôi phải ở làng theo đít trâu, đi cày. Cha anh học lên đại học, lấy vợ người Hà Nội, cũng chả thấy cha anh đưa vợ về quê bao giờ. Người nhà quê bảo: “Con mẹ ấy không dám về nông thôn. Đi đường giảm phải cứt trâu, ra vườn đập phải cứt chó, ngồi trên hố xí hai ngăn, hơi thối bốc lên đít, nhìn xuống thấy bọ nhung nhúc, con mẹ Tràng An ấy chịu sao được. Người thành phố thơm tho sạch sẽ quen rồi...” Lâu lâu, cha anh mới đả về quê một lần. Cha tôi bảo: “Đám thềm vào mà ra Hà Nội.” Tình cảm cứ nhạt dần. Nhạt là phải! Tình cảm như con vật, con vật không được nuôi dưỡng chăm sóc con vật ốm o bệnh tật rồi chết. Tình cảm mà không năng đi lại vun quén, tình cảm chẳng còn. Mấy chục năm, thời gian biến cải, cha anh đã là một nhà kinh tế luôn sống ở nước ngoài, cha tôi vẫn là một thợ cày quanh quẩn từ làng ra đồng, từ đồng về làng. Xa nhau cũng là điều dễ hiểu.

Tôi về một lúc thì trăng lên. Trăng neo trên ngọn cây cau, đứng im phăng phắc. Không thấy gió thổi, chẳng thấy mây trôi. Thôn quê ngưng đọng tĩnh lặng quá. Cứ mãi thế này ốm mất. Bên nhà bác Hán, anh bảo cái Hương: “Chiều nay, em đi xe trâu người ta không lấy tiền.” Cái Hương nói ngay: “Người ta là bạn chị đấy.” Anh khen: “Bạn chị xinh nhỉ. Người eo tuyệt vời. Con gái nhà quê, eo đẹp thế là sự lạ. Cái mũi dọc dừa. Mắt như mắt nai. Xinh lắm! Nhưng mà tù hãm, đôi mắt đang báo hiệu một sự tù đọng” Cái Hương hỏi: “Thăng nhìn thấy mắt nai ở đâu, đi săn thấy ở rừng à?” “Không. Em thấy ở trong vườn bách thú.” “Thế ra Thăng bảo bạn chị như con nai đẹp bị nhốt trong vườn bách thú, hở?” Anh chỉ mỉm cười thay cho câu trả lời. Ấy là hôm sau cái Hương kể cho tôi nghe. Nghe biết vậy, càng thêm buồn.

Đường làng lênh lóang ánh trăng, màu vàng bát ngát trùm lên xóm mạc. Đang kỳ nghỉ hè, thỉnh thoảng bọn trẻ con lại chạy bình bịch lên trước mặt rồi đánh ào một cái ả vào bụi cây bên đường. Chúng đang chơi đánh trận giả. Anh và cái Hương đến cái giếng mặt nguyệt ở đầu làng. Tôi đang ngồi ở thềm giếng gội đầu. Mặt giếng tròn vành vạnh. Trăng nhõn như soi mình dưới nước. Xung quanh rơm rạ cuối vụ gặt còn phơi đầy, vương cả vào thềm giếng. Tôi cảm nắm lá bưởi vò nhau thả vào chậu nước gội đầu. Mùi lá bưởi xanh hăng hăng xộc vào mũi. Cái Hương bảo: “Tao biết ngay mà. Thế nào mày cũng ở đây.” Tôi ngược mắt lên: “Đồ ỡm ả.” “Thăng có biết ai đây không?” “Đây là cô gì đánh xe trâu chở thuê.”

Cô gì đánh xe trâu... Tự nhiên tôi chạnh lòng, buồn. Cái Hương bảo:

- Bọn con gái nhà quê chúng tôi thường gội đầu bằng nước quả bồ kết nướng. Một tháng vài ba bận gội bằng lá bưởi.

- Người nhà quê hay nhỉ?

Lại cái câu chết tiệt lặp đi lặp lại không biết bao nhiêu lần này.

- Chứ không à. Bọn con gái thành phố, toàn dùng dầu gội đầu đóng hộp. Chắc gì cái nào hơn cái nào.

Lát sau, mùi hăng gắt mất đi, chỉ còn mùi lá bưởi thơm thoang thoảng. Tôi đứng dậy túm tóc quay vù vù, bụi nước bắn vào cả mặt anh. Tôi nghĩ đến quả bồ kết, đến lá bưởi và chuyến xe trâu đi qua đồng chiều, nghĩ đến tôi, đến thân phận của các cô gái làng.

Cái Hương bảo: “Thằng có biết bao nhiêu đôi lứa nên vợ nên chồng ở cái giếng này không?” Tôi giờ tay hong tóc dưới trăng, giục già: “Hương kể cho anh Thằng nghe đi.” “Kể thì kể.”

... Ngày trước, yêu đương nhau, các cụ gọi là phải lòng í, có được tự do đi chơi bờ, hôn hít nhau như bây giờ đâu. Muốn nhìn nhau, muốn nói với nhau câu gì, muốn hẹn nhau cái gì cứ xách thùng ra giếng làng gánh nước. Trai nhìn thấy bắp chân trần trắng nõn của con gái, động lòng ham muốn và yêu. Gái làng nhìn vòng ngực căng đầy nở nang, bắp tay săn chắc như cuộn chèo của trai làng là động tình, yêu. Không có giếng làng chưa chắc họ đã thành vợ thành chồng. Lại có người đàn bà ra thành giếng vỗ bồm bộp: “Giếng ơi giếng. Tao thù mày. Tao thù mày. Không có giếng tao chẳng gặp cái thằng bạc tình ấy.” Chị ta điên vì thất tình, vì bị phụ bạc. Không có giếng làng chưa chắc chị ta đã bị phụ tình. Ngày ấy, chị ta là chị; bây giờ là cô - cô Ném ba mươi lăm tuổi vẫn điên vì tình...

- Người nhà quê hay nhỉ?

Cái Hương thật thà:

- ừ, người nhà quê hay thật. Chúng mình đi dong đường chơi nhá. Đứng đây mãi bất tiện, người làng ra múc nước lại đồn nói chuyện với giai.

Tôi cũng nói:

- ừ. Đứng đứng đây. Mang tiếng lắm.

Ba chúng tôi đi bộ ra cây đa đầu làng. Đường làng toàn gạch Bát Tràng lát nghiêng, có chỗ đi lại nhiều gạch lõm xuống. Góc đa đầu làng vắng ngắt. Đa chín rơi bộp, bộp. Tiếng chim đi ăn đêm thả vào không trung thanh vắng. Cái Hương bảo: “Na, đưa chậu tao tìm chỗ dậu cho. Đi chơi ai lại cầm chậu thế này.” Cái Hương giật chậu nhựa từ tay tôi đi cùn cụt. Mãi chả thấy cái Hương quay lại. Anh bảo: “Cô gì ơi. Tôi ở bên úc về lạ nước lạ cái. Cái gì cũng lạ. Cô cho tôi đi thực tế nông thôn với.” “Anh Thằng hãy gọi em là Na. Tên quê mùa lắm phải không?”

Tóc tôi buông dài hong gió. Anh đi bên tôi, xa lạ và gần gũi. Mười bảy tuổi, lần đầu tiên tôi đi cùng một người con trai. Anh từ đầu đó đến, vụt sáng chói loà. Những thằng bạn ở lớp, những đứa con trai ở làng chỉ còn nhỏ bé, dại dột và mờ nhoà trong tôi. Bất ngờ, anh vuốt tóc sau lưng tôi, tay anh chạm phải dây nịt vú. Tôi rùng mình, run dấy. “Tóc em đẹp lắm.” Cả mớ tóc chưa khô áp vào mặt anh. “Mùi lá bưởi, mùi đồng quê.” Anh thì thầm, anh quàng tay lên vai tôi. Người tôi nóng ran ran. Anh xoay người kéo tôi vào lòng ôm chặt. Ngực tôi căng cứng dềnh lên từng đợt, từng đợt. Bàn tay có những móng dài lần tìm ngực tôi trong làn áo. Một cái móng tay dài chạm vào núm vú, tôi như người bị điện giật. “Đừng anh!” Nói, nhưng tôi không đẩy tay anh ra. Lần đầu có người con trai chạm vào da thịt tôi.

Bất chợt có tiếng chửi vọng ra từ cái nhà kho cũ đã sạt một góc của Hợp tác xã. Tôi giật mình. Giọng đàn bà, chửi rất bài bản, ngoa ngoắt. Chửi rằng:

*Cha tiên sư thằng đi qua*

*Cha tiên sư con đi lại*

*Mày bày mưu lập mẹo*

*Mày bắt con của bà*

*Bà chửi mày:*

*Cho tróc mồ lật mả*

*Cho quạ nó tha*

*Cho gà nó mổ.*

*Cho chết sông chết chợ*

*Chết vợ chết chồng  
Chết cả tông giống năm đời,  
mười đời nhà mày nhà...*

Tôi đã ra khỏi vòng tay anh từ lúc nào. “Lạ quá! Chưa bao giờ anh được nghe đàn bà chửi như thế này. - Anh bảo vậy. - Chửi rất ngoa ngoắt nhưng không tục tĩu, nghe như hát, như xướng khúc đồng dao, như mê hoặc lòng người. Trong các đường phố Xít Nây hay những đồng cỏ mênh mông nước úc, người ta cũng chửi nhưng cục cằn, thô lỗ; khác thế này lắm.” Tôi nói: “Cô Ném đấy. Đêm nào cũng chửi. Chửi sốt ruột. Có đêm em không ngủ được, nghe mãi cũng thuộc các bài chửi.” “Cô gì cũng giỏi nhỉ?” “Thật đấy! Anh có ai bắt nạt, em đến chửi thuê cho.” “Hay. Người nhà quê hay nhỉ?”

Chẳng ai biết cô Ném từ đâu đến. Cô là người đàn bà bị phụ bạc tình phát điên bên giếng làng. Người lại bảo cô ở trên mạn Khánh Thượng xuống. Dân làng đã quen với tiếng chửi của cô Ném điên mười mấy năm rồi. Cô không nhà cửa cô đi lang thang, nay cấy thuê cho nhà này mai gánh phân cho nhà kia. Cho tiền biết cầm; cho cơm, dong giếng, khoai lang luộc biết lấy ăn. Ban ngày đi làm thuê, ban đêm về nhà kho cũ, hoặc thềm hè nhà trẻ ngủ, ngủ không chăn không chiếu. Một ổ dạ là đủ vừa nằm vừa đắp. Mùa đông cũng như mùa hạ, cô Ném điên sống trơ trơ cùng nắng mưa giá rét. Được cái trời thương, trời cho cô sức rất khỏe. Chỉ phải mặt nhàu nhĩ nhăn nhúm, còn đùi về nần nần, hai vú thâm lầy. Dường như thời tiết mưa nắng, giá lạnh bất lực trước sức khỏe của cô. Cái sinh lực tràn đầy nóng hổi của người đàn bà điên ấy không biết là sự may mắn hay bất hạnh. Những đêm mưa dầm dề lê thê, những đêm đông lạnh giá kinh người có sức quyến rũ mời gọi bọn đàn ông đồ đỏ, đơm lờ, trúm lươn đêm mò đến. Lại những trưa, cô Ném cấy thuê ở đồng không sông quạnh gặp bọn đùn riu, kéo vó, đùn te. Lúc ấy, không phải người với người nữa mà hoàn toàn là khát thèm sinh vật. Cứ vài năm, lại thấy cô Ném chửi, bụng to kèn. Không ai biết cô đẻ ở đâu, và những đứa bé ấy ai rình bẻ mắt, bẻ đi đâu? Chỉ biết ắng đi vài ngày lại thấy cô xuất hiện với cái bụng lép kẹp, lại đi làm thuê. Gái mới đẻ đi làm thuê và chửi rất kinh. Chửi ngày này qua đêm khác, cô chửi rất to kẻ nào bẻ trộm con cô...

- Chửi tài thật. Người nhà quê hay nhỉ?

- Thôi, về đi, anh Thăng. Nghe cô Ném chửi sốt ruột.

Tôi và anh về ngõ nhà bác Hán lúc cái Hương đang khoá cổng chuồng dê. “Chậu tao để trong sân kia. Hai đứa về ăn ốc.” Hương ghé tai tôi nói nhỏ: “Tao giả bộ giấu chậu, về trước cho hai đứa mày tự do.” “Đồ nỡm. Thôi tao về đây chẳng chết với ông già.” “Sương bỏ bà còn làm bộ”. Sáng hôm sau, nhà tôi đánh gốc tre. Bụi tre đã chặt từ mấy tháng trước ngâm dưới ao, móc bùn phủ lên để sau này làm bếp. Bụi tre như cái nong, dày chi chít, cây nọ chen cây kia, giờ chỉ còn gốc. Cha tôi nhờ bác Hán sang đánh giúp. Bác Hán cởi trần, mặc quần đùi, người vai u thịt bắp, khỏe lắm. Phập... Choạc. Phập... Choạc. Bác có xà beng và cái búa như lưỡi tầm sét của Thiên Lô. Mới hưng hứng sáng, bác đã đánh được một góc bụi tre. Tôi đứng vòng ngoài phụ giúp nhặt củi xếp thành đống. Anh Thăng sang, bảo:

- Tối hôm qua mút ốc ao. Kinh quá.

Tôi tự ái lây, bảo:

- Anh thì cái gì cũng kinh. Nhà quê chỉ có thế thôi.

- Thật đấy. Anh bước vào sân đã thấy bác Hán gái, chị dâu cả, chị Hương cùng xúm vào rổ sè ốc luộc. Bác Hán gái bảo: Thăng ngồi xuống đi. Chị cả ngồi lui ra một tý nào. Ốc ngon lắm, cháu ạ. Anh ngồi xuống chả biết cách ăn làm sao. Bác Hán gái dạy: Cháu cầm thế này này, đưa đít ốc vào răng hàm cắn một mẩu nhỏ, xoay con ốc lại đưa mồm nó vào miệng mình. Mút. ừ. Mút đánh chụt một cái. Đấy, ngon chưa? Anh làm thử, cắn đít ốc ê răng, mút chụt... chụt mấy lần thịt ốc vẫn chẳng ra. Cứ như thời ăn lông ở lỗ! Không ăn nổi, đành thôi. Thở dân úc thời nguyên

thủy cũng chỉ ăn đến thế là cùng. Kinh bỏ cha. Bác Hán gái bảo: Chẳng biết bên úc người ta có mút ốc thế này không, cháu?

Bác Hán dùng búa bở gốc, gạt mồ hôi trán: “Thằng này mất gốc rồi. Để tao bảo thằng bỏ mày.” Anh làm ngờ, nói lảng: “Bác cho cháu bỏ thử vài cái”. “Tiên nhân mày. Tay học trò trắng thế kia thì làm ăn nổi gì.” Anh Thằng bỏ. Phịch... phịch... vài cái thì vắng búa. Lại lấy bở tiếp: Phịch... phịch. Một quả bỏ búa, cầm xà beng. Cuối cùng bỏ nốt. Cha tôi đánh xe trâu về đến cổng nhìn thấy. Ông để nguyên cả ách trâu bước lại gần: “Hồng! Cái giống học trò trời gà không chặt chúng mày chỉ giỏi tán gái là nhanh. Trông mong gì lũ trẻ chúng mày. Thôi, để chúng tao múa. Đàn ông gì èo ụot quá.” “Bác cứ nói thế chứ. Mỗi thời mỗi khác.” Anh ngưỡng ngưỡng, mặt đỏ như. Không biết bên úc người ta có tre để mà đánh gốc không nhỉ?

Buổi chiều, tôi đánh xe trâu ra đồng cắt lúa với cái Hương đổi công đánh gốc tre của bác Hán. Khoảng lúa cuối cùng của nhà cái Hương cào cào, châu chấu, muôm muôm nhiều vô kể. Cứ như cả cánh đồng chúng dồn nốt vào mấy khoảnh cuối cùng. ở góc đồng sát gò Mã Giáng, anh Vương đang úp nơm uôm uôm, bắt cá. Cái anh này là tay sát cá hạng nhất ở làng. Có buổi chiều, ruộng cạn nước, anh cạy tiểu sành vỡ nắp bị chòi ra ở chân gò. Cá trê ở trong tiểu đựng xương cốt người, lúc nhúc béo vàng ươm. Anh thò tay vào gạt xương bắt từng con một bỏ vào giỏ. Sáng hôm sau, vợ anh Vương đi chợ sớm bán cá. Từ hôm ấy, nhà tôi không bao giờ mua cá của anh Vương. Sau này, cứ thấy cá trê kho trong nồi là nghĩ đến các giống xương, tôi nôn, nôn thốc nôn tháo. Anh Thằng cũng ra đồng gạt. Tay lâu lâu cầm liềm trông rất buồn cười. Anh gọi tôi: “Cô gì ơi! Tôi đi khắp nơi, nhưng về quê tôi vụng lắm. Cô dạy tôi cắt lúa nhé.” “Nó là Na. Thằng cứ tên Na mà gọi.” “à. Vâng! Na dạy tôi nhé!” Cái Hương nhay nháy mắt, trêu anh: “Có mỗi cái tên mà quên thì nhớ người nó sao được.” Tôi lại gần anh: “Anh nhìn em làm đây này.” Xoẹt. Liềm liềm đưa rất nhanh. Anh làm theo. Trời ơi! Cắt lúa mà như cò cưa, cò cưa. Tôi và Hương phá lên cười.

Anh gọi: “Cô gì ơi! à quên. Na ơi. Năm nay Na thi vào đại học gì.” Tôi bảo: “Em vào đại học tiếng Anh, gọi là Cay Đì.” “Lại có trường đại học ấy nữa. Tên lạ nhỉ?” Cái Hương lạnh nhạt: “Cay Đì tức là đi cày. Sao Thằng tò thế. Có vậy mà cũng không hiểu. Bố nó không cho đi học bắt ở nhà cày cày, đánh xe trâu, chăn dê. Nó đang buồn đấy.” Anh có vẻ nuối tiếc cho tôi: “Thời đại này là thời đại bằng cấp. Chỉ có học và học, học mới thoát khỏi đồng ruộng, con trâu cái cày. Cô gì không học, rất gay...” Càng nghe anh nói tôi càng buồn. Tôi buồn cho thân phận không thoát khỏi làng của tôi. Anh lại hỏi Hương: “Còn chị Hương, em thấy trên bàn chị toàn sách Địa lý, Văn học. Lịch sử Việt Nam.” “Mình muốn sau này làm nhà sử học.” “Chị Hương nên học toán. Thời đại này là thời đại toán, tin học. Chị có biết vì sao kinh tế Việt Nam mình thua kém thế giới không? Không à! Là vì Việt Nam mình không có một nền toán học cho ra hồn. Thời đại tin học kỹ thuật số mà chị còn ngồi nhai nhải Nguyên nhân thất bại của Cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh thế là không thực tế.” “Mỗi người một đam mê, Thằng thích tin học nhưng chị thích làm nhà sử học. Thầy giáo chị bảo: Làm dân nước Việt không biết sử nước nhà là không biết hồn nước. Thằng có biết ông tướng nào là Tổng chỉ huy đánh Điện Biên Phủ không?” Thằng ngậm ngừng: “Ông...ông... à mà em không biết thật.” “Không biết thật?” “Vâng! Ba năm học phổ thông trung học bên úc, người ta không dạy em học Lịch sử Việt Nam.” “Phải rồi! Thằng sẽ học lịch sử, địa lý, văn học nước úc chứ. Lại còn các môn khoa học xã hội và nhân văn khác? Thằng mang trong người văn hoá gốc nước Việt hay nước úc nhỉ?” Không ngờ cái Hương đáo để thật. Anh ngưỡng nghịu, hơi cúi người rồi bỏ liềm, giả vờ đi bó lúa; cũng lộn lộn sọt, lộn sọt, nhưng bước không vững, người cứ như sắp ngã. Đúng là giờ đây!

Anh bắt gặp bắp chân trần của tôi. Anh cúi ôm lúa và mon men đến gần. Anh dán mắt vào bắp chân trần trắng vấy bùn của tôi và cố tình cúi chạm tay vào. Người tôi tê tê, tay rơi cả nắm lúa đang cắt.

- Thăng bắt muồm muồm, cào cào đi. Gặt xong chúng mình đốt lửa nướng.  
Có lẽ cái Hương đã nhìn thấy anh vuốt bắp chân tôi? Anh Thăng nghe lời bỏ liềm, bỏ bắp chân tôi, đi chộp cào cào. Tôi và cái Hương thỉnh thoảng bắt được con nào đều vật chân bỏ vào mũ anh đang bưng.

Chất lúa lên xe trâu xong, tôi và Hương vợ rạ rơm khô người ta phơi ở gò Mã Giáng nổi lửa. Anh Thăng nghiêng mũ đỡ cào cào, muồm muồm vào. Râu, cánh, cháy khét, mỡ reo xèo xèo. Dập lửa bới tro, con nào con nấy bụng chín vàng, căng mọng. Hơi lửa làm mặt tôi và cái Hương đỏ hồng, mắt lúng liếng sáng. Anh Thăng nhìn tôi chăm chăm. “Thăng! Ăn đi nào.” Anh giạt mình: “Em không biết cách ăn.” “Na! Mà dạy Thăng, hộ tao.” Tôi hướng dẫn anh vật đầu muồm muồm, vật chỗ cánh cháy còn lại mà tay luống cuống quá. Vừa ăn vừa tán chuyện, ngón tay, miệng, cảm đũa nào cũng nhẹ nhem. Anh bảo: “Người nhà quê hay nhỉ?”

“Ồi giờ ơi!” - Suồm ... suồm. - “Người chế...ết...” Phía góc đồng sát gò Mã Giáng, anh Vương bỏ nơm chạy uồm uồm lên bờ. Sao lại có người chết nhỉ? Người cứng bóng vía như anh Vương mà còn hốt hoảng thế. Ba chúng tôi chạy đến. Anh Vương đã trấn tĩnh lại. “Trẻ con... trẻ con chết. ở kia kia. Tôi úp phải.” Cái Hương bảo: “Anh thử lật nơm lên xem nào. Có khi trông gà hoá cuốc. Cái bắp chuối nhà nào vớt cũng nên”. “Thật đấy! Xác trẻ con. Tôi thò tay vào trong quờ phải.” Anh Vương lại lội xuống rồi thò tay nắm cổ nơm nhấc mạnh. Một cái xác trẻ sơ sinh (một cái thai thì đúng hơn) nổi lên và cái tã đụp màu nâu lều lều. Thôi rồi! Tôi đã nhận ra cái tã cô Ném điên khoác mấy hôm trước đi gặt thuê cho nhà tôi. Hôm ấy, bụng cô mới lùm lùm, còn lâu mới đến tháng đẻ. Hay là cô Ném sảo non. Nhưng ai là người theo dõi cô sảo non và vùi cái thai chưa thành người xuống đồng? Cái Hương mặt rất đăm chiêu. Anh Vương đã điềm nhiên trở lại làm việc nghĩa. Còn anh Thăng mặt kinh hoàng bạc phếch, miệng lẩm bẩm: “Tối tăm quá. Dã man... dã man quá.” Buồn! Tôi lại nghĩ về những sinh linh ở làng: Nhỏ noi. Mong manh. Và bấy đây...

*Đi qua liêu trai đồng chiều!*

*Bỏ lại cuộc sống xô bồ, đập va*

*Tôi đi qua, anh đi qua*

*Hãy lắng nghe*

*Gió hoang đuổi nhau hú gọi những linh hồn.*

*Nức nở luân hồi*

*Một, hai sinh linh, cả ngàn sinh linh...*

*Các xô xinh tối tăm*

*Những lương tri man dợ*

*Đâu những vì sao, đâu ngọn nến cháy...*

Lại một buổi chiều. Một buổi chiều nữa đi qua. Tôi đánh xe trâu về đến cầu Lồng, dừng lại xem bọn trẻ con cắt cỏ, chăn bò đánh chát đánh chuyền. Những đôi tóc hoe vàng vì cháy nắng, những gương mặt sạm gió, những đôi mắt trong veo ngơ ngác. Cười và lại cười. Mắt lấp lánh dải que chuyền, tung quả găng.

*Chuyện chuyện một.*

*Ăn củ khoai*

*Chuyện chuyện hai*

*Thích con trai*

*Chuyện chuyện ba*

*Ra con gái*

*Chuyện chuyện bốn...*

Rồi lại:

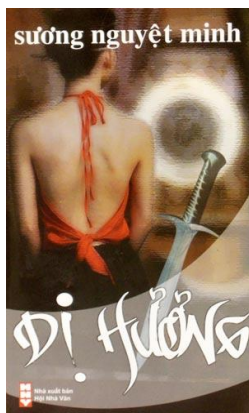
Về làng  
Phá cỗ  
Xa làng  
Xin ăn  
Đi qua đồng  
Về sang sông  
Một cây ngô đồng  
Hai cây ngô đồng  
Gần thì nhớ  
Xa là quên  
Về qua sông  
Đi qua đồng...

Xe ô tô tránh xe trâu của tôi và đỗ ở đầu cầu. Bọn trẻ con vội vã đứng dậy và dụi mắt tránh bụi. Cái Hương xuống xe chạy ngược về phía tôi: “Tối qua tao sang mày đã ngủ sớm. Tao đi Hà Nội đây.” “Mày đi thật à.” “Chú tao đánh điện về. Ra đó học ôn thì mới đỗ vào đại học.” Con Đen bị ruồi trâu cắn cứ dậm chân đòi đi, đuôi quất lên lưng đèn đẹt. Hai sừng cánh ná đánh cồng cọc vào ách vai. Anh đứng bên cửa xe, từ xa nói với đến: “Chị Hương cẩn thận. Cái sừng cánh ná con trâu kinh lắm.” Tôi lại hỏi: “Mày đi thật à?” “Ừ, tao đi nhá.” Cái Hương vội vã chạy quay trở lại. Anh kéo rộng cửa xe cho Hương vào. Vẫn bộ đồ hôm anh về đi nhờ xe trâu nhà tôi: Quần bò, áo thun có in hình con Känguru. Anh chui vào xe, thò đầu ra ngoài giờ bàn tay có những móng dài trắng hồng vẩy vẩy: “Cô gì ơ... ời! Tôi đi nhé.” Một đám bụi mù cuốn sau xe ô tô con.

Tôi ứa nước mắt. Tôi nhìn xuống dưới ngực, cảm giác có các ngón tay móng dài, trắng hồng của anh đang lũng sục trên bầu vú như đêm trước hiện về. Tôi tủi thân. Hoàng hôn đỏ ối một góc chân trời. Tôi đánh xe trâu về...

Gió thổi. Gió thổi miên man đi qua cánh đồng chiều. /.

## Sao lại bịa chuyện bôi xấu vua Gia Long đến thế? Trần Mạnh Hào



Tác phẩm *Dị Hương*

“Dị hương” là tên tập truyện gồm chín truyện ngắn của nhà văn quân đội Sương Nguyệt Minh do nhà xuất bản Hội Nhà Văn ấn hành năm 2009, vừa được giải thưởng chính thức của Hội

Nhà Văn Việt Nam năm 2010, từng được ông Hữu Thịnh và một số tờ báo lề phải ca ngợi hết lời.

Chúng tôi viết bài báo nhỏ này không nhằm phê bình cả tập truyện “Dị hương” của tác giả, mà cốt thông qua truyện ngắn “Dị hương” nhằm phê phán thái độ bôi bẩn lịch sử một cách vô lối của tác giả. Vả, tám truyện ngắn còn lại của tập truyện này thực ra chỉ là những truyện tầm tầm, không có gì xuất sắc để phải góp lời bình phẩm.

Truyện ngắn “Dị hương” ( là điểm nhấn quan trọng để cả tập truyện được giải thưởng cao nhất của Hội Nhà Văn Việt Nam) của Sương Nguyệt Minh nếu không được ông Hữu Thịnh ( Chủ tịch Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam kiêm Chủ tịch Hội nhà văn Việt Nam kiêm Bí thư Đảng Đoàn khối văn học nghệ thuật, kiêm ủy viên Hội đồng lý luận trung ương, ủy viên Hội đồng lý luận văn học nghệ thuật trung ương...) khen ngợi hết lời, đồng thời có nhiều báo lề phải ca tụng lên mây thì chúng tôi không phải làm phiền độc giả mà tung ra bài báo phê bình này. Nhân đây, chúng tôi cũng có lời cảm ơn nhà văn Trần Hoài Dương, người đã lên tiếng đầu tiên trên công luận trong một bài phỏng vấn với những dòng như sau về truyện ngắn “Dị hương”:

*“Trong “Dị hương”, Nguyễn Ánh hiện ra là một nhân vật rất xấu, có thể nói là thô bỉ, hiếu sắc, hiếu sát... Tôi không tin là một nhân vật như thế có thể dựng nên một vương triều...”,* giúp chúng tôi tìm đọc văn phẩm này .

Truyện ngắn này viết về hai nhân vật lịch sử là Chúa Nguyễn Phúc Ánh, tức hoàng đế Gia Long trong giai đoạn vừa chiếm được Phú Xuân từ tay quân Tây Sơn và bà vợ thứ ba của vua Gia Long là Lê Ngọc Bình ( con vua Lê Hiển Tông, em ruột công chúa Ngọc Hân, hoàng hậu của vua Quang Trung; Lê Ngọc Bình từng là hoàng hậu Tây Sơn, vợ vua Quang Toản Cảnh Thịnh). Trong truyện còn có một nhân vật hư cấu là Trần Huy Sán...

Truyện kể rằng công chúa Lê Ngọc Bình khi mới 13 tuổi đã đẹp mê hồn, ngọc thể thơm ngát một làn hương lạ (dị hương). Một lần Ngọc Bình đi tắm ở hồ Dâm Đàm (Hồ Tây) làm rơi chiếc yếm. Trần Huy Sán nhặt được chiếc yếm ấy và giữ mãi trong người, mỗi lần lấy chiếc yếm ra ngắm nghía làm thơm lừng cả trời đất. Trần Huy Sán mê công chúa Ngọc Bình thông qua chiếc yếm thơm phức của nàng. Rồi Sán bỏ Tây Sơn, bỏ Bắc Hà trốn vô Nam phò Nguyễn Ánh. Có lần Trần Huy Sán mang chiếc yếm của công chúa Ngọc Bình vào chầu chúa Nguyễn Ánh, khiến vị chúa chết mê chết mệt vì mùi thơm từ chiếc yếm nọ tỏa ra.

Nguyễn Ánh tranh hùng với anh em nhà Tây Sơn và cha con Nguyễn Huệ, khi chiếm được kinh đô Phú Xuân, Nguyễn Ánh đã bắt được tác giả mùi thơm mê hồn kia là Lê Ngọc Bình – hoàng hậu của vua kẻ thù Cảnh Thịnh ( Nguyễn Quang Toản). Nguyễn Ánh vừa nhìn thấy Ngọc Bình đã mê mệt mùi thơm lạ từ thân thể nàng tỏa ra, đến nỗi mất hết hồn vía. Ngay lập tức, vợ của vua bại trận Ngọc Bình đã ôm chầm lấy vị vương thắng trận để cả hai biến thành hoang dã vô độ y hệt Trụ Vương- Đát kỷ ngày xưa. Nguyễn Ánh phát hiện ra Trần Huy Sán đã xơi tái mùi hương lạ của Ngọc Bình trước mình, bèn chém đầu Sán. Ngọc Bình bị Nguyễn Ánh dày vò quá mức thành ra mất hết mùi thơm và lãnh cảm, bị chết thê thảm dưới bụng Nguyễn Ánh khi hai người đang giao hoan. Hết chuyện.

Truyện ngắn “Dị hương” của Sương Nguyệt Minh ra đời sau truyện ngắn “Kiếm sắc” của Nguyễn Huy Thiệp chừng hai mươi năm. Khi đọc truyện này, tôi hơi ngờ ngợ, sao nó có vẻ giống từ hơi văn, cách câu từ, cách dùng từ của Nguyễn Huy Thiệp thế? Tôi bèn đọc lại “Kiếm sắc” của Nguyễn Huy Thiệp và thấy cảm giác ngờ ngợ kia của mình không hề lầm lẫn. Xin độc giả xem ý kiến của tác giả Bùi Công Thuận (Đồng Nai) dưới đây do chúng tôi lấy từ Internet khi vào <http://google.com> gõ từ khóa : “Dị hương và kiếm sắc”:

**Ý kiến ngắn về DỊ HƯƠNG của Sương Nguyệt Minh**

**DỊ HƯƠNG vừa đạt giải của Hội Nhà Văn Việt Nam.**

**Mình đọc Dị Hương với cảm giác thất vọng không sao ngăn được.**



*DỊ HƯƠNG* sao chép cách viết của Nguyễn Huy Thiệp trong KIỂM SẮC, từ chủ đề đến nội dung, tư tưởng, cách viết và văn phong. Nhưng câu văn của Sương Nguyệt Minh thiếu hẳn chất văn chương. Bất chước câu văn Nguyễn Huy Thiệp nhưng câu văn của Sương Nguyệt Minh chỉ là băm bỗ dung tục. Bút lực của Sương Nguyệt Minh không sao sánh được Nguyễn Huy Thiệp. Nếu bút lực Nguyễn Huy Thiệp mạnh mẽ bao nhiêu thì bút lực Sương Nguyệt Minh èo ọt bấy nhiêu. Từ việc chọn bút pháp đến xử lý chi tiết, câu đối thoại và xây dựng tính cách nhân vật, *Dị Hương* của Sương Nguyệt Minh chỉ là bản nháp của *Kiểm Sắc*, bản đã bị Nguyễn Huy Thiệp vút vào sọt rác.

Trong sáng tác nghệ thuật, tối kỵ là sao sao chép. Nhà văn chỉ tồn tại khi anh là người sáng tạo. Thật tiếc cho một giải thưởng dỏm (vì đánh lừa lòng tin của độc giả) và tiếc cho một cây bút không tự đứng được bằng chính đôi chân của mình

Bùi Công Thuận

Hai mươi năm trước, sự ra đời vang dội của ba truyện ngắn lừng danh của Nguyễn Huy Thiệp là “Vàng lửa”, “Kiểm Sắc”, “Phẩm tiết”...và hàng loạt truyện ngắn tài ba của anh trên báo Văn Nghệ đã góp phần đổi mới văn xuôi đương đại Việt Nam, sao không thấy Hội Nhà Văn trao cho anh Thiệp giải thưởng nào? Nay lại giao giải thưởng cao quý nhất năm 2010 cho “Dị hương”- một truyện ngắn hầu như mô phỏng cách viết, mô phỏng chủ đề, ý tứ, hình tượng, hơi văn của Nguyễn Huy Thiệp một cách vụng về, thô thiển, thực là khó hiểu lắm thay...?

Hay có thể “Dị hương” đã viết theo định hướng của cấp trên: cần phải dứt khoát lên án Nguyễn Ánh Gia Long, kẻ đã được cấp trên dán cho nhãn hiệu “cồng rắn cắn gà nhà”, không để bọn “cấp tiến” phục hồi danh dự cho các chúa Nguyễn và nhà Nguyễn y như sự thật lịch sử đã diễn ra một cách khách quan, mà Hội nhà văn đã trao giải và hết lời ca ngợi “tác phẩm” này?

Chúng tôi xin độc giả hãy xem tóm tắt vài dòng về vua Gia Long theo từ điển mạng :

**Theo bách khoa toàn thư mở Wikipedia**

*Hoàng đế Gia Long (chữ Hán: 皇帝嘉隆 8 tháng 2 năm 1762 – 3 tháng 2 năm 1820) là vị hoàng đế đã thành lập nhà Nguyễn, vương triều phong kiến cuối cùng trong lịch sử Việt Nam. Ông tên thật là Nguyễn Phúc Ánh (阮福映 thường được gọi tắt là Nguyễn Ánh), trị vì từ năm 1802 đến khi qua đời năm 1820.*

*Là cháu của vị chúa Nguyễn cuối cùng ở Đàng Trong, sau khi gần như toàn bộ gia tộc bị quân Tây Sơn bắt giết năm 1777, Nguyễn Ánh phải trốn chạy và bắt đầu cuộc chiến 25 năm với Tây Sơn để khôi phục lại cơ nghiệp của dòng tộc. Sau nhiều thất bại lớn và phải cầu viện sự giúp đỡ của Xiêm La và Pháp, ông giữ vững được Nam Hà và đến năm 1802 thì đánh bại quân Tây Sơn, lên ngôi hoàng đế, thống nhất Việt Nam sau nhiều thế kỷ nội chiến.*

*Triều đại của ông được đánh dấu bằng việc chính thức sử dụng quốc hiệu Việt Nam với cương thổ rộng lớn nhất cho đến thời đó, kéo dài từ biên giới với Trung Quốc tới vịnh Thái Lan; thay thế các cải cách có xu hướng tự do của triều Tây Sơn bằng nền giáo dục và điều hành xã hội theo Nho giáo khắc nghiệt hơn; định đô tại Phú Xuân. Ngoài ra, ông còn là người mở đường cho các ảnh hưởng của người Pháp ở Việt Nam qua việc mời họ giúp xây dựng các thành trì lớn, huấn luyện quân đội và khoan thứ cho việc truyền đạo Cơ đốc. Dưới triều đại của ông, Việt Nam trở thành một thế lực quân sự hùng mạnh ở Đông Dương, cùng Xiêm La phân chia ảnh hưởng đối với Chân Lạp.*

Nguyễn Ánh khi mới lên 13 tuổi đã theo gia đình và chúa Nguyễn Phúc Thuận chạy giặc vào Nam khi nhà Tây Sơn đuổi theo truy sát. Tây Sơn đã giết sạch sành sanh hậu duệ của các chúa Nguyễn, những vị chúa có công lớn với dân tộc Việt Nam: mở ra gần một nửa đất nước cho Đại Việt. Chỉ còn sót lại một cậu bé duy nhất là Nguyễn Phúc Ánh chạy ra tận đảo Thổ Chu trốn sự truy bắt của Tây Sơn. Cậu bé, hậu duệ trực hệ duy nhất của chúa Nguyễn Hoàng và chín đời chúa Nguyễn ấy, nếu không có lòng dân Nam Kỳ che chở, đùm bọc, chắc chắn đã rơi đầu dưới kiếm Tây Sơn. Năm 17 tuổi, Nguyễn Ánh tập hợp binh mã để quyết giành lại giang sơn Nam Hà ( từ bờ sông Gianh đến mũi Cà Mau) do cha ông mình mở cõi. Suốt 25 năm,

trong trận thư hùng với ba anh em Tây Sơn: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ và con trai vua Quang Trung là Nguyễn Quang Toản (Cảnh Thịnh), Nguyễn Ánh đã chiến thắng. Công của vua Gia Long là thống nhất đất nước sau 300 năm chiến tranh loạn lạc. Công lớn hơn nữa của vua Gia Long và chín đời Chúa Nguyễn là mở rộng gấp đôi bờ cõi Việt Nam, phỏng có triều đại nào làm được hơn thế?

Vua Gia Long sau khi lên ngôi năm 1802 lần đầu kinh lý Bắc Hà đã thu phục được giới sĩ phu từng ần dật trốn quân Tây Sơn ra phò tá vị hoàng đế mới. Nếu vua Gia Long là một kẻ hoang dã vô độ, là một hôn quân bạo chúa, ngu xuẩn, bần thiù, lưu manh, bá đạo như Sương Nguyệt Minh mô tả trong “Dị Hương”, liệu một đại trí thức, đại thi hào dân tộc như Nguyễn Du có tìm đến và xin phò tá vua Gia Long chăng ?

Xin quý độc giả xem vài đoạn trích trong “Dị hương” mà Sương Nguyệt Minh đã phịa ra để bôi bẩn vị Hoàng đế đã có công thống nhất đất nước. Một Nguyễn Ánh tàn bạo vô song, máu lạnh, giết người như ngóe, hờ ra là chém, giết, say máu hơn cọp beo:

*“Ánh đưa một đường gươm.Chớp lóe sáng lên phạt ngang cổ thôn nữ. Máu đỏ phun lên như mạch nước ngấm hở miệng...Ánh lên đến đỉnh Ngọc Trán Sơn thì cũng kịp vung gươm phạt bay năm đầu thị nữ...”*

*“Mùi tanh của máu người, mùi khét lẹt của binh khí va chạm tụ lại thành mùi chết chóc ngấm vào da thịt Ánh...”*

*“Bao nhiêu cái đầu lăn lóc dưới đôi chân bôn tẩu của Ánh...”*

*“Ánh chợt nhìn thấy Sán cứ bần thần mê mẩn yếm thắm. Ánh lộn tiết, cho rằng Sán chơi trò ma thuật phù thủy, bèn quát lính lôi ra chém...”*

*“Ánh túm ngực áo găm lên...”*

*“Tội các người đáng chém...” . “Lần này Ánh chém thật...”*

Một bạo chúa tắm trong máu người như Sương Nguyệt Minh mô tả Nguyễn Ánh trên, làm sao được lòng dân Nam Hà che chở, đùm bọc, ủng hộ để khi mới 13 tuổi, một thân một mình chạy trốn giữa biển, không còn thước đất cắm dùi, lại có thể tập hợp được hàng triệu người ủng hộ, đánh bại được anh em nhà Tây Sơn hùng mạnh, giành lại giang sơn cũ do ông cha mình dùng xương máu tạo dựng lên?

Xin hãy xem “Dị hương” mô tả Nguyễn Ánh là một hôn quân dã man, suốt ngày chỉ mê đắm chuyện phòng the, kinh tởm hơn Lê Ngọc Triều ngày xưa trong chuyện hoang dã vô độ :

*“Cung tân qua đêm với Ánh, dù ngực hẳn đầy vết hồng đỏ của bàn tay thô ráp cầm kiếm, hai đùi đầy vết răng bằm tím...”*

*“Lòng Ánh nôn nao, không chịu nổi mùi gợi dục, cuống cuống cởi quần áo”...*

*“Mỹ nhân đột tử ngay dưới bụng Nguyễn Ánh...”*

Đây là cảnh Nguyễn Ánh rình xem Lê Ngọc Bình tắm :

*“Ánh bèn lẩn vào bên trong lùm cây, kéo cành lá, mặt đàn ra mê đắm nhìn mỹ nhân tắm...”*

*“Bóng Ánh đỏ dài kéo thành vệt đến giếng nước. Mỹ nhân vội khép hai đùi, một tay che hai trái tuyết lê căng mẩy, một tay che đám lông mu đen mượt. Thực ra mỹ nhân không cần phải hốt hoảng che đậy vì chòm đầu của Ánh đã đỏ bong đen trên ngực nàng...”*

Đây là cách Nguyễn Ánh cời xiêm y Lê Ngọc Bình theo kiểu thổ phỉ :

*“Ánh cầm gươm đưa những đường tuyệt kỹ như múa, nhẹ hơn gió thoảng trên long sàng.*

*Loáng một cái cắt nát xiêm y...”*

Không dám chép ra đây những lời quá thô bỉ khi tác giả tả chuyện ân ái giữa Nguyễn Ánh và công chúa Lê Ngọc Bình, hoàng hậu của Cảnh Thịnh, mới gặp Nguyễn Ánh là ô kê trai trên giá dưới liền, không một chút e thẹn, còn dạn dĩ và chủ động hơn một con điếm thập thành:

*“Hai người chìm vào biển ái ân nóng bỏng...”*

*“Ánh sướng quá tru lên như con ngựa hoang động đực...”*

*“Về Phú Xuân, Ánh óm liệt giường, lúc nào cũng chìm trong mộng寐 ân ái với nàng Ngọc Bình”  
“Gia Long lấy Ngọc Bình chẳng phải là yêu chiều cành vàng lá ngọc mà núp dưới chiêu bài tâm lý chiến bản thủ...”*

Nếu vua Gia Long chỉ lấy Lê Ngọc Bình làm trò tiêu khiển xác thịt như Sương Nguyệt Minh mô tả vì “chiêu bài tâm lý chiến bản thủ”, sao nhà vua lại phong Lê Ngọc Bình lên hàng hoàng hậu, là bà vợ thứ ba chính thất của nhà vua?

Trong lịch sử, vua Gia Long lấy Lê Ngọc Bình từ năm 1802, phong bà là “Đệ Tam cung”. Năm 1810 Lê Ngọc Bình mất vì trọng bệnh. Chỉ trong tám năm chung sống, bà đã sinh cho vua Gia Long bốn người con, trong đó có hai hoàng tử và hai công chúa. Vậy mà trong truyện “Dị hương”, tác giả mô tả bà sau khi giao hoan những ngày đầu tiên long trời lở đất với vua Gia Long, đã bị chất sắt máu và chất phàm phụ tục tử của Gia Long làm bà bay hết mùi hương lạ, thành ra lãnh cảm và bị chết dưới bụng vua Gia Long trong lúc làm tình! Thật là sự xuyên tạc lịch sử quá trắng tráo.

Trong sử, vua Gia Long là vị vua không hiểu sắc, càng không hề hoang dâm vô độ như “Dị hương” bịa chuyện. Xin xem từ điển mạng wikipedia viết về chuyện vua Gia Long không hề ư a chuyện phòng the cung cấm:

*“Ngoài các người vợ kể trên, vua Gia Long còn có gần trăm bà[180] phi khác là con của các quan tiến cung[181]. Để tránh làm tổn thương các quan, nhà vua không thể từ chối được việc dâng tiến này nên dù có tuổi ông vẫn phải nạp phi[181]. Hậu cung thường xảy ra xung đột và vua Gia Long tỏ ra không ưa thích chốn hậu cung như thế, có lần ông đã từng miêu tả việc này trong câu nói: “Chóc nữa trăm sẽ ở giữa một đám yêu phụ làm trăm đình tai nhức óc”[182] và câu đánh giá về phụ nữ của ông: “Trăm muốn sửa đổi lại cả thế giới, nhất là đàn bà, vì họ đều đáng ghê sợ hơn đàn ông”[183]”*

Nguyễn Ánh- vua Gia Long là một nhân vật lịch sử có thật. Đệ tam cung Lê Ngọc Bình là một nhân vật lịch sử có thật, sao tác giả “Dị Hương” lại bịa đặt một cách vô lối để bôi bẩn họ đến mức ghê tởm thế? Nếu một kẻ nào đó, lôi ông tổ của nhà văn Sương Nguyệt Minh ra để chửi bới thậm tệ như ông đã làm với vị Hoàng đế nước Việt Nam Gia Long, một người đã có công thống nhất đất nước, liệu ông Sương Nguyệt Minh có để yên hay sẽ nhảy dựng lên đòi kiện bọn vô cơ bôi bẩn ông cha mình ra tòa?

Nếu một kẻ cầm bút vì lý do tiến thân nào đó, tự nhiên lôi ông tổ của nhà thơ Hữu Thịnh ra vu cáo thậm tệ theo kiểu Sương Nguyệt Minh vu cáo tổ tiên của hoàng tộc Huế, liệu ông Thịnh có dám trao giải thưởng cho hay không?

Đảng này, vua Gia Long không chỉ là tổ phụ của hàng vạn con dân hoàng phái Huế đang sinh sống ở khắp nơi, mà còn là vị vua lớn của nước Việt Nam, đã sinh ra một triều đại lớn: triều Nguyễn, có nhiều ông vua yêu nước chống Pháp như Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân... thì phỏng các ông trao giải thưởng cho một tác phẩm yếu kém về nghệ thuật, lại sao chép truyện người ta, vu oan giá họa cho tầng tổ người ta bản thủ hết cỡ như truyện “Dị hương” kia, nhằm mục đích gì?

Sài Gòn ngày 30-01-2011  
© Đàn Chim Việt

## Đêm làng Trọng Nhân

Trời mãn chiều!

Tường về đến cây đa đầu làng. Mặt trời đỏ ối đang từ từ lặn xuống phía dãy núi Bạch Bát.

Những đám mây ẩn hiện, hình thù kỳ quái che khuất tia nắng cuối cùng trong ngày.

Trời xám dần.

Nhìn mặt trời vẫn rõ. Tường tạt vào quán nước dưới gốc đa. Chim đang bay về tổ. Lá cây lao xao. Chứa Cháy trầm mặc, im lìm. Những quả đa chín thỉnh thoảng rơi lộp bộp.

- Cháu cho chú dội nước.

Tường bắt chước giọng Nghệ Tĩnh. Anh bỏ mũ cối xuống chống tre hàng nước và tháo kính râm ra khỏi mắt. Cô bé ngược nhìn lên và giật mình. Tường thấy hai mắt cô bé mở to kinh ngạc. Bát nước chè xanh trên tay cô bé sóng sánh, tướt trên nắp hộp kẹo bột.

- Chú mời nước ạ!

Cô bé chớp chớp mắt. Cô đặt bát nước trước mặt Tường rồi rót thêm.

- Bà ơi có khách. Bà ra trông hộ cháu.

Cô gái đứng dậy cầm quyển sách vào trong rất nhanh. Tường chạnh lòng, tủi thân. Anh đưa tay sờ lên mặt: thô, ráp, xù xì. Đó là cảm giác của tay anh nhận được trên khuôn mặt đã chết.

- Chú bộ đội quê ở đâu ta? - Bà già còng lưng chậm rãi từ trong đi ra. Tường nhận ra bà Còm. Bà già nhiều và yếu, lưng còng hơn ngày anh ở nhà.

- Dạ! Cháu quê tận Nghệ An. Bà ở luôn đây à?

- Ấy! Trước bà ở trong làng, sáng đem ra bán, tối lại dọn về. Từ ngày thằng Cu Theo có giấy báo tử, bà yếu nhiều không dọn đi, dọn về được, nghỉ luôn ở đây. Đứa cháu lúc này đây, tối ra học rồi ngủ chung với bà.

Lòng Tường chợt se lại. Thế là thằng Cu Theo cái thằng cùng đơm lò để đó với anh thờ nhỏ đã hy sinh. Anh còn may hơn nó là ra khỏi chiến tranh, mang được tấm thân thương tật về nhà.

- Giời sắp tối rồi. Nếu còn xa cứ nghỉ lại quán của bà, sáng mai đi tiếp. Khổ thân các chú bộ đội vất vả.

- Cảm ơn bà! Cháu là bạn anh Tường làng Trọng Nhân đây bà ạ!

- Giời đất ơi! Quý hóa quá! Bom đạn đã ngừng năm sáu năm rồi. Làng này chết sáu, bảy chục. Đứa nào còn sống về cả rồi. Chỉ còn mỗi thằng Tường chẳng biết sống chết ra sao chưa thấy về mà cũng không có giấy báo tử. Chuyện này chú về là ông bà Tân mừng lắm.

- Đạo ni ông bà Tân có khỏe không bà. O Thương vợ anh Tường bây giờ ra rặng ạ...? - Anh hỏi liên tục.

- Ôi dào ơi! Già cả rồi! ì oặt luôn. Chú này, cái đám cô Thương ấy mà. Có khối đám đến dập diu đấy. Ông bà Tân chỉ ưng gả con dâu cho anh giáo Mười thôi.

Lòng Tường thất lại. Anh hoang mang. Tim anh đập loạn xạ. Phải về thôi! Về ngay nhà. Thương ơi! Tất cả hãy dừng lại. Anh đang về với em đây.

Tối chạng vạng.

Tường bước vội trên con đường lát gạch về làng Trọng Nhân. Hơn sáu năm đi xa, chắc bây giờ mẹ anh già lắm. Có già như bà Còm không. Anh đoán khác, mẹ anh có nhận ra không. Còn bố anh có còn đi làm thợ thùng đào, thùng đấu nữa không. Cái nghề ấy khổ lắm bố ơi. Và Thương nữa! Tường nhớ lại cây đa hai trăm tuổi đã nhiều lần chứng kiến tình yêu của anh. Ôi! Những giọt trắng lợt qua kẽ lá rơi xuống tóc, vai Thương. Mùi hương bưởi thoảng bay ra từ suối tóc mây. Anh rúc đầu vào ngực Thương. Tim Thương đập thình thịch. Ngực Thương đập dềnh, đập dềnh. Rồi Thương ngã vào lòng anh. Ngửa mặt lên trời, mắt nhắm nghiền. Tường đặt một cái hôn lên môi Thương nóng bỏng. Vũ trụ như chìm trong giấc mơ... Thương chợt bừng tỉnh, ánh mắt mơ màng nhìn lên thân cây và vòm lá. "ó! Anh ơi" - Thương ôm chặt lấy anh - "Em sợ lắm". Anh nhìn quanh. Một hình nhân mặt mũi dữ tợn, nham nhở đứng trong gốc cây đa. à - anh cười - "Ông ác. Tượng ông ác đấy. Em đừng sợ". Thương hỏi: "Sao ông ác ở đây?". "Kiểu nghịch này chỉ có thằng Cu Theo. Nó mang từ trong phủ thờ ra đây". "Anh ơi! Anh đừng là ông ác nhé". Anh cười: "Anh mãi mãi là chồng em"...

Tiếng vó trâu lồng lộp cộp phía sau lưng Tường. Anh dừng chân quay đầu trở lại.

- Họ... ọ...ọ...ọ.

Thằng bé giật thừng. Con trâu đen, to kình đứng lại trước mặt Tường. Thằng bé nhảy bịch xuống đường:

- Bà Còm bảo không lấy tiền nước, mừng tuổi chú - Nó nhét mấy tờ tiền lẻ vào túi cóc ba lô anh  
- Nhà cháu ngay cạnh ao nhà chú Tường đấy - Eo ôi! Thằng bé chọt thót lên - Chú bị thương à?

A! Thằng này là con anh Hạo đây. Ngày anh về phép nó còn nhỏ xíu.

- Chú bị thương! Cháu trông có hãi không?

- Cháu chỉ kinh thôi, chứ không sợ. Nửa đêm bắt cá khăm cháu vẫn đi qua gò Mã Giáng kia kìa. Bố cháu cũng bị thương nhưng không giống chú đâu. Bây giờ ghép hàm giả rồi.

Tường nhớ lại. Hôm Thương và anh đi chào hàng xóm để vào chiến trường. Anh Hạo đang nằm cho vợ bón từng thìa thức ăn. Hàm dưới của anh mất nửa, vêu vào, nhai cái nặng cái nhẹ. Tường vào, anh ngồi dậy chào và nắm tay Tường rất chặt.

Đêm nằm bên chồng, Thương bảo: "Em chỉ mong anh lành lặn trở về". Anh kéo vợ vào lòng ôm rất chặt...

- Đến nhà chú Tường rồi. Chú cứ vào đi. Cháu phải về đóng gióng trâu.

Tường giật mình. Mãi nghĩ, anh đã đi qua ngõ nhà mình mấy bước.

- Cảm ơn cháu!

Tường đứng trước ngõ. Nhà mình đây rồi. Tường reo to trong lòng. Ôi! Bao năm anh lặn lội khắp các nẻo chiến trường. Bao năm Tường sống trong nhớ nhung, khát khao, chờ đợi. Hình ảnh mẹ, vợ và cha lúc nào cũng đau đáu, khắc khoải trong tim. Giờ thì anh đã về đây. Về nơi

đã sinh ra anh, nơi anh lớn lên và ra trận.

Những con đom đóm lập lờ, lập lờ bay khắp mặt ao, trong vườn ngoài ngõ kéo tuổi thơ anh trở lại. Cây bưởi bên anh xào xạc. Anh chạm đầu vào lá, lá tỏa mùi hương cay cay đánh thức tuổi thanh xuân, một thời yêu sôi nổi. Lòng anh rạo rực. Những bước chân rất nhẹ, lảng lảng. Gặp mẹ như thế nào nhỉ. Anh sẽ chạy nhanh đến ôm chầm lấy mẹ. Không! Anh sẽ hìu hìu nhắm mắt, hai tay đưa về trước khi dò dẫm trong sân. Cũng không! Nhìn thấy, mẹ sẽ ngã mất. Phải rồi! Anh sẽ gập một chân lại, mặc quần rồi chống gậy tập tễnh vào nhà. "Ồi! Con tôi!" Mẹ kêu lên. Chợt mẹ khuyu xuống. Anh ôm chầm lấy mẹ. Nước mắt mẹ nhòe nhoẹt trên mặt, trên vai áo của anh. Mẹ nói như trong mơ: "Con ơi! Cu Tường ơi! Cái thằng hay mặc quần đùi thùng đít. Cái thằng hay đái dầm đây". Rồi mẹ rờ rẫm trên đầu, trên mặt, trên vai anh. "Vẫn còn nguyên, không xác xơ gì". Mẹ lẩm bẩm: "Nhưng sao mặt con gồ gề vậy. Lại còn cái chân nữa này". Mẹ nấn nấn cái đầu gối của anh. "Bố anh! làm u hết hồn. Có cả cái chân xuống không nào". Anh cười: "U ơi, U xem này". Anh bỏ ba lô xuống nhảy tưng tưng trước mặt mẹ. Mẹ vừa cười vừa lau nước mắt. "Cha bố anh có vợ rồi mà như trẻ con. Thôi mẹ đi dọn cơm nhé. Có món ốc nhồi luộc con vẫn thích đấy". Rồi mẹ tắt tả chạy xuống bếp. Ô! Mẹ! Mẹ của con. Bao giờ mẹ cũng lo con đói đầu tiên. Còn bố nữa. Anh sẽ đứng nghiêm: "Thưa bác lực điền. Con đang đeo hai huân chương chiến công trở về. Tựu lượng của bác dạo này thế nào ạ?". Bố anh cười rạng rỡ: "Cha anh chứ! Mẹ và vợ anh hết nước mắt". Còn Thương nữa! Anh sẽ đeo ba lô đứng chờ bên cửa buồng. Không! Anh sẽ nằm sẵn trong giường úp mặt vào trong. Thương mở cửa buồng bước vào. Em nằm xuống. Anh xoay người ôm chặt lấy Thương: "Anh đây! Tường của em đây!". Thương nhắm mắt như ở trong mơ. "Anh! Đúng là anh đây rồi! Mùi mồ hôi quen quen. Em không thể làm được". Anh ôm Thương rất chặt. Thời gian như ngừng trôi. Không gian như đặc lại. Mây đứng im và chim cũng ngừng bay. Tất cả đều chìm trong vũ trụ. Tĩnh lặng! Chỉ có tiếng thở gấp và nhịp tim dồn dập. Anh áp mặt vào ngực Thương. Em kêu lên: "Ồi! Anh Tường ơi! Bao năm em khát khao, chờ đợi". Anh hôn lên đầu, lên mặt em - Chợt Thương bừng tỉnh mắt nhìn anh trân trân: "Không! Không! Trái tim của anh nhưng còn gương mặt..."

- Chị Thương! Có tắm thì ào đi còn ăn cơm. Bà ấy không về đâu.

Tường bừng tỉnh. Đúng là tiếng bố rồi.

- Thầy cứ uống rượu trước đi. U cũng bảo con vài hôm u mới về.

Tiếng nói của Thương vẫn như xưa, dịu dàng và đằm thắm.

- Bố rất quý cái nét anh giáo Mươi. Anh giáo với con ở đây bố mẹ yên tâm lúc tuổi già. Anh giáo cũng giản dị, đã đi lính rồi nên dễ thông cảm.

Tại Tường ù đi. Chiến tranh. Xa cách. Mát mát. Chia ly và chiến thắng. Anh rùng mình nhớ lại: ánh mắt trở ra kinh ngạc của cô gái, lời bà Còm, tiếng kêu kinh ngạc của thằng bé, cái mặt ông ác, tiếng nói của cha. Lòng anh quặn lại. Ngôi nhà bỗng trở nên xa lạ...

Tường quay đầu, khoác ba lô đi ra đường. Tường vấp ngã. Anh luống cuống ngồi dậy. Nước mắt tự nhiên ứa ra. Anh cứ đi, bước thấp, bước cao, hẫng hụt.

- Kia chú! Làm tắt đèn của cháu rồi.

Tường đứng phải người. Lại thằng bé chặn trâu con anh Hạo. Anh lúng túng.

- Sao chú quay ra không vào nhà. Hay chú nhầm...

- Có lẽ rứa... à... không! - Tường lập bập.

- Ông bà ơi! Cô Thương ơi! Bạn chú Tường về chơi đây này - Nó vừa gọi to vừa kéo anh trở lại.

- Con chào bố - Anh lại nói giọng miền trong.

- Quý hóa lắm. Mời chú vào.

Bố anh nắm lấy hai vai anh lắc lắc rồi cầm lấy tay anh. Tường hơi rụt lại.

Nhưng bàn tay anh đã nắm gọn ở tay ông rất chặt.

- Mẹ cháu bảo biểu ông bà đĩa thịt gà. Cho nhà cháu vay bát muối.

- Đặt vào mâm cho ông. Còn muối ở góc bếp, xuống mà xúc, vay việc gì.

Thằng bé cầm bát chạy đi. Tường ngồi xuống chiếu. Be rượu voi một nửa. Cái chén hạt mít cạn khô.

- Con và anh Tường ở với nhau bảy năm trước cơ. Bây chừ con ở đoàn an dưỡng. Hôm nay trả phép. Nhân tiện tàu dừng ở ga Giành, con xuống rẽ vào thăm gia đình và anh Tường.

Bố Tường nói thủng thảng:

- Chú ơi! Im tiếng súng lâu rồi mà nó chưa thấy về. Chờ mãi, mong mãi. Tôi với bà ấy già yếu rồi. Trái gió trở trời không thể biết lúc nào được. Hôm nay chú về, tôi vừa vui, vừa buồn. Chú phải uống rượu với tôi.

- Bố ơi! Mẹ đi mô rồi?

- Bà ấy đi sang làng Quỳnh thăm chị gái thằng Tường mới đẻ. Vợ thằng Tường đang tắm. Khổ thân nó, con gái có thì.

Tường thấy lòng nao nao.

Thương ngồi trong nhà tắm, nước mắt rơi lã chã. Đã bao lần chị tiếp các bạn của chồng sau chiến tranh. Giờ lại một người nữa trở về. Một cuộc thăm hỏi mới. Cứ mỗi lần như thế nỗi đau của chị lại bùng lên. Người ta hỏi tin anh làm chị buồn lặng. ở cái làng Trọng Nhân đã lâu rồi, cứ mỗi bận báo tử là cả làng thành đám tang. Nhà nọ buồn lây sang nhà kia. Còn chị cứ thấy tim mình đập thon thót.

Thương vẫn nhớ mùi mồ hôi, mùi đàn ông quen thuộc của chồng. Những lời âu yếm, những động tác vuốt ve và kiểu nằm úp thìa nói chuyện của Tường sau mỗi lần ân ái cứ lần khuất trong đầu Thương. Nhưng tuổi xuân của Thương không trẻ nữa. Cuộc đời Thương ở phía trước còn dài. Thương không thể sống mãi trong nỗi buồn chờ đợi. Kỷ niệm một thời Thương sẽ giữ mãi, giữ mãi trong lòng. Thương đã từng nhớ nhưng, chờ đợi và thất vọng, nhưng Thương cũng nhiều lần xốn xang trước hạnh phúc của những cặp uyên ương mới. Tim Thương cũng đã từng rung lên trước những người con trai ngỏ lời cầu hôn. Đã có lúc Thương

ngần ngại bản khoăn, lại có lúc Thương sung sướng đi tìm hạnh phúc...

- Chị Thương tắm tấp nhanh lên. Ra ăn cơm để khách chờ.

Nghe bố gọi, chị tần ngần bưng chậu quần áo ra khỏi nhà tắm.

- Chào o Thương! - Tường vẫn nói giọng Nghệ An. Lòng anh quặn lại.

Thương lí nhí chào anh. Mắt Thương hoa lên, chị ngồi thụp xuống chiếu. Những đóm xanh, đỏ, tím vàng nhảy múa trước mặt.

- Chị Tường sắp cơm đi - Ông Tân hắng giọng.

Thương định thần trở lại, dụi dụi mắt:

- Anh bỏ mũ ra đi - Thương quay về phía ông Tân - Để anh rửa mặt cho mát đã bỏ ạ.

Thương múc nước mưa đổ ào ào vào chậu nước. Chị bưng đến đặt bên thành giếng.

Nước mát rượi. Mùi hoa bưởi thơm thơm. Tường nhặt một bông hoa bưởi đặt lên mũi. Anh vục mặt vào chậu. Tường cứ thế để vậy lâu lâu mới ngẩng lên rồi lại vục mặt xuống. Anh không nhớ ngày trước đã bao lần Thương múc nước mưa thả hoa bưởi cho anh rửa mặt, cho anh gội đầu. Đầu óc anh tỉnh táo đến lạ lùng. Anh nhìn ra phía bể nước, trong ánh đèn dầu hỏa, vợ anh đang nhấc cái nón mê thùng chóp ra khỏi vai sành gập từng quả cà pháo bỏ vào bát chiết yêu.

Bữa cơm nhà quê giản dị chỉ có canh cua, cà pháo, tôm rang lẫn với thịt lợn. Đĩa thịt gà rắc lá chanh thái chỉ của nhà anh Hạo cho là sang nhất. Ba người ngồi ba góc. Thương lặng lẽ đánh cơm. Nồi cơm mới ngạt ngào thơm nức. Anh nhai chậm chậm, nhắm nháp vị ngọt của canh cua nấu mướp ngấm vào tận kẽ chân răng. Cà pháo hơi chua, giòn làm anh ăn thấy ngon miệng. Có lẽ lâu lắm rồi Tường mới được ăn ngon thế. Đó là món ăn Tường thích nhất. Còn một món nữa mà Tường thích đó là ốc nhồi luộc chấm mắm ớt, gừng, lá chanh. Đạo ở nhà mới nghe thấy canh cua, cà pháo, tôm rang và ốc luộc là mắt anh sáng lên.

Từ lúc về đến giờ chưa lúc nào anh nhìn thấy vợ và bố rõ như lúc này. Thương không khác đạo trước mấy, nhưng hơi gầy và vẫn đẹp. Bố anh già thêm, nhiều nếp nhăn ở trán. Ông Tân vẫn nhâm nhi ly rượu và cái cánh gà. Thình thoảng ông lại hỏi vài ba câu chuyện về quê quán, gia đình và sức khỏe.

- Đạo ấy chú và thằng Tường cùng ở với nhau thế mà bây giờ chú về còn nó thì không. Nó cao bằng chú nhưng nặng đến sáu chục cân, chứ không còm nhom như chú đâu.

Thương không thể nào ăn được. Miệng chị đắng chát. Nửa bát cơm chỉ vơi được một ít. Thương chan thêm canh ăn cho qua bữa. Mùi mồ hôi quen quen lẫn quất với mùi lá chanh trong đĩa thịt gà làm cho Thương có cảm giác vừa quen vừa lạ. Chị xin phép buông bát. Thương vào giường nằm. Chị nhìn ra cửa sổ. Ngọn đèn dầu lấp lóa bóng hai người: một già, một trẻ. Thương khóc.

Ăn cơm xong, hàng xóm kéo nhau đến hỏi thăm. Nhà ồn ào. Anh Hạo bảo anh: "Cái mặt chú đừng bận tâm lắm. Dù sao chú với tôi cũng may hơn thằng Tường là còn được trở về". Chỉ có anh Hạo mới hiểu được nỗi đau này. Tường nói: "Cảm ơn anh!" Thím Giỏi, một người mau miệng nhất làng Trọng Nhân chen sát vào bên Tường, Thím bảo: "Chú lấy cô Thương, ở luôn



đây trông nom ông bà Tân là phải đạo". Anh Hạo gất lên: "O! Cái nhà chị này! Lấy anh giáo Mươi kia". Thím Giới cười bẽn lễn: "Tôi cứ tưởng chú ấy là giáo Mươi ở làng Quỳnh".

Mọi người về hết cũng là lúc ông Tân loạng choạng vì uống nhiều rượu. Tường đỡ ông đi nằm, Tường buông màn, anh nằm cạnh bố. Một lát ông Tân ngáy khò khò trên giường. Tường trần trọc không ngủ, anh thấy trong người bức bối. Đầu óc anh căng lên khó chịu. Từ lúc về đến nhà rất nhiều cảm giác khác lạ ùa đến trong anh. Lúc vui, buồn lẫn lộn, lúc xót xa, rạo rức...

Trong buồng, Thương trở mình liên tục. Tiếng dạt giường kêu cọt két. Thương tự nhiên mơ màng thấy Tường bay trong không trung. Chị đứng dưới gốc đa. Chị gọi tên anh. Anh hạ xuống, ngắt một cái lá đa đặt trên đầu chị. Anh bảo đó là mũ cô dâu. Thương bước vào phòng cưới lại thấy anh giáo Mươi đi bên cạnh mặc áo chú rể. Đêm tân hôn. Chị lại thấy Tường bế mình lên giường. Anh hôn lên tóc Thương. Rồi chị thấy mình ân ái với chồng. Anh nằm úp thìa cười với Thương. Thương hét lên. Đừng cười! Không! Không phải là anh...

Thương chợt tỉnh. Mồ hôi dịn ở trán lấm tẩm. Chị thấy tim đập loạn xạ. Thương đi ra ngoài sân.

Tường nghe thấy tiếng xối nước ào ào. Anh nhòem dậy, bước qua chân bố, chui ra màn.

Nửa đêm.

Trang hạ tuần treo lơ lửng trên cành cây. Trời sao lưa thưa. Không một ngọn gió. Vườn cây đứng im phăng phắc. Tường rón rén bước thật êm đứng bên bụi chuối sát nền giếng. Thương tắm! Anh khẽ kéo tàu lá. Cái áo mỏng của Thương dính bết vào người. Phụ nữ hay tắm đêm. Tường lảm bảm: ừ nhỉ! Ngày anh còn bé tí xíu, bố đi làm thùng đầu xa không về mẹ cũng hay tắm đêm. Thương múc từng gàu nước đổ rào rào. Đường như cơ thể Thương đang nóng bùng lên và nước lạnh dội ào ạt vẫn không dập tắt được ngọn lửa trong lòng Thương.

Tường nhắm mắt. Lòng anh cồn cào. Ngày ở nhà chưa bao giờ anh được nhìn trộm vợ tắm. Đứng thế này liệu có nên không nhỉ? Anh tự hỏi. Rồi anh mở mắt. Anh không tin ở mắt mình nữa. Ngực Thương để trần nõn nà lấp lóa dưới ánh trăng ngần. Gàn lảm! Anh bước thêm một bước.

Soạt! Tường vô tình kéo gãy tàu lá chuối. Anh lùi lại. Anh thấy Thương ngồi thụp xuống, hai tay ôm lấy ngực. Lại lặng im, chỉ có tiếng côn trùng rỉ rả trong đêm. Thịnh không yên ắng. Thương đứng dậy với chiếc áo khô. Đứng tần ngần một lát, Thương lại vắt áo lên thành nhà tắm. Lại xối nước, xối nước. Tường thấy ngực vợ căng lên. Lòng anh cồn cào. Bước ra thôi. Đừng hành tội mình nữa. Trăng cũng như đồng lóa, mờn man trên ngực trần của Thương. Tường nuốt nước bọt đánh ực. Anh bước ra.

- Tùm! - Tường sửng lại. Chiếc gàu nước vô tình rơi xuống giếng vẫn còn dùng dằng với dây buộc ở trên. Anh quay bước đi ra ngoài cầu ao. Tiếng xối nước vẫn còn đuổi theo anh rồi im hẳn.

Mặt nước ao loang loáng. Mây vẫn in trên đầu. Cá quẫy rền rẹt, tùm tùm. Mùa cá vật đẻ rồi. Ao nhà anh đặc cá. Từng đàn ăn nổi lên mặt nước.

Tường trở lại giường nằm. Ông Tân vẫn ngáy đều đều. Thịnh thoảng ông ú ó như người nói trong mơ. Anh chỉ nghe được âm thanh ngắt quãng: o...on...uơ...ương...ơ...oi... không thành tiếng. Hay bố đang mơ gọi tên anh. Tường thu mình nằm gọn sát lòng ông Tân. Anh thấy như mình đang ở tuổi ấu thơ. Một lát sau, Tường trở mình. Nhìn về phía cửa buồng, Tường thấy vợ

nằm nghiêng. ánh trăng lọt qua cửa sổ mờ mờ. Thương quên cài cúc áo. Dưới ánh trăng mờ ảo, Tường thấy lòng mình như có sóng. Thương đẹp! Đẹp hơn ngày trước rất nhiều. Lại nhỉ? Tường chưa hề có cảm giác này. Vô lý thật! Tại sao anh lại nằm bên bố. Không! Chỗ anh nằm trong kia mới phải. Tường nhồm dậy.

Rạt! Bố anh trở mình đạp chân trên chiếu. Tường ngập ngừng rồi lại nằm xuống. Tường mơ màng như mình đang đi trên chiếc cầu độc mộc cheo leo quá. Phía dưới là dòng sông màu mận chín. Phía trước là cánh đồng cỏ xanh ngút ngát. Anh ngoái đầu nhưng không nhìn được phía sau..

Quá nửa đêm.

Trời nổi cơn giông dần dật. Gió cuốn thốc những lá khô vào nhà. Tường dậy châm thuốc hút. Anh ra ngoài sân. Mặt trăng mờ vắt vả chui qua những đám mây đen, trắng chen nhau cuộn cuộn. Tiếng gió giống lẫn tiếng xay lúa ù dưới bếp. Cây trong vườn nghiêng ngả. Bụi tre kéo kẹt. Lá chuối phàn phật. Tiếng xay lúa quay cuồng hối hả hơn. Hai thớt cối nghiền vào nhau nghe khó chịu. Tường thấy vợ lại đổ thêm lúa vào xay tiếp. Tường đi lang thang trong sân, ngoài cổng, ra vườn và bờ ao. Cơn giông yếu dần. Trời dịu. Dưới ao cá vật đê dày hơn, vẫn rền rẹt, tum tùm. Tường quay lại vào giường. Anh thấy người dễ chịu. Một cảm giác nhẹ nhàng. Một lát sau Tường mơ mơ màng màng.

Gần sáng.

Thương gội đầu xong ngồi hong tóc ở bậu cửa. Đột ngột Thương đứng phắt dậy bỏ chiếc lược lên bàn. Chị vặn ngọn đèn dầu hỏa bằng hạt đỗ xanh cháy to lên. Căn nhà sáng bừng. Thương cúi người soi đèn, đọc những dòng chữ viết tắt và địa chỉ ghi trên nắp ba lô. Chị đứng lên thờ dài. ánh đèn soi qua lưới màn tuyền trắng mỏng. Thương giật mình. Bên cạnh bố một người đàn ông nằm úp thìa, mặt nghiêng gối trên hai tay đan vào nhau. Thương lơ mơ, nhớ những cảm giác ân ái của một thời. Chị đặt cái đèn xuống bàn, vặn nhỏ xuống. Thương với tay lấy chiếc áo tô châu bạc màu treo trên mắc. Chị nâng áo áp vào mặt mình. Mùi mồ hôi, mùi đàn ông quen thuộc. Đúng cái mùi quen quen mà suốt bao đêm rồi chị vẫn nhớ. Nước mắt Thương trào ra.

Trời sắp sáng.

Tường bừng tỉnh. Anh vặn ngọn đèn ở bàn to lên. Không thấy bố đâu. Nhà vắng lặng. Qua ánh đèn thấp thoáng, Tường bắt gặp mặt mình trong gương: nham nhở, gồ gề, méo mó, mất cảm giác. Một khuôn mặt biến dạng đến nỗi Tường cũng không nhận ra nổi mình nữa. Anh điên tiết ném luôn chiếc gương xuống đất. Mảnh kính vỡ vụn, sắc nhọn rắc trên nền nhà. Ông Tân từ ngoài sân đi vào thấy Tường đang ngồi thẩn thờ. Ông hỏi:

- Chú nhớ tay à? Không sao đâu, gương vỡ lại lành, chú đừng ngại.

Tường cúi xuống soi đèn nhật từng miếng kính vỡ:

- Bố dậy sớm rứa ạ? - Anh hỏi.

- Tôi hôm nào cũng thế. Chú đêm qua chắc không ngủ?

- Con lạ nhà.

Phía đằng đông trời rạng. Tường thu xếp ba lô.

- Chưa rõ mặt đường, chú ạ!

- Bố ơi! Con phải đi trước lúc trời sáng cho kịp tàu. Cho con gửi lời chào mẹ, chào o Thương. Chắc o Thương đang nghỉ.

Lúc này nấu cơm dưới bếp, nó bảo chỉ có bà nhà tôi là giữ được chú ở lại. Nó sang nhà giáo Mười mượn xe đạp đi làng Quỳnh đón bà ấy rồi. Tôi nói thế này không phải chứ. Tôi thấy dáng đi của chú rất giống thằng Tường nhà tôi.

- Có thể bố quá nhớ anh Tường đó thôi. Con chẳng hiểu rằng. Đêm ni cứ như ở nhà mình.

- Từ lúc hết men rượu, tỉnh dậy đến giờ tôi thấy lạ lắm. Hay chú cho tôi đi với.

- Lần này, con phải về bệnh viện điều trị phẫu thuật. Chào bố. Con đi thôi, sắp sáng rồi.

Biết không giữ được Tường, ông Tân buồn hẳn:

- Chú ơi! Dù thằng Tường thế nào đi nữa thì cũng cứ về đây nhé. Bố mẹ và con Thương đều mong như vậy. Ông Tân khóc.

-Vâng! Bố ơi! Nhất định con sẽ về.

Lòng Tường thất lại. Thế là anh cũng không gặp được mẹ. Tường lén lấy tay lau nước mắt. Anh bước ra khỏi nhà. Bố anh đứng cầm đèn, quét nước mắt nhìn theo. Anh bước đi như chạy. Trước mặt anh trời rạng sáng.

Trời rạng hẳn.

Con tàu hỏa xịch xịch nhả khói cuồn cuộn. Nó hú hồi còi dài gióng giả rồi đột ngột rùng mình từ từ chuyển bánh. Tường ngẩn ngơ. Thế là đã qua một đêm ở nhà, ở làng Trọng Nhân. Từ nay anh sẽ sống ra sao nhỉ. Đến bao giờ anh lại trở về nhà gặp mẹ.

Tường nhìn qua ô cửa tàu. Ba bóng người đang chạy từ làng Trọng Nhân ra ga Giành. Người còn trẻ chạy trước khá xa, hai người già chạy sau. Thỉnh thoảng vấp ngã, họ lại đứng lên chạy tiếp.

Tàu từ từ ra khỏi ga. Cả ba người đứng lại nhìn theo. Bỗng một người già ngồi thụp xuống ôm mặt. Tường không còn lòng dạ nào ngồi ở trên tàu nữa. Anh ném ba lô xuống đường rồi nhảy qua cửa sổ tàu hỏa. Anh cuộn mấy vòng và đứng dậy. Quên cả lấy ba lô, Tường chạy như bay về phía làng Trọng Nhân.

## Người đàn ông làng Yên Hạ

Tận trong sâu thẳm nỗi lòng của một người ngang tàng, bị xa lánh, vẫn cháy bỏng ước muốn lương thiện, được sống giữa tình thân ái của cộng đồng và muốn con cháu sống có ích cho xã hội. Hãy độ lượng bao dung với những ai lầm lỗi muốn trở về với cuộc sống bình thường. Đó là lời nhắn gửi của tác giả truyện ngắn "Người đàn ông làng Yên Hạ".

Hạ cầm côn về làng sau mười năm biệt tích.

Việc đầu tiên là Hạ đến nhà chị gái. Hắn muốn tính sổ với anh rể về những trận đòn ngày trước. Tiếc thật! Anh rể đã chết sắp đoạn tang. Hạ cúi tiết mang côn ra mộ phật trụ cổ. Người đàn bà góa khóc lóc van xin vẫn không ngăn nổi hắn.

Đêm khuya. Trăng hạ tuần treo lơ lửng trên dãy đồi Bạch Bát. Làng Yên Hạ im lặng chìm trong giấc ngủ sau một ngày lam lũ. Trong túp lều nát, người đàn bà góa vẫn rầu rĩ kể lể cho hắn nghe nỗi đoạn trường của chị. Hắn thở dài thườn thượt, có lúc bồn chồn, nóng ruột. Thì ra mười năm qua không riêng mình hắn lang thang, đói rách. Chị hắn ở nhà cũng sống khổ. Hắn thương chị, cảm lắm bọn sâu mọt làng Yên Hạ.

Hắn nhớ lại. Tuổi thơ vô khối những đòn roi. Cha mẹ mất sớm, hắn ở với chị gái cùng bố khác mẹ. Không may cho chị đã mấy kỳ sinh nở nhưng con cái đều chết yểu. Anh rể hắn chán, uống rượu say chửi nhà chị thất đức. Không thể chịu đựng mãi, hắn muốn bỏ nhà ra đi. Đi đâu? Hắn chưa biết, nhưng trước hết phải có tiền.

Đêm mùa đông gió rét tái tê. Hạ đóng khố lội qua ao mò vào chuồng lợn nhà cu Dục. Hắn đổ tro vào bao bố chụp vào đầu con lợn. Không kịp éc, chú ỉ choai choai đã chui gọn vào bao. Ngay trong đêm, Hạ vác con lợn đã chết ngạt đến bán rẻ cho cụ Trương Phòng, một người chuyên bán lòng lợn tiết canh ở chợ huyện.

Dắt bầy xu bạc bán lợn chết vào cặp khó, hắn vội vàng như ma đuổi sau lưng. Mưa phùn gió bắc tạt vào mặt rất dạt. Mặc, hắn bỏ làng ra đi. Tảng sáng, hắn dựng phải đường tàu. Hắn cứ dọc đường ray đi mà không biết vào nam hay ra bắc. Đến ga Ghềnh, gặp tàu hắn nhảy đại lên. Hắn là người đầu tiên ở làng Yên Hạ đi xe lửa. Năm ấy hắn mười ba tuổi.

Những hình ảnh chấp nối cứ liên tục hiện về. Đạo đó, Hạ sống tha hương, cuộc đời trôi nổi, vô định. Hắn lang thang, phiêu bạt, lúc ở trên tàu, lúc ở ga. Có thời gian hắn rong ruổi xuống Hải Phòng, sang tận Trung Quốc. Kiếm được thì ăn, không kiếm được, hắn chịu. Hắn làm đủ nghề, từ bốc vác thuê ở bến tàu, quét hồ tiêu, rửa bát cho hiệu phở đến móc túi. Khi hắn học võ Tàu để gác cửa cho một hiệu cao lâu thì hắn thấy trộm cắp vặt không xứng mặt một thằng đàn ông. Từ đấy cay, ngọt bùi đến khổ đau sung sướng, hắn ném cả. Cuộc đời cũng dạy cho hắn biết như thế nào là ân oán, nghĩa tình. Hắn có võ, có vàng, có gái... đủ cả. Duy chỉ có một thứ hắn luôn thiếu, đó là tình thương.

Trời sáng bạch. Hạ đã qua một đêm thức trắng. Chị hắn bưng lên một đĩa khoai luộc. Không bóc vỏ, hắn chén một lèo hết sạch. Tiện tay, hắn với chai rượu trên bàn tu ừng ực rồi cầm côn đến nhà Hội Dục. Chị hắn sợ níu lại. Hắn quát mắt: "Không phải việc đàn bà". Chị hắn run cầm cập, chấp tay cầu trời khấn phật phù hộ cho đứa em ngỗ ngược mới về làng không gặp chuyện dữ.

Nhà Hội Dục đang giỗ bố. Sân nhà cổ bầy la liệt. Khách khứa đang nhòm nhàoam bống ngừng nhai. Có người sợ đánh rơi đĩa Hạ. múa côn vun vút trước những con mắt sợ hãi lẫn thán phục của mọi người. Hội Dục ngừng tiếp ông Chánh tổng từ trong nhà bước ra. Với những thằng khác, chắc Hội Dục đã hô trương tuần gõ cổ lại. Nhưng với Hạ, ông xử nhũn. Ông biết đây là loại người chẳng vừa. Hắn đã đi biệt xứ mười năm. Phàm những thằng như thế ra đi mười thằng chết tám, chín, còn lại một hai trở về đều là những thằng kinh cả. Ông đang cần những thằng như thế. Và lại nhà ông đang có việc lớn, ầm ĩ lên xấu mặt nhà mình trước. Thôi thì ông cứ lui một bước. Ông tự tay rót chén rượu nếp đầy tràn mời Hạ. Thấy mình được vị nể trước khách khứa hàng tổng, hắn sung sướng xếp bằng ngồi uống rượu cùng đám tuần đình.

Hội Dục quả là tay không vừa. Những năm làm nghề thu thuế chợ, ông hiểu lắm cái cảnh đời nhốn nháo. Cái chợ là bộ mặt của làng, của tổng. Xấu tốt, gian manh, đàn độn, thẳng móc túi, kẻ đi buôn, người sắm đồ giỗ bố cứ ra chợ mà tìm. ở đời cũng thế, cũng có thẳng thế này, thế nọ. Phải cho chúng trị nhau rồi ông trị lại chúng. Thẳng tha hương như Hạ ông cần lắm. Vài hôm sau Hội Dục bàn với Lý Nguyễn cho Hạ làm Chánh trương. Mặc dù chẳng ư gì Hội Dục, lại càng không ư Hạ, nhưng chả đại gì dây vào thẳng đã từng biệt xứ. Lý Nguyễn đành phải thuận. Từ bấy giờ dân làng gọi hắn là Trương Hạ.

Công việc mới làm Hạ say mê. Hắn hình như quên chuyện trả thù và quyết định ở lại làng. Từ ngày hắn làm chánh trương, đêm hôm làng Yên Hạ im ắng hẳn. Đi tuần nơi đâu, Trương Hạ dẹp yên đấy. Có đêm hắn lôi về nhà Lý Nguyễn bầy, tám tên đánh bạc mà không tên nào dám ho hoe. Những nhà chuyên nấu rượu lậu cũng không qua mặt hắn. Còn mấy thằng chuyên khoét gạch chui tường ăn trộm thì dạt đi làng khác làm ăn. Hắn thường xuyên được ăn của dút lót.

Không nhà cửa, cũng không thềm ở nhờ túp lều rách của thẳng anh rể đã chết. Trương Hạ nhảy ra chiếm cứ một khoảnh đất hoang cạnh bến đò ngang. Trương Hạ cũng sắm một "chiếc đò nan". Những lúc không làm phận sự thẳng tuần, có người ới hắn cũng cầm chèo xuống bến.

Quả thật, đưa khách sang sông cũng là một thú vui mới của Trương Hạ.

Làng Yên Hạ có ông Nhất Cẩn giàu có nhất vùng. Không có chức sắc nhưng nhà ông giàu nứt đố đổ vách nên Chánh Tổng cũng vị nể. Ông thường xuyên để Trương Hạ lui tới uống rượu phần vì quý hắn tính khí hơn người, phần vì đánh tiếng để bọn lưu manh cách mặt đừng quá nhiều. Trương Hạ biết, hắn thấy mình cao giá lắm.

Nhất Cẩn có một người vợ bé nhan sắc. Ông rất yêu chiều. Tuổi sáu mươi, dù bồi bổ bao nhiêu ông cũng không làm thỏa mãn cả đàn vợ. Nỗi khao khát của người vợ bé bốn mươi tuổi như bốc lửa. Thị đã tìm được nơi trao gửi và Trương Hạ đã làm được cái việc của thẳng đàn ông thay Nhất Cẩn. Cuộc tình của gã trai tơ với người đàn bà sắp đến tuổi hờn xuân tưởng chừng không bao giờ dứt. Họ lén lút quấn quýt bên nhau, lúc ở bến đò, lúc trong vườn nhãn. Cuộc tình cứ kéo dài mãi trong vụng trộm. Hắn muốn cưới người đàn bà ấy làm vợ.

Những việc làm của Trương Hạ không qua mắt Hội Dục. Ông bảo hắn:

- Mày đã đi khắp nơi, ăn mề bát thiên hạ còn dốt. Việc ấy dễ như trò trẻ con sao mày không nghĩ ra.

Quả thật, Trương Hạ thạo mọi việc đời, nhưng tính khí thẳng băng. Những lắt léo, âm mưu, mách khéo chiếm đoạt, hại người, hắn không có. Nghe Hội Dục bày cho, Trương Hạ mừng lắm. Ngay trong đêm, một mình một cuộc, một mai. Trương Hạ đi đào mộ cha kẻ giàu có nhất vùng. Mộ cha Nhất Cẩn đặt trên gò Lý Ngư. Đất rắn chai tay, nhưng lòng ham, mê làm điều tai quái và tiếng gọi của ái tình đã tiếp thêm cho hắn sức mạnh. Gà gáy canh ba, Trương Hạ đưa hài cốt của cha Nhất Cẩn về giấu ở sau rừng. Sáng, Hội Dục sai người báo tin. Chẳng mấy chốc tin Nhất Cẩn mất mộ cha đã loang khắp chợ huyện. Biết tin, nhà Nhất Cẩn hoảng loạn, hoang mang. Là người theo Nho giáo, ông ngấm nỗi khổ nhục của kẻ mất mộ cha. Phen này mặt kiếp. Ông sai người dò la tung tích, nhưng cả tháng trời vẫn biệt vô âm tín. Lòng ông tan nát. Đúng lúc ấy, Trương Hạ xuất hiện. Hắn trách ông cậy nhờ người đi tìm, không báo hắn một tiếng. Nhất Cẩn mừng vui hết nỗi. U sầu, đau đớn quá, ông quên mất kẻ phải cậy nhờ chính là Trương Hạ. Hôm ấy, ở nhà Nhất Cẩn rượu ngon chầy như suối.

Nhất Cẩn trúng kế Hội Dục. Trương Hạ thực hiện kế sách khá thành công. Hắn nghi binh, giả bộ như sắp tìm được đến nơi, khiến Nhất Cẩn đêm ngày sống trong hy vọng. Trương Hạ biết thế càng kéo dài thời gian tìm kiếm. Cứ mỗi lần hắn đi tìm, Nhất Cẩn lại sai người mang rá xúc bạc cho hắn mang theo. Nhưng tiền bạc ấy chui vào túi Hội Dục quá nửa.

Một thời gian, Hội Dục sợ Nhất Cẩn u sầu quá quy mắt, hồng việc liên bảo Trương Hạ tung đòn cuối. Trương Hạ đến, mặt mũi phờ phạc, Nhất Cẩn chạnh lòng tưởng hắn vừa qua chặng đường gian nan vất vả. Hắn bảo Nhất Cẩn rằng đã tìm được hài cốt của cha ông. Nhất Cẩn vui mừng hết nỗi. Quả không nhầm khi ông "chọn mặt gửi vàng". Chờ cho niềm vui sướng của Nhất Cẩn vơi đi, hắn lễ phép thưa:

- Con không đòi hỏi gì. Con chỉ xin ông một điều.

- Ta coi mày như con cháu trong nhà. Cần cái gì cứ nói. Ta không tiếc.

- Thưa ông. Con trót dại phải lòng người vợ bé của ông. Chúng con trót ăn nằm với nhau và thị đã có bầu. Con xin cưới thị làm vợ.

Như tiếng sét đánh ngang tai, Nhất Cẩn không tin những điều vừa nghe. Mặt ông đang hồng hào tươi tắn bỗng tái xám. Một bên mắt vợ, một bên mắt mộ cha buộc ông phải chọn một. Người ta bảo "thứ nhất là bằng mắt mộ cha, thứ nhì buôn vĩa, thứ ba đi bè". Như vậy là mắt vợ không bằng mộ cha.

Từ lâu, làng Yên Hạ có lệ con trai lấy vợ phải nộp một ngàn viên gạch sành lát đường làng. Trương Hạ nghĩ đã là lệ làng phép vua cũng thua, hưởng hồ cái thân hắn một thời tha hương. Hắn sẽ lát đường làng, lát để cả làng Yên Hạ nhớ hắn. Tên tuổi hắn dân làng phải mang theo xuống mồ. Con đường từ nhà Nhất Cẩn vắt qua cánh đồng về bến đò ngang mới lát được non nửa. Phần còn lại, hắn thưa với các cụ bô lão trong làng xin lát nốt. Tính ra hết hàng chục vạn gạch và cả chục tấn vôi. Mấy tháng trời, các lò gạch, lò vôi ở bãi bồi sông Bút nghi ngút khói. Cả chục người đóng gạch, nung vôi, vào lò ra lò tấp nập. Dân làng Yên Hạ có thêm công ăn việc làm trong mùa giáp hạt. Nhiều người lác đầu lè lưỡi, không biết những năm tháng biệt xứ, hắn kiếm đâu ra nhiều tiền vàng thế. Nhất Cẩn thì chửi thầm trong bụng: Mẹ nó! Bầy danh bạc và phúc đức nhà ông ra lát đường. Dân làng ai có ghét Trương Hạ thì ghét chứ bằng ấy con người làm thuê chắc chắn sẽ hàm ơn hắn. Có kẻ còn hoảng lên mong hắn cưới vợ hai, vợ ba, vợ tư nữa.

Sáu tháng sau, mụ vợ hơn hắn gần hai mươi tuổi đẻ con trai. Đúng là "nòi nào giống ấy" không thể lẫn. Nó giống Hạ như đúc. Trương Hạ đặt tên con là Du. Hắn bảo: "Thằng này đến nữa cũng sống tha hương".

Không biết Trương Hạ có bao nhiêu tiền, vàng, nhưng người ta đồn hắn có nhiều lắm. Chỉ thấy hắn sống thừa ăn nhờ đình đám và những lần bắt bớ trong làng. Rất lạ, hắn không xây nhà to như ông Hội Dục, không tậu ruộng, tậu trâu như ông Nhất Cẩn. Hắn và vợ con chỉ ở trong căn nhà tre lá giữa vườn cây.

Trương Hạ sống hào phóng. Hắn chén ở nhà lý trưởng hay nhà chánh hội một bữa, hôm sau làm cỗ đáp lại luôn. Cỗ nhà hắn bao giờ cũng to hơn cỗ trước. Hắn còn có thú đi tuần ngoài đồng. Ngoài đồng bao giờ cũng mát mẻ thoáng đãng. Tầm mắt hắn nhìn xa tít tắp. Đi tuần trong làng bó buộc lắm. Hắn chán cảnh trong làng nước đọng đầy ao tù, cứt trâu nổi lều bều. Đường

làng bé tí tẹo, ngoằn ngoèo vào các hẻm sâu hun hút.

Một lần, hấn gặp cô Mạ, con gái ông thủ quỹ mặc váy cắm đầu vào bờ móc cua. Trương Hạ ôm mặt cô Mạ ép sát vào gối, người cong như con tôm, mông đít chổng ngược lên trời. Mười sáu tuổi, yếu ớt, cô Mạ không chống đỡ nổi tay trượng tuần lực lưỡng, giỏi võ. Cô Mạ rã rời, mềm oặt rũ xuống bờ ruộng. Bên hông cô hom giỏ bật ra. Cua đực cua cái bò lồm ngồm. Trương Hạ múa côn vun vút, phạt trụi một đám lúa. Hấn dọa: "Mạ làm âm ỉ tôi giết. Ngày mai tôi đến nhà hỏi Mạ làm vợ".

Ông thủ quỹ tức nghẹn cổ, chửi Trương Hạ "vuốt mặt không nể mũi". Sau ông nghĩ kiện cáo càng thêm khổ con gái mình. Hấn cũng có của nả, lại mượn người đến xin cưới tử tế. Ông đành cho hấn cưới con gái mình.

Cuộc đời Trương Hạ cứ thế trôi đi. Đến một lần đánh chén ở nhà Hội Dục, hấn say mềm nhưng vẫn cố về nhà. Bóng hấn ngất ngưỡng, xiêu vẹo đến túp lều của mẹ Lại bên gốc đa làng thì quy. Mẹ Lại sợ lắm. Mẹ tưởng hấn chết. Loay hoay mãi, mẹ vằn được hấn vào trong túp lều. Trương Hạ thờ hồng hộc, lăn lộn trên mặt đất. Mẹ Lại chạy vội ra ngoài vật một nắm búp dong riêng. Mẹ nhai búp dong ngồm ngoàm rồi nhả cả nước lẫn bã vào cái tô mè. Mẹ thò tay vắt bã, cạy miệng Trương Hạ đổ nước vào. Hấn tợp từng ngụm, nước lá giông riêng túa ra hai mép. Chưa kịp uống hết, hấn đã nôn thốc nôn tháo. Lẫn nhồn thức ăn chưa tiêu và nước, rượu ra đầy cái chiếu manh hấn đang nằm.

Nửa đêm, Trương Hạ tỉnh dậy. Hấn thấy mẹ Lại vét cám trong vại vỡ bỏ vào chã đất đặt lên mấy thanh củi đang cháy dở sao vàng. Mùi rượu, mùi thịt cá tanh tươi, chua nồng. Miệng hấn đắng ngắt, khô rát. Hấn cựa mình, mệt quá không dậy được. Im ắng quá. Thỉnh thoảng có tiếng thạch sùng kêu trên vách. Trương Hạ thấy buồn, một nỗi buồn mênh mông không cất nghĩa được.

Mẹ Lại đánh gió cho Trương Hạ. Hấn nằm im như trẻ nhỏ. Trương Hạ thấy dễ chịu. Hấn ước ao: giá mẹ hấn còn sống. Mẹ hấn cũng đánh gió đã rượu cho hấn. Hấn thêm có bàn tay săn sóc của người mẹ. Khổ thân hấn. Hấn lớn lên đã không thấy bố mẹ. Đi biệt xứ về, hấn làm chánh trương, người ta gọi hấn là Trương Hạ, nhiều người tưởng hấn họ Trương. Hấn thấy xót xa. Mọi người đều có mẹ, chỉ hấn là không. Hai mẹ vợ một già, một trẻ thật lòng thương hấn nhưng hấn vẫn thấy thiếu, thiếu một cái gì đó mà hấn không cảm nhận được. Giờ thì hấn hiểu, cái thiếu đó là tình mẫu tử.

Mẹ Lại vằn Trương Hạ úp sấp trên manh chiếu. Mẹ mím môi cầm nắm cám nóng gói bằng mảnh vải đụp cọ mạnh trên tấm lưng trần của hấn. Mùi cám rang cháy thơm thơm bay khắp túp lều. Hấn nhắm nghiền mắt sống trong ý muốn được nuông chiều, chăm sóc dưới bàn tay người mẹ. Hấn thấy biết ơn bà già ăn mày cô đơn gần bảy mươi tuổi đã cứu hấn sống lại. Thân phận mẹ nhỏ nhoi, thấp hèn nhất làng Yên Hạ. Mẹ đã nhiều lần được hấn bố thí và bị hấn xua đuổi. Cũng là một kiếp người! Hấn lang thang, ngổ ngược. Mẹ lần hồi ăn xin. Hấn cảm thấy thương hấn, thương bà già này. Trương Hạ không khóc mà nước mắt rơi lã chã. Vì đâu? Vì đâu nên nỗi thân này? Hình như lần đầu tiên trong đời, hấn rơi những giọt lệ nóng.

- Mẹ... Hấn nắm lấy tay mẹ Lại, giọng run run.

Sáng hôm sau, hấn đến nhà Lý Nguyễn trả lại chức chánh trương. Hấn lại sai hai mẹ vợ đến đón bà già về nuôi như mẹ đẻ. Mẹ Lại bỗng nhiên hết kiếp ăn mày. Mẹ sống thêm bảy, tám năm nữa mới chết và trở thành người thọ nhất làng Yên Hạ.

Từ ngày ấy, Trương Hạ ít giao lưu, đêm ngày sống với bến đò, sông nước, vườn cây. Chỉ khi nào nghe tiếng gọi: "Đò ơi", Trương Hạ mới vác chèo xuống bến. Tuy vậy, tên tuổi Trương Hạ vẫn không mất đi, vẫn vang lên tận hang cùng ngõ hẻm làng Yên Hạ. Trẻ con khóc, đem tên Trương Hạ ra dọa, chúng im bật. Trẻ chăn trâu vật trộm quả, đem tên Trương Hạ ra nạt, chúng run lập cập. Chuyện lớn, chuyện nhỏ trong làng xảy ra, họ đều ví như việc làm trước đây của Trương Hạ. Còn sống nhưng Trương Hạ nghiêm nhiên bước vào huyền thoại của làng Yên Hạ. Trẻ chăn trâu gọi bằng ông với tấm lòng ngưỡng vọng đầy khâm phục.

Cuối năm đó, đội cải cách về làng. Hội Dục và mấy người địa chủ khác bị bắn ở gốc cây đa làng. Trương Hạ cũng bị lôi khỏi vườn cây. Người ta luận tội Trương Hạ.

Trương Hạ chỉ có tám sào thổ, không thể quy nổi thành phần địa chủ. Lúc làm trương tuần, ông cũng đánh người, nhưng chỉ đánh bọn chơi bạc và ăn trộm. Cũng may không đứa nào chết, chúng chỉ lê lét hoặc học máu mồm máu mũi. Chẳng ấy, chưa thể khép tội ông là cường hào gian ác, có nợ máu với nhân dân. Mặc dù rất nhiều lần vì ông mà dân làng làm ăn khó bề yên ổn.

Cùng lúc đó, Du bị địa phương sức giầy lên trường tỉnh đòi về. Ông buồn bực vì nỗi thất học của con trai, nỗi lòng thêm nhức nhối. Cả đời ông thất học, tha phương, bỏ xứ. Lúc tìm về quê nhà làm lắm điều tai ách. Ông muốn sống nhân từ, dồn sức vào chăm chút cho con để trả nỗi đau đời. Không ngờ số phận vẫn chưa buông tha ông. Trương Hạ ngẫm lại sự đời và cảm thấy thời mình đã hết.

Chuyện đầu tổ đang hăng thì có lệnh sửa sai từ trung ương về. Ai cũng sợ Trương Hạ ra tay trả thù. Nhưng ông bảo "Vi thời thế, thế thời phải thế". Người đúng nhiều, nhưng cũng có kẻ "té nước theo mưa", "giậu đổ bìm leo"; thói đời xưa nay vẫn thế. Có người lương tâm không đến nỗi nào, nhưng vì học hành kém quá hoặc sợ hãi nghe người ta xui bậy làm càn. Không thèm chấp! Với lại, ít nhiều mình cũng có tí vết, cứ trắng như tờ giấy, ai thêm động đến lông chân.

Sau cải cách ruộng đất, rất ít người trong làng đi lại với Trương Hạ. Họ ngại đã đầu tổ ông. Năm sau người vợ già ông mất. Ông buồn, nỗi lòng thêm trống trải. Du được tham gia sinh hoạt thanh niên và dạy bình dân học vụ... Trương Hạ thấy thế không vui cũng chẳng buồn. Ông cũng không cấm đoán con trai tham gia công tác xã hội. Phong trào hợp tác xã về làng Yên Hạ. Ông chẳng thiết tha, mặn mà, nhưng cũng bảo vợ đem đồ góp vào hợp tác xã ngành nghề. Hàng tháng thu tiền đồ được vài chục đồng công điểm gọi là. Trương Hạ sống thu mình ở vườn cây. Suốt ngày ông cặm cụi ghi chép bằng số vốn chữ nho học mót ngày trước. Đêm ngày nghe tiếng sóng sông Bồ vỗ ì oạp ông sượng hơn nghe tiếng keng giục đi làm đồng của hợp tác xã.

Như một định mệnh sắp đặt sẵn, những ngày sinh hoạt thanh niên, cô Lự bí thư chi đoàn đã phải lòng Du. Hai người thương nhau được một năm, chuyện loang ra. Mẹ Lự gọi con gái lại chì chiết:

- Lão Trương Hạ năm thê bảy thiếp. Thằng Du "con nhà tông chẳng giống lông cũng giống cánh", tránh xa nhà ấy ra.

Ông Tam bảo con gái:

- Mày con nhà bần cố. Thằng Du con nhà thành phần, không hợp nhau. Phải cắt ngay kẻo hối không kịp.



Lự khóc. Cô giận mẹ, giận Trương Hạ, giận cả làng Yên Hạ.

Những chuyện gièm pha, nói xấu xung quanh mối tình của con cũng đến tai Trương Hạ. Chuyện thù oán mới dai dẳng làm sao. Mấy lần ông định mang con đi hỏi tội những kẻ nói xấu ông, nhưng lại thôi. Ông chép miệng: "Thời thế đổi thay rồi". Song ông lại bảo Du:

- Chúng nó là cành cây, ngọn cỏ. Cái làng Yên Hạ này chỉ bằng nắm tay tao. Cốt là chúng mày phải lòng nhau và nhất quyết thành vợ chồng. Sợ đêch gì thằng nào, con nào.

Quả thật, Trương Hạ không sợ. Cùng lắm là chết, nhưng cái chết ông cũng không ngán. Ông nghĩ dân làng Yên Hạ không ai có máu mặt để xứng với ông. Nhưng đến chuyện tình của con thì ông bất lực. Du chán đời, bỏ nhà đi mất tăm. Trương Hạ than phiền:

- Thằng này giống máu bố, khổ một đời con ơi!

Lâu lâu, người ta đồn gặp Du ở bãi đào vàng tận miền tây xứ Nghệ. Du bị bụng báng nước độc rồi chết. Người lại nói Du đi công nhân lâm trường, cả cơ quan chuyển vào thanh niên xung phong phục vụ ở tuyến trong Quảng Bình. Những lời đồn thổi thật hư lẫn lộn không biết đâu mà lần Trương Hạ không tin. Ông bảo: Thằng ấy chết không thể dễ thế được. Nó vào lính mới đáng mặt thằng đàn ông thời loạn.

Bụng cô Lự to dần. Cô than thân trách phận bao nhiêu lại căm Du bấy nhiêu. Du đã chạy làng, cô nghĩ thế. Với cô, Du là người đàn ông bội bạc. Du bỏ cô bụng mang dạ chửa trong nỗi khổ của người con gái hoang thai. Mẹ cô bảo:

- Đã sướng chưa con ơi. Tao biết ngay cái mặt bố con nhà nó.

Nhục quá, uất ức vì đưa con gái chửa hoang, ông Tam trối Lự vào cột nhà gột đầu bôi vôi. Trương Hạ biết tin cảm cơn đến:

- Chưa cưới hỏi, nhưng tôi coi nó như là con dâu. Ông không được phép làm liều.

- Vì bố con mày mà nhà tao khổ nhục. Ông Tam giận lắm cầm dao bầu xông đến. Trương Hạ tránh được đánh vắng dao. Trương Hạ bế luôn ông Tam đặt lên giường thờ rồi bảo Lự:

- Coi như ông ấy đã chết. Con chấp tay lạy bố con đi.

Ông Tam mất mặt với dân làng vì Trương Hạ làm nhục, lại xấu hổ vì đưa con gái không chồng mà chửa. Nghĩ ngợi nhiều, ông sinh ra ốm liệt giường. Sau vụ ấy nhiều người khen Trương Hạ, cũng nhiều kẻ chê ông, thậm chí còn chửi vụng ông quen thói côn đồ. Thực lòng Trương Hạ không muốn thế. Ông biết Lự và con trai ông phải lòng nhau thật. Giọt máu trong bụng Lự là của Du để lại. Có thể Lự sẽ đẻ con trai mang dòng họ nhà ông. Phải giữ lấy, phải bảo vệ. Đó là ý nghĩ đầu tiên khi biết Lự có chửa với con trai mình.

Lự bị gia đình hắt hủi, làng xóm chê cười, người yêu đi mất tích. Cô hoang mang không còn nơi bầu vú. Lự nghĩ đến chuyện ra đi.

Nắng chiều loang loáng ở mặt sông. ánh sáng yếu dần. Mây màu xám ảm đạm. Gió nồm không thổi nữa. Trương Hạ hò vợ quay mũi đò sang bờ bên kia. Ông chạy trước, vợ chạy sau đuổi theo bóng Lự đang cắm cúi trên bờ đê cao.

- Con đi đâu trong lúc bụng mang dạ chửa? Hãy ở lại ta lo.
- Thưa cha! Lạ đừng lại. Tự nhiên cô gọi ông bằng cha.
- Con không thể...
- Gia đình ta không ai ghét bỏ con - Giọng Trương Hạ tha thiết.
- Nhưng con nhục. Con không thể sống với làng.
- Ta biết gia đình con vẫn cố chấp với cuộc đời ta. Chẳng lẽ quá khứ của ta lại là nguyên nhân rẽ ràng duyên phận các con.
- Con không biết... Nhưng con phải ra đi. Con khổ lắm!

Lạ gục đầu vào vai bà Mai nức nở. Hai người đàn bà ôm nhau, bóng đổ dài xuống mặt sông.

Biết không thể giữ Lạ ở lại, ông bảo vợ và Lạ thôi đừng khóc. Ông lấy trong người ra một lá vàng Kim Thành cho Lạ. Cô nghẹn ngào, giắt lá vàng vào trong người rồi chụp nón lên đầu. Trương Hạ đứng cạnh người vợ nước mắt lưng tròng. Ông nhìn Lạ bước thấp, bước cao đi khỏi làng Yên Hạ. Lòng ông đau như cắt. Xa xa hoàng hôn đang lụi dần trên dãy đồi Bạch Bát.

Ba mươi năm sau. Bến đò ngang đã bắc cầu mới. Có một chàng đại úy mang phù hiệu không quân dừng lại ở đầu cầu. Anh hỏi thăm về làng Yên Hạ. Người ta bảo: cháu Trương Hạ trở về.

## Ngày xưa nơi đây là cửa rừng

Tôi xuống tàu ở ga Xếp.

Một mình một túi khoác, tôi leo đèo Eo Bát lúc mặt trời gác núi. Hoàng hôn miền rừng xuống rất nhanh. Gió núi rười rượi thổi. Lao xao, rập rờn lau lách hai bên đèo. Đèo Eo Bát bị xẻ toác ra. Đá hòn, đá lóp, đá gềnh bị bạt hết làm đường to. Tôi cố mường tượng tìm hình xưa dáng cũ của đèo... Ngày xưa nơi đây là cửa rừng. Chủ nhật, tôi thường theo mẹ gánh củ giang, khoác níp củ mài từ rừng đi qua đèo Eo Bát này về nhà. Hai bên đèo là đồi núi dựng đứng như thành, con đường mòn chạy chính giữa. Đường mòn chạy trên đất vàng sẫm lẫn sỏi, chạy trên gềnh đá, chập chùng gềnh đá. Đứng ở đỉnh đèo nhìn lên chỉ thấy trời xanh. Cửa rừng nhưng cũng là cửa gió. Quanh năm gió rừng hun hút thổi. Bên cạnh lối đi có một cây sồi già. Thợ sơn tràng thường ngồi nghỉ dưới gốc sồi lấy sức để vào rừng hoặc xuống núi. Bây giờ, cây sồi vẫn còn, gốc gân guốc, vỏ mốc thối. Cây sồi già đã chứng kiến khoảnh khắc bùng nổ, cuồng nhiệt của tôi và Sinh từ ngày xưa ấy, chứng kiến mọi đổi thay ở cửa rừng.

Đầm Vạc, đồng Cỏ ở bên này đèo. Bên kia đèo, rừng xanh miên man, điệp trùng tưởng như không bao giờ hết. Quê tôi miền bán sơn địa. Phía trên đèo Eo Bát là núi đồi - một phần Đông Nam dãy Tam Điệp. Phía dưới đèo Eo Bát, rải rác đồi hoặc núi đứng riêng lẻ ở đồng cỏ, đồng lúa. Qua sông Bến Châu, sông Bút mới đến đồng bằng kéo dài xuống tận biển. Xóm Núi của tôi nằm sát đồng Cỏ, bên này bờ đầm Vạc. Xóm Núi chừng hai chục nóc nhà, tường trình đất, mái lợp dạ hoặc bồi. Bên kia đầm Vạc có mấy bản người Mường nằm kéo dài dưới chân đồi con Rùa, núi Lò Vôi và đèo Eo Bát. Người Mường ở nhà sàn, mái lợp giang, sàn lát phen nứa. Lợn, gà, trâu, dê, ngựa thả rong, ngủ cả dưới gầm sàn. Mùa khô, đồng Cỏ áy vàng sơ sẩy một tàn

lửa là bùng lên cháy. Mùa mưa, đường mòn chi chít vết chân súc vật nuôi thả rông. Dân xóm Núi nuôi trâu, cấy lúa thỉnh thoảng mới đi rừng. Dân mấy bản Mường lấy việc đi rừng, chăn dê, ngựa làm kế sinh nhai.

Đạo ấy, có một doanh trại bộ đội ở bên kia đồng Cỏ, sát chân đồi con Rùa. Lính mới trẻ măng. Quân hàm đỏ chói. Sao bạc sáng lấp lánh. Quân phục xanh như lá rừng. Họ lấy vỏ quả bom bị mẹ làm keng. Lính trong doanh trại học tập, rèn luyện, ngủ nghỉ nhất nhất đều theo lệnh keng. Báo thức: keng. Ăn sáng: keng. Ra thao trường: keng. Lên giường ngủ: keng... Tiếng keng bộ đội quen đến mức dân xóm Núi và bản Mường nghe là biết mấy giờ. Ngày nào cũng nghe, nghe mãi thành thói quen của cả vùng. Sáng, nghe tiếng keng báo thức là tỉnh ngủ. Chiều tối, đang ở rừng nghe tiếng keng là bảo nhau về nhà. Đêm, nghe tiếng keng ngủ là vợ chồng con cái bảo nhau tắt đèn chai lên giường. Tiếng keng doanh trại lính đi vào đời sống sinh hoạt quê tôi rất nhuần nhuyễn, tự nhiên. Sau này, bộ đội rút đi hết, họ tặng doanh trại cho xã làm trụ sở Ủy ban. Tiếng keng không còn vang lên khi sáng sớm, lúc chiều tà nữa. Lòng tôi mênh mang, trống vắng vô cùng. Người dân quê tôi nhớ tiếng keng thao thức không ngủ. Đạo đó, đồi con Rùa là thao trường lính tập luyện. Lúc giải lao, họ giá súng và vật nhau, đùa vui hoặc ôm đàn ghi ta gảy, hát rống lên, ở bên này đầm Vạc cũng nghe được. Lúc đầu, trẻ chăn trâu, chăn ngựa lạ lẫm, sau thành quen. Chúng lân la, sán lại gần, ngồi chồm hổm hoặc nằm bệt xuống cỏ, chống tay lên má, há hốc miệng nghe hát. Tôi ở rừng về thỉnh thoảng gặp lính trẻ hành quân đi ngược chiều, họ trêu đùa làm tôi xấu hổ đỏ bừng mặt. Lính ở chân đồi con Rùa hay đi hành quân dã ngoại đường dài hoặc khoác đất rèn luyện. Hành quân dã ngoại đường dài thường đi rất sớm. Năm giờ sáng, báo thức. Một lúc sau, đã thấy họ khoác súng, đeo bao gạo, xẻng và ba lô xanh lá ngụy trang hành quân qua ngõ nhà tôi. Chiều tối họ về. Mũ cối nhấp nhô. Lá ngụy trang xanh rập rờn. Đội hình hành quân dài như con rồng đất, theo đường mòn quanh co, uốn lượn. Thỉnh thoảng anh thiếu úy đi cạnh hàng quân, lấy giọng hô to: Luyện vai trăm cân. Lính hành quân đáp lại: Luyện chân ngàn dặm. Anh thiếu úy hô tiếp: Thanh niên sẵn sàng. Lính hành quân đồng thanh ngân dài: Vào Nam đánh Mỹ...ỹ. Tôi cảm nhận được lòng mình xốn xang, náo nức. Lúc ấy, tôi ước ao là con trai, tôi sẽ khoác ba lô đi trong hàng quân ấy. Những người lính mới trẻ măng đến huấn luyện rồi lại đi, hết đợt này đến đợt khác. Họ đi đến những chiến trường xa lắc. Lính ở chân đồi con Rùa khổ nhất là lúc khoác đất hành quân rèn luyện. Mỗi người tự đan một cái sọt có ba chân dựng đất rèn. Đất lấy ngay cạnh đầm Vạc, nhào kỹ, nặn thành ba hòn và phơi khô: Một hòn đất mười lăm cân. Một hòn đất mười cân. Một hòn đất năm cân. Những ngày đầu lính mới chưa quen chỉ khoác hòn đất rèn mười lăm cân. Sau này, tùy sức khoẻ mà bỏ thêm hòn đất mười cân hay năm cân. Một tuần hai buổi khoác đất hành quân rèn luyện, đi theo con đường qua ngõ nhà tôi. Họ đi từ lá tối đến khoảng chín giờ đêm thì về doanh trại... Bây giờ, chiến tranh đã lùi xa. Doanh trại bộ đội ngày xưa mất hết dấu vết. Tất cả chỉ còn trong ký ức. Tôi thẫn thờ đứng trước ngõ nhà mình. Căn nhà cũ kỹ lợp rạ vẫn còn nguyên dáng hình. Tôi nghe rõ tiếng cối gạo nhần nha thóp... thóp... bên hàng xóm. Đàn dê nhà tôi mới đi ăn về đang nhẩy cõn trong sân đất tranh nhau vào chuồng. Cây gạo cổ thụ trong vườn xù gai vươn cành khẳng khiu lên nền trời đang xam xám tối. Lửa đỏ cháy bập bùng. Củi nổ lép lép. Mùi xôi nếp nướng ngào ngạt. Mẹ đang ngồi lúi húi đun bếp. Bóng mẹ tôi in trên vách đen sẫm.

- Bu ơi!

Mẹ bỏ que cời bếp, ngược lên trần trần nhìn tôi. Mẹ ngạc nhiên vì tôi về đường đột khi đã chập choạng tối trời? Một thứ tình cảm ruột thịt sâu thẳm trong lòng tôi trào lên. Lâu lắm rồi tôi mới có cái trạng thái tình cảm này. Tôi mếu máo:

- Bu ơi? Con đã về đây.

Mẹ tôi cũng ghen ngào. Mẹ quệt nước mắt:

-Mày cũng còn biết đường mà về, hờ Miên?

- Công nợ việc kia, bận lu bù, nhưng mà lúc nào con cũng nhớ bu.

Mẹ linh cảm tôi có chuyện không vui. Mẹ làm mặt giận, hỏi:

-Chồng con đâu mà mày dẫn cái xác về không?

Chỉ chờ có thể là tôi nhào vào lòng mẹ, khóc như trẻ nhỏ. Khóc vì buồn. Khóc vì vui. Khóc vì thấy lòng mình dễ chịu. Gần bốn mươi tuổi đầu, chỉ khi về nhà, tôi mới tìm thấy tôi, tìm thấy những ngày xưa ấm áp trong lòng mẹ.

Tôi thao thức hoài. Mẹ cũng lục tục dậy dỡ chỗ xôi đã chín. Tôi ra ngồi ở bậc cầu thang nhà sàn, nhìn lên bầu trời. Trăng miền rừng gầy và xanh xao hơn trăng thành phố. Sao thưa thớt, nhấp nháy không biết mệt. Trời đêm cao hơn, xa xăm, vời vợi. Cũng đêm trăng thế này hai chục năm trước, tôi đã gặp Sinh. Cuộc gặp bất ngờ, lạ kỳ cứ ám ảnh suốt cuộc đời tôi.

Hôm ấy, ăn cơm xong một lúc thì tôi đến khe Nước tắm. Mẹ bảo tôi: Tiện thể đem ống bương theo, tắm xong vác luôn nước về. Tôi dầm mình vào nước khe trong mát. Khe Nước chỗ cạn chỗ sâu, tôi bơi ra chỗ sâu thót vẩy vùng. Cơm mệt mỗi từ buổi chiều đi rừng lấy măng mát hẳn. Đêm vắng. Khe vắng. Và trăng thanh. Tôi ngây ngất mùi hương hoa dại, mùi cỏ nước thơm thoảng dưới trăng ngàn. Bỗng dưng, tôi bị chuột rút. Hai bắp tay co cứng. Không bơi được nữa, hai chân quẫy đạp tuyệt vọng, mỗi lần kêu cứu là nước ộc vào miệng. Người tôi trôi lên chìm xuống. Me... ẹ ơi? Cư... ưu con! tôi kêu mẹ trong lúc khốn cùng. Và một thoáng nghĩ đến cái chết lướt nhanh trong đầu.

Sinh khoác ba lô một mình đi qua khe Nước. Anh có mặt lúc tôi đang nghí ngóp sắp chìm hẳn. Sinh để nguyên quần áo lao xuống khe Nước vớt tôi lên. Anh vác tôi trên vai, quàng tay ôm chặt hai đùi tôi chạy. Đầu dốc xuống đất, nước trong bụng tôi ộc ra miệng theo mỗi bước chạy của anh... Sau này, Sinh kể như thế. Tôi thảm cảm ơn anh và ngưng ngưng, xấu hổ. Tôi hình dung tiếp theo lúc ấy, anh đặt tôi trên nền cỏ xanh. Anh cuống quít cúi xuống và hút nước trong miệng, mũi tôi. Đôi bàn tay anh cứng cáp quen cầm súng, cầm xẻng đào công sự gập gáp ấn mạnh từng nhịp lên ngực tôi, làm hô hấp nhân tạo. Không dám tưởng tượng thêm nữa, bởi tôi chỉ nhớ lúc đó tôi chỉ mặc bộ đồ mỏng mảnh trên người...

Sáng hôm sau, mẹ dẫn tôi đi tìm người lính đã cứu con gái mình. Doanh trại lính vắng tanh vắng ngắt. Cả đại đội hành quân dã ngoại chưa về. Bếp nuôi quân dã chiến khói xanh bay cuộn lên hình cây nấm linh chi. Thấp thoáng vài ba bóng quân phục đi ra đi vào doanh trại. Anh thiếu úy trẻ trực chỉ huy ở nhà chăm chú nghe mẹ tôi trình bày. Anh thiếu úy rất sững sốt, không tin chuyện đã xảy ra.

Sự thật vẫn là sự thật. Sinh là người cứu tôi, nhưng anh đã giấu cán bộ đại đội. Một tuần trước, bộ đội ở tại trại học chính trị. Chỉ có Sinh được tiểu đoàn giải quyết đi tranh thủ thăm mẹ ốm, tối qua về doanh trại rất muộn. Anh trình bày lý do về muộn hai giờ đồng hồ là do tàu chậm. Nhưng anh đã quên rằng: tàu về ga từ sáu giờ tối. Lúc điểm danh ở doanh trại vẫn nghe tiếng còi tàu tu tu. Đi lối tắt qua đèo Eo Bát về doanh trại chỉ hết một giờ đồng hồ. Không thể chậm hơn? Đại đội bắt làm kiểm điểm, thuyền chuyển xuống tổ nuôi quân và phạt bỏ củi một ngày. Tôi chạy vội đến chỗ Sinh đang bỏ củi. Anh cười trần, ngực vạm vỡ vòng lên. Mồ hôi nhễ nhại. Mặt đỏ bừng vì nóng. Cái vòng bạc tôi tặng đêm hôm qua, lấp lánh ở cổ tay anh. Tôi trào nước

mất. Thương anh đến nao lòng. Chỉ vì tôi mà Sinh đã nên nông nổi này...

Dạo ấy, tôi đang học năm cuối cùng bậc phổ thông. Sáng nghe tiếng kèn của bộ đội, tôi dậy ngay và đi bộ xuống trường huyện kịp bảy giờ học. Gần trưa, học xong lại lóc cóc đi bộ từ phố huyện về xóm Núi. Đi học, đi rừng, tôi không biết mệt là gì. Bạn bè bảo tôi đẹp. Cái đẹp của cô gái mười bảy tuổi. Mặt trái xoan, lúc nào cũng trắng hồng. Tóc cắt ngắn ngang vai. Ngực cao, đầy đặn. Eo thắt. Mắt tròn, to mở màng. Tính tôi vui vẻ, nồng nhiệt. Quen rồi thân, tôi và Sinh yêu nhau lúc nào không biết. Các buổi sáng chủ nhật bộ đội phải đi rừng lấy củi giúp anh nuôi. Buổi chiều được nghỉ, tôi và anh vào rừng, hoặc đi dọc khe Nước chơi.

Mẹ biết chúng tôi yêu nhau. Mẹ không ngăn cản, nhưng băn khoăn vì tôi còn trẻ quá. Mười bảy tuổi, tôi chưa học hết phổ thông. Chiến tranh không biết bao giờ kết thúc. Cha tôi đi bộ đội mười năm vẫn chưa về. Mẹ tôi sống những tháng ngày dài dằng dặc chờ chồng. Nỗi lo cho chồng nay thêm nỗi lo cho con gái...

Tôi lấy chồng. Chồng tôi chưa một ngày biết đến chiến tranh. Thời trai trẻ của Sinh là ở rừng núi và chiến trường. Chồng tôi sống rất hiện đại, là người thành đạt, kiếm nhiều tiền.

Đêm tân hôn, tôi đã quỳ xuống trước mặt chồng, xin tha thứ. Anh diu tôi dậy và ôm chặt vào lòng. “Anh yêu em là yêu con người em đang ở trước mặt anh đây. Tôi thành thật: “Anh hãy cho em thời gian”. Và tôi đã kể lại mối tình với Sinh cho chồng nghe. Chồng tôi bảo: “Anh biết em vẫn còn nhớ đến Sinh”. Tôi luôn thành thật với chồng: “Vâng! Em chưa thể quên ngay được. Nhưng anh đừng ghen với người đã chết”.

Tình cờ, chồng tôi bắt gặp cuốn nhật ký của Sinh, và cái vòng bạc tôi tặng Sinh đeo tay ở chiến trường. Người ta vất vả lắm mới đem được hai di vật ấy từ chiến trường ra đưa lại cho tôi theo lời Sinh nhắn trước khi chết. Đến lúc này thì chồng tôi làm âm lên. Chồng tôi yêu cầu không để bất cứ cái gì liên quan đến Sinh trong đầu tôi và cả trong nhà nữa. Để cứu vãn cuộc hôn nhân có nguy cơ tan vỡ, tôi hứa làm theo ý chồng. Từ đó căn nhà bình yên, và chồng tôi yên lặng, không hề dă động đến chuyện cũ. Tôi cố xoá hình ảnh Sinh trong đầu nhưng không xoá được.

Tôi vẫn nhớ như in cái buổi tối định mệnh ấy ở cửa rừng, ở dưới gốc cây sồi già. Linh cảm trong tôi đến từ cuối buổi chiều. Doanh trại bộ đội không có tiếng kèn ăn cơm, không có kèn đi ngủ tối. Có chuyện rồi! Trong lòng tôi như có lửa đốt. Nôn nao không chịu được tôi liền chạy một mạch đến doanh trại của Sinh. Tối om, chỉ một vài chỗ thấp đèn chai tù mù thấp thoáng bóng người. Họ là những người lính được phân công ở lại coi doanh trại. Tôi hỏi thăm. Một người nói nhỏ: “Đi rồi! Đi hết rồi!”, và bảo tôi về để họ đóng cổng doanh trại. Trống ngực to hơn trống làng, tôi bưng mặt khóc. Sinh đi rồi! Sinh đi như những người lính trẻ đã từng đến đây tập luyện rồi lại đi chiến trường.

Chạy ra ga Xếp. Tôi chạy, chạy cuống quýt. Gió thổi hai bên tai. Đá sắc, gai đâm dưới chân đau nhói. Tôi vẫn chạy, chạy lối tắt qua đèo Eo Bát. Cửa rừng hun hút gió. Một bóng người cũng đang huỳnh huých chạy ngược chiều. Chúng tôi nhận ra nhau. Tôi đổ nhào vào lòng Sinh. Sinh thở dốc, nói:

-Đơn vị anh hành quân đi vào Nam.

Tôi thấy mình bị bỏ rơi. Tôi oan ức, tủi thân, đấm liên hồi lên vai, lên ngực anh:

- Sao anh không báo cho em.

-Anh cứ tưởng hành quân tập luyện như mọi khi. Ai ngờ, đến ga Xép, họ phổ biến lệnh hành quân vào Nam. Đơn vị đang chờ tàu, anh gửi ba lô và trốn khỏi sân ga chạy về.

Lạy trời đất, thần linh phù hộ? Các đảng linh thiêng đã chia đôi quãng đường để Sinh chỉ phải chạy một nửa, còn tôi đỡ cho anh một nửa. Chúng tôi đã gặp nhau ngay cửa rừng, giữa đèo Eo Bát. Sinh thở hổn hển:

-Em chờ...ờ anh nhá!

-Vâng! Bao giờ anh sẽ về?

- Nhanh thôi! Cùng lắm là sang năm. Không! Sang xuân anh sẽ về.

Tôi gục đầu vào bộ ngực nở nang, vâm vấp của Sinh. Sinh vòng hai tay ôm chặt lấy tôi. Mùi mồ hôi quen thuộc. Ấm áp. Dễ chịu. Rồi tôi thấy người mình nóng ran. Lồng ngực căng cứng tưởng như nghẹt thở. Chúng tôi quấn vào nhau dưới gốc cây sồi già. Bên ngoài: Gió vẫn thổi. Ngàn lau phơ phất. Chim rừng đi ăn muông đang về thẳng thốt kêu. Và cây sồi già oằn mình rung lá. Chúng tôi buông nhau ra khi tiếng còi tàu tu tu từ ga Xép vọng đến. Sinh hét hoảng: “Anh phải đi kẻo chậm mất”. “Cho em đi theo với.” “Không được đâu!” Sinh bắt tôi phải quay về. Tôi không chịu. Lúc ấy, tôi chỉ muốn đi theo anh cùng trời cuối đất. Sinh chạy trước, tôi chạy sau, thỉnh thoảng anh dừng lại chờ tôi. Chúng tôi đến ga Xép thì bộ đội đang lục tục lên tàu. Sinh nhào lên cửa tàu trong tiếng càu nhàu của bạn và tiếng quát tháo của một người chỉ huy.

Con tàu chở toàn màu xanh rừng mình từ từ rời ga. Tôi lật đật chạy theo. Sinh ngoái đầu ra khỏi ô cửa tàu hoả: “Miên... Miên ơi! Sang xuân anh sẽ về!” Tôi cuống quýt: “Vâng! Anh Sinh ơi! Em chờ anh?” Tôi thần thờ nhìn con tàu xuôi về Nam. Con tàu đang chở Sinh và đồng đội của anh đi chiến trường, không biết ngày trở lại. Tôi rưng rưng nước mắt. Bất chợt! Tôi thấy rất nhiều cánh chim trắng loang loáng chao liệng bên con tàu. Bao nhiêu lời chúc tụng, lời nhắn gửi, lời hát... của những người lính trẻ trên tàu mà tôi nghe không rõ. Tôi đứng nhìn theo đến khi con tàu vào Nam khuất hẳn. Sân ga và dọc đường tàu trắng xoá những cánh chim trắng vừa rơi. Những người đi đường cúi xuống nhặt. Tôi cũng cúi xuống nhặt. Hoá ra là thư của những người lính trẻ viết vội vàng từ biệt gia đình, người thân. Nhiều phong thư chưa kịp dán tem, nhiều lá thư chưa có phong bì. Tất cả đều viết nguệch ngoạc, vội vàng và nhờ người đi đường gửi hộ...

\*\*\*

Tôi ra ga Xép trở về thành phố. Mẹ tiễn chân tôi đến cửa rừng ngày xưa. Mẹ tôi bảo: “Bu biết mày nặng lòng với ngày xưa quá, Miên ạ. Tết nhất đến nơi rồi. Về với chồng con. Đừng lo cho bu.” “Vâng! Thôi bu về đi.”

Tôi lại về với chồng. Tôi về với con tôi. Tôi sẽ kể hết cho chồng tôi nghe rằng: Ngày ấy tôi đã xin tiền của mẹ mua tem và phong bì. Tôi đã nằm bò trên sàn nhí nhóáy ghi tên người và địa chỉ nhận thư. Tôi đã gửi giúp những người lính trẻ không biết bao nhiêu lá thư tới gia đình, người thân của họ. Tôi thần thờ đi bộ qua đèo Eo Bát. Tôi ngồi nghỉ dưới gốc cây sồi già. Ngày xưa lại rưng rưng hiện về. Ngày xưa ơi? Ngày xưa nơi đây là cửa rừng. Cửa rừng hun hút gió. Gió thổi. Gió thổi hoài. Tôi ngước nhìn lên. Cây sồi già đang trở mình rung lá.

Tam Điệp. Ngày mở cửa rừng.

\*\*\*

## Phụ đính:



## Mười hai bến nước

Tôi lấy vợ mới cho chồng.

Một chuyện lạ chưa từng xảy ra ở làng Yên Hạ. Cô dâu là bạn thân của tôi đã quá lứa lỡ thì. Cô ấy đang cần tấm chồng và khao khát một đứa con hợp pháp. Tôi làm bà mối, tôi cùng nhà trai đi ăn hỏi, đi xin cưới, đi rước dâu.

Đám cưới có vui, có buồn, có sượng sùng. Và đúng lúc cô dâu mới vào buồng hạnh phúc thì tôi lặng lẽ ra lối cửa sau đi tắt qua vườn. Túi đồ ôm vào lòng, vừa đi vừa khóc, tôi chạy cùn cụt ra bến nước, ới đò sang sông về nhà với mẹ.

Người ta ví : Con gái mười hai bến nước. Tôi khổn nạn hơn những người đàn bà khác. Tôi những mười ba bến nước.

Tôi sinh nở lần đầu vào một buổi trưa.

Tháng năm âm lịch, cuối vụ gặt, tôi đem cơm ra đồng cho thợ. Cào cào, muồm muỗm dồn đến đám lúa cuối cùng nhiều quá. Thợ gặt bỏ liềm hái vồ tới tấp. Tôi cũng đập gốc rạ lợi sọp sọp đến chộp. Tự nhiên, bụng đau lâm râm, rồi cồn lên đau dữ dội. Tôi vội bỏ nắm cào cào đã vặt càng vào nón và ôm bụng. Chưa kịp lên bờ thì ối vỡ, nước ối chảy ướt sũng hai ống quần. Tôi ới chồng. Anh bỏ đơn lúa đang bó dở, hốt hoảng chạy đến bế tôi lên bờ. Mẹ chồng tôi quýnh quáng sai đứa cháu gọi bà đỡ đỡ. Nhưng không kịp, tôi đẻ ngay trên bờ ruộng ẩm ướt ngổn ngang lúa tươi và cuống rạ vừa cắt.

"Ồi giời cao... đất dày ơi...ời !" Mẹ chồng tôi gào lên và xỉu ngay bên đơn lúa. Tôi chỉ kịp cố gồng sức ngẩng lên nhìn xuống giữa hai háng mình, rồi ngật đầu sang một bên.

Mãi mãi, không bao giờ tôi quên được tiếng mẹ chồng kêu và cái cục thịt tôi đã đẻ ra ấy. Mẹ chồng tôi líu lười, giọng hoảng loạn, kinh hoàng. Cục thịt đỏ hồng chỉ có cái miệng tròn tối om, há ra ngậm vào như cá mắc cạn ngập lúc sắp chết. Thợ gặt chân tay xước sát lấm bùn đất, đứng, quỳ châu quanh tôi. "Về lấy cái liễn sành, bỏ **NÓ** vào đem đến gò Mã Giáng mà chôn." Tiếng người láo pháo. "Đừng... Đặt **NÓ** lên bè chuối cho trôi sông." Và xa gần bước chân đập trên gốc rạ lẫn tiếng lợi nước gấp gáp ọp ọp.

Tôi không ra khỏi nhà. Lúc nào mắt cũng đỏ hoe. Chồng tôi ít nói. Anh làm lì, nâng giắc, săn sóc tôi như chăm bẵm con nhỏ. Mẹ chồng tôi nhìn con dâu tiều tụy quá, nước mắt bà ứa ra. Mẹ chồng rất thương tôi, mẹ chồng nàng dâu mà y như mẹ đẻ và con gái. Tôi vừa nấc vừa nói, giống hết đứa bé gái ngoan bị đòn oan :

- Bu ơi ! Sao ... con... đến nỗi này ?

Mẹ chồng tôi thờ dài :

- Nhà ta đời đời ăn ở hiền lành, có ác với ai bao giờ đâu mà để tội để nợ cho con !

Chồng tôi đang xách siêu thuốc bắc. Anh giật mình, đánh rơi bộp xuống nền nhà. Siêu vỡ, nước thuốc vàng sẫm chảy lênh láng, hơi nước bốc khói mù mịt.

Tôi thường mất ngủ. Trong giấc mơ đêm tối trời, tôi thấy đám thợ gặt đội nón mê, ngồi bệt xuống cỏ hút thuốc lờ mờ cho **Nó** hết ngập. Rồi họ bỏ **Nó** vào cái liễn sành màu da lươn, đập nắp đem đến gò Mã Giám chôn. Lại có đêm tôi mơ thấy **Nó** trên bè chuối thả trôi ở bến nước sông Hoàng Long. Và con Thuồng Luồng tóc đen dài xoã sượt, vai trần trắng, vú căng mẩy như vú con gái, nhưng mình rắn, bàn chân tay nhái có màng mỏng bơi đến đẩy bè chuối vào bờ. Tôi vùng vẫy, hò hét : “*Trả con tôi. Trả con tôi đây...*” Tỉnh dậy, mới biết mình trong vòng tay chồng. Người lạnh toát, mồ hôi vã ra. Vai áo chồng cũng đầm mồ hôi, anh đã rất vất vả giữ tay chân vợ vùng vẫy khi mơ...

### 3.

Tôi nhớ, mùa hè năm Giáp Thìn. Trời không mưa, nhưng nước thượng nguồn đổ về một tuần liền. Quê tôi lụt to. Nước cuốn rêu rác, cành tươi, củi khô... cuốn cuộn. Nửa đêm, vỡ đê sông Hoàng Long. Nước réo ồ ồ. Chó tru. Gà quác. Trâu, bò phá gióng. Đê phá chuồng kêu khản giọng. Dân kinh hoàng, nháo nhác chạy lụt như chạy loạn. Tôi kẹp trèo lên cây đa đầu làng. Suốt đêm ở ngọn cây, gọi mẹ ời ời ; lo lũ cuốn thì ít, lo con Thuồng Luồng bắt kéo xuống nước thì nhiều.

Đêm trăng suông. Cây đa gồng mình chống chọi lũ xiết. Tôi đói, kiệt sức. Nửa đêm, nước xối bật gốc cây đa, tôi bị lũ cuốn theo.

Sáng hôm sau, tỉnh dậy, thấy mình nằm lơ lơ trên gò Thuồng Luồng. Xung quanh nước réo ùng ục. Đám đông đứng ngồi ló nhỏ. Tiếng người nói lao phao. Con Vện cắn nhanh nhách, nghe sốt ruột. Mẹ tôi cười méo máo, bảo : “Con Thuồng Luồng vớt mày ở bến nước đưa lên đây đây, con ạ”. Tôi ngạc nhiên quá...

Năm tôi mười sáu tuổi, có ông giáo sư sử học dẫn sinh viên về điền dã ở làng tôi. Họ thuê bọn đánh dậm chúng tôi đến đào đất khai quật gò con Thuồng Luồng. Tôi nhận ra anh Tào người làng Yên Hạ trong số người lạ này. Anh Tào có vẻ rất mến và hay trêu đùa tôi. Đào, bới, cả tuần chẳng có gì chỉ thấy vỏ hà vỏ hến, xương động vật và một tấm ván thối. Lúc lấp đất, anh Tào cầm nộm rơm giống hình con gái quẳng xuống hố. Tôi hỏi : “Anh Tào làm cái gì đấy ?” “Tao yếm. Đó là cốt đưa con gái, hồn con Thuồng Luồng. Đưa nào yêu tao mà bỏ thì phát điên, thành con Thuồng Luồng.” Những người lạ bật cười. Còn tôi vừa ngỡ ngàng mặt vừa ngỡ ngác. Về sau, yêu nhau rồi, tôi hỏi về cái nộm rơm ấy, anh chỉ cười cười bí ẩn, không nói. Lại ồn : Vào một đêm trăng. Sương mù bay la đà mặt sông. Sóng óc ách vỗ vào hang núi. Thằng ăn trộm người làng Yên Hạ về khuya, đờ nghĩ. Hắn định cởi áo, đội gói đồ ăn trộm lên đầu, bơi qua sông thì thuyền đánh cá đêm chờ đầy sương mù chui từ trong hang nước ra, lướt nhẹ đến. Cô gái khoác hờ cái áo, ngồi phía đuôi thuyền, bảo : “Anh lên đi. Tôi chờ qua sông cho.” Thằng trộm ôm đồ nhảy xuống thuyền. Ra giữa sông vắng vẻ, thấy thuyền chỉ một mình cô gái, hắn dờ dờ sàm sỡ. Cô gái nhảy tòm xuống sông. Thằng trộm kịp nhận ra cô gái chỉ có phần ngực trở lên là giống người, còn thân mình rắn, bàn chân tay nhái có màng. Hoảng quá, hắn biết vừa chạm phải con Thuồng Luồng. Chưa biết xoay sở ra sao thì cô gái nhô cả vai trần và bầu vú lên khỏi nước. Đôi tay nhái bám lệch mạn thuyền. Nước ào vào, thuyền đắm. Thằng ăn trộm bị chìm uống no nước sông, rồi được đẩy lên bờ. Run quá, hắn co chân chạy thì tiếng gọi giạt sau lưng : “Anh gì ơi ! Cửa anh này.” Hắn quay lại. Vẫn cô gái ban nãy. Nhưng mặc gọn gẽ, áo khô, quần khô sấn tận gối lộ bắp chân tròn trắng. Gói đồ hắn thó trộm bỏ quên dưới thuyền cũng khô nguyên, cô ta đưa cho hắn rồi chèo thuyền chui luôn vào sương mù. Chẳng thấy con Thuồng Luồng đâu. Hãi quá ! Từ đêm đó, thằng trộm mất hồn, ngờ ngẩn nửa năm... Thuồng Luồng và bến nước như làn sương mù huyền thoại, bí ẩn vô cùng với tuổi thơ tôi.

### 4.



Chồng tôi tên là Lãng, bộ đội thời chiến nghỉ phép trước ngày ra mặt trận. Anh chưa muốn cưới vợ, những ngày đầu đi chơi loăng quăng, gần hết phép, mẹ giục quá mới nháo nhào tìm. Lúc đó, tôi chưa hết buồn vì tin người yêu chết ở chiến trường thì gặp anh.

Đám rước dâu bằng thuyền. Cặp bến, mọi người lên bờ, đứng chờ tôi lấy nệm nước đem về rửa chân mẹ chồng. Cái lệ này có từ bao giờ tôi chẳng biết. Người ta bảo : Mẹ chồng nàng dâu vốn truyền đời xung khắc. Con dâu mới múc nước rửa chân mẹ chồng để lấy lòng. Trước lúc rước dâu, mẹ tôi đưa cho cái nệm nhỏ làm bằng vỏ quả bầu be khô giống cái hồ lô và dặn những điều cần thiết về làm dâu nhà người.

Người ta hay ví bến đời với bến nước. Con gái mười hai bến nước. Lúc ấy, tôi chẳng biết mình đang ở bến thứ bao nhiêu.

Đám rước dâu đi tiếp. Bất chợt, mọi người giật mình và ồn ào bởi tiếng hô : *“Thanh niên cả như tôi thì mất nước.”* Tôi nhận ra anh Tào. Trước ngực anh đeo cái mẹt tròn, quét vôi trắng viết dòng chữ : *“Tôi là thằng đảo ngũ.”* Tôi không tin sau cái mẹt kia là người mình đã từng yêu. Bom đạn mù trời miền Bắc. Cả trường anh đóng cửa, nhập ngũ. Người ta ồn : anh chết nơi bom đạn một năm rồi. Nay họ lại nói : anh sợ chết, ghé đầu nòng súng CKC vào gót chân trái... bắn. Người thì cãi : anh Tào lau súng bị cướp cò. Đơn vị tước quân tịch đuổi, về quê đã mấy ngày rồi. Xã bắt lao động cải tạo đóng gạch. Chiều tối, dân quân giải anh Tào đi dong, bêu khắp làng. Anh Tào chân thọt chồm phẩy đi trước, dân quân khoác súng K44 nòng rỗng đi sau. Lũ trẻ con lóc nhốc theo sau nữa đồng thanh hô lại : *“Thanh niên cả như tôi thì mất nước.”* Tôi đi bên cạnh chồng, lòng rối bời.

Anh Lãng cưới tôi hôm trước thì ngay hôm sau phải về đơn vị. Anh đi xa không biết ngày nào về. Chồng tôi cố dấu nỗi buồn vào lòng. Anh chào lần lượt từng người rồi quay lưng, đi rất nhanh, như chỉ sợ nán ná sẽ ở nhà luôn.

## 5.

Người vợ xa chồng có trăm ngàn cơ cực, chẳng nỗi khổ nào giống nỗi khổ nào. Có những đêm dài ghê gớm, tôi lục đục không ngủ. Nằm một mình ôm gối, nhớ chồng, trần trọc chờ sáng. Tôi lôi cái áo cũ bạc màu của chồng ra áp vào mặt, nỗi nhớ càng nôn nao, da diết hơn. Khốn khổ nhất là mấy ngày áp kỳ kiêng kị sử dụng xô màn của đàn bà. Hai bầu vú tôi cứng nhưng nhức. Nhũ hoa sưng lại. Má đỏ hồng tươi tắn. Mắt long lanh... Lúc nào cũng chỉ mong chồng về.

Con gái chưa biết hơi trai thì tò mò, dục dè ; nhưng đã phải hơi trai rồi thì nghiệm. Đêm đêm, tôi nằm tưởng tượng ra đủ điều, vò gối áp áo vào mặt tìm hơi chồng. Không chịu nổi lại đổ lúa vào xay, xay đến sáng, hoặc múc nước giếng khơi đổ ào ào tắm cho lửa lòng dịu đi, hoặc sang ngủ chung giường tìm hơi mẹ chồng.

Mẹ chồng tôi biết. Bà đã trải qua những năm tháng chờ chồng nên hiểu lòng con dâu. Mẹ chồng tôi lặng lẽ lục tìm trong hòm lấy quần lót cũ của con trai bỏ vào chõ đất rang, tay khoả miệng lẩm bẩm. Bà làm theo cách riêng nhuộm màu sắc dân gian giúp con dâu vững lòng lúc con trai mình đi xa.

Làng Yên Hạ của chồng tôi có hai bến tắm. Bến tắm đàn bà phía đầu nguồn, bến tắm đàn ông phía hạ nguồn, cách nhau vài trăm bước. Bọn con gái cứ để nguyên áo quần dài, lội dò dẫm ra xa bờ, nước đến đâu vén áo đến đó ; nước dâng qua bầu ngực thì đội áo lên đầu hoặc cởi ra vo viên ném vèo vào triền sông. Tôi đã gặp chuyện ầm ĩ ở bến tắm này. Bắt đầu từ lúc ông xã đội trường và hai dân quân bắt chợt nhìn xuống bến thấy đầu tóc con gái loã xoã, vai trần nhô lên tụt xuống. Lại tiếng quấy nước um ùm và cái đầu đàn ông. Cứ ngỡ Thường Luồng quần nhau với người. Té ra là anh Tào với tôi dưới bến nước. Ông xã đội rất ghét những thằng đảo ngũ, hoặc chân thọt, mắt chột, tay khoèo, thấp bé nhẹ cân... không phải ra trận, ở nhà hay chim chuột vợ lính khi họ đang nơi hòn tên mũi đạn. Vợ ông chữa hoang với thằng công nhân lái xà lan. Ông ta cảm lắm, chuyên rình bắt gái làng ra bến nói chuyện với thợ thuyền sông nước. Tôi kêu oan :

- Tôi tắm, không may bị chuột rút...

Anh Tào lúng túng, sợ sệt :

- Tôi đánh xe trâu đến đây. Bỗng nghe tiếng người chết đuối kêu cứu...

Ông xã đội nhếch mép, khinh khỉnh :

- Đã phạm tội tự thương, đào ngũ làm mất thành tích năm năm liền “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người” của xã nhà ; lại vi phạm chính sách hậu phương quân đội, làm người lính ở chiến trường không yên tâm chiến đấu. Còn bịa cả chuyện con Thuồng Luồng. Từ xưa đến nay, ta chỉ nghe chuyện Thuồng Luồng cứu người chứ chưa bao giờ nghe chuyện người cứu Thuồng Luồng. Ta đồn rằng : Thuồng Luồng là đứa con gái nằn nĩnh này ở dưới nước mày mới nhảy xuống...

Dân quân dẫn anh Tào và “con Thuồng Luồng” là tôi về trụ sở uỷ ban xã lập biên bản. Anh Tào vẫn cời trần, chỉ mặc quần đùi thập thển đi sau. “Con Thuồng Luồng” mặc quần lụa đen ướt dính bết vào đùi, không được mặc áo, trên mình chỉ độc cái xu chiêng ướt sũng nước. Vai “con Thuồng Luồng” trần rờ rở dưới trăng. Đang đi, bỗng dừng ông xã đội cho “con Thuồng Luồng” đứng lại mặc áo, rồi thả cho về. Ông bảo : “Nể cái thằng lính đang sống chết ở chiến trường đánh nhau với Mỹ - Ngụy, ta tha.” Tôi đi một đoạn còn nghe ông rủa sau lưng : “Rạc rài. Giống cái là giống bạc tình.”

“Giống cái là giống bạc tình ?” Tôi đã nhìn thấy bờ tre nhà mình : bầu ngựa đực bụng bé trèo lên lưng bầu ngựa cái bụng to. Bầu ngựa đực lẹo xong, mệt quá gác càng, vừa rời lưng bầu ngựa cái, liền nằm ịch ra. Nó bị ngay đôi kiếm nhiều răng cưa của bầu ngựa cái bỏ vào bụng và móc ra từng miếng thịt trắng đến tận khi sùi ruột mới thôi. Người ta bảo, loài bò cạp cũng thế. Chúng nó âu yếm, lẹo nhau xong, con đực bao giờ cũng mệt hơn vì bị rút hết sinh khí. Con cái liền quay lại ăn thịt luôn bạn tình.

Tôi chưa nhìn thấy bò cạp cái ăn thịt bò cạp đực bao giờ. Chỉ thấy rần nước ở đầm Vạc. Khi con cái lột xác, con đực luôn phục ở bên bảo vệ và đi kiếm mồi về nuôi. Lúc con đực lột xác còn bầy dậy, thì con cái dẫn con đực khác về tổ. Chúng làm tình với nhau trước mũi con rần vừa lột xác. Và chén luôn bạn tình cũ đang bầy bót, không còn khả năng tự vệ.

Tôi là đàn bà, là giống cái. Người ta cũng coi tôi là giống bạc tình a ?

## 6.

Chiến tranh kết thúc, chồng tôi về. Nguyên vẹn, thân thể không sát sủu tí nào. Mừng ơi là mừng. Mẹ con, anh em, vợ chồng gặp nhau mừng mừng tủi tủi bao nhiêu thì anh Lãng hậm hực bấy nhiêu. Không biết bằng cách nào, anh Lãng biết người ta ồn vợ mình trăng gió. Buổi tối, mọi người đến chơi về hết, nhà tôi lẽ ra vui như tết thì lại buồn hơn đám ma. Mẹ chồng bảo :

- Bu không giữ được danh tiếng vợ anh.

Anh đay nghiến :

- Tôi bao nhiêu năm, bom đạn không chết lại chết vì điều tiếng thiên hạ đấy.

Đến lượt tôi, giọng sẽ sảng, nhưng hơi lạnh :

- Em là vợ anh. Chỉ anh mới biết em chung thủy hay là không.

Anh Lãng mặt nghệt ra. Rõ ràng anh không ngờ tôi nói thế. Anh chưa biết sẽ định liệu số phận cuộc hôn nhân thời chiến rất mong manh của mình ra sao. Tin vợ hay không là một quyết định không dễ đối với người lính đã nhiều năm xa nhà...

Đêm ấy, cả làng Yên Hạ không ngủ. Trăng sáng lấm. Gió núi thổi về mát rười rượi. Bọn choai choai rủ nhau đi hóng trăng dọc đường làng. Ngoài sông Hoàng Long, đèn sáng đỏ, tiếng gõ cắc... cắc... vào mạn thuyền thúng đánh cá đêm vọng về. Đêm chồng vợ, chúng tôi quấn vào nhau như đôi thường luồng quấn nhau trong hang nước.

Sáng hôm sau.

Mẹ chồng tôi dậy thật sớm, ngồi ở thềm hè chải tóc, chốc chốc ngóng vào cửa buồng con dâu.

Anh Lãng bước ra, se se ngồi bên mẹ :

- Hôm qua, con không kim lòng thì gây án mạng với thằng Tào đào ngũ rồi, bu ạ. May nhà con nhẫn nhịn. Suýt nữa tan đàn sẻ nghé.

- Anh nói thế nghĩa là làm sao ?

- Bu không nhớ a ? Ngày trước, con gần gũi nhà con chỉ một đêm rồi đi vào Nam đánh giặc. Cái đêm tân hôn ấy, nhà con đúng kỳ kinh nguyệt. Vợ chồng con chỉ nằm ôm nhau, rồi khóc...  
- Anh nói thế nghĩa là đến đêm qua, vợ anh vẫn còn trinh nguyên ?  
- Vâng ! Vẫn là con gái. Vợ con thì con biết chứ.  
Mẹ chồng tôi sững sờ, chẳng nói thêm được câu gì. Bà không ngờ con trai và con dâu ở hoàn cảnh oái oăm ấy. Tôi nằm ì trong buồng lúc đó mới ra. Hai tay vẫn tóc. Mắt ngời ngời hạnh phúc. Tôi dụi dè ngời bên mẹ chồng. Lúc đó, bà lại lên tiếng :  
- Bu cũng không muốn tin. Nhưng chuyện con đạo ấy thì tình ngay lý gian. Con bỏ qua đừng giận bu, nhá.  
- Con không giận ai cả. Con không sợ gì sất. Con chỉ sợ anh Lãng đi đánh giặc không về. Con vừa mất chồng lại chẳng có người minh oan cho con.

## 7.

Tôi sinh nở lần thứ ba, thứ tư vẫn ra cục thịt đỏ hơn hồng. Mẹ chồng tôi đau buồn, và sợ hãi quá, suốt ngày niệm Phật và đi chùa. Phật vẫn cứ ở đâu đó chưa hiện về phù hộ chúng tôi. Người ta bảo : *Trăm cái phúc nhà vợ không bằng cái nợ nhà chồng*. Đời đời gia đình chồng tôi ở hiền, nhưng tôi phải gánh nợ. Vậy cái nợ này ở đâu giáng xuống ?  
Tôi sinh nở lần thứ năm lại là một bọc có nhiều cục thịt đỏ, như thường luồng đẻ bọc trứng non. **Chúng Nó** không phải kiếp người, cũng chẳng phải kiếp ngợm. Nhưng là các hình hài tôi mang nặng, tôi dứt ruột đẻ ra. Đến lúc này, dân làng có người ghê lạnh, xa lánh tôi. Tôi mù mịt dở tình dở duyên.

Chồng tôi kể lại : Có lần tôi bỏ nhà đi lang thang ra bờ sông Hoàng Long. Rồi nhảy xuống bên nước vớt những đám lục bình hoa tím nổi nênh trôi. Vớt đặt lên bờ rồi lại vớt, chẳng biết để làm gì... Tôi cũng chợt nhớ lần đi ra gò Mã Giáng. Gò vắng lạnh. Dừa dại viền quanh tốt bời bời. Chó hoang chạy lông nhông kiếm ăn, cắn oảng oảng. Mèo dại mắt xanh lét, lông xơ xác, gừ gừ. Tôi đến góc gò phía Bắc, nơi chôn trẻ con yếu mệnh. Những nắm đất sè sè, nhỏ nhoi. Chẳng biết nắm mộ nào có liền sành màu da lươn.  
Tôi ngần ngợ đến văn chiều.

## 8.

Đêm nước ròng.

Vợ chồng tôi ra vó bè kéo tôm. Đèn ló sáng lấp loáng. Mắt tôm bắt đèn ánh lên các chấm li ti đỏ đồng đợc. Kéo một lúc được lưng lưng giỏ. Mệt, tôi để cho chồng kéo rồi xách chiếu manh vào lều cỏ. Anh Lãng làm cái lều dưới chân gò Thuồng Luồng để coi vó. Lúc mệt hoặc tôm cá không đi thì gác vó, lên lều đánh một giấc đến tận rạng đông, nghe tiếng láo pháo của người đi chợ sớm mới dậy. Chẳng biết từ bao giờ, người đi chợ, đi kéo vó, mò tôm... qua đây, ai cũng nhón một hòn đất bỏ lên gò. Bao nhiêu đời rồi, gò cứ rộng ra và cao lên như quả đồi con.

Gió nồm hiu hiu. Bốn gọng vó thỉnh thoảng thả chộp... chộp... xuống bên. Mắt tôi díp lại, mơ màng... Nửa đêm về sáng, tôi giật mình bởi tiếng đàn bà gọi :

- *Đò ơi...ơi ! Cho mẹ con tôi sang sông vớ...i.*

Tiếng gọi đò rõ mồn một. Rồi lại tiếng kêu :

- *Trả con cho tôi. Trả con cho tôi đã... ấy...*

Tiếng gọi, tiếng hời vọng vào đêm khuya vắng lặng. Bỗng dưng, một người đàn bà bước đi nhẹ như gió thoảng từ đỉnh gò xuống.

- Người ta bắt con tôi đem trôi sông. Làm ơn cứu con tôi với.

Tôi nhận ra người quen :

- Chị Sao này mê rồi. Chưa bao giờ chị có con. Tỉnh lại đi.

- Các con tôi đang trôi dưới bên nước kia. Làm ơn vớt chúng nó lên với.

Tôi nhìn xuống bên. Một màu trắng bàng bạc. Sương giăng mờ ảo. Tôi bàng hoàng không tin ở mắt mình : Anh Tào đào ngũ ! Thật rồi, anh Tào đang đặt những hài nhi đỏ hơn hồng lên mấy cái bè chuối và dùng tay đẩy ra xa bờ. Các bè chuối quay tròn, nhả nha trôi... Rồi chị Sao nhảy

ùm xuống nước, chìm ngìm. Khi các vòng sóng lặng, bắt chợt Thuồng Luồng nhô lên, tóc dài đen, vai vú con gái, nhưng mình rần. Nó đột ngột quấy lộn đầu xuống, hai bàn chân nhái có màng giò khỏi mặt nước. Lại ngoi lên. Con Thuồng Luồng bơi, đẩy bè chuối vào bờ... Hoảng quá, tôi căng mắt nhìn, không thấy anh Tào nữa. Mấy cái bè chuối cũng biến mất. Chỉ thấy đàn vịt trời lông trắng bay vọt lên, kêu vánh mặt sông.

- Sao ơi ! Sao ơi ! - Anh Lãng vỗ bồm bộp vào vai tôi. - Hết cả hồn. Em mơ à ? Mặt mũi toát mồ hôi. Tôi nhìn xuống bên nước. Vó bè nằm im để bóng bốn gọng xuống sông. Trăng sáng vẫn bàng bạc.

- Rõ ràng chị Sao gọi đồ, rồi nhảy xuống sông biến thành con Thuồng Luồng.

- Thần hồn nát thần tính, điên à ? Em là Sao, là vợ anh chứ còn chị Sao nào nữa. Thôi, nửa đêm về sáng rồi, xuống kéo vó với anh.

Tôi ngời thừ ra, không biết đâu là thực đâu là mơ. Vợ chồng tôi kéo vó đến tận sáng chẳng được con tôm nào. Chỉ toàn củi mục với rêu rác.

Tôi đi chợ bán tôm, nửa đường gặp anh Tào đánh xe trâu chở chã đất và liễn sành màu da lươn.

- Khiếp quá ! Từ mai, anh đừng chở thuê những thứ này nữa.

- Thì thôi vậy. Vài năm nay người ta dùng liễn sành nhiều quá, Sao ạ.

Tôi kể chuyện giấc mơ, rồi bảo :

- Anh Tào còn nhớ dạo đi điền dã, anh chôn cái nộm rơm ở gò Thuồng Luồng không ? Em với anh chuyện cũ qua lâu rồi...

Anh Tào cười giả lả, cắt lời tôi :

- Anh nhớ ra rồi. Đây là chuyện tầm phào láo toét. Nhưng chuyện này là có thật này :

Cô Sao không biết là : Ngày xưa, quân Chiêm Thành thường đi biển ra cướp phá nước Đại Việt ta. Thời Trần Nghệ Tông, có một cánh thủy chiến Chiêm Thành đi theo cửa biển vào sông Hoàng Long. Chúng đi đến đâu là đầu rơi máu chảy, lửa cháy ngút trời, nhưng đến địa phận làng ta thì tịnh như không. Khi thượng tướng Trần Khát Chân đại thắng Chế Bồng Nga thì quân Chiêm Thành rút chạy. Cánh thủy chiến này cũng giống buồm chuồn ra biển. Lúc chúng đến làng ta thế nào, lúc đi cũng vậy. Làng ta bình yên trong chiến tranh. Nhưng ba tháng sau xảy ra chuyện lạ : Vài chục con gái, đàn bà không chồng mà chửa. Chẳng binh đao mà làng loạn. Làng đau thương còn hơn làng khác bị nạn "nước lửa và ống đồng" tàn phá. Lệ làng rất hà khắc. Vài chục người đàn bà ấy bị gọt trọc đầu bôi vôi, rồi đóng bè chuối đem ra bên nước trôi sông. Có điều lạ : Buổi sáng thả trôi về phía biển thì đến la lá tối lại thấy các bè chuối đậu ở bên nước. Hoá ra, theo nước thủy triều lên, tôm, cá, cua, rần nước, rùa, giải, thường luồng, ba ba,... bơi quanh đây, kéo các bè chuối trôi về bên. Cứ vậy, thả rồi lại trôi về. Làng chịu bất lực trước các loài thủy tộc và thủy triều, đành cho số đàn bà khốn khổ khốn nạn ấy lên bờ. Đủ ngày đủ tháng, họ sinh ra những đứa bé tóc xoăn, da ngăm ngăm, mắt hoang dã, không mang huyết thống các dòng họ ở làng. Chuyện còn lạ nữa : Trong số đàn bà ấy, có một người đẻ ra cục thịt đỏ lôm, có cái miệng tròn như đồng sèng, cứ kêu : *khęc... khęc*. Người mẹ trẻ sợ quá ngất luôn. Dân làng cho là quỷ quái, lại đóng bè chuối trôi sông. Người mẹ trẻ hoá điên, luôn miệng kêu : "Trả con đây... Trả con cho tôi..."Đang đêm, tóc tai rũ rượi, chạy bịch bịch ra sông Hoàng Long, nhảy xuống nước cuống cuống bơi, ngụp lặn vớt con mình. Khốn nạn quá ! Gái đẻ ngâm nước lạnh, chết, biến thành xác con Thuồng Luồng trôi dạt vào bên nước. Tiền đồng, xương trâu, mo rùa, hình nộm con gái... được chôn theo. Cái gò con Thuồng Luồng cũng chính là mộ người mẹ trẻ ấy. Người ta ồn : hồn người đàn bà lang thang ở hang nước, mặt sông, thấy người chết đuối là hoá thành con Thuồng Luồng bơi đến cứu...

Thế đêm hôm qua cô Sao có bỏ hồn đất nào lên gò không ?

- Không ! Anh Lãng em chắc cũng không nốt.

- Giời ạ ! Thảo nào giỏ tôm của vợ chồng Sao chẳng đầy thêm là phải. Nhặt ngay một hồn đất chạy đến đó mà thả. Đoảng quá.

## 9.

Vợ chồng tôi dắt díu nhau đi bộ mười hai cây số xuống bệnh viện thị xã khám. Thầy thuốc bảo : Anh chị sinh lý bình thường, sức khoẻ tốt... Hiện thời chưa tìm ra nguyên nhân. Chúng tôi giới thiệu lên một Quân y viện ở Hà Nội, nhưng tốn kém và xa lắm, anh chị đi được không ? Đi chứ. Trường Sơn, Tây Nguyên, Nam Bộ đi được thì Hà Nội sao lại không. Anh Lãng bảo tôi về bán con bò. Mẹ anh cho đôi khuyên tai. Mẹ tôi cho tạ thóc. Em gái anh lấy chồng ở làng bên cho đôi lợn giống. Đôi khuyên tai giữ lại còn bán sạch lấy tiền chữa bệnh. Người còn là của còn.

Chúng tôi được khám, làm hơn một chục xét nghiệm. Ông bác sỹ quân y kết luận : Sức khoẻ tốt. Sinh lý bình thường... Ông bảo tôi ra ngoài chờ, ông có chuyện nói riêng với chồng tôi. Hoá ra, ông dẫn chồng tôi đến một phòng trắng lạnh lưu giữ vài trăm cái bình thuỷ tinh đựng các quái thai và xác hài nhi dị dạng để nghiên cứu. Ông cho xem ảnh, giảng giải và chỉ vào một cái bình, bảo : Đây là trường hợp cha bị nhiễm chất độc màu da cam vẫn đẻ con lành lặn, bình thường ; nhưng đến khi đưa con gái lấy chồng thì lại sinh ra một chùm cục thịt như chùm vải chín đỏ. Cái hậu quả này nặng nề lắm, chẳng bao giờ mới hết. Ông căn dặn, an ủi, động viên đến khi chồng tôi hoa mắt, ù tai và không chịu được mùi phoóc môn, hai người mới ra. Về nhà, chồng tôi nằm lì ba ngày không dậy. Ngày thứ tư, anh gọi tôi vào. Anh già thêm đến chục tuổi. Thương vô cùng. Tôi nắm gối đầu tay chồng, anh nói :

- Bây giờ, anh không giấu em nữa. Bác sỹ bảo anh bị nhiễm chất độc màu da cam. Chữa để trăm lần thì cũng trăm lần quái thai, dị dạng.

Anh tưởng tôi sẽ bàng hoàng đau đớn, vật vã. Nhưng mắt tôi ráo hoảnh. Còn nước mắt đâu nữa mà khóc. Dù anh bị nhiễm chất độc màu da cam hay tôi đẻ quái thai bẩm sinh thì nỗi đau nào cũng như nhau cả thôi.

- Nhiễm chất độc da cam lúc nào ? Anh phải biết chứ !

- Lúc đó làm sao biết được. Nghe ông bác sỹ giải thích, rồi mấy ngày nằm nhớ lại : Có lẽ do hành quân qua những cánh rừng trụi lá. Bọn anh uống nước suối ở đó lúc khát, còn mứt đầy bị đông mang theo. Lại có lần, đơn vị đóng quân trong rừng già, thấy những chiếc máy bay Mỹ bay rất chậm phun ra chất gì đó như sương mù trắng đục. Vài ngày, lá ngả màu đồng loạt, gió rất nhẹ lá cũng rụng lá tả. Cây trụi lá chỉ còn trơ thân cành. Cả cánh rừng một màu chết chóc. Đi đường thỉnh thoảng thấy những vỏ thùng sắt hoặc thùng nhựa, có đai xung quanh nằm lăn lóc trong rừng. Có đứa ở tiểu đội ước ao mang về quê làm thùng đựng nước ăn cho mẹ. Thì ra là thùng đựng chất diệt cỏ máy bay Mỹ ném xuống mà đến bây giờ có người còn không hề biết. Tôi vui đầu vào ngực chồng. Chưa bao giờ tôi thương anh như lúc này. Nhưng quả thật trong lòng rất đau đớn, chán chường.

## 10.

Chồng tôi nhận được thư anh Hà Văn Nênh, đồng đội cũ báo tin vợ mới đẻ con trai. Chồng tôi bảo chọn chục trứng gà, năm ống gạo nếp đi thăm.

Nhà sàn chon von một mình trên quả đồi nhỏ thấp tè. Cửa man khép hờ, trẻ con oe oe khóc. Tã lót phơi trắng bờ rào. Dưới gầm sàn, có con bé cời chuồng, đầu tròn ủng không sợi tóc, không có tay, hàm hô răng lợi nhe như khỉ. Tôi nem nếp sát hông chồng, sợ nó cắn. Lại thấy con trần hai đầu nằm cuộn như khoanh chảo bên chân cột nhà...

Chồng tôi và anh Hà Văn Nênh ngỡ ngàng một lát rồi nhận ra nhau. Anh Nênh gọi vợ bé con ra chào khách quý. Tôi đón thẳng bé, khen vợ anh Nênh trẻ. Anh bảo : Con vợ trước đẻ ba lần đều quái thai, dị dạng ; sợ quá nó bỏ tôi, bỏ cả cái đứa không thành người đang ngồi ở gầm sàn kia đi rồi. Đây là cô vợ mới.

Chuyện đang say, bỗng dưng chồng tôi tái mét mặt. Anh kéo anh Nênh, chỉ mấy thùng đựng nước ăn :

- Mà lấy ở đâu ?

- Giải phóng xong, đi quy tập mộ liệt sỹ em nhặt được ở rừng. Lúc ra quân, quảng nhờ lên xe tải đơn vị về Bắc. Tiện thể rủ mấy thằng lính "rửa tay gác kiếm" cùng đọt về nhà chơi, nhờ chúng nó gửi luôn về. Anh chị cũng được, lấy một cái về nhà mà đựng nước ăn.

Chồng tôi kêu gào kêu đất. Điec không sợ súng, bạn anh mang cái chết về nhà. Đây là những thùng đựng thuốc diệt cỏ, thuốc phát quang. Con bé dị dạng kia là hậu quả chất độc màu da cam nhiễm người cha hay từ những thùng này ? Bấy giờ mặt anh Nênh dùm dỏ lại, sợ hãi thực sự.

## 11.

Từ hôm ở nhà anh Hà Văn Nênh về, nói chuyện với mẹ, chồng tôi thường khen bạn mình tốt số gặp may. Sau nhiều ngày đắn đo, anh quyết định nói với tôi rằng anh muốn “giải phóng” cho tôi. Anh mong tôi tìm hạnh phúc mới và để những đứa con lành lặn. Tôi ra đi như con thuyền rời bến cũ, có phúc sẽ có phần, biết đâu gặp bến mới thì cấm sào đậu. Cho là rở dỏ cạp lại, tôi cũng có chốn ấm mà nương thân... Quả thật, có lúc tôi nghĩ đến điều này. Nhưng khi đó, tôi choáng váng, cảm thấy bị bỏ rơi. Tôi lại hiểu : thấy vợ hai anh Hà Văn Nênh sinh đẻ mẹ tròn con vuông nên anh đang hi vọng vào cuộc hôn nhân mới. Tôi tủi thân. Anh không biết rằng tôi đã tắt kinh hơn một năm. Tắt kinh vì sợ hãi, vì sức lực kiệt quệ. Những lần phơi xô màn trắng dây phơi chỉ để nhắc mình không phải đàn ông, mà là đàn bà đang độ tuổi ba mươi ; để chồng tôi đã chán chường rồi đừng ê chề thêm. Tôi giận anh vô cùng.

Một hôm, anh Lãng đi vắng, mẹ chồng tôi gạn hỏi :

- Từ hôm vợ chồng đi thăm bạn về, con tính sao ?

- Chả tính sao.

Tôi giận, nói nhát gừng, chồng lớn, dù là biết vô lễ. Nhưng bà vẫn nhẫn nhịn :

- Sao ơi ! Không phải mẹ bảo thằng Lãng bỏ con lấy vợ mới đâu. Mẹ nghĩ kỹ rồi : Con thương con, thương thằng Lãng, con thương dòng họ nhà chồng thì con...

- Thì con bỏ anh Lãng chứ gì ? - Tôi khóc bù lu bù loa. Bao nhiêu đau khổ, giận dỗi kìm nén bùng lên. - Thôi mẹ chồng ơi, xin mẹ chồng đừng nói nữa. Mẹ chồng có chắc chồng con cưới vợ mới sẽ để ra đứa con bụ bẫm lành lặn như vợ hai anh Nênh không ?

Bất ngờ, mẹ chồng tôi quý hẳn trước mặt con dâu :

- Bu lạy con. Bu lạy con... Con ơi ! Con nghĩ được vậy là cả nhà ta ơn con trời biển. Nhưng con chưa hiểu hết ý bu. Con cũng cần có đứa con do mình dứt ruột đẻ ra. Nhà ta không thể bắt con làm người ở con hầu trong nhà suốt đời được. Tội lắm.

- Thôi, bu không phải nói nữa ! Con sẽ làm ngay... Con làm ngay theo ý chồng con và bu...

Lúc đó, không một lời nói chân tình nào lọt tai tôi cả. Và tôi âm thầm chuẩn bị một kế hoạch của riêng mình...

## 12.

Tôi li hôn như chạy trốn khỏi chồng. Mẹ tôi buồn, thương con gái chỉ thầm thui khóc. Khi mọi việc đã như ý định, lại thấy mình là con ngốc. Nửa năm rồi, tôi cố quên đi đoạn đời đau khổ đã trải qua, nhưng chẳng thể nào quên được. Càng cố quên, các hình ảnh, kỷ niệm xưa cũ càng hiện về : Những đêm vò võ chờ chồng đi xa. Mẹ chồng con dâu chấy rận cho nhau như ruột thịt. Mùi mồ hôi chua chua trên áo và khuôn mặt sạm nắng của chồng. Đêm vợ chồng đi cất vó tôm. Năm lần sinh đẻ không ra hình người. Mụ mị cứ nghĩ mình là con Thuồng Luồng... Tất cả đều như vừa mới hôm qua.

Tôi thường ra bờ sông nhìn về phía nhà chồng cũ, khói chiều đang bay trên mái dạ. Tôi đoán, con bạn tôi hôm nay cho anh ăn cái gì ? Đêm qua, nằm bên vợ mới anh có chợt nhớ tôi không ? Người ta bảo : đàn bà đã trao thân cho người đàn ông nào là suốt đời sống chết với người đó. Sao tôi không sống chết với chồng tôi ?

Tôi đã biết mình khổ vì đâu. Nhưng cái bùa anh Tào yểm ngày xưa vẫn ám ảnh không dứt. Tôi sang sông, vác cuốc xẻng đến gò Thuồng Luồng đào. Tôi quyết phá tan cái bùa nộm rom hồn con Thuồng Luồng cốt con gái để lòng tôi thanh thản. Tôi đào cuốc như con dờ hơi.

Trời xui đất khiến anh Tào đánh xe trâu đi qua đúng lúc tôi lòi lên một bộ xương, chẳng biết xương gì. Tôi khóc hu hu.

- Tôi biến thành con Thuồng Luồng rồi ! Anh Tào ơi...ời !

- Em dại dột quá, Sao ạ. Ai lại tin lời nói vu vơ của anh cái thời nông nổi ấy.  
- Thế thì... bộ xương... nào... đây ?  
- Có dễ xương... con Thuồng Luồng.  
Tôi sây sẩm mặt mày :  
- Tôi với anh duyên phận đâu vào đấy rồi. Sao anh cứ ám tôi mãi thế ?  
Vấn chân thọt chân lành tập tễnh, nhìn anh Tào vừa giận vừa thương. Không đáp lại lời tôi trách móc, anh ngần ngừ một lát rồi nói :  
- Sao này. Vợ mới của anh Lãng vừa sáo non ra một bọc, bờ đờ đếm được mười một cục thịt đồ lòm. Cứ như Thuồng Luồng đẻ trứng ấy. Sao ạ...  
Tôi rùng mình. Hai tai ong ong như có ngàn vạn tiếng chuông dồn dập dội vào.  
Anh Lãng và tôi, không biết ai khổ hơn ai ?

### 13.

Tôi lại sang sông.  
Con bạn tôi yếu đuối quá, không gánh nổi “cái nợ” nhà chồng. Cô ấy đã bỏ anh Lãng đi thật rồi. Anh Lãng đang âm thầm, lạnh tanh chịu đựng. Mẹ anh ốm rất nặng, có dễ không qua khỏi. Bà và anh Lãng đang cần tôi. Thực ra, lúc này chúng tôi rất cần nhau. Đã đến nước này thì... tôi phải gắng qua nốt bến nước thứ mười ba thôi.  
Tôi chọn lúc la lá tối sang sông. Đò đi chuyến cuối ngày. Sương mù đã bay dày trên mặt nước. Một cái thuyền buôn đồ lửa nấu ăn tối, đậu dềnh dàng sát bờ. Tôi nhận ra rất nhiều chấ đất nung và liễn sành màu da lợn xếp đầy khoang thuyền buôn. Tôi bủn rủn chân tay. Khiếp quá ! Mấy năm nay người ta dùng những thứ ấy nhiều quá. Ra đến giữa sông, đò chạm phải những cái bè chuối. Cô lái đò bảo : “Chị chịu khó ngồi, em chở ! Từ chiều đến giờ, bè chuối ở đâu đó trôi về bến đông lấm.” Tôi nghi có thuồng luồng, ba ba, rùa, giải bơi theo đây ; liễn lầy sào khua dưới nước thì không thấy vương. Đò cố lách bè chuối lướt nhẹ. Vào gần bến, không tài nào đi được nữa. Bè chuối san sát chặn đàng trước đàng sau, vây chung quanh. Cô lái đò bỏ chèo, lầy sào đẩy bè chuối này ra, bè khác lại trôi áp vào : “Không cập bến này được đâu ! Quay lại thôi. Hay là cập bến khác, chị nhé.” “Cô gái ơi ! Bến này đã chót sang thì sang đến cùng.” Tôi cúi thò tay đẩy các bè chuối ra. Bè tản dần xa. Đò cập bến. Thật lạ kỳ ! Tôi không cất nghĩa được chuyện gì vừa xảy ra.  
Lần sang sông này vất vả quá. Tôi lên hẳn bờ, không thấy cái bè chuối nào dưới sông nữa. Đò và cô lái đã chui vào mù sương bến nước. Trên thuyền buôn chở chấ đất nung và liễn sành màu da lợn, lửa vẫn lập loè sáng đỏ.

## Sâm cầm Hồ Tây

Hồ Tây - một cái hồ tự nhiên lớn nhất đất kinh kỳ Hà Nội, vốn lấm huyền thoại cổ, thật hư như làn sương mỏng trắng đục lúc ẩn lúc hiện ở mặt nước. Ngày trước, hồ Tây còn rộng và hoang sơ hơn bây giờ nhiều. Sóng nước hồ Tây đêm ngày ì oạp vỗ vào bờ đất, nhiều chỗ bị lở sạt. Lau lách, năn lác mọc um tùm, rau muống dại kết thành bè thành mảng xanh sẫm, nở hoa tím trắng. Mòng két, vịt trời, le le làm tổ kêu rộn rã cả trời chiều và tiếng cuốc kêu trưa hè nghe khắc khoải đến xót lòng.

Chim Sâm cầm bay về đậu trên cành cây, ngọn tre, mặt hồ. Giống chim bay lượn, nhưng lại mò mẫm được dưới thì Sâm cầm là một trong các loài đẹp nhất. Lông đầu và Sâm cầm màu đen, thỉnh thoảng có con đầu cổ đen nhưng nhừc, lông lưng và bụng lại màu xám. Hai chân màu lục ánh chì, có bốn ngón. Quý nhất là chim Sâm cầm lông đầu đỏ. Cả đàn hàng ngàn con lông đầu đen mới có một con lông đầu đỏ. Ngày xưa, tiến vua không phải năm nào cũng có Sâm cầm lông đầu đỏ. Quý người nên Sâm cầm bơi lội nhớn nhơ quanh thuyền nghiêng ngó nhìn họ đánh đậm, mò ốc hoặc vung vẩy ngay trước mũi thuyền đánh cá, có con táo tợn còn nhảy lên

thuyền mỗ trộm cá tôm. Dân thuyền chài đánh cá chỉ lấy tay xua đuổi ầy... ầy cho nó bay đi, nhưng một lúc lại có con khác trèo lên vênh mỗ nhìn. Người hiền lành như chim và chim cũng lành hiền như người.

Hắn còn nhớ, khi người ta bắt đầu đóng cọc đổ đất xuống hồ cạp đất, coi nói nhà cửa thì hồ động. Động hồ diễn ra cùng lúc với động phố, động làng. Hà Nội bước vào thời mở cửa - thời của kinh tế thị trường, khi nhà nhà nhô ra mặt đường thì cũng là lúc người ta bỏ ra mặt hồ. Chu vi hồ càng co lại, mặt hồ hẹp đi thì nhà cao tầng của tư nhân mọc lên càng nhiều cùng với đủ loại kiến trúc hình khối, vòm, cong... Lác đác có các khối nhà cao hàng chục tầng đội tầng xanh nhô lên. Lối ngõ vào nhà hắt ra hồ, nhà cao tầng chen nhau đội mây khiến cái ngõ thành ống cống, ngửa mặt mãi chẳng thấy trời xanh đâu. Và nhiều nhà mở cửa hàng đặc sản: chuyên ốc nhồi, ba ba, cá quả... Khách hàng khắp nơi lũ lượt kéo đến, ngõ phố ồn ào, náo động từ sáng sớm đến lúc nửa đêm.

Mùa đông năm ấy, Sâm cảm về nhiều. Chúng vẫn vùng vẫy bơi lặn kiếm thức ăn và nô đùa với người dân trên mặt hồ như mùa di trú năm trước. Nhưng chúng không hề biết có một tai họa đang rình rập bên cạnh. Người mang tai họa đến đầu tiên cho đàn Sâm cảm là lão chủ quán tai chuột bên cạnh nhà hắn. Phải nói là lão ta đã nghĩ ra một việc mà từ trước đến nay chưa ai làm là chiêu khách bằng món đặc sản sâm cảm. Khách hàng ùn ùn kéo tới, ai cũng khen ăn sâm cảm ngon. Mà ngon thật. Thịt sâm cảm mềm, màu đỏ tươi, có thể quay, rán nhưng kẹp vào cặp chả nướng than hoa là thơm phức, ngon và bổ hơn cả...

Hàng ngày, cha hắn chăm đọc sách nhiều hơn. Hình như ông muốn chạy trốn cái ồn ào, náo nhiệt của cuộc sống hiện đại vào các trang sách cổ. Ông đem thư tịch cổ ra đọc lại đoạn người xưa nói về chim Sâm cảm.

... Thời xưa, ở một làng nhỏ bên xứ Cao Ly tự nhiên sinh ra một thứ bệnh lạ kỳ dân làng chết hàng loạt, không thứ thuốc nào chữa được. Có một lão thợ săn bệnh sắp chết mới nhớ ra có lần đi săn ở dãy núi Trường Bạch Sơn, nhìn thấy loài chim lạ đang bới gốc một loại cây thân cỏ mảnh mai rồi mổ ăn hết rễ. Ông đến gần, chúng vỗ cánh loạn xạ, bay vút đi mất. Ông đến gần, chúng vỗ cánh loạn xạ, bay vút đi mất. Ông bảo cô con gái duy nhất đi lấy loại cây ấy về với hy vọng ăn vào may ra khỏi. Nghe lời cha, cô gái leo lên núi Trường Bạch Sơn, nơi cha cô đã thấy loài chim lạ. Cô bắt gặp nhiều dấu chân chim, nhiều hố con con hơi sâu và nhiều cây bị ăn mất rễ đã héo quắt. Cô đào bới các cây ở bên cạnh và nhặt được một gùi đầy củ màu trắng ngà, mập mạp, có nhiều củ giống hình người. Cô mang về rửa, cắt lát cho cha ăn. Cha cô khỏi bệnh và khỏe mạnh như trước. Cô đem số củ còn lại chia cho tất cả mọi người trong làng. Họ ăn và tất cả cũng đều khỏi bệnh. Sau người ta mới biết giống thuốc quý ấy là củ nhân sâm. Loài chim lạ, mình chắc, khỏe vì chuyên ăn nhân sâm. Người ta gọi là chim Sâm cảm...

Cha hắn phàn nàn về sự đánh bắt chim vô tội vạ. Người ta bắt chúng bằng súng săn, súng cao su, lưới chụp... Cha hắn bảo: "Cha nhìn thấy cảnh đánh bắt Sâm cảm, cha đau lòng lắm". Hắn chẳng thấy đau lòng và hắn đang tham gia vào đội quân săn bắt loại chim quý ấy. Hắn là một tay súng thiện xạ.

Hắn nhớ, hôm ấy chủ nhật không phải đến công sở, hắn chở thuyền đưa vợ đi chơi ở mặt hồ. Sáng, sương tan sớm. Nắng hửng hơn mọi ngày, hắn biểu diễn tài nghệ bắn sâm cảm. Vợ hắn ghìem chèo cho thuyền đứng im. Hắn giương súng sẵn ngắm: "Anh sẽ bắn vào đầu con vừa bay lên". Hắn vừa nói, vừa rờ súng. Đoàng! Một chút khói xanh bay ra ở chỗ nấp đạn. Con chim sâm cảm rơi chồm xuống nước, nổi lập lờ. Hắn giành lấy tay chèo bơi thuyền tới. Con chim trúng đầu, máu loang hòa với nước thành một đám hồng hồng. Vợ hắn nôn thốc nôn tháo mặt xanh mặt vàng, mặt tái xanh. Hắn không biết lúc đó vợ hắn có thai hơn một tháng. Vợ cúi kính và giận dỗi đòi về. Hắn phải thuận theo. Cuộc đi săn lần đi chơi hôm đó kết thúc ở nửa chừng. Hai vợ chồng neo thuyền về nhà, cha hắn đang hốt hoảng đi tìm thằng Công. Cha hắn thường gọi thằng Công là thằng Cò. Thằng Cò bị thợ chân từ bé. Bọn trẻ con cứ gọi là Cò thọt. Đã bày tuổi rồi mà thằng Cò thọt vẫn không nói được. Bước đi thập thễnh. Nhiều lúc nhìn con tật nguyên, hắn buồn rơi nước mắt. Cha hắn thương thằng Cò vô cùng, có cái gì ăn được cũng đắp điểm dập diệm cho nó. Thằng Cò vẫn hay làm cho cả nhà nhiều phen khiếp sợ vì nó cứ



hay thập thễnh linh đi chơi xa. Hai vợ chồng hắn chạy men theo ven bờ tìm, bắt gặp đứa con tật nguyền đang cùng mấy thằng bé đuôi theo còn cò lữa ở đám năn lác tốt lút đầu. Vợ hắn nhìn thương con đến quắt lòng.

Nhà hàng lão tai chuột càng đông khách, lão càng phải mua nhiều chim sâm cầm. Kinh tế khá lên, mức sống của người dân cũng lên theo, thêm nhiều người giàu. Người giàu thường hay sợ chết. Người giàu tuổi còn trẻ chết thì tiếc lắm, chết để vợ đẹp cho ai, tiền bạc của nả cho ai và chơi bởi chưa được là bao. Người giàu càng nhiều tuổi chết lại càng tiếc hơn, tiếc vì thời gian hưởng thụ ngắn quá. Khi xã hội công nghiệp đã in dấu ấn lên đời sống dân Hà Nội thì số người giàu này càng giàu hơn; họ như một lớp người mới - một loại người mới vậy. Cho nên bồi bổ và kéo dài tuổi thọ là mục tiêu hàng đầu của các ông chủ mới phát. Sau khi hưởng thụ đủ cao lương mỹ vị, thuốc quý trên đời, họ lại tìm đến Sâm cầm. Chim Sâm cầm quý nhất ở đôi chân, đôi chân máu lục ánh chì. Chân Sâm cầm cắt rời ra rửa sạch, sấy khô rồi ngâm rượu đủ một trăm ngày hoặc càng lâu hơn càng tốt. Rượu ngâm tắc kè, bìm bịp cũng thua xa. Chính vì thế khách đến nhà hàng lão tai chuột không chỉ ẩm thực thịt sâm cầm mà còn uống rượu ngâm chân Sâm cầm, thậm chí có người còn đặt mua hàng chục đôi chân Sâm cầm mang về nhà tự ngâm rượu lấy. Ăn uống kiểu này chả mấy mà chim Sâm cầm kiệt nọc. Người săn bắt Sâm cầm càng nhiều mà người ăn cũng lắm, càng ngày Sâm cầm hồ Tây càng thưa dần. Sâm cầm càng hiếm lại càng đắt và dĩ nhiên săn bắt cũng khó hơn.

Những cuộc săn bắt Sâm cầm đối với hắn không còn là thư giãn, là thú vui nữa mà là kiếm tiền. Một con Sâm cầm lúc khan hiếm bằng bốn, năm con lúc sẵn. Hắn lao vào cuộc săn bắt bắt tận chỉ mong nhiều chim quý bán cho lão chủ quán tai chuột.

Cho đến một buổi chiều đông. Hắn lại xách súng săn đi lên thuyền. Vợ đi làm, cha hắn đi họp tổ hưu. Không có ai coi thằng Cò thọt, hắn đành phải đưa con đi theo. Chiều đông trầm buồn. Không có ánh mặt trời, sương vẫn giăng mù ở giữa mặt hồ. Tiếng người đánh đập, mò ốc khao khao trong gió. Hắn để con ngồi ở lòng thuyền và chèo. Các loại chim nước vắng quá! Thỉnh thoảng mới có một vài con le le, vịt trời chổng góc đít mò tép. Thằng Cò lần đầu được ngồi thuyền với bố thích quá, chốc chốc lại đứng nhòm dậy thập thễnh, loay hoay trong lòng thuyền. Nó chỉ tay vào đám vịt trời thích chí kêu: khếch... khếch. Con thuyền nhỏ chòng chành, chòng chành. Hắn vỗ đầu con: "Ngồi xuống. Ngồi xuống con". Chèo thêm một đoạn nữa, hắn nhìn thấy mấy con Sâm cầm đang ngụp lặn. Mừng quá! Cứ tưởng chúng bay đi hết. Hắn lại càng mừng khi thấy một con chim Sâm cầm đầu đỏ. Hắn chèo thật nhẹ nhàng đến gần. Bắn con đầu đỏ trước và chỉ bắn bị thương bán cho lão Đồng mới được giá cao. Thấy động, đàn Sâm cầm vụt lên, hắn rê súng theo. Đoàn... Đoàn... Con đầu đỏ trúng đạn rơi xuống nước. Hắn chèo thuyền đến vớt, nhưng đến gần thò tay xuống bắt thì con đầu đỏ lại bơi xa, Hắn đã bắn gãy cánh nó, nhưng đôi chân còn nguyên. Cuộc rượt đuổi giữa hắn và con chim đầu đỏ rất ngoạn mục. Hắn quyết tâm bắt sống đến cùng. Con đầu đỏ vốn thường ăn nhân sâm nên rất khỏe, chỉ một chút xíu máu đã cầm. Nếu như con đầu đỏ không vướng cái cánh bị gãy sã thì đừng hòng đuổi theo. Hắn chèo nhanh gấp gấp dùng thuyền quần nhau với chim quý nên cũng thấm mệt. Thằng Cò có vẻ rất thích, không nói được, nó khếch... khếch kêu. Cuộc rượt đuổi vẫn tiếp tục. Thuyền đến gần, hắn thò tay chộp thì con đầu đỏ lại lặn xuống hoặc bơi xa. Cáo tiết hắn nhảy xuống xuống nước vồ. Con đầu đỏ bơi loằng ngoằng trên mặt nước. Hắn chồm người vồ, con đầu đỏ ngụp xuống, nhìn rõ chân nó đang đạp nước, nhưng nó ngụp không được lâu lại ngoi lên vì một cánh tay gãy. Cứ thế, hắn bơi đuổi theo ra gần giữa mặt hồ. Sương bay mù mịt. Cả người và con chim quý chìm trong sương.

Cuối cùng hắn cũng tóm được con sâm cầm đầu đỏ. Hắn ngoái lại nhìn thuyền, con hắn đang ở đó. Sương mù đã dày đặc. Hắn mất phương hướng hoàn toàn. Hắn không còn biết chiếc thuyền ở chỗ nào. Bị sương mù bao vây, đầu óc hắn mụ mẫm và tối tăm lại. Mặc, hắn ước lượng chỗ thuyền đổ lúc nãy, hắn bơi đến. Càng bơi hắn càng mù mịt. Hắn bị lạc vào trận đồ bát quái sương giăng...

Gần tối, hắn dạt được vào bờ thì người mê man bất tỉnh luôn. Người ta thấy một tay hắn đã nắm chặt đôi chân con chim Sâm cầm đầu đỏ. Hai mắt con chim quý ứa máu tươi.

Sáng hôm sau, khi hấn tỉnh dậy, người ta cũng nhận ra cái thuyền của hấn dạt vào bờ. Thuyền đầy nước, bị mất bại chèo, không thấy thằng Cò, cũng chẳng thấy khẩu súng săn đâu... Mùa đông năm sau. Mùa đông năm sau nữa. Chim Sâm cầm không về. Vịt trời, le le, mòng két bay đi đâu đó hết. Quán lão tai chuột đóng cửa im ỉm. Mặt hồ vắng, chỉ thấy gió hoang đuối nhau trên mặt nước. Vợ hấn lặng câm như đi ra đi vào như cái bóng. Cứ chiều chiều, người ta lại thấy hấn đứng lặng nhìn ra mặt hồ...

\*\*\*

Cái mùa đông chết tiệt ấy qua rồi. Lại mùa đông mới nữa đến. Buổi chiều ráng đỏ ối. Nhìn xuống hồ, ốc nhiều lắm, có đám chà rào chi chít ốc bám. Rong, tảo nổi lên lơ lờ. Tép tôm bung nước. Mặt hồ Tây lặng phắc. Dân ven hồ nghiệm ra cứ trước lúc trời trở rét hồ lặng phắc và các sinh vật phù du nổi lên là chim Sâm cầm về. Một tuần sau, thì chim Sâm cầm bay về di trú đông. Đầu tiên là những chấm đen xám trên bầu trời trắng đục. Các chấm đen xám to dần, to dần và bay láo nháo trên mặt hồ. Chúng chưa chịu đáp xuống mặt nước. Vợ hấn đi đón con trai ở nhà trẻ về, đứng ngẩn ngơ nhìn đàn Sâm cầm bay nhẩn nha, chao cánh. Bỗng một con vịt xuống mặt hồ, nước hồ chao sóng, nó lắc lắc cái đầu vẩy nước và ngoe nguẩy đuôi bơi. Hình như nó biểu hiện sự sung sướng và báo hiệu sự an toàn cho cả đàn. Thế là tới tấp đáp xuống mặt hồ. Chúng vùng vẫy, ngụp lặn sùng sục. Một lúc thì chúng tản ra, thưa dần. Dân ven hồ Tây bảo nhau: Đã lâu lắm rồi, mùa đông năm nay chim Sâm cầm lại về./.

## Chuyến đi săn cuối cùng

Anh cầm nỏ săn men bờ đầm Vạc ra sông Cái. Từ ngã ba sông xuống cửa biển thuyền xuôi khoảng hai giờ đồng hồ, còn ngược lên nương ngô nhà anh dưới chân đồi Con Rùa chỉ đùn sôi siêu nước là đến. Đi tắt theo suối Yên Ca là về xóm Núi, vượt qua thung Dầu vào sâu nữa gặp bản của người Mường. Ngày trước, rừng còn nhiều thú, thỉnh thoảng ban đêm lợn rừng đi kiếm ăn lạc đường chạy qua cả quốc lộ Một. Từ ngày bạt núi mở rộng dốc Sây, công trường nổ mìn xây đá, thú rừng lánh sang mạn tây nam dãy Tam Điệp hết, riêng khỉ lông xám vẫn còn nhiều. Có lẽ khỉ tiến hoá thành người, khỉ gần người hoặc giống người nên khỉ không sợ người? Núi rừng Tam Điệp dạo này không mưa. Đầm Vạc, sông Cái đang mùa nước cạn, mực nước thấp nhưng vẫn giữ được vẻ mệnh mang vốn có từ ngàn xưa. Hai bên mép nước bờ sông, và mép nước các gò nổi trong đầm, bản chua mọc lúa thừa, bám rễ vào đất nâu sậm; thỉnh thoảng một đám cỏ ngạn mọc xen vào, xanh um.

Ngày anh còn bé, cha thường chèo thuyền thúng đưa anh đi săn vịt trời, mòng két ở đầm Vạc. Cứ vào độ tháng chín ta, cỏ ngạn bắt đầu lụi, hết đêm sang ngày sóng vỗ vào gốc cỏ ngạn, lúc nước rút củ ngạn chồi hẳn ra. Khi gió heo may tràn đến, vịt trời, mòng két di trú về đầm Vạc, sông Cái trốn đông, rúc đầu vào bờ, vào gò nổi trong đầm ăn củ ngạn. Mùa heo may cũng là mùa săn mòng két, vịt trời. Dân xóm Núi bắn vịt trời bằng súng săn hai nòng, thường nhắm vào đầu, bắn chết ngay mới hòng bắt được. Bắn gẫy cánh gẫy chân, nó bơi vào bãi lầy thụt ngụp hết mình chỉ để thò mỏ chìa hai lỗ mũi thở, trốn hàng giờ không chịu ngoi lên. Cha thường bắn vịt trời bằng nỏ săn, rũi ro trúng cánh hay đuôi, mũi tên vẫn mắc lại. Vịt trời mang luôn cả mũi tên bơi, lặn trốn bị vướng rong rêu, cành cây nên không bao giờ thoát cả. Bắn vịt trời phải bắn con cái. Con cái chết, con đực chẳng chịu bỏ đi, bao giờ cũng bay vòng trở lại, lảng vảng, lúc ngụp lặn, lúc bơi, quanh quẩn bên bạn tình. Bắn trúng con đực thì con cái bay mất tích luôn, không còn cơ hội săn tiếp.

Cái giống vịt trời rất lạ. Thời gian ấp trứng hầu như do vịt đực ấp, vịt con nở, vịt đực lại dẫn đi kiếm ăn để cho vịt cái rảnh rang, nhàn hạ tự kiếm mồi nuôi thân vỗ béo, thay lông rồi tiếp tục đẻ trứng. Cha anh bảo: “Cha nghiệm ra: Vịt đực là cái giống chung tình. Ví như: Con vịt cái không

may chết thì vịt đực vẫn ấp trứng tận đến lúc nở, nuôi con đủ lông đủ cánh mới thôi. Chẳng may vịt đực chết thì vịt cái bỏ tổ trứng ấy ngay, đi tìm con vịt đực khác. Anh nói: “Cha biểu gì con chẳng hiểu gì sất”. Cha anh thở dài: “Con còn nhỏ, đường đời chưa biết hết. Lớn lên nữa sẽ hiểu”...

Càng gần nương ngô, càng nhiều mùi hương lạ. Mùi hoi hoi, nồng nồng của giống cái đang mùa động dục lẫn mùi ngai ngái, ngon ngọt của ngô non động sữa. Càng gần nương ngô, càng nhiều tiếng rào rạo, tiếng khếch... khếch của họ hàng hang hốc nhà khỉ. Anh chưa kịp giơ nỏ sẵn, hàng chục con khỉ đã rẽ cây chạy rào rào ôm bắp non chuồn lên rừng. Một con khỉ to lông mốc xám ra khỏi nương ngô cuối cùng. Anh đoán, nó cố tình thu hút sự chú ý của anh để kéo dài thời gian cho họ hàng nhà khỉ thoát thân. Anh xốt của. Nương ngô xanh đang độ bắp động sữa, có bắp trở sớm, râu bắp đầu heo héo cũng bị vật toác bẹ, đập gãy rạp cây, bắp non bị gặm nham nhở rơi lủng chông. Anh điên tiết, cầm nỏ sẵn rượt theo...

## 2.

Nỏ sẵn của cha để lại, hai chỗ tay cầm mờ hôi ra bắt màu nâu bóng từ ngày trước. Đã lâu không dùng đến nhưng cánh nỏ vẫn khoẻ và chắc. Cánh nỏ là gốc tre đực già chẻ đôi, vót nhọn thuôn dần về hai đầu, dài nửa sải tay. Thân nỏ, cha làm bằng gỗ sến, còn lấy nỏ là một mảnh sừng trâu. Mũi tên, cha cũng làm từ tre đực già, chọn đoạn thẳng, dóng dài; một đầu tên vót nhọn, một đầu gắn mảnh cật tre mỏng làm cánh lái.

Nhiều buổi hừng đông, chim chào mào đội mũ dải đen loách choách trên cây ổi trước nhà, cha gọi anh dậy tập bắn. Bài học đầu tiên: bắn những con gì, giống gì. Bài học thứ hai: lên dây nỏ. Lên dây nỏ phải thót bụng tì chuôi nỏ vào, gồng người từ từ căng bụng đẩy nỏ ra, đồng thời hai tay kéo dây mắc vào khấc hãm. Mũi tên đặt xuống rãnh nỏ ngay ngắn. Bài học thứ ba: gương nỏ, tỳ tay và ngắm vào điểm bắn. Cha làm mẫu. Phụt! Mũi tên lao đi. Con sẻ đậu ở cành dâu da rơi xuống đất...

Cha mẹ hầu như chưa bao giờ nặng tiếng với nhau. Duy nhất có một đêm, anh chợt thức giấc bởi tiếng gầm của cha: “Tôi sẽ chôn chặt trong lòng chuyện ấy. Nhưng tôi thề: trước khi chết tôi sẽ kể cho con trai tôi rõ...” Mẹ sụp xuống chân cha, van nài: “Đừng! Em xin mình! Mình đã tha thứ cho em ngay từ cái đêm đầu tiên em bước vào cái nhà này rồi mà. Sao mình còn nhắc lại?” “Nhưng mà tôi không làm sao quên được”. “Em xin mình. Mình đừng bắt con phải nghe...” Đêm đó mẹ âm thầm, sụt sùi; còn cha ngồi lặng câm đến tận sáng. Khi đó anh còn bé lắm, anh chưa cất nghĩa được chuyện gì đã xảy ra!

Tường nhà anh treo nhiều loại móng, vuốt, sừng, da thú... cha bắn từ hồi chưa cấm rừng. Mỗi lưu vật là một cuộc đời con thú; ngoài cha ra, chỉ có một người biết chúng đều là giống cái. Cha rất quý cái nỏ sẵn. Vạy mà đã có lần cha định bẻ cánh nỏ gãy làm hai.

## 3.

Đã nửa giờ đồng hồ, anh cầm nỏ sẵn đuổi theo con khỉ lông mốc xám. Rất lạ! Khi anh gương nỏ lên, ngắm; vừa bóp lẫy, con khỉ lông mốc đã rơi xuống; có thể nó rơi trước khi mũi tên lao ra một, hai giây gì đó và nằm bẹp dưới đất như chết. Anh khoác nỏ lên vai, đến nhặt chiến lợi phẩm thì bỗng nhiên nó nhoát dậy, vụt tót lên cành cây cao. Cứ thế, nó như người nhử mồi, anh đuổi theo bắt bóng. Con khỉ đã thành tinh của rừng xanh thật rồi, nó nhanh nhẹn, tàng hình như ma. Một phờ râu cáo, anh nằm vật xuống gốc cây mã tiền bên bờ suối Yên Ca. Mồ hôi túa ra, hai gối mỏi và bàn chân sát xước rớm máu bởi gai cào. Khỉ thật! Đúng là khỉ thật! Nó cứ nhoàng nhoàng, ẩn hiện trước mắt. Và bây giờ, nó đang ngồi trên cành cây cao kia, dạng roác háng gãi sồn sột.

Hoá ra là con khỉ đực. Nó trêu ngươi anh? Nó đùa giỡn anh? Không! Anh nhầm. Chẳng lẽ con khỉ đực tinh ranh đã biết nhử anh đuổi theo để con khỉ cái lông đen và con nó tẩu thoát. Khá khen cho nghĩa phu thê, cho tình phụ tử, và lòng chung thủy của giống đực. Con khỉ cái có biết trời đã ban cho nó người chồng vĩ đại bậc nhất núi rừng Tam Điệp không?

Nghĩ đã! Anh toài người xuống vốc nước lên mặt. Nước suối ở chân núi Lò Vôi trong lành tinh

kiết làm anh tỉnh táo hẳn ra và anh lại nằm ngửa trên cỏ xanh ngắm nhìn những tia nắng đang chiếu xiên qua kẽ hở vòm lá. Con khỉ lông mốc xám vẫn ngồi trên cành cây cao kia, nó không còn gãi háng nữa, nhìn anh. Anh nhìn lại. Con khỉ lông mốc xám, đít đỏ hơn hồng, trán nhăn nhoe và hói, nó như một lão già gương mặt mang đầy dấu vết dày ải khắc nghiệt của thời gian.

4.

Lúc sắp chết, cha anh như ngọn đèn dầu lạc lụi dần, lụi dần. Cha gọi anh đến bên giường. Mặt cha hốc hác, hai mắt trũng sâu kéo lông mày xuống khỏi trán, mái tóc muối tiêu và má tóp lại..., chẳng tìm đâu sức sống trên gương mặt của cha. Ai cũng phải già cõi, bệnh tật rồi chết, nhưng thời gian, mưa nắng và sóng gió cuộc đời tàn phá gương mặt cha đến thế này thì anh không tưởng tượng nổi. Hai giọt nước đục rịn ra hai khoé mắt, cha thều thào: “Cha đã định không nói. Cha sẽ mang theo xuống mồ. Nhưng con còn trẻ, con ngu ngơ mà cuộc đời đầy trắc ẩn, không lường hết được... Đến lúc chết, cha vẫn thương cái thân cha, thương con, thương những thằng đàn ông, con ạ. Con có nghe cha nói không? Có à. Con ơi. Con có biết cha đi săn cứ nhằm bắn giống cái không?”. “Đừng! Em xin mình...” Mẹ ở đâu đó lao vào, mẹ gục đầu vào lòng cha và cha không nói được nữa. “Đừng! Em xin mình! Đừng bắt con phải nghe...” Vẫn cái điệp khúc năm xưa mẹ van vỉ cha. “Mình đã thương em, mình đã im lặng cả cuộc đời. Em xin mình thương cho chết.” Cha vẫn câm lặng. Không gian trong cái nhà kín cửa che gió cũng dần nén đặc quánh lại. Anh bàng hoàng quá. Anh lờ mờ hiểu ra cái điều cay đắng chịu đựng bao năm nay của cha. Bỗng mẹ ngồi dậy thở dài và mẹ quán mái tóc sỗ tung, xoa sượt lại: “Thôi! Tôi không xin mình nữa. Cả đời tôi, tôi lam lũ vì cái nhà này, tôi cúc cung chịu tội từ cái đêm đầu tiên tôi làm vợ mình, nhưng mình vẫn để bụng dai dẳng quá. Tôi cần rơm cần cỏ xin mình. Mình chẳng thương, tôi đành chịu.” Mẹ anh giơ tay áo quệt nước mắt và bước ra ngoài. “ Bu! - Anh nhìn thẳng vào mắt mẹ - Cha đang cần bu lúc này”. Anh nói và giữ tay mẹ lại. Bước chân mẹ ngàn ngữ, do dự, mắt ầng ậng nước. May sao lúc đó cha anh bảo: “Mình ngồi lại. Tôi xử với mình tệ quá... Tệ quá!”.

Mẹ anh khóc và mắt anh cũng rơm rơm nước.

Cha anh mấp máy cặp môi khô: “Mình nằm xuống với tôi một lát đi”. Anh đỡ cha lui vào phía sát tường cho mẹ nằm bên cha. Cha nhấc tay phẩy như bảo anh đi ra ngoài. Mẹ nức nở, tức tưởi vì sự kìm nén được giải tỏa, mẹ khóc như chưa bao giờ được khóc. Cha bảo: “Mình! Mình đừng khóc nữa.” Mẹ vẫn khóc to. Cha vuốt vuốt mái tóc có nhiều sợi bạc của mẹ, một cử chỉ của người đang yêu, mới yêu: “Tôi thương mình! Mình có nghe tôi nói không? Bây giờ tôi mới yêu mình. Tôi yêu mình thực lòng mà”. Cha anh nói rành rẽ, tỉnh táo quá. Như ngọn đèn dầu có cháy bùng lên trước khi lụi tắt, cha đang dồn hết tinh lực còn lại để nói những lời yêu thương với mẹ, lời nói yêu thương muộn màng của người sắp chết.

Mẹ mừng rỡ, hỏi: “Mình tha tội cho em thật chứ?”. Cha gật đầu, bảo: “Mình đưa cho tôi cái nỏ sẵn.” Mẹ lo lắng kêu: “Ớ các con ơi! Thầy chúng mày làm sao thế này.” “Không làm sao đâu. Mình chiều tôi đi, mình đưa cái nỏ sẵn cho tôi mà”. Cha anh van nài.

Anh từ ngoài thềm bước vào, đến bên tường lấy nỏ sẵn thay mẹ đưa cho cha. Cha cầm ngược nỏ sẵn: “Tôi bẻ gãy nỏ... mìn... ình nhá”. Mẹ nắc lên: “Mại ơi! Thầy mày sắp đi rồi!” Chưa bao giờ anh bình tĩnh như thế, anh nhìn kỹ thân hình cha. Cha co chân phải. Cha ngác đầu, tì cánh nỏ vào đầu gối. Cha cổ mấp môi, gồng sức bẻ. Cha kiệt sức, nằm vật xuống chõng tre. “Tôi không đủ sức rồi... mình ạ!”

Dường như bầu trời đã sụp xuống chân anh, bỗng chốc lại kéo vút lên xanh thẳm tầng tầng không. Anh ra ngoài đầu thềm hè ngồi. Hoàng hôn đỏ ối nhuộm hồng một góc dãy núi Tam Điệp. Cha đã không bẻ nổi cái nỏ, cái nỏ sẵn cùng bao đau đớn, buồn vui đi theo suốt cuộc đời cha. Chưa bao giờ anh mong các chị và em gái về quây quần tụ họp như lúc đó.

5.

Loạt soạt. Lạp xạo. Rồi lại loạt soạt. Tiếng rã lá và bước chân trên cành khô làm anh giật thót mình. Tiếng động đánh thức cơn mộng mị đang chìm trong ký ức đưa anh trở lại với rừng. Lại

một con thú nữa. Mùi hoi hoi của giống khỉ phảng phất. Có thể là một con cái đang mùa động dục. Anh gương nỏ và đặt ngón trỏ vào lỗ. Nhưng anh giật mình, anh chớp chớp rồi mở to mắt. Anh hoảng hồn và anh trấn tĩnh. Không thể tin được: một bờ vai đàn bà.

- Sim! Cô Sim. - Anh buột miệng gọi to.

- ơ kia. Anh Mạ!

Sim chui khỏi lùm cây và bước ra chỗ trống. Dây quai sọt níu trễ một bên vai, mồ hôi nhễ nhại trên trán. Thì ra là Sim đi lấy lá thuốc cho chồng. Chồng Sim tên là Lùng ốm từ nhiều năm nay, gần đây thỉnh thoảng lại co giật. Lúc túng bán, ốm đau quá, Lùng chịu không được quát mắng cả Sim. Có người độc miệng bảo Sim mang bệnh tật đến cho Lùng, nên thằng chồng ốm đau quặt quẹo từ ngày lấy vợ. Biết vậy nhưng anh vẫn hỏi:

- Cô Sim sống hạnh phúc chứ! Lùng có khoẻ không?

Dường như Sim không để ý. Cô thật thà nói:

- Nhờ trời, anh Lùng lúc nào yêu thương. Nhà em vẫn khoẻ.

Anh biết Sim nói dối. Say rượu, Lùng vừa thương cảm chân hạ cẳng tay làm vợ thâm tím mặt mày vừa mắng chửi, nhiếc móc vợ. Sim được cái nhẫn nhục, chịu đựng. Biết vậy mà anh vẫn không buông tha:

- Vẫn khoẻ sao Sim phải đi lấy thuốc? Hay tìm sâm quý bồi bổ cho chồng!

- Em đi lấy củ bình vôi. Cái giống bình vôi mọc trên núi đá vôi này hiếm quá.

- Trên núi Lò Vôi ấy, ngày trước tôi và Lùng hay leo núi bắt sáo, thấy đầy.

Sim búi lại búi tóc đang sắp sỗ tung. Cổ gáy lộ ra trắng quá. Sim vẫn đẹp. Cuộc sống vất vả ở vùng bán sơn địa này không làm dáng vẻ cô hao gầy. Gái một con trông tròn con mắt, Sim vẫn đẹp, đảm thắm và quyến rũ. Đôi vú đang lúc cương sữa, nhô cao, sữa rịn ra thấm ướt hai đám áo tròn như lòng bàn tay trước ngực. Sim vẫn khoác cái sọt đứng tựa vào gốc cây sồi già, gương mặt buồn quá. Một thoáng ân hận vì vừa lỡ lời móc máy, anh dịu giọng bảo:

- Thôi cô Sim về đi, kéo người ta nhìn thấy.

- Anh vẫn cố ý tránh mặt em. Anh sợ mang tiếng à?

- Là tôi nói Sim về đi chẳng chồng em mong, con em chắc đang đói sữa đấy. Trẻ con đói sữa là nó quấy.

- Cái số em nó khổ thế. Giá ngày trước anh Mạ đừng ra phố.

- Tại Sim không chờ tôi.

Sim nghẹn ngào, nước mắt ứa ra...

6.

Đêm tân hôn.

Lùng và Sim sùng sục trong buồng. Cái buồng ở xóm Núi nhà quê bao giờ cũng thiếu thiếu sáng. Lùng và Sim nhào vào nhau sung sướng, đam mê, hạnh phúc... Đến khi tỉnh ra, Lùng lộ tội tờ giấy bản trải giữa chõng tre đã bị chà sát, dầy vò nhàu nhĩ nhưng vẫn một màu trắng ngà. Một đám ươn ướt bằng lòng bàn tay không màu sắc loang ở giữa tờ giấy.

- Thế này là thế nào?- Lùng gào lên.

Sim sợ hãi, ôm chần nẹp nép ở góc giường.

- Khốn nạn! Thế này là thế nào?

- Em không bi... ết!

- Hay là cô với... thằng Mạ?

- Khô...ông!

Sim cũng gào lên rồi gục mặt vào gối cưới tức tưởi, nấc... Lùng đau đón bước ra ngoài thềm hè ngồi. Đêm về sáng, núi rừng Tam Điệp tối đen mông lung, hoang dã càng làm cho Lùng đau đớn hơn.

Một lần, hai lần rồi nhiều lần Sim quỳ sùng đầu gối thề sống thề chết chưa một lần ăn nằm với thằng đàn ông nào... Lùng vẫn im lìm, lạnh tanh. Càng im lặng nỗi đau càng dồn nén chồng chất, Lùng thành kẻ vũ phu... Sim không thanh minh được, không san sẻ được cùng ai. Cái trinh trắng, quý giá của người con gái phải tự người đàn ông biết; giá như cái bánh bột lọc thì

bóc ra cho chồng xem trước rồi mới cho chồng ăn...

Chuyện ấy qua lâu rồi, Sim ngậm đắng nuốt cay và gồng mình gánh chịu, đến khi không chịu được, Sim tìm đến anh, kể lể...

7.

Nếu ở hoàn cảnh như Lùng, anh sẽ xử sự với Sim như thế nào? Im lặng, chịu đựng? Hay phá tan cái gia đình vừa gây dựng nên? Anh không lấy mất sự trong trắng của Sim nên chẳng có tội với Lùng. Anh yêu Sim, ngồi bên nhau chỉ dám cầm tay, hôm nào nồng nàn quá không kiềm nén được cũng chỉ vục mặt vào ngực Sim để hít no nê mùi da thịt con gái thôi. Anh đi học xa xóm Núi ra phố và muốn Sim cùng ra phố. Mẹ Sim già lão, một mẹ một con, bà không chịu cảnh chia xa. Sim nghe lời mẹ, phụ tình anh lấy chồng làng. Cũng may anh chưa làm gì nên tội. Anh không làm hại đời Sim nên mỗi khi biết Lùng đánh Sim, hành hạ Sim, anh cũng không quá khổ sở và ân hận mà chỉ thương.

- Không sống được với nhau thì bỏ.

- Còn con cái, còn nhiều cái ràng buộc lắm, anh Mạ ạ.

Sim im lặng. Cả hai người im lặng. Bao tình cảm vui buồn, thù hận, yêu thương, bỗng ùa về lẫn lộn.

- Anh Mạ có biết, nhà trai ở Hà Nội về nhà chú Hào ăn hỏi cái Thêm không?

- Em gái tôi còn nói: họ để ô tô ngoài đường cái, thuê xe ngựa về xóm Núi cơ.

- Thế nên anh Mạ mới vác súng đi săn để tránh mặt?

Sim đã nói trúng ý nghĩ của anh, nhưng anh vẫn gồng lên:

- Nương ngô nhà tôi khỉ phá quá. Cô đừng nói làm tôi khổ thêm nữa. Tôi bạc tóc cũng vì người ta bạc tình.

- ...

Mãn tang cha, mẹ giục anh lấy vợ. Mẹ đồn đảo ở làng trên xóm dưới tìm cho anh một cô gái chân quê. Một cô thợ cắt cỏ chưa đi khỏi làng bao giờ thì càng tốt. Anh cười bảo: "Sao cứ phải là quê mùa. Thời con gái, bu đã từng đi buôn vải cơ mà". Dường như, anh đã chạm vào nỗi buồn của mẹ. "Vậy nên bu mới khổ cả đời. Đàn ông đàn ông các anh chỉ nghĩ đến cái thân mình mà chẳng thương thân người ta." "Thế là bu trách thầy con." "Là bu nói thế. Thôi cứ để bu lo cho kéo lại khổ truyền kiếp." Nhưng mẹ vẫn không tìm được vợ cho anh.

Cho đến một buổi sáng đầu mùa hạ, sau chuyến xe ngựa từ làng ra, anh gặp "Chíp hôi" bên ngã ba đường chờ xe lên thành phố. Hôm ấy, nắng sớm, cỏ bên đường còn ngậm sương long lanh, vệt trời nháo nhác kiếm ăn trên đầm Vạc. Người làng Sơn Hạ đang quẩy quang gánh vào thung Dâu cắt cỏ tranh về lợp nhà. "Chíp hôi" cặp cặp, chân đi dép lê, tóc túm đuôi gà cháy nắng đỏ hoe, đôi mắt to đen, ngơ ngác. "Chíp hôi" gầy nhẳng, kẻ móng tay đen đúa đọng bùn đồng cỏ rửa chưa hết. "Chíp hôi" có một cái gì đó chất phác đến ngây thộn lại trắng trong, thuần khiết bên ông bố quê mùa, xách tay nải gạo thật thà như đém. Cha "Chíp hôi" hồ hởi:

- May quá! Tôi nghe nói anh làm ăn ở ngoài đó, nhưng mà ngại không dám đến cậy nhờ. Cũng là người làng ta cả, hay là anh cho em nó theo ra Hà Nội với. Chứ ngoài đó lạ nước lạ cái, tôi đi cũng chả biết xoay sở thế nào.

Thì ra chú Hào đưa "Chíp hôi" ra Hà Nội tìm chỗ luyện thi vào đại học. Chuyện đó đối với anh chẳng khó khăn gì, được giúp người làng ở nơi xa xôi nhiều khi còn được tiếng, anh bảo:

- Chú Hào và em gái cứ yên tâm. Cháu cũng tiện đường mà. Em gái không ngại thì gần chỗ cháu làm cũng có một lò luyện thi.

Chú Hào mừng rỡ:

- Thật nhá! Thật nhá! Anh cho cái Thêm đi theo nhá. Ồi giờ ơi! Quý hoá quá!

Người nhà quê thật thà, tin người nhưng nghèo, thường khi được giúp đỡ thì hàm ơn và mừng lắm, nhiều khi cái sự mừng lại thái quá. Anh khế liếc thấy đôi má "Chíp hôi" đỏ bừng lên, e thẹn. Cùng làng Sơn Hạ, nhà anh ở sát chân núi, bên đầm Vạc; chú Hào ở bên kia đồng Cỏ lối đi chợ Bút, xuống mạn biển. Lớn lên anh đi suốt, thỉnh thoảng mới về nhà, nên tầm tuổi như "Chíp

hôi” anh không biết.

Căn hộ mười hai mét vuông tí tặn tầng năm thuê đã nhiều năm, anh nhường cho “Chíp hôi” ở học ôn. Tiếng cười, tiếng nói, bàn tay của người con gái mới lớn làm căn hộ vốn quá đỗi cũ kỹ, tẻ nhạt, buồn thảm, bừa bộn trở nên mới mẻ, ấm cúng, vui và gọn gàng. Hai bữa trưa, tối anh leo cầu thang, đi chợ nấu cơm chờ “Chíp hôi” đi học về cùng ăn. Đêm, anh về phòng làm việc ở cơ quan ngủ. Cái điệp khúc ấy lặp đi lặp lại đúng một năm trời.

“Chíp hôi” vào đại học, cả nhà cô mừng quá. Chú Hào đến chơi, hàn huyên một lúc rồi chân tình nói với mẹ anh: “Con gái đi ra khỏi nhà lúc nào tôi lo lúc ấy. Các cụ ngày xưa bảo: Trâu ta ăn cỏ đồng ta, thặng Mai nhà bác mà ưng ý thì tôi giao phết cái Thêm cho nó luôn.” Mẹ anh rầu rầu bảo: “Được thế thì quý hoá quá. Thặng Mai nhà này đường vợ con lận đận, quá lừa rồi. Liệu cô Thêm nhà chú có thương không.” Chú Hào gạt phắt: “Không thương mà được với tôi à. Ăn quả nhớ người trồng cây. Con Thêm nhà tôi được ăn trắng mặc trơn, nhớn như ăn học sung sướng như thế là do anh Mai giúp. Cứ như ngày xưa thì bố mẹ đặt đâu con ngồi đấy.” Mẹ anh nói chuyện mà cứ thở dài hắt hắt...

Bạn bè anh, người khen “Chíp hôi” thật thà, hồn nhiên. Họ còn bảo anh tốt số, ăn về đường hậu lộc. Người nói: “Ôi dào ơ! Thiếu gì loại người ăn cháo đá bát. Đủ lông đủ cánh là nó vù. Không khéo cốc mò cò xơi. Anh chàng Mai chả đại gái một lần nữa cho mà xem.” Thôi thì đủ lời ra tiếng vào, bàn luận mối tình quá chênh lệch tuổi tác của anh và “Chíp hôi”. Thây kệ đời, thiếu gì người hiểu hoàn cảnh mình thương mình thật lòng nhưng cũng đầy ra loại đồ kị chả muốn người khác hơn. Giá như “Chíp hôi” tuổi nhiều thêm chút nữa, giá như “Chíp hôi” sắc đẹp chỉ mức trung bình, thậm chí xấu xí một tẹo, có khi người ta thương mình mà vun quén chứ ai nở đằm tiếu, phá ngang. Thoát khỏi đồng Cỏ, đầm Vạc, không phải ăn ngô, ăn sắn lát, rau dong, “Chíp hôi” lớn ngồng. Nước da trắng hồng, mặt rạng rỡ, tươi tắn, má hơi bầu; mỗi khi nói, lúm đồng tiền lõm xuống nhấp nhánh, đôi mắt to đen mơ màng làm bọn con trai cùng lớp ngẩn ngơ. “Chíp hôi” ra ở ký túc xá, nhưng chẳng tối thứ bảy, chủ nhật nào vắng thiếu cô trong căn nhà anh thuê. Đáng người ấy, đôi mắt ấy, tình cảm ấy, “Chíp hôi” thổi sinh khí làm sống lại tâm hồn căn cối vì đau đớn của anh. Anh lằng lằng sống trong niềm sung sướng, đam mê mới...

Rừng mở toang ra trước mặt một khoảng trống đầy nắng. Anh nhìn thấy mây bay và vòm trời cao xanh. Khỉ cái và con nó đang ngồi trên hòn đá mồ côi sưởi nắng. Nó đang điềm nhiên tận hưởng niềm yên ổn do vị hôn phu mang lại khi đánh lạc hướng đi săn của anh. Anh vạch lá rón rén đến gần, nó vẫn không hay biết gì. Anh gương nỗ sẵn nhằm vào lưng khỉ cái và ngón tay trở từ từ... xiết lấy. Có cái gì đó nhoáng qua điểm ngắm. Nhưng mũi tên đã lao vút đi rồi. Một tiếng kêu đau đớn ré lên. Không phải tiếng kêu của giống cái. Thì ra con khỉ đực vừa nhảy xuống, hứng trọn mũi tên, chịu thay khỉ cái. Có thể là cú nhảy tình cờ của khỉ đực lông mốc xám, cũng có thể là lòng hy sinh cao thượng của giống đực?

Không còn bóng dáng khỉ cái. Con khỉ đực bị mũi xuyên vào bả vai, máu ra, đọng thành một vũng nhỏ trên mặt đá. Đau quá, nó rên khe khẽ và đưa đôi mắt đờ dại như van lơn, như cầu xin anh đừng đuổi theo giết bạn tình và đưa con nhỏ bé, dại khờ của nó. Một bắp ngô rơi ra lăn vào vũng máu. Nó biết lấy dây rừng buộc vòng quanh bụng và đi bẻ ngô non giắt vào. Sự cù cung tận tụy của giống đực vừa cao cả vừa ngu xuẩn. Xót xa quá! Tàn nhẫn quá! Anh hối hận. Anh thấy mình u tối và có tội. “Kẻ tốt như mày sẽ còn khổ, còn đau đớn nhiều vì sự dối lừa.” Anh lẩm bẫm. “Ta sẽ phóng sinh mày, ta tìm cho mày một nơi yên ấm, mày hãy cách xa cái giống cái bạc tình kia.”

Anh đi tìm lá thuốc dẫu để dịt vết thương cho nó. Lòng vòng một lúc anh mới tìm được lá cây Ngọc Hoàn, dân xóm Núi gọi là Tu linh. Lá thuốc dẫu này đắp vào vết thương là cầm máu ngay, không bị sưng, chỉ ít ngày sau liền miệng. Lúc đó, anh mới nhớ đã bỏ quên cái ná sẵn, không mang theo bên mình. Anh quay lại chỗ hòn đá mồ côi ở khoảng rừng trống. Một cảnh tượng đập vào mắt anh: Con khỉ cái đang cào cào chân trước vào vũng máu có bắp ngô non nằm lẫn lóc. Nó tru lên những tiếng thốn thức. Không thấy con khỉ đực đâu, chả lẽ nó đã lết đi

chỗ khác.

Con khi cái cau mày và cầm nỏ sẵn lên ngoạm mồm vào dây nhai nhai. Bộ răng hô chuyên gặm thức ăn nuôi thân, nuôi con chịu bất lực bởi dây nỏ làm bằng ruột mèo trắng được sao tẩm, về sẵn kỹ rồi cất lên gác bếp hong khô, rất dẻo và dai. Nó phát khùng, ném nỏ sẵn xuống đất. Cùng lúc đó có tiếng khếch... khếch. Khi cái liềm bỏ hòn đá mờ coi chạy về phía tiếng kêu ở gốc cây sồi. Anh cũng đến lấy cái nỏ sẵn tội nghiệp của mình.

Anh kinh ngạc không tin ở mắt mình: Khi cái nhe răng cắn chặt rút mũi tên ra và nhai lá thuốc đập vào bả vai khi đực. Có tiếng rên khe khẽ như là đau đớn thật, như là nững nịu hờn dỗi. Khi cái vin cành cây loà xoà ở bên bút lá chụm lại như hình cái phễu; một tay cầm phễu lá, một tay nặn vú đang cương sữa. Sữa chảy vào phễu lá, rồi chảy xuống mồm khi đực. Một lát, con khi con ở đâu đó chạy đến, nó trở mắt nhìn nỗi đau của người cha và sấn đến mẹ rúc đầu vào ngoạm núm vú. Khi mẹ gạt con ra. Khi con bú không đúng lúc, nó làm rối bận mẹ. Có thể nó rất đói, không được bú sữa mẹ vì phải chạy trốn cuộc săn đuổi của anh. Khi con lại rúc đầu vào bú, khi mẹ lại gạt ra. Mỗi lần gạt con không cho bú, khi mẹ lại nhăn trán, cau mày kêu khếch... khếch... như thể dần lòng một cách đau đớn lắm... Cứ như vậy, đến lúc khi mẹ không chịu được, cái tiết gạt mạnh làm khi con lăn lóc mấy vòng.

Gớm thật! Lúc này, sự sống còn của chồng và tình phu thê cần thiết hơn tình mẫu tử? Anh thoáng nghĩ nhanh và cầm nỏ sẵn nhắm nhắm bước đến. Thấy động, khi cái hốt hoảng. Anh đứng lù lù trước mặt nó và chĩa cái nỏ sẵn đã căng dây. Con khi cái chẳng mảy may sợ sệt, đứng hẳn lên che chắn cho khi đực bị thương và tay phải quơ vội khi con quặt về phía sau. Mắt anh và mắt khi cái đều rực lửa, ánh mắt phóng ra chạm vào nhau. Anh chĩa thẳng nỏ sẵn và ngón trở đặt vào lấy nỏ. Kỳ lạ thay, khi cái không chạy, mở to mắt hết cỡ, ưỡn ngực che chở cho chồng con...

Tự nhiên trời đất chao đảo trên đầu, dưới chân anh. Anh cảm thấy mọi sự bon chen toan tính, bạc tình, mưu lợi của con người đều vô nghĩa hết. Bỗng dưng anh học được một bài học vô giá ở núi rừng Tam Điệp. Anh ngao ngán định vứt nỏ sẵn ở lại với rừng, nhưng nghĩ ngợi một lát, anh lại thôi.

Năm học cuối cùng qua mau, anh và các bạn xúm vào lo cho “Chíp hôi” đi làm ở Hà Nội rồi vội vã đi công tác xa. Ba tháng sau, anh về không còn nhận ra người mình yêu thương nữa. “Chíp hôi” của anh đi giày khùng bó, mặc áo te tua hở ngực lộ cả chân vú. “Chíp hôi” đánh son môi màu nâu Hàn Quốc, tóc nhuộm hoe hoe vàng... “Chíp hôi” ngồi trên xe máy Bones 125 sau lưng một chàng trai cùng cơ quan ăn mặc rất ngẫu. Anh đau xót nhìn cái xe Cúp bãi rác, tiếc tiền không dám gửi ở tầng một, mỗi lần cất phải cài số vừa rờ ga vừa đẩy lên tầng năm. Sau này anh mới biết chàng trai ấy con một ông vụ trưởng.

Một vài lần gặp gỡ nữa, dăm ba câu hờ hững, vu vơ, nhạt phèo, “Chíp hôi” càng ngày càng xa anh rồi xa hẳn. Chú Hào biết, chú lồng lên Hà Nội và cha con cãi nhau. Chú Hào có lý của chú, “Chíp hôi” có lý của “Chíp hôi”. Vua thua đũa liềm, có phải thời cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy đâu. Chú Hào đến gặp anh, mặt chú nhăn nhó, khổ sở, ngượng ngùng, nói lời xin lỗi. Chú bảo: Thôi con rể chẳng được thì chú nhận anh làm con trai. Anh biết chú Hào thật lòng, không đả bôi, nhưng con rể chẳng xong, làm con trai phỏng có ích gì, thân phận này làm chưa nổi đổi lại làm thân phận khác chắc gì đã hay, ê chề lắm. Anh đau đớn nuốt nỗi buồn vào lòng.

Hoàng hôn đã buông trên dãy núi Tam Điệp. Nỏ sẵn khoác một bên vai, tay nải có củ bình vôi lấy ở núi Lò Vôi khoác một bên vai, anh ưỡn oải bước. Về đến đầu xóm Núi, mẹ anh đã chờ ở gốc cây dẻ, bảo:

- Người ta dòm thấy anh với con Sim ở suối Yên Ca, người ta về kể cho chồng nó nghe.

Chuyện đã qua rồi, còn hẹn hò nhau ở rừng làm chi. Bu lừa dê đi qua nhà Lùng, thấy con Sim khóc lóc quá. Nhà Lùng tính hay ghen, ốm đau quặt quẹo thế mà phũ, chắc lại đánh vợ. Anh làm sao thì làm...

Tự nhiên máu trào lên mặt anh:



- Lại còn thế nữa. Tiên sư cái thằng Lùng. Bu cứ để con liệu.
- Anh đừng có liều đấy.
- Bu không phải lo.

Anh cầm luôn nỏ sẵn chạy lúi tắt đến nhà Lùng.

Tiếng trẻ con cười, nói bi bô. Tiếng người ốm thở ậm ạch. Anh nhìn qua khe cửa. Tất cả diễn ra không như mẹ anh nói. Không cãi cọ, đánh chửi nhau. Người ta bảo vợ chồng nhà này như phường chèo, vừa vỡ mâm vỡ bát xong lại anh anh, ả ả. Anh không thể tin ở mắt mình: Ngọn nến cháy chập chờn toả sáng, người Lùng nhỏ thó, quắt queo, không còn cái dáng vạm vạp của gấu rừng ngày xưa nữa. Sim đang vạch áo ấn núm vú vào miệng Lùng. Tay phải đỡ đầu, tay trái Sim nặn sữa. Người ốm bú tóp tếp rất khó nhọc. Và ở bên là thằng bé nịu áo mẹ, cười trơ lọi.

Anh không còn biết nói thế nào nữa. Đặt củ bình vôi ở thềm hè, anh lặng lẽ bước ra. Hoàng hôn vẫn đang ửng hồng. Anh leo cầu khỉ qua suối Yên Ca về nhà. Mải leo, mải nghĩ, anh vô tình để rơi tuột cái nỏ sẵn xuống suối. Anh thần thờ đứng giữa cầu nhìn trời, nhìn đất, nhìn núi rừng Tam Điệp, nhìn dòng suối Yên Ca đục đục trong, trong đục... khi hoàng hôn đang lụi dần.

## Cái nón chóp mê thủng chóp



### Sương Nguyệt Minh

Con gái làng tôi chân to. Vợ tôi chân cũng to, mông càng to. Người ta bảo, do lợi ruộng trũng nhiều, gồng gánh lắm nên phát triển chiều ngang.

Dân làng lam lũ. Vợ tôi cũng lam lũ. Suốt ngày cắm mặt xuống ruộng cấy những mảnh mạ. Chân đất. Quần xắn đến bẹn. Đầu đội nón mê. Khi nón mê thủng chóp thì úp che vai cà; mua được nón mới cũng dềnh dang so đi tính lại cả tuần vì tiếc tiền. Tôi xa nhà, phận nghèo đổ lên vai vợ gánh.

Tôi tên là Bần, vợ tên là Tèo. Hai con trai ngoan hiền, học nhàn nhàn mỗi năm một lớp. Gia cảnh đầu tắt mặt tối quanh năm mới đủ ăn. Tôi là tay công chức làng nhàn của một cơ quan văn nghệ ở Hà Nội. Mỗi tháng một lần nhẩy xe đồ mang lương ba cọc ba đồng về quê nịnh vợ.

Vậy mà, dùng một cái tôi trúng to cổ phiếu chứng khoán. Cái thời ban đầu rất nhộn nhạo; chứng khoán tôi mù tịt. Bạn tôi là phóng viên kinh tế báo N rú: “Tao đi Trung Quốc, mấy thằng cha làm ở Nhân dân nhật báo xui: Mày có tiền chơi ngay chứng khoán đi. Nước nào cũng thế, lúc đầu nó nhốn nháo thật giả, vài năm sau đi vào niêm luật, quy củ thì hóa bằng gửi tiết kiệm.”

Tôi bốc giời, bảo: “Tôi có ba mươi triệu đồng vợ dành dụm tiền bán gà ngan, lúa khoai, đang định mua con xe máy cưới đi về. Đánh liều, tôi đưa hết cho ông”.

Thời tiết thị trường nóng lạnh, bạn tôi thính hơi lắm, mua mấy vạn cổ phiếu. Tôi theo đóm ăn tàn, được bạn bày mưu tính kế mua giúp ba ngàn cổ phiếu của Công ty F mệnh giá mười ngàn đồng một cổ phiếu.

Một thời gian sau, mệnh giá lên gấp sáu mươi lần; chỉ số VN - Index vượt qua ngưỡng 1170. Bỏ quá. Tôi tính bài ăn non, bán vội được cả đồng tiền; buồn bán gì cho lại.

Bố công ăn cơm tập thể năm giường cá nhân, tôi mua căn nhà liền kề bốn tầng. Ôi trời ơi! Cứ như nằm mơ một bước lên thiên đường.

Tôi đưa vợ lên Hà Nội xem nhà mới. Cái sân nhỏ có cầu thang ngoài đi riêng lên tầng hai; tầng một cho Văn phòng địa ốc thuê, thừa tiền cả nhà sống sung túc.

Nàng mừng run người. Cái thân cạo giấy quèn của thằng Bần tôi bỗng chốc vụt sáng lung linh và đáng trọng nề trong mắt nàng.

Thằng cha Giám đốc Văn phòng địa ốc sực mùi đàn ông, mắt chớp chào như xe đạp sang vành, đứng dưới sân nói chớ lên: “Gớm bà chị nái nầm nhỉ?” Tôi bảo: “Nạ dòng. Sề ròi.”

Gã đàn ông cười giả lả: “Vài tháng nữa chả “trơn lông đồ da” ngay cho mà xem. Khối anh giai chết mê mệt đấy”. Vợ tôi dụi đầu vào vai áo chồng, cười tít mắt: “Cái anh gì vui tính, thích nhỉ”.

Cũng phải chuẩn bị một số đồ dùng trước khi đưa con rời làng ra phố. Tôi chở vợ đến siêu thị Big C mua đủ bộ nhà bếp từ xoong chảo, đĩa bát sứ đến con dao, cái thìa, lọ đựng hạt tiêu...

Nàng bảo: Bao nhiêu năm ở quê dùng toàn đồ đạc cũ, cái thì sút xiu, cái thì cóc cáy; nay phải dùng đồ mới cho sang trọng và xứng tầm nhà mới. Chẳng hiểu sao vợ tôi nhanh thích nghi thế.

Buổi chiều, vợ tôi giục đi mua tủ sách. Nàng muốn các con bắt ngờ và khách đến chơi nhìn chỗ nào cũng thấy sách. Nàng lý luận, một căn nhà hạnh phúc và học thức phải là nhà có sách.

Tôi rất ngạc nhiên, nàng nói giống như cha tôi. Lời lẽ cao siêu từ ông đồ nho còn sót lại ở thế kỷ 20, từ một trí thức, hoặc ít ra là người yêu môn xã hội nhân văn nào đó, chứ không phải từ miệng người đàn bà chân lấm tay bùn.

Ở nhà quê, làm lụng tối ngày có bao giờ nàng đọc sách báo đâu; nghe hát thì toàn những bài sến ỉ eo đến não lòng. Chiều lòng vợ, tôi lên một danh mục sách, bảo xích lô chở nàng ra phố Nguyễn Xí cứ thế mà chọn.

Nhưng nàng chọn sách theo ý mình, cứ quyển sách nào dày cộp, đóng bìa cứng là nhặt. Ba xe xích lô chất ngất toàn sách là sách, lăn lóc như chở mứt Tết thu hồi vì quá đắt; hết gần hai mươi triệu, đồng tiền nóng rất lên.

Về nhà, nàng hí hụi xếp sách vào ba cái tủ kính khung gỗ mới bóng sáng choang. Chả ra đề ra mục, lộn xộn, cứ cao bằng nhau là cho vào cùng ngăn; văn chương xếp lẫn với kỹ thuật làm bèo hoa dâu, Triết học Hêghen đứng chung với Kỹ thuật trang điểm cô dâu...

Phân tâm học Freud sống cùng Phương pháp nuôi chó cảnh. Rồi tập san thơ câu lạc bộ người cao tuổi Gừng càng già càng cay, tiểu thuyết diễn tình chữ to, Ái ân vợ chồng cần biết...v.v... cứ loạn cả lên.

Vợ tôi bảo: Bạn bè anh toàn trí thức, nhìn thư phòng này có mà báỉ phục. Không đứra nào khinh đứợc nhà mình vô học. Tôi dở khóc dở mứợc, muốn tìm cái lỗ nẻ chui xuống. Thì ra, lâu nay vợ chồng ít gần nhau, tôi hiểu nàng rất lơ mơ.

Tôi bảo vợ: Thôi, còn việc nữa là về báo cáo bố mẹ việc chuyển nhà ra phố. Từ nay, chúng ta sống cho ra cuộc sống con người. Đứờng mặc cảm quê mùa nhếch nhác mà cũng không hoảng quá; cứ chậm chậm tiền dần đến giàu sang.

Chúng tôi bước sang chương sử mới từ quê ra phố.

Sau mấy đêm trần trọc mắt ngủ, tôi quyết định thưa với cha. Quả thật, không dễ dàng chút nào. Ông luôn nghĩ tôi đã lấy vợ làng, sinh con ở quê, nhà cửa bố mẹ sắm cho đứờ huề vườn rau ao cá; bố con anh em quây quần vui vẻ, còn đi đâu nữa.

Cha tôi bảo:

- Gọi cả chị Tèo ra đây tôi biểu. Anh Bần này. Anh đứờng số tha hương, bỏ làng. Tôi biết thế nào cũng đến ngày này.

Tôi lặng im. Vợ tôi từ buồng ra, khép nép ngồi bên chồng.

- Ngày này thế nào cũng đến - Cha tôi đái lại, giọng đờn côi, buồn day dứt, đầy bất lực. - Nhưng sao nó nhanh quá. Cứ như đứra con bị giàng khỏi tay mình.

Tôi không dám nhìn vào đôi mắt già nua của cha.

- Cha đứờng bận tâm quá. Chúng con đi rồi chúng con lại về.

- Anh Bần này. Đờn con anh, cháu anh; liệu chúng nó có về không?

Tôi không trả lời nổi câu hỏi của người cha. Chắc chắn đờn con tôi sẽ thưa lần về, đờn cháu tôi sẽ ít nữa; rồi đờn chút, chút, chút, chút... sẽ thôi hẳn. Cha tôi là người từng trải, bắt đắc chí.

Ông có hẳn "một bồ chữ" thánh hiền trong đầu, nhưng Nho học thất thế, lỗi thời, đành bỏ đi làm thợ mộc, một năm đến mười tháng ăn cơm thiên hạ suốt từ Tuyên Quang, Thái Nguyên đến Nghệ An, Sơn La... Lúc tuổi già mẫn bóng mới chịu về quê hẳn.

Cha tôi nhìn bóng nắng xế chiều rưng rưng ngoài sân, cái nắng rất dễ làm người ta xúc đứờng:

- Chị Tèo này. Anh chị mang đứợc cái gì ở nhà này đi thì tùy. Ở phố không thiếu, nhưng chỉ vác cái thân ra khỏi nhà là tôi tủi lắm.

Vợ tôi nhìn chồng, hai mắt chờ đờn. Tôi hoang mang, nửa muốn ra đi nửa muốn ở lại. Không ngờ giây phút rời nhà lên phố lại nặng nề, khó nhọc thế.

Cha tôi có hai người con trai, tôi là út. Thời trước, nhà chỉ có hai đờn, kể như là hiểm. Đờ anh cả một thời gian rất dài, sau mới sinh thêm tôi. Thoát cảnh đứợc đờn, cha tôi làm thịt con lợn bằy chực cân đái cả làng.

Cha mẹ tôi là người cả nghĩ hay lo. Bất cứ thứ gì ông bà cũng sắm hai: Hai cái nhà, hai cái xe đạp, hai cái mâm đồng, hai cái chày giã cua, hai cái thớt gỗ nghiêng, hai đồng bạc trắng hoa xòe để đánh gió... Tất nhiên là để cho hai xuất đình là anh cả và tôi. Anh cả tôi ra ở riêng từ lâu và anh đã được mang nửa số đó đi theo.

Bây giờ, nhà tôi ở Hà Nội mặt phố to đùng, bán đi có thể mua hết đất làng Yên Hạ, đồ dùng modern sang trọng chẳng thiếu thứ gì. Cha già mẹ héo chẳng biểu xén, nuôi dưỡng lại cuôm đi thì còn ra cái giống gì.

Vợ tôi một mực chỉ xin đồng bạc trắng hoa xòe. Hóa ra, nàng cũng là dâu thảo, không tham. Mẹ tôi khóc sêu sớn, kể lể. Mới vài tuần trước cô con dâu còn cặp cùm cật giữ đôi bát chiết yêu, lau chùi mâm đồng sáng choang, ngắm nghía thích thú quá; vậy mà nay nó đứng dưng.

Cứ như cửa để dành bà sắm ra con cái chẳng cần, thành đồ thừa; rồi sẽ đến lúc hai cái thân già này cũng thành đồ thừa nốt. Cứ như con cái đi ra phố là đi mãi, không có ngày về. Hóa ra, cái sự đi - ở nặng nề hay nhẹ nhàng là do tâm sự con người mà ra cả.

- Còn cái nón mê thủng chóp đây vậy cà kia; tôi cũng muốn anh chị mang đi theo.

Tôi cứ tưởng tai nghe nhầm. Cái nón mê thủng chóp! Chẳng đáng giá gì. Nón mê ở cái làng quê nghèo kiết này, nhà nào cũng có. Nó gắn liền với tuổi thơ tôi lam lũ đi tát mức, đi trâu bò..., lúc nào cũng đội trên đầu thoi cả tóc ra. Thói nhà bần hàn tham công tiếc của, tận dụng được là chẳng bao giờ chịu vứt.

- Anh Bàn này. Chẳng biết anh có hiểu ý tôi không? - Cha tôi hỏi.

Đọc được sự khó chịu của vợ, tôi đánh mắt lờm và nhanh miệng:

- Vâng. Ý cha dạy thế là phải.

Rồi tôi rảo bước ra vai cà nhót lấy cái nón mê thủng chóp, lấy cái rổ úp thay vào...

Cái nón mê thủng chóp theo vợ chồng tôi ra phố. Hai thằng con tôi đứng dưng, thoát khỏi làng quê tù túng, chật hẹp, chúng đã có niềm vui thú riêng.

Dù vợ không muốn, tôi vẫn treo cái nón mê thủng chóp lên tường phòng khách ở tầng hai.

Căn phòng ấy được bạn tôi là họa sỹ mỹ thuật công nghiệp thiết kế lại nội thất, phối màu trần trắng, tường màu be sáng; treo cái nỏ săn cũ kỹ và duy nhất bức tranh chép Người đàn bà xa lạ của một họa sỹ Nga. Nay lại thêm cái nón mê thủng chóp cũ kỹ ngự cùng người đàn bà xa lạ quý phái.

Nhà mặt đường, vương sân để xe, chậu cây cảnh. Tầng một cho Văn phòng địa ốc thuê hai mươi triệu đồng mà vẫn được thêm lời cảm ơn. Chi tiêu rủng rỏ, nhưng vợ tôi vẫn đòi đi làm. Tôi cười cười, bảo:

- Tèo ơi! Một bước Tèo lên tiên rồi, cứ an hưởng thái bình cho bố những ngày mò cua bắt ốc.

Nàng không giận:

- Phải giàu nữa. Em muốn làm cái gì cho gia đình mình giàu hơn nữa.

- Em chỉ quen việc đồng áng, biết làm cái gì ở đất này. Thôi, chịu khó chăm ba bố con anh.

- Cơm nước, dọn dẹp thì đã có con bé Ôsin rồi. Xem ti vi nhiều cũng... cha...án. Ngồi dưa, sơn móng chân và buôn dưa lê với mấy chị hàng phố cùng cảnh nhà quê mới chuyển lên phố mãi cũng nhạt.

Nàng làm bộ giận. Ngúng nguẩy ngồi thụp nhanh, cái mông như mỏ cối giã gạo dội xuống đi văng. Váy ngắn bị gió tốc lên thành cái nôm rồi lật vải lên để lộ cả hai cặp đùi to như cây chuối hột. Giọng vẫn khi dỗi:

- Bạn bè cũng chẳng có, ăn không ngồi rồi, chân tay bí bách lắm.

Tôi chữa bí bách chân tay cho vợ bằng cách gọi lắp đặt internet dịch vụ trọn gói. Thế giới truyền thông làm cho người ta khôn nhanh quá thể. Hướng dẫn vài buổi tối, nàng đã gõ bàn phím nhao nháy, biết lang thang mê mải trong thế giới mạng.

Tôi đưa cha tôi lên phố chơi ít ngày. Thực ra ông không muốn, vạn bất đắc dĩ phải đi vì muốn xem con cháu ăn ở thế nào. Cũng là dịp báo hiếu, tôi dặn con bé Ôsin thực hiện nghiêm ngặt chế độ thực đơn chăm sóc ông.

Người già thường đi ngủ sớm và dậy sớm; cứ tám giờ tối ông đã lên giường và bốn giờ sáng tỉnh giấc. Nhưng đêm đầu tiên ở nhà con cháu, ông mất ngủ. Sáng hôm sau, ông ỉu oải:

- Tối qua mới chợp mắt một lúc, tiếng gì cứ huỳnh huỵch, bình bịch ở tầng trên dội xuống đầu làm tôi tỉnh giấc. Thế là thức đến sáng luôn.

Tôi chợt nhớ đến cái máy tập thể hình. Tối nào vợ tôi cũng mặc áo thể thao màu đỏ chói liên mảnh hở đùi hở nách hở vai, chạy bịch bịch trên đường băng tải cao su, rồi lắc mông, thụi eo, véo mặt... Chiến thuật hạ vòng eo mẹ sề từ 100 xuống vòng eo 60 của hoa hậu đang diễn ra quyết liệt.

- Cha không để ý cái máy tập thể hình ă? Vợ con tối nào cũng tập. Tiếng động hơi to, nhưng vài bữa là cha quen. Để con bảo nhà con nhẹ nhàng...

Cha tôi không nói gì.

Hai thằng bé ăn sáng xong lễ phép chào ông rồi đi học bằng xe ô tô nhà trường đưa đón. Cha tôi chợt nhớ cái xe đạp:

- Cái xe tôi mua cho anh đi học ngày trước đâu rồi?

Tôi không biết nói với cha thế nào. Cái xe đạp Thống Nhất khung gióng ngang cộc cạch theo tôi từ thời trung học phổ thông. Nó cõng tôi ngày đồng tháng hạ và chính nó biết tôi chữ nhiều hay ít, ngoan hiền hay nghịch ngợm suốt thời học trò.

Đến lượt vợ tôi cũng kéo kệt đạp xe đi chợ Bút, chợ Lồng bán rau mua muối. Mùa màng bận rộn ít dùng, để lâu lớp xẹp hơi, bụi phủ, sợ bọn trẻ nghịch làm đổ, cha tôi lấy dây chuối buộc neo chặt vào song cửa sổ.

Trúng quả cổ phiếu, tôi mua nhà, mua luôn con xe máy Dylan, cái xe đạp cày thành đồ thừa. Hôm chuyển nhà, thò xong mấy thứ lật vặt ra ô tô con đậu đầu làng, tôi cho phát thằng bé hàng xóm, kèm theo thối lên mặt dạy đời: “Ông sắm cho chú đi học từ thời quần áo một bộ diện bốn mùa. Được như ngày nay là từ cái xe cà tàng này đấy...”.

Vợ tôi hóng chuyện, chen vào tông tặc kể chồng đem cho cái xe đạp cũ. Cha tôi thở dài bảo: “Đã xử thế, tôi còn biết nói thế nào nữa. Tôi cứ nghĩ anh chị giữ lấy làm kỷ niệm. Cả như tôi thì tôi cho thằng bé tiền để nó mua cái xe khác...”.

Vợ tôi vốn tính nhanh nhẩu, nghĩ gì nói nấy: “Loáng một cái, nhà con mua con xe máy hơn trăm triệu đồng bằng cả đàn trâu của làng ta; con tính chẳng cho cái xe đạp cà tàng đi thì để làm gì? Chặt nhà!”.

Cha tôi tím bầm mặt. Ông bước ra ngoài lan can, lặng lẽ hút thuốc lào. Tôi vội kéo vợ vào trong phòng, trừng mắt lườm: Sao cô ăn nói đoảng thế?

Bạn bè tôi đến chơi.

Tất nhiên, cái nón mê thùng chóp gây ngạc nhiên đầu tiên cho khách. Nó không được yên thân với đám bạn tôi luôn coi trời bằng vung, lảm chửi nghĩa lại phũ miệng: Thời gian của người... Tân cổ giao duyên... Uống nước nhớ nguồn... Hồn quê... Hoài niệm... Đi tìm ký ức...v.v và v.v... Chúng bạn ra sức đặt tên bình phẩm cái nón mê thùng chóp; cứ như nó đã là tác phẩm nghệ thuật phi phàm có sức chinh phục ghê gớm.

Không biết cha tôi nghe rõ hay loáng thoáng mà không thấy tỏ thái độ gì. Tôi bảo: Cha đừng để ý. Cái bọn văn nghệ sĩ bạn con độc miệng lắm. Cha tôi vẫn lặng im. Hay là ông không thèm chấp.

Tiền khách xong, vợ tôi mặc váy ngủ mỏng tang, co một chân lên ghế, nhả nha cát từng khoanh dưa chuột đắp vào mặt dưỡng da. Mỗi lần mất ba mươi phút, nàng nằm ườn trên đi văng với tay vịn to nùm điều khiển âm thanh.

Cái âm li Nhật kỹ thuật số nhả nạt tua đi tua lại bài hát Chuyện tình Lan và Diệp nảo nề buồn héo hắt. Chân nàng bắt chéo gác lên tay ngại ghế. Hai gót chân vẫn còn vết nứt nẻ; ở quê thì bảo do văng phèn chứ ở phố ăn trắng mặc trơn mà sao nó lâu khỏi thế.

Vợ tôi thích diện váy ngủ màu hồng, xức nước hoa hiệu Chanel... Cũng do vài cô bạn hàng phố mới quen bày cho chứ nạ dòng nhà quê ra phố, biết gì.

- Cái đám bạn anh ngộ chữ, một tấc đến giờ. Chỉ được cái giỏi tán nhăng tán cuội.

Vợ tôi nói, những miếng dưa chuột trên má cũng rung theo, rất tức cười.

- Em nói thế là nghĩa làm sao, hả?

- Nghĩa là cái nón mê chỉ là nón mê. Nó giống như rế rách chổi cùn. Cô hàng phố sang chơi nhìn cái nón mê, cười chảy nước mắt ra. Em phát ngượng.

Tôi lặng người. Yết hầu trôi lên, tức nghẹn cổ. Mở toang tủ lạnh, chỉ chưa đến mức chui vào trong, tôi tu ừng ực hết sạch chai nước khoáng Lavie nửa lít.

Cha tôi gọi tôi đến phòng ông đang ở:

- Tại anh không biết dạy vợ ngay từ ngày mới rời nhà ra phố. Bảo nó làm gì thì làm chỗ khuất. Hai thằng con trai lớn rồi. Nhìn chướng mắt.

Tôi ừ hử cho qua chuyện. Tôi chưa bao giờ định sống suốt đời nơi phố phường. Cái khó bó cái khôn, lấy tiền đâu mua nhà, rồi vợ con làm gì để sống ở cái nơi phồn hoa đầy khắc nghiệt.

Thành phố không chứa tôi, chỉ là nơi tôi ở tạm để rồi khi về hưu sẽ vui cảnh ao cá vườn rau. Vậy mà, nhà cửa to đẹp như trên trời rơi xuống. Tự nhiên nảy nòi ra một con vợ mà đến chồng cũng không nhận ra. Tôi đã làm cho cha nhọc lòng.

Cha tôi phàn nàn hai thằng cháu ít trò chuyện với ông. Ngày trước còn ở nhà ông cháu chơi đùa, thằng bé túm râu ông giật giật, ông quý gối làm trâu cho thằng lớn cưỡi; ông cháu cưỡi tít mắt. Bây giờ, chúng như người đưng nước lã. Đi học về chào ông lấy lệ rồi thằng nào tót vào phòng thằng ấy. Chán mớ đời!

Tôi giải thích: Bài vở các cháu học ngập trời; khoác túi đựng sách giáo khoa cồng lưng như khoác ba lô thời chiến trận. Với lại chúng mải vào mạng internet thôi, chứ không phải hững hờ ít tình cảm với ông. Dường như còn rất nhiều điều uất ức chưa có dịp nói ra, cha tôi cúi:

- Cái bản mặt anh công chức quèn khó đổi thay, nhàn nhạt, đều đều như kim giây đồng hồ chạy. Đếch biết cái gì ngoài cái thân anh. Anh có biết thằng Giám đốc Văn phòng Địa ốc hay chạy xe máy chở vợ anh ra khỏi nhà không?

Tôi lại giải thích:

- Vợ con muốn làm ăn. Đang bàn đặt số đồ cái nhà này vào ngân hàng vay tiền đánh quả nhà chia lô. Chắc đi với nhau để xem đất cát, nhà cửa.

- Nói như anh, tôi nói làm đếch gì. Chúng nó về đến sân này còn tranh nhau hơn thua, ai nhảy đẹp hơn ai. Tôi còn nhìn thấy cả vết son môi trên mặt trên gáy thằng kia; của vợ anh hay của con nào? Mà con vợ anh vừa thoát khỏi cảnh chân lấm tay bùn, mò cua bắt ốc thì biết gì để buồn bán địa ốc ở cái nơi lạ nước lạ cái này cơ chứ?

- Xin cha đừng nóng. Để từ từ con liệu.

- Từ từ thì con vợ anh sẽ biến thành con gì? Anh có biết từ Hán - Việt suy đồi nghĩa là gì không? Là tình trạng suy tàn và hư hỏng đến mức tột tệ về phẩm chất đạo đức, tinh thần. Con vợ anh nó suy đồi rồi.

Suy đồi! Tôi chết lạng người. Cha gay gắt kết tội và dành cho vợ tôi lời lẽ nặng nề quá. Tèo không thể như thế. Con người ta có thể đánh mất mình, nhưng không thể nhanh như vậy. Nếu có chẳng, vợ tôi đang có xu hướng tha hóa mà thôi.

Tôi xin phép cha đi nằm. Vật mình xuống giường, ngực dềnh lên từng đợt sóng, đợt sóng nào cũng đau. Bao nhiêu tiếng ong ong trong tai.

Vợ tôi vừa đi ra ngoài về. Dường như không biết chồng đang khó ở, nàng kêu nóng bức, tụt cởi hết sạch không còn mảnh vải, thối thẹn chạy vào phòng gạt vòi nước hoa sen chảy xoe xoe.

Tôi đẩy cửa phòng tắm, lao vào giơ tay tát cho một cái; nhưng chưa kịp thì nàng đã cầm vò hoa sen xịt xối xả nước vào mặt tôi; hết như những lần hai vợ chồng đùa nghịch lúc tắm chung. Nước lạnh làm tôi hạ hỏa. Còn nàng cười nghiêng ngả tắm thân trần; đôi vú to gần bằng cái ầm tích vật bên này rồi lại vật sang bên kia.

Cha tôi bỏ về quê.

Tình đầu là con mèo hoang ở đầu đó tha về nhà tôi một hĩm, hai cu mèo con. Chúng bé tí hin, mũi xinh xinh phớt hồng, móng chân trắng nhỏ xíu như lộc xoan mới nhú đầu xuân, lông màu đen tuyền rất đáng yêu.

Thằng con bé bắc ghế đứng lên, vớ tay hạ cái nón mê xuống. Con bé Ôsin lấy nắm giẻ lau bàn khô phủ lên chỗ chóp nón thủng lót thành cái ổ cho ba con mèo nằm đặt ở gầm cầu thang. Ngày ngày, hai đứa bót phần cơm và đầu cá len lén giấu mọi người đem nuôi mèo.

Bỗng vợ tôi nhận ra mùi cứt mèo, đi lục lọi tìm. Nàng nhăn mũi: “Mèo đến nhà là khó, chó đến nhà là may”. Rồi nàng tru tréo: “Con Ôsin đâu, cứt mèo chua lôm mà mày ngửi được à? Dọn mau”. Con bé dạ vâng rồi rít.

Nàng càng giận dữ, bốc hỏa mắt khi nhìn thấy cái quần xilip viền đăng ten, thêu bông hoa hồng của mình đang lót ổ lũ mèo hoang. Nàng không nhận ra cái xilip ấy đã ngả màu cháo lòng, ổ màu nước chè.

Thưa bạn đọc! Viết đến đây, tôi cần phải thanh minh ngay cho con bé Ôsin tội nghiệp vì cái tính cố hữu tận dụng triệt để, nhưng hay quên của người vợ.

Nàng thái quần áo cũ ra, rất thích cầm kéo cắt các dây dợ lằng nhằng của cái cooc xê - từ thuần Việt là nịt vú; lấy nguyên hai mảnh trần mút cong như núi đôi để làm cái lót tay bụng nôi xoong khi nấu nướng.

Xilip thái ra còn gọi là quần lót, nàng cuộn lại làm giẻ lau bàn. Con bé Ôsin cùng giới chả sao; nhưng để chồng, hai thằng con trai, và bố chồng phải lót tay bụng nôi và lau bàn bằng những cái khỉ gió ấy, khó coi lắm; khách đến chơi nhìn thấy càng ngượng. Tôi nhặt ném vào thùng rác mấy lần rồi. Vài ngày sau, đã thấy Tèo lấy cái khác hoặc moi trong thùng rác ra dùng lại.

Không thể cắt nghĩa được chuyện này. Có thể thông cảm với vợ; nhưng việc nàng quát tháo tổng ngay lũ mèo đen ra khỏi nhà thì rất đáng giận.

Ở quê chả sống quây quần với chó mèo, mùa rét con mèo mướp còn chui vào trong chăn ngủ cùng ấy chứ. Vậy mà, nàng ca thán cái nhà đẹp đẽ, sang trọng, quý phái mà lại thêm chứa đồ mèo đen hôi hám, chua lôm.

Xả hết cơn bực tức, nàng xồng xộc xuống sân. Chỉ một lát, tiếng xe máy rồ lên gất gỏng.

Cha tôi biết chuyện. Ông thờ dài ngao ngán. Ông ngăn bọn trẻ đừng vứt mèo đi, rồi vào phòng thu xếp quần áo. Ông bảo các cháu chịu khó học hành, ngoan ngoãn; ông phải về, ông về kéo bà mong.

Một tay giữ túi khoác vai, một tay ông ôm nón mê thủng chóp đựng ba con mèo bé tí hin, đi ra khỏi cổng. Hai thằng cháu trai và con bé Ôsin ngỡ ngàng không kịp nghĩ giữ ông lại. Chúng nó đứng lặng nhìn ông đi ra bên ô tô cho đến lúc bóng ông khuất hẳn ở cuối phố.



Tôi về nhà, cha tôi đã đi khỏi từ lâu. Mở tủ rượu, dốc chai tu một hơi, tôi bỏ lên phòng nằm bẹp... Tôi không khóc mà nước mắt cứ trào ra. Tôi buồn chán. Tôi cô đơn ngay trong chính ngôi nhà mình.

Cái nón mê thủng chóp là năm tháng tuổi thơ của tôi. Làng tôi nghèo, dường như nhà nào cũng nén vại cà. Cơm thì bữa nguyên bữa độn, lúc cháo lúc rau và cà thì nén quanh năm. Cà vào bữa đực bữa cái tháng ba ngày tám, cà lên mâm cỗ Tết, cà ra ngoài đồng với thợ cây thợ cấy.

Nhà quê thiếu thốn đủ thứ, đến cái vung, cái nẹp đập vại cà cũng hiếm. Cái nón nắng mưa dãi dầu trên đầu mẹ tôi, đến lúc bẹp mê rồi, và thủng chóp đứt nắm tay luôn qua được mà cũng không bị vứt đi. Phần cuối đời nón vẫn còn có ích làm bóng râm che mát vại cà.

Cha tôi bắt con mang nón mê thủng chóp lên thành phố là có lý của người cha. Nhưng tôi chưa kịp nói cho vợ con biết sự có mặt của nó rất cần thiết trong căn nhà mới này. Bây giờ, cái nón mê thủng chóp lại về đúng nơi nó ra đi rồi. /.

## Lửa cháy trong rừng hoang

Bản Cón Nhợi có một cái nhà xim. Tối tối, trai gái mới mười lăm, mười sáu tuổi đã bị bố mẹ đuổi đến đó để nói chuyện tình và ngủ. Nhưng chập tối, trai gái bản Cón Nhợi chưa đến nhà xim ngay mà cầm đuốc gọi nhau đi xim. Đuốc đốt bằng thân lồ ô lửa cháy đỏ rừng. Đi xim tựa tựa như dưới xuôi đi chơi, để tán nhau. Đi xim có từ thuở nào không ai biết, ngay già làng Sanh cũng bảo, lớn lên đã thấy đi xim có lâu rồi. Các bà mẹ dấm dúi ấn vào tay con gái một nắm lá rừng không có tên. Vậy là cái bụng nó yên rồi, con gái bản Cón Nhợi sẽ chẳng bao giờ làm mất mặt bố mẹ phải để già làng dùng luật tục xử. Cái lá không tên ấy người dưới xuôi chẳng biết, hỏi người bên kia biên giới lá gì cũng mù tịt. Bà ngoại truyền cho mẹ, mẹ truyền cho con gái... thì đến đàn ông trong bản cũng chịu nói gì đến người bản khác. Kèn lá thổi lí loi, tiếng hát bay chấp chới trời đêm. Con trai, con gái đi xim đến lúc thấy hơi thở là của nhau, vị ngon ngọt đầu lưỡi là của nhau, trời lộn xuống đất, đất ngồi lên trời thì tách đàn, dụi tắt đuốc, rủ nhau vào lùm cây. Tay chân quấn quýt xoắn vào nhau, mùi thịt da quện vào hơi thở nồng nàn át cả mùi cỏ ngai ngái tỏa ra tức tưởi vì bị giẫm đạp, chà xát. Khi trên đầu, ông trăng lặn, ông sao mờ; khi dưới đất, sương đêm tưới đẫm cỏ cây, tóc tai ướt nhèm mới buông nhau ra, đi về nhà xim ngủ tập trung. Sáng sớm, ông Mặt Trời chưa mọc, chim chảnh chọe cãi nhau bên hồi nhà; họ đã thức dậy đi về nhà mình. Con trai mặt mày hớn hờ vắc riu, vắc nõ vào rừng. Con gái ửng hồng hai má, mồ hôi lấm tấm trên sống mũi, thỉnh thoảng nhoẽn miệng cười thắm; xay ngô, giã gạo, đi nương để rồi đến tối lại í ới gọi bạn tình.

Sáng thích Plăng, Pui cũng thích Plăng, nhưng Plăng chỉ cầm nắm lá không tên theo Sáng vào rừng thôi. Sáng đi xim nửa năm thì cán bộ về bản, cả bản chỉ mình Sáng được chọn đi học trường nội trú ở tỉnh. Lần đầu, Sáng xuống núi. Đi một tháng không về, đi ba tháng cũng không về, một năm sau Sáng về thì Plăng đã là vợ của Pui rồi. Sáng ghen, Sáng nuốt cái tức giận vào lòng. Thì ra cái lá rừng không tên mất thiêng. Có lẽ bà mẹ lẫn lẫn hay cố tình đưa nhầm lá nên cái bụng Plăng cứ mỗi ngày một to thêm. Già làng xử phạt rồi cho Pui và Plăng cưới nhau. Có phải: Pui sang bản Tý, bản Miệt, bản Roong... Pui vượt núi sang cả bên kia biên giới. Pui làm nghề thiên lợn, thiên gà, thiên trâu bò rong. Pui có nhiều bạc trắng mà Plăng yêu Pui không? Đã thế Sáng bỏ học ở tỉnh về nhà lấy Siu con gái ông Roi trưởng công an xã. Siu thích Sáng lắm! Chỉ tội chưa bao giờ Sáng đi xim với Siu. Lấy Siu cho đỡ ngựa cái mắt khi nhìn Plăng giặt quần áo cho Pui ở suối Lồ Lô, cho đỡ ghen cái họng khi nghe Plăng nói lời âu yếm với Pui.

Nhưng phận Sáng hẩm quá. Lấy Siu mới đủ tháng, chưa kịp có con thì Siu đã bị con ma bắt. Sáng như người mất hồn. Làm ma cho con gái xong, ông Roi bảo Sáng: "Khổ thân mày! Cái số mồ cô vợ tao biết. Chờ con Sa đến tuổi đi xim, tao gả cho, thay con Siu chị nó. Không phải bắt chồng, ở rể đâu". Sáng buồn như con chim rơi mất tổ, như con nai đực lớn đến mùa cỏ non mà chưa có đôi.

Chuyện ấy qua lâu rồi.

Hôm nay, Sáng đi với trưởng bản Mun đến nhà Pui đâu phải chuyện ấy mà là chuyện nhà nước. Pui nằm cuộn như con sâu bên bộ bàn đèn đã ngả màu nâu bóng. Pui mở trap tra một bi nữa, mảy may như không có công an Sáng và trưởng bản Mun, như hút thuốc phiện là việc riêng của Pui vậy:

- A! Sáng. Mày ám tao hả? Không sợ dân bản bảo mày ghen ăn tức ở à?

- Mày hút như con trăn nuốt khói, nuốt hết cơm gạo của vợ con rồi.

- Sáng. Chuyện riêng của nhà tao. Plăng có ca thán gì đâu. Mày biết tao đã ghen là như con lợn lòi phá rừng đấy.

- Chuyện riêng nhưng cũng là chuyện của làng của nước. Pui à.

- Nhà nước có bỏ tù người hút thuốc phiện đâu. Già làng cũng chưa bảo tao bỏ bàn đèn - Pui vỗ vỗ vào cái tù và sừng trâu đen bóng đeo toong teng ở ngực trưởng bản Mun - Đeo tù và không thối, dân bản có ghét anh Mun đâu. Mày cứ như con nghé vừa lớn ngựa sừng. Mày đừng đâm bị thóc chọc bị gạo. Tao cũng không muốn mày gặp Plăng nữa, Sáng à.

Pui rung đùi, Pui tra tiếp một bi nữa. Cái lý của Pui sai quá mà sao Sáng không bắt bẻ được. Sáng cầu vào hông trưởng bản Mun như ngầm bảo: Cái thằng Pui hồng quá, đi khỏi nhà nó cho khuất mắt, để nổi giận khỏi bùng lên. Nhưng mái nhà sàn của Pui đột lỗ chỗ rơi cả nắng xuống sàn rồi, đêm chắc sẽ nhìn thấy cả ông trắng sáng, ông sao mờ nữa. Cái bếp giữa nhà lạnh tanh nguội ngắt, mấy cái nồi đất nằm ngòl lỏng chỏng, lười nhác quá. Thóc gạo, khoai ngô, đỗ tương có còn đâu mà nổi lửa, chúng theo nhau vào quán mụ Dơi đổi lấy bạc trắng, đổi lấy tiền mua thuốc phiện, thuốc phiện thành khói trong bụng Pui rồi. Còn Plăng nữa kia! Đứa bé còn đồ hỏn ngặt nghèo địu trên lưng, cái bụng Plăng đã to lùm lùm. Plăng cúi gằm mặt không ngước lên nhìn Sáng. Khuôn ngực căng mẩy đập dềnh và đôi má ngày trước lúc nào cũng ửng hồng có lúm đồng tiền như xoáy nước cuốn bao nhiêu trai bản vào đó đâu rồi. Plăng tong teo như cây lau mùa đông. Thương Plăng quá! Vợ con mày sẽ còn khổ, Pui ơi.

Ra khỏi cổng nhà Pui, trưởng bản Mun rút tẩu thuốc rê to như con ốc nhồi ra khỏi miệng, nóp bụng thở dài:

- Ấy dà. Trời sinh voi trời sinh cỏ. Đến quán mụ Dơi làm tộp rượu thôi, Sáng à.

- Tôi đang muốn dẹp cái quán đó. Anh có còn là trưởng bản không? Anh Mun.

- Tao có bỏ tù và đâu. Tao vẫn đeo đây này.

- Cái mụ ấy, tôi không để yên đâu. Bảo không được là tôi đập cái mặt ti-vi nhà nó, ném ắc-quy xuống suối cho mụ Dơi biết mặt tôi.

- Ấy dà! Mặc nó, trời sinh voi thì trời sinh cỏ, Sáng à. Ô kìa! - Trưởng bản Mun neho mắt nhìn sang vạt nương có vệt nắng kéo dài. Một người đàn ông đội mũ nồi đang ngồi ngất ngưỡng trên lưng trâu - Tôi có nhìn gà ra con cuốc không? Có phải trưởng công an xã Roi đi họp huyện về?

- Không nhầm đâu Mun ơi. Tôi, Roi đây.

- Chắc là mới ở quán mụ Dơi ra. Mặt mũi đỏ tía như gà chọi kia. Ông Roi. Bản làng có việc gì xảy ra không để tôi còn rúc tù và nào?

- Cũng thường. Như ngày hôm qua, Mun à.

- Có vấn đề đấy. Bố vợ không biết đâu.

- A! Sáng. Mà cũng ở đây. Sao mà không chào bố vợ. Con Sa đến tuổi đi xim rồi mà biết chưa.

- Tôi đang bực cái mình. Có vấn đề đấy.

- A! Sáng. Mà đừng cậy được học ở công an huyện về bản nhìn con mèo ra con hổ. Ấy dà. Mà như con chim mới ra rành. Bao giờ mới có sỏ trong đầu hở Sáng. Chẳng lẽ tao ươm hạt chưa nảy mầm đã thối à?

- Cái bản vỡ như động rừng rồi, bố vợ không biết đâu.

Bản Cón Nhội vỡ rồi. Vỡ từ hôm mụ Dơi ở phố huyện dọn về. Sao lại nảy nòi ra cái quán hàng tạp hóa, bia rượu, karaoke ấy nhỉ. ở đây có phải phố huyện đâu. Chỉ tại mụ Dơi thôi. Già làng bảo: "Mụ Dơi hơn Sáng độ năm, sáu tuổi, có đôi tay thêu thùa may vá giỏi lắm. Đạo còn ở bản gặp anh cán bộ thương nghiệp trẻ lên mua đồ tương cầm kèn ácônica đi xim. Mê quá, Dơi bỏ người tình thổi kèn lá theo anh thổi kèn tây. Xuống phố ăn nằm với nhau một thời gian thì vợ anh ta ở dưới xuôi lên đánh ghen. Hết tình hết nghĩa, mụ quay về bản đem theo cả cái thói buôn gian bán lận ở phố huyện về". Mụ Dơi về, cái xấu cũng về theo. Con trai con gái bỏ đi xim vào quán của mụ Dơi uống rượu, bia, hát hò. Hết tiền thì chúng nó xúc cả lúa, ngô, đồ tương mang theo. Nhạc nhẽo ở quán mụ Dơi cứ cà giựt cà giựt chối tai lắm. Cắm mặt vào màn hình nhìn mấy đứa con gái ăn mặc như cỡi trường uốn éo, rồi hát theo, ngượng quá.

Sáng về nhà mình - nhà già làng. Lũ trẻ con đứa cời trần, rồn lồi như quả nhót, đứa mặc quần thùng dít, thò lò mũi đang vây quanh già làng dưới gốc cây cổ thụ. Già làng vo thuốc rê nhỏ như quả gấc nhét vào miệng con rắn, con rắn say khật khừ nghễnh cổ vươn cao, vươn cao như dây thừng, thao láo mắt nhìn trong tiếng cười, tiếng kêu xô đẩy thích thú của bọn trẻ.

Già làng kéo Sáng vào gầm cầu thang đưa thuốc rê cho Sáng. Sáng cầm tẩu thuốc tra cán vào miệng, rít, phả khói xong, Sáng nói:

- Thuốc của già làng cho con rắn ngậm con rắn say, người ăn thịt rắn lại say đứ đự ba ngày ba đêm cho mà xem. Làng bản có luật tục, nhà nước có phép nước, sao già làng không đưa mấy thằng hút thuốc phiện ra xử cho bản làng yên.

- Mà có lớn mà chưa có khôn cháu ạ. Làng ta không có luật tục xử người hút thuốc phiện. Việc ấy là của nhà nước, của bố vợ mà.

Sáng thờ dài nóp cả bụng:

- Lành như con trăn đất, bố vợ tôi biết gì đâu.
- Trăn đất mà nuốt được cả lợn độc đấy. Mà đừng tưởng lão Roi khù khờ.
- Tôi thấy bây giờ trời đất cứ lộn tung phèo.
- Tao còn thấy trước cả mày. Mày có nghe trẻ chăn trâu, chăn ngựa hát nghêu ngao:

Thuở khai thiên lập địa  
Thời đo đất đo nước  
Nước đã lành như đất  
Đất đã hiền như người  
Thời người phở về làng  
Còn đâu thuở hồng hoang?...

Bản Cón Nhợi không còn thuở hồng hoang. Bản Cón Nhợi đang vỡ rồi. Mụ Dơi, thằng Pui hay còn ai nữa làm động rừng động núi. Mụ Dơi thì đã rõ, mụ bảo Pui: "Mày đừng đi thiến lợn, thiến bò rong liên miên hàng tháng nữa. Nay thằng Sáng nhiều tiền hơn mày rồi. Con Plăng vẫn nhớ ngày đi xim với nó đấy. ở nhà mà coi vợ. Pui à". Pui bảo: "Tao mà bắt được là tao chém". "Mày đi thờ hàng cho tao, tao trả tiền. Có tiền là có thuốc phiện hút lại giữ được vợ". "Còn những đêm tao thờ hàng vắng nhà?". "Tao bẻ lá gài ở cổng, tao khóa cửa ngoài, tao coi cho. Mày tin đi". Thế là Pui đi thờ hàng lên xuống núi, thờ cả hàng từ bên kia biên giới về cho mụ Dơi. Một thời gian lại thấy Pui lấy hàng ở quán mụ Dơi đi đổi bạc trắng, đi bán rong ở các bản. Cũng có lần ông Roi đi họp huyện tiện đường mụ Dơi gửi thờ giúp vài thứ lật vật, hoặc cần lấy hàng mụ đi cùng ông cho vui đường dài. Từ bản về huyện đi hết ngày đấy nên mụ Dơi thường nắm cơm dọc đường. Nắm cơm tẻ dành cho bữa trưa mời ông Roi ăn cùng, nắm cơm nếp nướng mụ góp vào ăn bữa tối nhà chủ hàng Vạn ở chợ huyện. Ăn xong, bàn chuyện mờ ám chỉ có trời mới biết. Nhưng cái kim bọc trong vải mãi cũng lòi ra, mụ Dơi cứ lộ dần cái mặt gian ác như con cú.

Ngày trước, bản Cón Nhợi chưa nhìn thấy đèn pin, rượu bia, vải xoa, mì chính, karaoke chạy ắc-quy ở quán mụ Dơi..., chưa bị cái gọi là cơn lốc hàng hóa ở bên kia biên giới và dưới xuôi tràn tới làm nghiêng ngả đất trời. Ngày trước, rừng xanh núi đỏ nhuộm màu thuở hồng hoang. Con trăn, con gấu, con diều hâu còn đại khờ, hiền lành như thời khai thiên lập địa. Các nhà sàn nằm e ấp dưới những cây cổ thụ, gió thổi mạnh là tung cả tổ và chim non xuống mái. Con gái lội suối, nước ngập tới đầu vén sên (váy) tới đó, nước ngập tới đến cổ là túm luôn váy đội lên đầu; lúc lên bờ, da hở đến đâu thả váy che đến đó. Đàn bà đi rẫy để ngực trần đón Mặt Trời cho da rám nắng. Con gái tắm suối í ới rú nhau túm tụm một chỗ, vờn nước cho sóng mơn man nơi ngực trần lồ lộ cặp vú tròn, căng mẩy như trái dưa lê và đôi nhũ hoa đỏ phớt.

Ngày xưa, người bản Cón Nhợi và người bên kia biên giới vẫn sang đất nhau làm nương, phát rẫy, đi rừng, bắt chồng, ở rề. Bản Cón Nhợi không biết thằng ăn trộm, con ăn cắp, không biết đưa cờ bạc mồm ngang mũi dọc thế nào. Cây thuốc phiện triệt bỏ lâu rồi đến nỗi trẻ con chẳng biết thân nó cứng hay mềm, cao hay thấp, hoa nó trắng hay đỏ. Trưởng công an Roi chưa một lần phải bắt kẻ trộm cắp, hút sách, đánh lợn, chưa một lần phải xử chuyện cãi nhau. Việc gì phạm luật tục đã có già làng Sanh phân xử. Lâu không dùng đến nghiệp vụ (mà nghiệp vụ cũng như con chữ trong đầu có được là bao) nhiều lúc ông Roi quên mình là trưởng công an xã, quên cả việc cưới trâu xuống huyện báo cáo.

Bản Cói Nhợi yên ả, thanh bình lắm. Cây bạc hà vẫn xanh rợp mọc trên nương trên rẫy, mọc lấp ló đi, mọc cả ở hồi nhà. Trâu dưới gầm sàn động đực dứt dây thừng khỏi mũi rượt bạn tình giẫm nát lá bạc hà, tinh dầu bốc lên thơm diếc mũi. Hoa dũ dẻ nở trắng bờ suối, nở miên man triền đồi, hoa rắc đầy mặt nước, hoa gọi ong rùng bay u u đi hút mật. Bản Cón Nhợi chôn người chết một lần ở khu rừng ma, đã chôn là không bốc mả, đã chôn là làm nhà mồ che sương che nắng cho người chết. Mùa đông, bản làng chìm ngập trong sương trắng bông bành trôi. Mùa hè, mây trắng nhờn như bay trên thảm thực vật nhiều tầng của rừng xanh, mây sà xuống vẩn vít lập lênh sườn núi đỏ. Khi cái buộc dây rừng vào bụng, nháo nhác từng bầy xuống nương bẻ trộm ngô đất quanh hông. Khi đực thấy đàn bà, con gái lấp ló ở chòi coi nương là dạng háng ra gãi sồn sột rồi nhe răng trắng ớn cười khảnh khạch. Trăn đất chậm chạp bò đến chân cầu thang sườn nắng, cuộn tròn bện thành khoanh như khoanh chảo. Gà rừng xông vào sân mổ tranh ngô với gà nhà. Chó không biết coi nhà vì quanh năm không có khách lạ. Chó chỉ cắn một lần duy nhất khi anh bộ đội biên phòng đến lần đầu tiên mở lớp xóa mù chữ. Anh vỗ vỗ vào đầu con chó nghiệp vụ dắt theo: "Giôn, mày bảo với chúng nó đi. Tao về đây mở lớp đấy. Định bắt trẻ con bản Cón Nhợi tối tăm mãi như chúng nó hay sao mà cứ sửa ông ổng thế". Giôn sửa gâu gâu một hồi. Mấy con chó nhà hiểu ra, đuôi vểnh cao lên ngoáy tít, chạy không ngừng lại thè lưỡi liếm liếm vào tay anh biên phòng, ý chừng muốn bảo: "Giôn có phen giậu của Giôn. Chó nhà có phen giậu của chó nhà. Không sửa mà được à".

Lớp học chỉ học ban đêm vì ngày phải đi rừng lên nương. Trẻ con học lẫn lộn với người lớn. Trẻ con vừa học vừa ngủ gật, người lớn vừa học vừa tước lạnh, ngậm tẩu hút thuốc rê khét mù. Đạo ấy, Sáng cũng dẫn Siu đi học. Siu học sáng dạ nhưng bàn tay quen chọc lỗ tra ngô, tra đỗ tương, quen giần sàng cám gạo rồi, cầm bút cứng quèo, ngượng ngập, vụng về, chữ viết như giá đỗ, như mộng ngô nếp. Một lần, thầy giáo cầm tay Siu uốn nét cho tròn cái chữ. Sáng ngồi ở bàn sau giận quá, máu chạy giần giật thái dương, mặt nóng bừng. Túm áo thầy giáo quần hàm xanh giặt mạnh, Sáng giờ nắm đấm, bảo:

- Thầy giáo biên phòng không được nắm tay vợ tao.

Ấy là lúc Sáng vừa lớn phồng lộc ngọc như con nghé mới mọc sừng, thấy gốc lim già là đánh sừng cho hết ngứa, thấy ổ mối bỏ lâu đất khô cứng cũng húc, Sáng có chí mà chưa có khôn. Giờ Sáng đã thành người lớn rồi. Sáng xuống núi lần thứ hai. Sáng mới dự lớp tập huấn nghiệp vụ công an dưới phố huyện. Phó công an huyện Cửa đặt tay lên vai Sáng thân mật nói:

- Chịu khó học về làm cho tốt, Sáng à. Cái ông Roi trưởng công an xã mày hồng rồi.

- Không được nói xấu bố vợ tôi - Sáng hất tay Cửa ra, mặt xịu xuống.

- Tao nói không thật sao. Ông Roi mệt mỏi rồi, nhìn rừng chỉ thấy cây lim cây sến mà không ra nắm độc mọc. Không hồng mà thế à?

Sáng nghe, biết vậy trong lòng đầy tức tối. Chỉ mong học cho ngày chóng tối, tháng chóng hết để về hỏi bố vợ xem Phó công an Cửa nói có đúng không? Lại nghe người ta nói, Sáng không muốn tin là ông Roi thò hàng giúp hoặc thuê gì đó cho người buôn. Đi họp huyện tiện đường là ông Roi lại thò hàng lên, xuống núi. Khổ nỗi đường đi cứ phải qua Trạm kiểm soát liên ngành, qua trước cửa công an huyện mới đến chỗ giao và lấy hàng ở chợ. Có hôm thấy ông Roi ngất ngưỡng trên mình trâu với cái sọt thò nắm hương, sa nhân và cả con nhím con, Phó công an Cửa nói: "Đất ngồi lên trời rồi. Trưởng công an xã hết việc đi buôn kìa. Sắp đến giờ họp đấy ông Roi ơi". Ông Roi bảo: "Mày nhìn gà hóa cuốc rồi Cửa ơi. Tao thò giúp, người ta trả công ít tiền uống rượu thôi, Cửa à". Một lúc sau, đã thấy ông Roi hùng hục đánh con trâu quay trở lại, trên lưng nó thò mì chính, đèn pin, vải vóc... Ông cột trâu ở sân bóng chuyền mặc cho nó quật

đuôi đuôi ruồi xua muỗi rồi hối hả vào họp. Ông Roi thò hàng cho mụ Dơi một chuyến, hai chuyến, ba chuyến còn có người thì thào soi mói; đến chuyến thứ sáu, bảy, tám thì chẳng ai để ý nữa, coi như chuyện bình thường. Nhưng Phó công an Cửa bảo: "Cứ để thế này hỏng mất. Phải cho người lên bản kèm cho đầu óc ông Roi sáng ra thôi".

Sáng đến nhà bố vợ. Ông Roi đi vắng chỉ có Sa đang lúi húi cho con dê mới đẻ ăn. Sa bảo Sáng lên cầu thang trước rồi Sa lên. Ngày Sáng lấy Siu, Sa còn bé chưa biết đi xim, ngực lép kẹp như con cá măng phơi khô. Giờ Sa lớn quá, gót chân trần trắng lấp ló ở cầu thang. Váy lanh mới nhuộm lá sồi đen bóng, áo vải xoa màu hồng nhạt in hoa đủ dè trắng. Vải này chắc Sa mua ở quán mụ Dơi. Cổ áo khoét rộng để lộ một mảng ngực trần trắng nõn. Đứng trên sàn nhìn xuống, lòng dạ Sáng nôn nao quá.

- Pui lại về đây. Nó mời bố Roi uống rượu ở quán mụ Dơi. Anh Sáng à.

- Anh biết rồi.

- Anh Sáng đừng sang nhà chị Plăng nữa nhé - Sa nói trong tiếng thở gấp hổn hển, ngực căng cứng cứ dềnh lên, dềnh lên.

- Sang thì đã làm sao? Cứ để mặc... anh.

Chẳng hiểu sao lúc ấy Sáng lại nói thế. Sa làm mặt giận, bỏ ra đứng bên cánh liếp, tóc sỏ tung đen mượt như tóc chị Siu ngày trước. Gió thổi, váy bay tấp tới mắc vào cánh liếp. Sa lúng túng gỡ mãi không ra, lộ cả bắp chân trắng nhấp nhóa làm mất Sáng tối tăm.

- Sa đừng giận anh. Mới một mùa rẫy mà Sa lớn bồng lên...

- Anh Sáng có để ý đến ai đâu. Chỉ ra suối nhìn người ta lấy nước thôi...

Váy lanh nhuộm lá sồi phai cả ra tay Sáng. Hơi thở của Sa nóng quá lại thơm thơm mùi sữa dê nữa.

Từ bản Cón Nhợi đến biên giới chỉ nấu xong nồi cơm đã tới nơi. Còn xuống huyện phải cưỡi ngựa, cưỡi trâu hoặc đi bộ một ngày mới ra đường cái. Đường xuống núi độc đạo gập ghềnh lên xuống dốc, có chỗ cỏ mọc mất lối đi, có nơi cành cây lòa xòa quất vào mặt. Hàng của mụ Dơi thường đưa lên bản, xuống huyện bằng con đường này. Lúc xuống núi thì thò nắm hương, mộc nhĩ, sa nhân, thú rừng còn sống; lúc lên rừng thì mang vải vóc, hàng tạp hóa. Cũng có lúc hàng tạp hóa của mụ Dơi được đem bán sang cả bản Tý, bản Miệt, bản Roong, lại có khi người các bản quanh vùng đến quán của mụ đổi hoặc mua đèn pin, dầu hỏa, vải vóc, kim chỉ.

Nước ở các khe phải đổ về con suối. Nước ở con suối lại đổ ra sông. Thằng Pui hay đứa nào mang hàng quốc cấm cũng phải có một nơi đổ. Nơi đổ ấy là quán mụ Dơi. Nhưng cứ chọc vào quán mụ Dơi là y như rằng chạm phải ông Roi. Một lần, Sáng xồng xộc đi thẳng vào trong:

- Mụ Dơi đâu. Cái quán này làm điên đảo bản Cón Nhợi rồi.

Thằng thọt chân coi nhà cho mụ Dơi thò tay tắt toạch cái ti-vi chạy ắc quy đang ỉ eo. Mụ Dơi bước ra ngoài, tóc rối tung, khuy áo cổ quên cài, ngực trễ nải dập dềnh.

- Kia Sáng. Tôi có làm gì nên tội. Sáng ngồi xuống uống bia với tôi nhé.

- Không được mua chuộc người nhà nước. Tôi sẽ kiểm tra xem mụ có chứa đồ quốc cấm trong buồng không.

Giữa lúc mụ Dơi đang rít rít van xin thì ông Roi từ ngăn trong bước ra. Một thoáng đỏ mặt, ông Roi xoay xoay cái mũ nồi đen, chau mày:

- Sáng. Người ta làm ăn bình thường sao mày lại ngăn sông cấm chợ.

- Bình thường. Chuyện động rừng thế mà lúc nào bố vợ cũng bình thường.

- Trẻ ranh. Biết cái gì. Khám xét phải có lệnh của tao. Mày vượt mặt có nể mũi không?

Anh Nam y tế huyện mang thuốc cai nghiện về giúp bản Cón Nhội. Anh Nam da ngăm đen, người cao to, mắt sáng, hơn Sáng năm tuổi mà trông dãi dầu từng trải quá. Anh Nam ở nhà già làng, lên danh sách người nghiện rồi đi từng nhà phát thuốc. Sáng dẫn anh Nam đến nhà Pui, Pui đi vắng, đến nhà Hũn, nhà Roong thì thấy cảnh lá xanh đắp ở cổng. Thì ra chúng nó không muốn tiếp người của y tế huyện. Anh Nam bảo: "Ông Roi vụng quá. Lẽ ra đừng để chuyện này xảy ra. Thôi xúm vào giải quyết, muộn còn hơn không". Sáng nghe biết vậy.

Suối Lò Lô mùa cạn chảy lóc tóc, có nơi vén váy bước trên các hòn đá nhô lên khỏi nước là sang được bờ bên kia, có chỗ vũng sâu lội đến ngang ngực. Đã ba ngày, Sáng cầm súng CKC phục ở ngay chỗ con đường độc nhất qua suối về đầu bản. Sáng chui ở lùm cây từ lúc sương sớm còn vẫn vít bước chân, đến lúc ông Mặt Trời đứng bóng rồi đi sang chiều, Sáng ngồi lì đến sẩm tối cũng không thấy bóng dáng Pui đâu. Giờ thì đã cuối chiều, Mặt Trời màu vỏ bí ngô chín đỏ đang gác núi. Chán quá! Sáng về thôi. Để thằng Pui mang hàng về quán mụ Dơi rồi ập vào kiểm tra là không được với ông Roi. Vậy tóm thằng Pui ở đâu, nó thoát về thoát đi chả biết mang gì trong người. Chờ lâu quá. Chả lẽ cứ ngồi như con cú rình suốt đêm à. Về. Về thôi. Bất chợt, chỗ vũng sâu ở đoạn suối trước mặt Sáng có sóng loang. Sáng vạch lá nhìn ra thì trời ơi không phải Pui mà là Sa. Sa mặc nguyên cả áo váy đang nhả nha lội ra chỗ sâu nhất, rồi Sa ngụp xuống. Sa đứng lên. Vải áo mỏng dính bết vào da làm nổi lên các đường cong mềm mại. Mặt suối như bắt đầu có sương bay. Sương trắng mỏng tang lãnh đặng trên mặt nước, sương quấn quýt quanh thân thể người thiếu nữ đang lồ lộ lớn. Sáng đành ngồi lặng im không nhúc nhích, kim nén cho hơi thở nhỏ lại, cho lồng ngực khỏi vỡ tung. Sáng vẫn ngồi chết trân bởi Sa đã lên bờ rồi, Sa tìm chỗ thay váy. Sáng nghệt thờ quá. Một làn gió mát thoảng nhẹ qua, Sáng cảm nhận mùi thơm hoa dủ dề quện lẫn mùi da thịt con gái phảng phất. Cũng đúng lúc ấy, Sa đang lúi húi thay váy trước mặt Sáng thì có tiếng móng trâu lộc cộc, lộc cộc. Thằng Pui về. Con trâu bạc nhà mụ Dơi thò hàng nhẹ tênh, bước uòm uòm qua đoạn suối phía trên, chỗ Sa vừa tắm. Pui không qua đoạn suối cạn rồi. Sáng muốn lao ra khỏi lùm cây quá. Nhưng thấy động, thấy có người, Sa cũng đang ôm váy ướt vào ngực ngồi dúm dỏ ở gốc cây kia. Sáng thờ dài. Thờ dài cho Pui đánh trâu qua suối. Thờ dài chờ cho Sa rũ, vắt khô váy đi về rồi Sáng mới chạy lao theo. Sa cầm váy ướt trên tay, nhả nha bước, Sáng chạy vượt lên trước Sa. "Anh Sáng. Pui thò hàng về đây". "Biết rồi". "Em bảo đã"...

Sáng không kịp nhận ra nét mặt giận hờn của Sa nữa. Sáng đang nung nấu ý định quyết bắt bằng được Pui mang hàng cấm ở giữa đường. Sáng đuổi kịp Pui rồi chạy vòng lên đứng chặn trước đầu con trâu.

- Pui. Mày có gan mang hàng quốc cấm thì có gan giơ tay chịu trói không?

Pui vẫn ngồi ngông nghênh, người hơi ngửa về đằng sau. Tay cầm dây thừng, tay rút khỏi túi quần vớ về sau vỗ vỗ vào đuôi trâu.

- Không có gì đâu. Mà nhảm rồi. Sáng ơi.

Pui nói gằn từng câu. Sau mỗi lần nói gằn là cái đít con trâu lại lồng nảy lên, chân sau nó đập cộc cộc, cái đuôi quật đen đét.

- Tao không nhảm đâu.

- Thì đây. Mà xem đi.

- Toàn măng tươi. Chẳng lẽ mà đi biên giới thò hàng măng tươi, hả Pui? Đồ khốn - Sáng rửa thằm trong bụng.

- Sao mà cứ ám tao mãi thế. Mà không sợ dân bản bảo mà không lấy được Plăng, mà ghen à. Tao đi được chưa?

Pui cười. Chuối cười dài, sáng khoái đập vào núi đá vọng lại như trêu tức Sáng, như bảo Sáng: Đừng hồng làm gì được tao.

Sáng đập mạnh tay vào hông con trâu, gầm lên như con hổ bị mất môi:

- Mà đừng có giểu tao. Thằng thiên lợn, bò rong. Chờ đấy Pui ạ.

Con trâu thò măng bị đánh đau tức hông lồng nảy lên khua móng cộc cộc. Đi mấy bước nó vội vã đứng lại dạng chân ra... tổng tổng. Chất thải một màu đen kịt rơi xuống mà sao lại nhấp nhóa trắng như có ánh Mặt Trời cuối chiều chiếu vào. Sáng tức điên người, hay mắt Sáng mờ nhòa rồi. Mờ nhòa thật. Bỏ khi, tí nữa thì giãm phải đồng phân trâu còn đang bốc khói.

Sáng tức quá, về nhà không ăn được cơm cứ ám ức vào ra. Anh Nam y tế huyện hỏi nguồn cơn. Nghe xong anh Nam bảo:

- Ngu rồi Sáng ơi. Cái mắt mà không mờ nhòa đâu. Chỉ có cái đầu mà tối thôi. Đi ngay với tao.

Cái đầu Sáng tối thật. Anh Nam y tế và Sáng thờ hồng học chạy đến chỗ con trâu đứng dạng háng lúc cuối chiều thì thấy đồng phân trâu đã bị nát ra. Tim quanh thấy có bốn nửa vỏ bóng bàn trắng lấm lem... vứt ở lùm cây.

- Thằng Pui quay lại lấy rồi. Mỗi lần con trâu nhảy lồng nảy là một lần nó nhét quả bóng bàn đựng hàng cắm vào đít trâu đấy. Sáng à.

Trời đất như sụp xuống chân Sáng, mắt sáng nở hoa cà hoa cải. Chịu thua thằng Pui rồi. Sáng đi tập huấn ở huyện, cán bộ bảo bọn buồn lậu tinh vi lắm, chúng dám bỏ cả thuốc phiện vào bụng đứa trẻ con bị chết để qua mắt công an. Nhưng chưa thấy cán bộ nói đến cái trò ma mãnh này. Sáng lại thờ dài:

- Ai mà biết được. Chúng có từ thủ đoạn nào đâu.

Anh Nam đến quán nhà mụ Dơi chỉ có ông Roi đang uống rượu. Sáng đến nhà Plăng, chẳng thấy Pui đâu.



- Pui nó không về nhà đâu, Sáng à.

- Plăng ơi! Con trâu bạc nhà mẹ Dơi đang ở gầm sàn nó bảo tôi biết Plăng nói dối rồi. Plăng giấu Pui ở đâu?

- Sáng ơi. Sáng đừng bỏ tù Pui. Tôi khổ quá rồi.

Plăng sụt sùi. Đứa bé địu sau lưng giật mình cũng khóc. Gió thổi lật vạt áo hở cả cái rốn lồi và bụng Plăng to lùm lùm. Sáng bối rối quá. Lần đầu Sáng thấy Plăng khóc. Tiếng khóc trẻ con lẫn tiếng khóc đàn bà, mũi lòng quá.

Dân bản đồn: Ông Roi vợ chết đã lâu, đêm nằm không, vắng hơi người đàn bà. Ông Roi đến bỏ củi cho mẹ Dơi, nấu rượu cho mẹ Dơi, đi họp huyện lần nào là ghé qua nhà mẹ Dơi lần đó. Ông Roi quên cả ngày giỗ vợ rồi. Mẹ Dơi bỏ chồng đáng phốp pháp ngồn ngộn thế, ông Roi si mê là đúng rồi. Cái ông Roi, cho cút rượu là chẳng biết trời đất gì nữa. Già làng Sanh thì bảo: "Chả lẽ Roi hỏng thế. Có dễ con trần đất đang thu mình, nào biết chuyện gì sẽ đến". Dân bản Cón Nhợi cũng đồn âm lên: Sáng cứ thì thụt đến gặp Plăng khi Pui vắng nhà. Người độc miệng còn bảo: Thằng Pui xa nhà liên miên nên Sáng thành tu hú muốn sang để nhờ rồi. Sáng nghe được nhưng bỏ ngoài tai, chỉ thương Plăng đi đâu cũng cúi gầm nhìn xuống.

Mấy hôm sau, trẻ chăn trâu, chăn ngựa ở bản hát khúc đồng dao:

Cón Nhợi có suối  
Suối ngay đầu nhà  
Cón Nhợi có núi  
Núi ngay đầu bản  
Bản sinh kẻ ác  
Người hiền ở đâu?...

Lửa cháy. Cháy lúc trời chưa sáng, lửa dữ dội sáng một góc rừng hoang. Nhà nọ cách xa nhà kia nên đàn bà, trẻ con bản Cón Nhợi chỉ đứng ở cầu thang nhà sàn nhìn. Đàn ông thì vừa chạy hùng hục vừa kêu. Thằng thọt chân coi quán mẹ Dơi đứng hong hóng ở đường bảo: "Thằng Pui tự đốt nhà mình đấy". "Có mà điên mới vậy". "Thằng Pui nó đi thờ hàng về nửa đêm thấy công đắp cành lá, cửa nhà khóa trái. Gọi mãi vợ không lên tiếng". "Không lên tiếng vì sao?". "Vì thằng Sáng ngủ với con Plăng ở trong nhà chớ sao"... Cứ vậy vừa chạy vừa hỏi, vừa nói, tin đồn loang khắp bản. Đến nơi rồi chỉ thấy con trâu bạc buộc ở cổng mắt bắt ánh lửa nhấp nhóa. Đến nơi rồi họ vẫn còn hỏi có phải thằng Sáng ở trong đồng lửa. Suối nước Lò Lô ở xa quá và họ cũng chỉ có tay không nên đứng nhìn. Cửa nhà sàn khóa cứng. Lửa liếm đều bốn phía, chứng tỏ kẻ đốt nhà có tính toán. ống bương nổ toang toác, mái tranh cháy rèo rèo. Mọi người hò hét như điên bảo nhau nhảy vào cứu mẹ con Plăng nhưng vô ích. Một lúc sau, căn nhà sàn ọp ẹp của Pui cháy rụi. Than hồng rực sau mỗi lần gió thổi tới rồi tàn dần. Trưởng công an Roi đến lúc mọi người đang gạt tro than tìm xác vợ con Pui và Sáng... Trong ánh đuốc lờ mờ, ông Roi khoát tay gọi dân quân: "Tôi phát lệnh truy lùng thằng Pui"...

Ông Roi đánh trâu xuống núi ngay lúc rời đám cháy nhà Pui. Trong đầu ông đang nghĩ đến bao nhiêu chuyện xảy ra ở bản Cón Nhợi. Sương sa trùm mặt đất, sương lập lênh ngang gối chân, sương dềnh lên trùm cả đầu trâu.

Ông Roi đi ngang quán mẹ Dơi. Mẹ vừa tắt đèn, lúi húi khóa cửa rồi cun cút từ trong quán chạy ra, đụng phải ông Roi. Dơi sững người lại. Ông Roi bảo:

- Kia! Dơi đi đâu sớm thế?

Mụ đã trấn tĩnh lại:

- Dơi đi lấy hàng. Tiếng trâu bước bảo Dơi có người thân. Ra đón thôi mà.

Ông Roi vẫn ngồi ngất ngưỡng trên mình trâu:

- Nhà đổ đèn mấy đêm rồi, có phải Dơi không ngủ được, Dơi chờ ai?

- Chờ ai chỉ anh Roi biết thôi. Hay vào trong nhà đã anh Roi.

- Không vào đâu. Tôi xuống núi, ta đi cùng thôi.

Dơi lưỡng lự rồi bảo:

- A! Có đấy. Chờ Dơi xuống chợ cùng, anh Roi à.

Mụ Dơi sầm sầm đưa túi thổ cẩm đựng hai nắm cơm gói sẵn bằng lá chuối khô cho ông Roi khoác. Mụ chắt nốt hai lạng sọt nắm hương lên mình trâu rồi bẻ cành lá xanh cài vào cánh cổng. Ông Roi dong con trâu thò đi trước, mụ Dơi theo sau. Trời rặng dần. Họ nhấp nhô trong sương trôi bồng bênh.

Trưa. Hai người cột trâu dưới gốc cây sồi nghỉ ăn cơm. Dơi lấy dao con xắt vát cơm tẻ ra thành từng miếng. Ông Roi ngồi xếp bằng lấy cút rượu nhỏ mang theo bên người ra nhấm nháp với thịt nai khô. Dơi vén tóc lòa xòa vấn thành lọn ở gáy. Cái cổ Dơi trắng quá làm ông Roi thỉnh thoảng liếc mắt nhìn trộm...

Lần trước, xuống núi cũng nghỉ trưa ở gốc cây sồi này. Hôm ấy, ăn cơm xong, ông Roi nằm gối đầu lên túi thổ cẩm có gói cơm nếp của Dơi, nhìn lơ đãng lên ngọn cây. Dơi kéo cao vạt váy bước xuống suối Lò Lô. Mùa cạn nước suối trong vắt nhìn thấy cả đá cuội ở đáy. Len lỏi chảy nhanh qua bao đồi núi đến đoạn này suối Lò Lô mở to ra và chảy chậm. Một lát sau, có tiếng khò nước. Ông Roi xoay nghiêng người, ông không tin ở mắt mình. Dơi đang lội ra giữa dòng, nước ngập đến đầu vén váy đến đó, nước ngập đến cổ đã vén xong váy đội lên đầu. Thân hình Dơi trắng mềm mại rõ mồn một. Mắt ông Roi nhấp nha nhấp nháy. Cái thân hình đàn bà khêu gợi ấy mờ ảo dưới sóng nước loang loang rồi chập chờn trong đầu người đàn ông góa vợ đã lâu. Ông Roi nhắm mắt lại, hít thật sâu cho lồng ngực nở to ra, cho cổ họng khỏi nghẹt thở. Trong lòng ông như có lửa cháy...

Dơi lên bờ quay trở lại gốc cây sồi. Cổ áo váy quên cài cúc hở lồ lộ cả chỗ giữa hai chân vú làm giọt nắng rơi vào. Ông Roi đang ngây ngất một mùi thơm khó tả thì gió núi thổi ào tới. Lá rừng xào xạc, xào xạc. Rồi lác rác, lác rác mưa rào rơi, như vẩy nước trên lá. Hóa ra gió đập vỡ tổ, kiến càng đang rơi lả tả, lả tả. Vội vã kéo nhau chạy khỏi gốc sồi, hai người luống cuống ngã dúi dụi vào nhau. Bỗng Dơi giật thột: "Ki..ến rơi vào gáy em". Ông Roi vạch cổ áo Dơi bắt con kiến mình đỏ cánh trắng đang cong mình, cắn. "Nó rơi cả vào ngực nữa. Anh Roi" - Dơi nắm hai mép cổ áo váy kéo rộng ra, hở hồng hốc. Ông Roi nín thở nhón con kiến rất khế nhưng ngón tay vẫn chạm vào chân vú nóng hổi của người đàn bà. Ông nuốt nước bọt đánh ực rồi bồng dưng đổ khụy xuống nền cỏ...

Không dám nghĩ tiếp đến cái buổi trưa ma ám hôm ấy, ông Roi vội vã ăn cơm. Ăn xong, Dơi cũng giục đi ngay không nghỉ lại và tắm suối Lò Lô như lần trước nữa. Dơi tắm thì không biết

chuyện gì sẽ xảy ra. Không khéo, hỏng việc.

Phố huyện mỗi lúc một gần hơn. Đến Trạm kiểm soát liên ngành, anh Trạm trưởng tuổi còn trẻ đơn đả: "Hôm nay cưới trâu xuống huyện sớm hơn lần trước, bố Roi nhỉ. Không cho cô Sa đi theo à?". "Nó phải chẵn dê. Cái trạm chúng mày vắng vẻ quá". "Chúng con đang thất nghiệp đây. Lần sau, cho cô Sa đi cùng bố nhà". "Ờ. Mà làm con rể tao không?". "Ồi! Thế là nhất bố rồi". Ông Roi hồn nhiên hiền lành đến mức khờ khờ mà cũng biết đùa. Còn Dơi thì trống ngực to hơn trống làng, đi qua trạm một lúc mới thở phào. Đến đoạn đường dễ đi hơn, Dơi có vẻ vui, nói luôn miệng. Rồi kêu mỗi chân quá, ông Roi phải nâng đít cho Dơi leo lên ngồi trên mình trâu. Ông lại mãi miết dong trâu và nghĩ ngợi không biết bao nhiêu chuyện: Chuyện Sáng đi học về, chuyện mẹ Dơi và thằng Pui, chuyện dân bản dị nghị. Lại chuyện thằng Nam y tế, lúc lửa cháy nó cẩu: "Không khéo hỏng việc rồi. Bây giờ ông phải nghe tôi". Thì nghe cả tháng rồi còn gì, cái nào có lý thì nghe chứ... Tức cái bụng lấm, nhưng không tức bằng nghe Cửa nói: "Ông Roi nhìn rùng chỉ thấy lim với tấu không nhìn ra nắm độc... Phải cho người lên kèm cho đầu óc ông Roi sáng ra thôi".

- Đến rồi. Đưa túi thổ cẩm đựng gói cơm nếp cho Dơi nào. Anh Roi.

Nghe Dơi nói, ông Roi giật mình ngẩng lên thì đã qua cổng công an huyện mấy bước.

- ồ, cơm nếp của Dơi đây. Đến rồi thì vào thôi. Dơi ngồi yên nào.

Bỗng chốc, ông Roi dắt trâu quay ngược trở lại, ông vỗ mạnh tay vào hông cho nó lòng nhanh vào cổng công an huyện. Dơi hoảng quá, ú ớ:

- Kia... anh... R...oi.

-...

Bất ngờ quá. Dơi không kịp phản ứng, mặt trắng bệch, người mềm nhũn đổ kênh trên mình trâu. Ông Roi chạy theo trâu, hai tay giữ chặt lấy người Dơi để không lăn xuống đất. Công an huyện vừa lúc hết giờ hành chính, Phó Công an Cửa kêu to:

- Lạ chưa kia. Chắc hôm nay không bình thường rồi, ông Roi.

Mọi người xúm quanh giữ con trâu lại và đưa mẹ Dơi xuống.

- Có vấn đề đấy. Tao đem người đàn bà với nắm cơm nếp nộp cho mày đây. Đừng nói tao không nhìn ra nắm độc nữa nhé. Cửa ơi.

- Chào ông Roi. Tôi cứ nghĩ ông và mẹ Dơi sẽ thò hàng về luôn cổng chợ. Ông làm hỏng việc giữa chừng rồi.

Ông Roi ngược nhìn. Một người da ngăm đen, mắt sáng, mặt quen quen.

- Ôi! Hóa ra thằng Nam y tế huyện. Sao mày lại ở đây?

- Tôi đi theo luôn ông và mẹ Dơi đấy.

- Vậy là... ừ. Cái đầu tao tối quá nghĩ không ra. Tao không hợp với việc này nữa rồi. Chúng mày cho tao nghĩ thôi.

- Chuyện còn dài. Còn để mụ Dơi đem hàng quốc cấm bỏ trong nắm cơm nếp đến nhà Vạn ở cổng chợ đã, ông Roi à. Anh Cửa để tôi xử vụ này cho...

Ông Roi xuống núi một lúc là sương tan và Mặt Trời trèo lên đỉnh đồi thì dân bản thấy Sáng giở khẩu súng trường sau lưng thẳng Pui đi từ đầu bản về. Pui cúi gầm mặt, đầu tóc bơ phờ, râu ria tua tủa. Dân bản mới ngả ngửa người chả hiểu thế nào.

Già làng Sanh bảo: Thì ra cán bộ y tế Nam là công an huyện. Nó nằm phục bên nhà mụ Dơi một đêm không thấy gì, hai đêm không thấy gì. Đến đêm thứ ba thì thẳng Pui mò về đưa hàng cấm cho mụ Dơi. Mụ Dơi ấn vào tay thẳng Pui mấy chục đồng bạc trắng, bảo: "Ba đêm mà đi thò hàng, thẳng Sáng ngủ với con Plăng cả ba. Cửa nhà không khóa được, cổng không dập cành lá xanh được. Tao có lỗi với mày". "Tôi sẽ chém chúng nó". "Không được đâu Pui à. Thẳng Sáng có súng đấy. Cầm lấy cây đuốc lò ô này, chờ gần sáng nổi lửa. Rồi hãy đi thật xa"... Cán bộ y tế... à công an Nam thế mà tốt. Nghe xong nó chạy đến nhà lão Roi bàn nhau gì đó rồi chạy về nhà tao. Tao với lão Roi đến nói Plăng nghe ra mới khóa cửa bế con đi lánh nạn.

- Thế mấy ngày nay thẳng Pui ở đâu?

- Nó lánh ở rừng ma chớ còn ở đâu. Đói quá, không có gì để ăn, chỉ có các đồ dùng người sống chia cho người chết và những căn nhà mồ vắng vẻ. Mò về nhà mụ Dơi đưa hàng cấm lấy bạc rồi lại ra rừng ma. Chưa kịp quay về đốt nhà mình, lửa đã cháy. Pui lò dò chui ra thì Sáng giở súng vào gáy. Hóa ra không phải thẳng Pui đốt nhà mà là thẳng thọt chân coi quán mụ Dơi. Thẳng Sáng cháu tôi thế mà mưu mẹo. Khá quá!

Mọi người ồn ào, rồi tản đi.

Sáng dẫn Pui đến ủy ban đã thấy thẳng thọt chân đang bị giam. Sáng bảo Pui: "Tao biết mày muốn gặp Plăng". Sáng lại dẫn Pui đến nhà già làng. Pui bảo:

- Tao nhục lắm. Mày cho tao viên đạn đi, Sáng.

- Mày nói sai rồi, Pui à. Tao bắn mày để dân bản bảo tao là thẳng ghen ăn tức ở à.

- Mày có bắt tao đi tù không?

- Chuyện ấy nói sau. Giờ tao không áp giải mày, tao cho mượn trâu, tự mày thò vợ xuống núi. Vợ mày điệu đứa bé hon hỏn, bụng to kèn kệnh xin, chắc được giảm án đấy Pui à.

- Tao lại mắc nợ mày lần thứ hai.

- Thôi, nợ nần gì. Plăng ôm con ra kia.

Sáng bước ra ngoài cổng. Lũ trẻ con đã thôi hóng chuyện người lớn quay sang đùa nghịch với con rắn của già làng. Con rắn ngậm viên thuốc rê nghếch cao đầu đu đưa như đoạn dây thừng. Sa ngồi ở dưới gốc cây cổ thụ chống tay lên má. Nắng mới đã tràn đầy sân nhà già làng. Giọt nắng lọt qua kẽ lá rơi xuống như hoa đậu vào tóc, vai của Sa. Sa khóc tức tưởi như chưa bao giờ được khóc. Sáng bồi rối quá, chưa bao giờ Sáng dỗ con gái khóc. Già làng bảo: Khóc được như con Sa, tao cũng muốn khóc. Mặc nó. Lửa cháy trong rừng hoang tắt rồi.

## Chợ tình cuối mùa xuân

Người già vùng núi đá Mèo Vạc quê của Páo kể: Thuở hồng hoang, ông Chày sinh ra bầu trời, bà Chày sinh ra mặt đất. Bầu trời thì tròn, mặt đất thì vuông. Bầu trời nhỏ hơn mặt đất, mặt đất lại phẳng phiu. Ông Chày mới bảo bà Chày co mặt đất lại cho vừa bầu trời nên mặt đất lồi lõm thành sông, suối, núi, đồi, bình nguyên... Rồi sau đó ông Chày bà Chày mới sinh ra con người.

Thuở hoang sơ con người chưa phân thành đàn ông đàn bà và sống an hành, vui vẻ, sung sướng lắm. Sung sướng là bởi cây mọc từ kẽ đá um tùm rậm rạp, rừng đầy hoa quả, núi đầy chim muông, cầm thú; loài người không phải lam làm mà cũng có ăn. Sung sướng, loài người đâm ra lười nhác, không có đam mê, chẳng có khát vọng, cuộc sống vô cùng buồn tẻ và chán ngắt. Ông Chày bà Chày vén mây nhìn xuống thấy thế bỗng ghen tức với sự sung sướng của loài người và chán ngán với cuộc sống tẻ nhạt của họ. Ông Chày bà Chày bèn sai thần xuống phân mỗi người thành hai nửa, một nửa nặn nên đàn ông, một nửa nặn thành đàn bà rồi ném mỗi người đi một nơi... Từ đó, người Mông của Páo luôn luôn sống trong cô đơn, sợ cô đơn nên làm cuộc hành trình đi tìm lại cái nửa kia của mình. Người ở Mèo Vạc tìm cái nửa của mình ở Đồng Văn, người ở Lũng La tìm đến Lũng Pàn, người ở Sơn Vỹ tìm về Mã Pì Lèng... Người nào may mắn tìm một lần đã thấy ngay cái nửa của mình khớp vào vừa chẵn chặn thì sung sướng hạnh phúc. Người nào không may, tìm một lần không thấy, hai, ba lần không thấy, bốn lần mới thấy hoặc tệ hại hơn là không bao giờ tìm được cái nửa của mình đành phải ở với cái nửa của người khác. Nửa của người khác nên lúc nào cũng cong vênh, không khớp, khổ lắm. Sau, ông Chày bà Chày nghĩ lại thì đã muộn, đành làm một cái chợ tình để những cái nửa ở chân trời góc núi ấy tìm lại, khớp lại với nhau, gặp nhau. Vậy là thành chợ tình.

Chợ tình người già kể là chuyện thần thoại nhưng nghe như huyền thoại. Chợ tình có từ bao giờ không ai biết rõ, Páo lớn lên đã thấy cha đi chợ tình, đi mãi miết, đi say mê. Ông nội bảo, ngày bà nội còn sống, bà cũng đi chợ tình. Mẹ Páo thì bảo: "Ai cũng như bà nội, như cha mà thì lấy đất đầu hợp chợ".

Năm tháng thời gian trôi nhanh như bóng câu qua cửa sổ. Páo lớn nhanh như cây trầu ở hồi nhà, khoẻ khoắn như cây sa mộc bên cổng đá, Páo cũng như bà nội, như cha, Páo lại đi chợ tình.

Chợ tình mà ông Chày bà Chày lập nên ngày xưa đơn giản lắm, chỉ dành cho hai cái nửa của mình xô lệch nơi chân trời góc núi gặp nhau thôi. Còn chợ tình bây giờ phong phú, sinh động và trữ tình không sao tả xiết.

Chợ tình họp vào cuối mùa xuân. Chợ dành cho lứa tuổi biết yêu đi tìm bạn tình, dành cho những người yêu nhau nhưng do tình duyên trắc trở mà không thành chồng vợ. Không phải ai cũng được đi chợ tình. Đi chợ tình khác với đến chợ tình. Người đến chợ tình là đến xem người ta gặp gỡ nhau, hoặc nghe hát, chơi quay, đánh yến. Còn người đi chợ tình là đi tìm cái nửa kia của mình để nên duyên chồng vợ; là những người do duyên tình éo le không lấy được nhau, nay đi chợ tình là để đổ thương nhớ, đổ giận hờn vào nhau, là để giải toả những uất ức, để giải bày tâm sự.

Có người đi chợ tình lại cất giấu những điều phiền muộn, trắc trở, không may trong lòng, và thường để cái xấu của nhà mình lại trước khi ra ngoài cổng. Họ nghĩ, chả lẽ đến chợ tình lại đem chuyện thằng chồng nát rượu, đánh vợ đánh con, hút thuốc phiện đến thân tàn ma dại, nói với người tình cũ. Chả lẽ mang chuyện con vợ hay ăn, nhác làm, ăn quà như mỏ khoét, ngáy ngủ to như tiếng ngáy lợn rừng đến chợ tình kể cho người mình đã từng yêu nghe. Người tình

cũ sẽ thương mình hơn, xót cái thân thể cực nhọc của mình hơn, nhưng lại thêm buồn, thêm giận cái nửa đang ở bên mình hơn.

Páo với Seo Say đi chợ tình chẳng chuyện gì giấu nhau. Bao nhiêu uẩn ức trong một năm của số phận làm dâu Seo Say chia sẻ cùng Páo. Páo thấy xong phiên chợ tình, Seo Say vui lắm, mặt mũi rạng rỡ, ngồi lên yên ngựa ra về Seo Say còn hát nhỏ nhỏ bài ca Khơ chia planh (Tiếng hát tình yêu) nữa. Thế rồi hai người cứ khắp khờ, mong chờ đến phiên chợ năm sau còn gặp lại.

Páo dậy từ lúc tối mò, đất trời còn giao hoà với nhau làm một. Seo Lý - vợ Páo cũng đi chợ tình. Lý ngồi vắt vẻo trên yên ngựa, Páo đi bộ, tay cầm dây cương, tay cầm cây đuốc bằng gỗ sa mu chẻ chày lách tách. Con ngựa nâu nhà Páo làm lũi đi, làm lũi bước. Âm âm. U u. Núi rừng bịt bùng tối đen. Nhìn lên phía trước, nhìn về phía sau thỉnh thoảng lại thấy một vài đóm lửa đỏ loè nhoè trong đêm. Người ta cũng đi chợ tình như Páo, như Seo Lý đấy mà.

Páo đi chợ tình mặc áo bằng vải lanh nhuộm chàm, cổ áo tròn, may ba túi, cài khuy ngang, đội mũ nồi đen; quần cạp vắn, ống rộng. Bộ quần áo này mua từ số tiền Lý bán ba tạ ngô rặng ngựa, mặc có vài lần rồi cất để dành cho mới chờ ngày xuống chợ. Páo biết, không nói ra nhưng chắc vợ Páo cũng mong đến phiên chợ tình này lắm. Cả tuần, Lý giặt vá áo mới đem hong trước gió. Lý gội tóc bằng nước nấu từ cây sả lấy ở hồi nhà. Tóc Lý mượt và thơm, đi xuôi chiều gió thổi, hương sả thoảng thơm điếc mũi. Lý đi chợ tình làm dáng thế sẽ lấy hết hồn Vàng Mí Chu, người tình cũ của Lý, có khi con trai đến chợ cũng xao lòng. Ngựa nhả nha đi, Páo nhả nha bước. Páo và vợ mỗi người nôn nao, náo nức đuôi theo nghĩ ngợi riêng của mình. Đi đến gần dốc Cổng Trời, Lý thế thọt:

- Anh Páo. Có mỗi chân để em đổi cho nào.

- Lý đừng lo. Tôi chuẩn bị cả năm cho phiên chợ này. Có đi lên gò tôi cũng đi được. Không mỗi chân đâu, Lý à.

- Chợ tình năm nay về sớm, anh Páo nhé.

- Cũng còn tùy Lý à. Bao giờ thằng Vàng Mí Chu nó bảo Lý về thì tôi cũng chia tay với Seo Say thôi mà.

Vừa đi vừa nói chuyện, đường xa hoá nên gần. Nhưng đường rừng, núi nên tiếng Páo, tiếng vợ cứ lọt thỏm vào đêm vắng.

Đến chân dốc Cổng Trời thì Páo nhận ra tiếng bước chân con ngựa khoang nhà thằng Sùng Dĩ Sèng. Sèng lặng lẽ thúc ngựa vượt lên trước. Ngựa của Sèng bước vội vã, gấp gáp quá, chứ như không nhanh là chợ tan, không gặp được người tình. Páo chưa kịp gọi thì Sèng đã mất hút vào đêm tối.

Lên đỉnh dốc Cổng Trời, Páo cảm thấy như mình đang ở trên trời vậy. Páo định vén mây, hỏi ông Chày bà Chày xem Seo Say đã ra khỏi cổng đá nhà chồng chưa. Nhà chồng Seo Say nhiều ngựa, nhiều dê lắm, Seo Say đi cắt cỏ bao giờ mới đầy tàu ngựa để đi chợ tình. Nhà chồng Seo Say ở tít trên núi cao, bốn mùa thừa gió thiếu nước. Quê chồng Seo Say cũng chỉ có đá là đá; quanh năm Seo Say phải xuống sông Nho Quế, gùi đất đổ vào hốc đá rồi chồng mông, cúi gầm mặt tra ngô vào đó. Năm ngoái, Seo Say phải trốn mẹ chồng đi chợ tình. Seo Say trèo lên cây sa mộc, thả người lên hàng rào đá rồi nhảy xuống đồng cây ngô khô, chạy ra dốc Ba Khoanh, nơi chồng Seo Say đang dắt ngựa chờ ở đó. Chồng Seo Say không đi chợ tình, chỉ dắt ngựa giấu mẹ cho Seo Say đi thôi. Seo Say đến chợ mà tay xước rớm máu và

sương đêm ướt sũng bờ vai tròn. Khổ thân Seo Say, đến chợ cũng lại gặp mẹ chồng đi chợ tình, chẳng đường nào thoát. Ngồi với Páo mà cứ phải dầm dúi dúi, mắt liếc nhìn; chỉ sợ mẹ chồng đến làm to chuyện. May mà vẫn yên lành. Càng kể hai mắt Seo Say càng ướt rượt. Páo nghe, hiểu hết nỗi khổ tâm của Seo Say, thương quá...

Páo chưa kịp hỏi ông Chày bà Chày thì có vô vàn những đốm đuốc đỏ như mắt bò rừng bắt đèn săn đêm hiện lên trước mắt. Páo nhận ra thung lũng Pà Tền đang ở trước mặt mình. Đuốc đỏ theo các con đường mòn vắt qua sườn núi, bò theo bờ nương, qua thung lũng đi về phía chợ. Hoá ra có rất nhiều cũng như Páo, như Lý đang náo nức đi chợ tình. Trong số những đốm đuốc đỏ kia, có bao nhiêu người từ bản làng heo hút trong rừng sâu ra, Páo không biết, nhưng có thể họ đi sớm hơn Páo, chỉ thua những người đến chợ tình từ chiều hôm trước ngủ lại qua đêm thôi.

Trời rạng sáng.

Sương lập lênh trôi ngang bờm ngựa, Páo mới nhận ra đâu là đất, là cây, là núi, là rừng. Những cây sa mộc lá nhỏ xanh thẫm, thân thẳng đứng kiêu hãnh vươn ngọn tận trời cao. Sa mộc mọc chệnh vênh trên sườn núi, không sợ giá rét, chịu được nắng nóng khô hạn. Và đá chất chồng đá. Đá ngòm ngợp đá. Đá chặn đứng trước mặt. Đá chắn sau lưng. Đá bủa vây bốn bề. Đâu đâu cũng chỉ đá là đá. Người Mông quê Páo sống trên đá, chết cũng nằm trên đá. Đá làm cho cuộc sống người Mông cao nguyên đá sống khép kín, tù túng, tối tăm. Đá vây hãm làm người Mông quê Páo thật thà, dễ tin nhưng cần cỗi, chắc nịch, dẻo dai, mãnh liệt bám vào đá mà sống. Bám vào đá mà sống nên mới có Tiếng hát làm dâu, Tiếng hát mò côi, Tiếng hát tình yêu và có chợ tình.

Sáng sớm.

Chợ tình đã ồn ào người chen vai người. Páo dắt ngựa vào cổng chợ và chạm phải một bà già mặt nhàu nhĩ, mũi tẹt, đầu đội khăn vấn theo hình tròn nhiều nếp với ba màu sắc khác nhau. Bà già dắt con ngựa trắng, bà ta cũng đi chợ tình. Bắt gặp Páo, bà già mũi tẹt thoáng ngỡ ngàng, có vẻ như gặp người quen. Páo thì chẳng quen, nhìn mặt bà ta không thích lắm. Sáng ra gặp người nặng vĩa như thế này có khi còn xúi quẩy. Con ngựa nâu nhà Páo dũi dũi đầu vào hông con ngựa trắng của bà già, cứ như là hai con cùng đàn lâu ngày mới gặp lại.

Páo dừng ngựa ngay cổng chợ, đỡ Lý xuống. Lý vội vàng xuống quẩy tấu lấy gói cơm nếp nương, đùi gà luộc và quả bầu be khô đựng rượu đưa cho Páo. Còn một gói, Lý giữ lấy cho mình. Lý vỗ nhẹ bờm ngựa, chờ cái gật đầu của Páo rồi bước đi tìm bạn tình. Lý đi một đoạn, Páo mới chợt nhớ chưa hẹn chỗ chờ nhau về nhà. Páo gọi giật giọng:

- Lý! Chiều về, Lý chờ tôi ở bên cổng đá ở góc chợ phía Đông nhé.

Lý không trả lời, chỉ quay mặt lại, cười, và gật đầu. Páo thấy cái chân Lý bước vội quá. Chầm chậm thôi kéo ngã thì khổ. Thăng Vàng Mí Chu không theo về nhà mình chăm cái chân của Lý đâu.

Chợ áp ngay bên tường rào đá nhà Sùng. Tường rào đá nhà Sùng đổ nát từ thời còn giặc Cờ đen đến phá, lâu ngày cỏ mọc dây leo, chỉ còn hai cái cổng đá vẫn trơ trơ cùng sương gió. Páo tìm cây sa mộc nơi hò hẹn Seo Say mấy phiên chợ tình các năm trước. Không dấu vết bàn tay, hơi ấm, sợi tóc của Seo Say còn sót lại. Mưa rừng gió núi xoá sạch rồi. Chỉ còn ba nhát chém vào gốc cây đã u sần thành sẹo là ba lần đi chợ tình gặp nhau thôi. Páo buộc ngựa xong, ngồi dựa lưng, mắt lim dim tìm sự sáng khoái trong khi nghỉ ngơi sau một chặng đường ba tiếng

đồng hồ theo chân ngựa. Páo nhìn mây cây lê mọc hoang bên hàng rào đá đỏ đã bật tung những cánh hoa trắng, cảm thấy dễ chịu và nghĩ ngợi đến giây phút đầu tiên sẽ gặp Seo Say trong phiên chợ tình năm nay.

Còn sớm.

Chắc Seo Say đang trên đường đi. Đường từ Lũng La đến chợ xa lắm chỉ có dốc là dốc. Năm nay đi chợ tình, Seo Say có mặc váy áo mới không? Năm ngoái Seo Say mặc áo xẻ ngực trước, vải áo may bằng lanh sợi nhỏ, dài và bóng. Hai mảnh vải đắp trước tà áo thêu hoa đỏ rực; mảnh đá so đăng sau thêu hoa văn sắc sỡ lắm. Váy của Lý khác với váy của Seo Say. Váy Lý màu chàm, gấu váy thêu đường diềm và hoa văn đỏ. Váy Seo Say dệt bằng lanh trắng, hình nón cụt, phía trên xếp nếp nhỏ đều tăm tắp. Hai mảnh pù giáo ở đằng trước, đằng sau thêu bằng chỉ đỏ, chỉ vàng, hoa văn uốn lượn như hình sông thế núi, như dáng con nai, cho chim cú cư. Seo Say ngồi trên ngựa trắng đi trên đường mòn quanh co giữa menh mông núi biếc rừng xanh. Khăn, áo, váy đung đưa, rập rờn như cánh bướm màu sắc sỡ, đường nét hình hài Seo Say uyển chuyển, Páo nhìn không bao giờ chán mắt. Năm nay, Seo Say đi chợ có mang ô đỏ, thêu hoa văn trắng? Mong sao mẹ chồng Seo Say đừng hỏi ô tặng hay ô mua! Cái ô Páo tặng có còn không hay mẹ chồng Seo Say giận, đập ô bẹp dúm rồi.

Vẫn còn sớm.

Chắc Seo Say đã đến gần cổng chợ. Páo với tay lấy quả bầu be làm vài tợp rượu. Páo nhắm mắt mừng tượng cái má đỏ bồ quân, cái bắp chân trắng tròn của Seo Say. Đòi chân đi giày vải đang đung đưa trên mình ngựa trắng. Con ngựa trắng dừng trước mặt Páo. Seo Say thúc ngựa hí vang và dẫm chân lộp cộp. Páo vẫn lim dim mắt như ngủ.

- Seo Say đến rồi đấy. Anh Páo à.  
Páo xoay người quay mặt đi, cái mũ nồi đen sụp xuống mặt.

- Anh Páo à. Đỡ Seo Say xuống ngựa nào.  
Páo lại càng giả vờ như không biết và cất tiếng ngáy to như tiếng ngáy của con bê.

- Không đỡ xuống thì thôi. Chẳng thèm nữa.  
Seo Say quay đầu ngựa. Tiếng bước chân ngựa xa dần. Páo lo quá, hốt hoảng chạy theo, ghì cương quay đầu ngựa rồi đỡ Seo Say xuống...

Không phải Seo Say đến. Chỉ là một chút mừng tượng thời thanh xuân Seo Say còn ở Lũng Pàn, hai đứa vẫn giả vờ để hù dọa nhau thôi. Từ ngày Seo Say về nhà chồng thì Páo cũng hết tuổi chơi, tuổi nghịch luôn. Páo thần thờ, tiếc nuối. Mới đấy mà đã bốn năm. Páo lại nghĩ đến Lý. Chắc giờ này Lý đã gặp Vàng Mí Chu rồi, không biết Lý và Chu ngồi chỗ nào, ở gốc cây si hay gốc cây sồi.

Mặt trời lên đến nửa thân cây sa mộc. Sương tan hết. Núi đá tuyền màu lam, óng ánh nắng mới. Chợ đã đông nghìn nghịt. Máy chấu thảng có ở góc chợ gần chỗ Páo ngồi bốc khói mù mịt. Ba, bốn cái đầu đội mũ nồi đen cắm cúi ăn sì sụp. Sùng Dì Sùng mặt buồn thiu dắt ngựa đi ngang qua chỗ Páo ngồi. Sùng bảo:

- Mà còn chờ à. Tao về trước đây.  
Páo ngạc nhiên hỏi:

- Chợ đang đông. Sao Sùng về sớm thế?



- Dì của tao không đi.
- Sao thế?
- Nó nằm lết ở một mùa trăng rồi.
- Dì để! Ai bảo mày thế?
- Thằng chồng Dì chứ còn ai. Tao ghét cái thằng để vợ để ở nhà một mình, đi chợ tình với người yêu.
- Số mày lẻ bạn tình rồi.
- Ờ, tao buồn lắm, như con nai lặc bạn. Thôi, tao về trước đây, Páo à.

Con ngựa khoang mắt ươn ướt cứ dũi đầu vào hông Sèng. Lúc mờ sáng, Sèng và con ngựa vội vã, hào hứng bao nhiêu thì bây giờ Sèng buồn chán, ủ ê bấy nhiêu. Páo muốn nói một câu an ủi Sèng mà không sao nói được.

Seo Say vẫn chưa đến. Páo đã bồn chồn sốt ruột, đứng dậy đi tới đi lui. Dưới gốc cây gạo gai một người đàn bà ngồi xoè ô che nắng cho người đàn ông đang nằm bệt xuống cỏ xanh, mặt đỏ lừ vì say rượu. Chỗ cây sồi, lại là bà già mũi tẹt ngồi đối diện với ông già mặc vải sợi thô màu chàm. Bà già khóc giời ạ! Lại còn đưa mảnh pù giáo lên chấm chấm nước mắt nữa kia. Có điều lạ, thỉnh thoảng bà ta lại len lén nhìn sang chỗ Páo ngồi. Chỗ gốc cây sa mộc mọc đôi, một chàng chai mặc áo vải thô cài khuy ngang màu chàm, quần cạp vẫn cũng màu chàm đang phùng má thổi kèn. Chàng trai thổi theo làn điệu dân ca Lu chia - Khơ chia để ca ngợi tình yêu lứa đôi. Cô gái trẻ má ửng đỏ hồng màu quả bồ quân, mặc váy lanh trắng đăm đăm mắt nhìn và miệng há to như đang nuốt từng điệu kèn. Đằm thắm và trong sáng quá. Páo tiếc nuối không còn được thổi kèn cho Seo Say nghe nữa. Seo Say đã là thuyền theo lái, gái theo chồng về Lũng Sa rồi. Và Seo Say hôm nay không đến chợ tình. Không đến thì thôi vậy. Páo cũng chả cần. Người ta có nhớ Páo đâu. Con ngựa của Páo chẳng biết mỗi chân hay chồn gối mà gõ móng liên tục. Con ngựa nâu này đã quen con ngựa trắng của Seo Say từ phiên chợ tình năm kia. Đừng bồn chồn gõ móng nữa ngựa nâu ơi. Con ngựa trắng ấy cũng không theo chủ xuống chợ tình. Đừng mong nữa ngựa à, tao cũng không thèm mong nhớ, chờ đợi. Con đường vào cổng chợ chẳng có bóng dáng Seo Say và bóng ngựa. Dứt khoát là Páo không cần. Đường từ dốc Bờm Ngựa kia cũng không có bóng hình Seo Say, đúng là Seo Say không xuống núi, không đi chợ tình rồi...

Mặt trời lên đến đỉnh cây sa mộc. Những người đi chợ, đến chợ đã mang cơm nếp ra ăn. Và lác đác người ra về. Páo mong chờ đến sốt ruột. Hay Seo Say giận Páo? Seo Say có việc nhà chồng nên đến muộn? Mẹ chồng Seo Say không cho đi, nhốt trong tường rào đá? Bao nhiêu phỏng đoán dồn dập đến trong đầu Páo. Nhà chồng giàu, nhưng Seo Say đi làm dẫu khổ lắm. Sáng lùa dê lên núi và cắt cỏ ngựa gửi về. Chiều cầm dao cầu thái cỏ ngựa trong giá rét bám tay. Một đồng cỏ, hai đồng cỏ thái nhỏ mới đầy tàu ngựa tám con ăn. Đêm đến, trong ánh đèn dầu trấu lờ mờ, hai thớt đá cối xay ngô nặng nề nghiền vào nhau. Bóng Seo Say hắt lên tường nhà trình đất lúc mờ lúc rõ. Xay ngô thường có một người bỏ từ từ vài hạt thôi để cho hai, ba người kéo. Vậy mà Seo Say phải kéo cối xay ngô một mình, chốc chốc dừng lại bỏ vài hạt rồi lại kéo, lại dừng, lại bỏ... Có bột ngô rồi còn phải đồ lên thành mèn mèn cho cả nhà ăn thì đêm cũng hết. Bà mẹ chồng không thương Seo Say lại suốt ngày chửi dê, mắng chó, bắt le bắt lét. Đã bao lần Seo Say âm thầm hát Tiếng hát làm dâu. Phiên chợ tình năm ngoái, Seo Say vừa

kể vừa hát, giọng ai oán lắm. Páo thương muốn đứt ruột, đứt gan mà không có cách gì bù đắp được, chỉ giận thẳng chồng Seo Say sợ mẹ, sao lại để vợ khổ thế.

Chợ đang tan. Nhiều cặp trai gái chia tay nhau. Dừng dằng. Lưu luyến. Hẹn hò. Páo thấy mình thừa ra. Tội quá. Đúng lúc ấy, con ngựa trắng nhà Seo Say xuất hiện. Đúng lúc ấy, cái bà già vấn khăn tròn xếp ba màu, mũi tẹt, đứng lù lù trước mặt Páo. Có chuyện rồi, Páo thoáng nghĩ trong đầu. Lúc này bà già cũng đỏ bừng mặt vì rượu, bảo:

- Tao thấy mày ăn một mình, uống một mình. Tội quá.

- Cái số tôi lẽ bạn tình. Đành chịu thôi.

- Páo à. Tao biết mày đi chợ tình để gặp Seo Say.

- Bà biết tôi?

- Ờ. Tao thấy mày ngồi với con Seo Say nhà tao ở gốc cây sa mộc này từ phiên chợ tình năm ngoái, năm kia rồi. Hôm nay, tao định về luôn, nhưng nhìn mày ngồi chầy chầy ở đây đợi Seo Say cả ngày không thấy. Tội quá. Tao đi không đành.

- Bà là...

- Là mẹ chồng Seo Say. Tao nói mày đừng buồn. Seo Say không còn nữa đâu, nó chết rồi.

- Chết rồi...òì!

Seo Say chết rồi. Bà già nói phũ quá. Như có tiếng sét đánh ngang tai giữa trời quang mây tạnh. Đột ngột quá. Páo không muốn tin người mà Páo mong đợi suốt ngày ở chợ tình, chờ suốt năm nay lại chết.

- Cũng là tại tao thôi, Páo à. Mày đừng đau đớn quá.

Như dòng sông Nho Quế chảy ngược, mẹ chồng lại đi an ủi người tình cũ của con dâu. Páo đã định thần lại:

- Bà kể đi. Tôi chịu được nỗi đau này.

Và câu chuyện mẹ chồng Seo Say kể:

Seo Say đến ngày đẻ. Tao không cho nó đi bệnh viện. Bệnh viện ở xa quá mà người Mông ta từ xa xưa vẫn tự đẻ trong nhà. Đẻ thì đi gọi bà đỡ vườn, nấu một nồi nước lá thơm và cắm thẳng chồng, cắm đàn ông đàn ang không được ngó ngang là xong. Có người còn tự một mình vượt cạn được ở ngoài nương cơ mà. Đẻ đối với đàn bà người Mông cũng dễ dàng, đơn giản, tự nhiên như con ngựa, con trâu, con dê vẫn thường đẻ có sao đâu. Tao nghĩ như thế, người Mông quê ta nghĩ như thế.

Con Seo Say đẻ xong, mẹ tròn con vuông. Con trai nhá, đỏ hồng hồng. Mừng quá. Nhưng khổ thân con Seo Say, bà vườn lấy cật nửa cật rón thẳng bé rồi mà rau vẫn không chịu ra, rau gái đẻ bị cầm tù trong bụng Seo Say. Nửa đêm đến sáng, từ sáng đến trưa con Seo Say vẫn nhăn nhó, đau đớn. Vậy là con ma nó không cho cái rau ra rồi. Phải cúng thôi. Tao cho người đi mời thầy mo. Thầy mo bắt con Seo Say ngồi trên chõng tre, hai chân dặng ra đặt trên hai ông đồ rau. Thầy mo cởi dây giày vải, một đầu buộc vào cái nùm rau đang thò lò ra giữa hai háng con

gái để, một đầu dây buộc vào viên sỏi nhỏ màu trắng có dán lá bùa. Viên sỏi trắng loay xoay rồi đung đưa, đung đưa. Khổ thân con gái để cứ dạng chân mãi thế. Trong buồng thì thằng bé không được bú mẹ khóc. Ngoài sân, thầy mo thấp hương, bày gà luộc, xôi nếp, giấy xanh, đỏ, tím, vàng hò hét cúng ma. Thầy nhảy múa nhiều quá, hò hét đuổi ma nhiều quá thầy vã mồ hôi. Thầy cúng một bài cái rau vẫn không ra, thầy cúng ba bốn bài, cái rau cũng không ra. Máu rỉ rỉ chảy ra nhiều quá, đồ sùng hai bên đùi con gái để. Thầy mo bèn thay viên sỏi bằng cái giầy vải thầy đang đi. Vậy là một đầu dây buộc vào cái giầy vải dán mảnh bùa, một đầu dây vẫn buộc nguyên vào cái núm rau thai đang thò lò ra đấy. Thầy mo thả cái giầy vải khỏi tay thầy thì con Seo Say giật thót người, mắt trợn ngược lên. Hai chân nó mềm ẩm đang dạng ra bỗng cứng đờ. Cái giầy vải cũng loay xoay rồi đung đưa, đung đưa. Thế rồi, đánh ục một cái, máu xối ra chảy tuột xuống hai đùi và con Seo Say nằm gục xuống bất tỉnh...

Cao nguyên đá câm lặng. Trời đất cũng câm lặng. Đá chất chồng đá. Tối tăm. Hoang sơ. Páo thấy người Mông quê Páo đang vùng vẫy thoát khỏi vòng vây điệp trùng, vụn vụn năm rồi của đá. Cái chết một trong những điều hệ trọng nhất của con người mà đá cũng ngăn cách bủa vây để người ta không biết, không đến được với nhau. Páo muốn hét lên, gào lên một tiếng mà Páo không há miệng được. Cái hăm hở, náo nức, sự chờ đợi, chuẩn bị suốt một năm cho cuộc gặp một ngày này của Páo trở thành nỗi thất vọng cô đơn đến khôn cùng trong buổi chiều tan chợ.

Chiều tối đổ ập xuống. Páo sợ. Páo thấy cô đơn kinh khủng. Bóng tối của buổi chiều tan chợ sập xuống là cũng sập luôn niềm hạnh phúc, hy vọng mong manh cả một năm mong gặp bạn tình chỉ một lần. Phiên chợ này là phiên chợ tình cuối cùng của Páo rồi.

Bà già mũi tẹt, mẹ chồng Seo Say đã rời khỏi gốc cây sa mộc. Bà ta đang ngồi ngất ngưởng trên lưng ngựa trắng đi về Lũng La. Bà mẹ chồng đang lầm bầm những lời ca trong Tiếng hát làm dâu. Đầu bà hơi cúi cúi. Bóng núi đồ dài trùm lên bà mẹ chồng và con ngựa trắng. Tiếng hát làm dâu và chợ tình cuối mùa xuân; đâu là tối tăm, u mê, đâu là trữ tình, lãng mạn?

Chỉ còn Páo và cái chợ không người. Páo lững thững dắt ngựa đến cổng đá góc chợ phía Đông. Lý đang chờ Páo ở đó.

Sương núi xuống sớm lành mạnh. Páo nằm vắt mình trên lưng ngựa. Lý đi bộ cầm cương dắt ngựa nâu về nhà. Tay Lý cầm ô che sương núi cho chồng. Lúc tỉnh, lúc mơ mơ màng màng, Páo vẫn cảm nhận được mùi mồ hôi ngựa vảng vắt, ngựa thong thả nện móng xuống con đường ô tô mới mở. Đường nhựa phẳng lý trải dài, quanh co uốn lượn. Đằng trước Páo, đằng sau Páo, có rất nhiều chàng trai Mông đi chợ tình về, mặt đỏ bừng vì rượu ngô cũng nằm vắt trên mình ngựa. Bên cạnh họ là những người vợ hết mực thương yêu chồng, đang nhẩn nại, lặng lẽ, kiêu hãnh xòe ô che gió, nắng cho chồng.

## Người Hà Nội, người ở Hà Nội

Lời tòa soạn: Thủ đô có bề dài lịch sử của bất kỳ quốc gia nào cũng không ra ngoài quy luật: Hội tụ, sàng lọc, đào thải, lắng đọng và kết tinh.

Hà Nội của người Hà Nội. Người của Thăng Long - Hà Nội 1000 năm văn hiến yêu nước, giàu tri thức, thanh lịch, hào hoa của một "miền văn hóa Hà Nội". Lại có Hà Nội của người ở Hà Nội sống trong không gian hành chính, sống với miền văn hóa khác.

Sẽ có nhiều cái nhìn và tầm nhìn khác nhau về Hà Nội và đương nhiên cũng sẽ nhận xét, khái quát khác nhau trong tranh luận; đó cũng là chuyện bình thường của một xã hội dân chủ. Giáo sư sử học - Nhà Hà Nội học Lê Văn Lan, Kiến trúc sư Trần Huy Ánh tham gia luận bàn vấn đề này và nhà văn Sương Nguyệt Minh là người ở Hà Nội thực hiện.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

### **Người Hà Nội?**

*Nhà văn Sương Nguyệt Minh:* Thưa các vị! Tôi xa quê, xóm mạc, đi khắp nơi rồi về Hà Nội sinh sống đã 30 năm, nhưng chưa bao giờ tôi nghĩ mình là *người Hà Nội*, cũng chẳng ai nói tôi là *người Hà Nội*. Tôi chỉ là *người ở Hà Nội*. Trong tâm chí của tôi: Dường như có Hà Nội 1, Hà Nội 2 và cả Hà Nội 3 nữa.

Trước hết là một Hà Nội căn cốt, tinh hoa, gốc xưa Thăng Long - Hà Nội của giáo sư Lê Văn Lan, của kiến trúc sư Trần Huy Ánh, của nhà báo Cẩm Thúy... nhiều đời sinh sống ở vùng đất địa linh nhân kiệt này.

Sau đó là Hà Nội đương đại của những người “ngụ cư” như tôi. Có thể họ là trí thức, cán bộ, công nhân viên nhà nước hoặc tư nhân, là những người lao động phổ thông lam lũ ở các xóm nghèo, hay buôn bán vất vả, lấm láp ở chợ cóc... bởi xu thế di dân trong quá trình đô thị hóa, với văn hóa mọi vùng miền, đa sắc, không thể một sớm một chiều hội nhập trở thành *người Hà Nội* ngay được. Tôi hỏi đến 30 người ở cơ quan tôi, ai cũng bảo họ chưa phải là *người Hà Nội*. Ai ai cũng bảo mình không phải người Hà Nội, vậy thì *người Hà Nội* ở đâu?

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Tôi muốn hỏi nhà văn Sương Nguyệt Minh, anh vừa mới định lượng: Có một Hà Nội lý tưởng là Hà Nội văn hiến và một Hà Nội thô phác, từ các vùng quê khác di dân đang trong quá trình hội nhập. Thế còn Hà Nội thứ 3?

*Nhà văn Sương Nguyệt Minh:* Tôi hình dung một Hà Nội thứ 3 là của đồng bào dân tộc thiểu số ở mạn miền núi cao chót vót ở Sóc Sơn, Ba Vì, Mỹ Đức... và người nông dân chất phác thuộc châu thổ sông Hồng, sông Đáy của Hà Tây mới sát nhập trong không gian hành chính Hà Nội với những giá trị văn hóa khác, miền văn hóa đặc sắc khác như xứ Đoài chẳng hạn.

Hình như trước đây Thăng Long cũng thế, từ nông thôn mà ra, đó là con đường đi từ người nông dân đến người kẻ chợ.

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Tôi đã có nhiều bài viết, hoặc nói chuyện về vấn đề này. Ở Nhật Bản có thuật ngữ “*É đô cô*”. *É đô* là tên cũ của thủ đô Tô ky ô, *cô* là người. Người Nhật tự hào là người gốc Tô ky ô thì nói rằng: “Tôi là *é đô cô*”. Tôi là người Hà Nội gốc. Ông giáo sư người Nhật bảo: Ông Lan là “*Hà Nội cô*”.

Thế nào là người Hà Nội? Đã có loạt các tiêu chí trong các hội thảo rồi. Có một tiêu chí khá khe là: Một người được coi là người Hà Nội phải có ít nhất 3 đời (đời ông, đời cha và con) sinh sống ở Hà Nội.

*Nhà văn Sương Nguyệt Minh:* Có nghĩa là đời con mới được coi là người Hà Nội.

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Vâng! Giống như người gốc của một làng và người ngụ cư.

Tôi kể lại câu chuyện xưa: Cụ Chu Văn An người gốc làng Thanh Liệt vì sao cụ lại sang làng Đình Cung ở bên cạnh dựng lớp dạy học. Tôi và giáo sư Trần Quốc Vượng nghiên cứu sự nghiệp, cuộc đời cụ Chu Văn An thì mới phát hiện ra cụ có một điều cần cái với làng mình. Thì ra ông cụ thân sinh ra Chu Văn An là người Tàu bán phá xa, thuốc ê, tức là xuất thân từ tầng lớp thấp trong xã hội. Ông cụ lấy một người con gái làng Thanh Liệt.

*Nhà văn Sương Nguyệt Minh:* Một cuộc hôn phối “vĩ đại” đã xảy ra.

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Vâng! Và kết quả là cụ Chu Văn An. Cái hoàn cảnh xuất thân gia đình ấy chắc chắn có ảnh hưởng đến tính cách Chu Văn An. Cụ làm *Thất phẩm sứ*, chẳng biết chém ai, nhưng đó là bằng chứng biểu hiện cho tính cách “ngạnh trực”, trực tính một cách ngang ngạnh. Chúng ta thôi không nói đến phương diện nhân cách, phong cách nữa mà nói về lệ làng. Chiều trong nội tịch, lại có một hạng ngoại tịch nữa là dân ngụ cư. Tôi muốn nói đến tính thuần khiết của làng ngày xưa rất cao. Ngụ cư chỉ có thể trở thành nội tịch với điều kiện sống ở làng 3 đời thì mới được vào làng, làm dân nội tịch. Cụ Chu Văn An mới là đời thứ 2...

*Sương Nguyệt Minh:* Không ổn rồi, thưa giáo sư! Theo tiêu chuẩn này, cụ Chu Văn An cũng chưa phải người Hà Nội ư? Vậy thì ai là người Hà Nội?

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Tôi nói 3 đời ở Hà Nội, nhưng phải là người có ý thức về người Hà Nội mới quan trọng. Ý thức này có suông thì vô bổ, mà phải biến thành tri thức, phải hiểu mình là người Hà Nội trong hoàn cảnh nào, hoàn cảnh ấy có ý nghĩa ra sao? Mình phải sống cuộc đời có ý nghĩa của mình và truyền cho thế hệ con cháu.

*Nhà văn Sương Nguyệt Minh:* Có nghĩa là phải thật hiểu lịch sử, văn hóa và cái không gian Hà Nội mình sinh ra, trưởng thành.

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Phải hiểu đáo để. Bây giờ người ta cứ ngại dùng khái niệm “đáo để” và dùng bừa. Nguyên gốc “đáo” là tới, “để” là đáy, hiểu tới đáy thế thôi. Trở lại cái con số 3 đời trên kia sẽ là con số ngớ ngẩn, nếu không biến cái ý thức người Hà Nội thành tri thức người Hà Nội thì sẽ thành kẻ ắt ơ “bán phá, thuốc ẽ”, kiếm chác cái hộ khẩu Hà Nội, kiếm chác lợi lộc từ Hà Nội thì sao có thể gọi là người Hà Nội được. Trở thành người ở Hà Nội mới là bắt đầu, còn phải có ý thức, có tri thức, và làm gì có ích cho Hà Nội thì mới là người Hà Nội căn cốt.

*Kiến trúc sư Trần Huy Ánh:* Theo tôi được biết thì có nhiều người phản đối tiêu chí phải có 3 đời sinh sống ở Hà Nội.

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Có người còn đưa ra tiêu chí chỉ cần có hộ khẩu Hà Nội thì đã là người Hà Nội rồi.

*Nhà văn Sương Nguyệt Minh:* Tôi là tôi không nhất trí với tiêu chí này. Làm sao mà đã hòa nhập, biến cải trở thành dân “nội tịch” nhanh thế.

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Nhưng đây đã là kết luận của nhiều cuộc hội thảo. Trước đây, tôi đã nói rất nhiều về vấn đề này, đến mức lãnh đạo Hà Nội phải phiền lòng với tôi, khi Hà Nội mở rộng đến cả huyện miền núi Ba Vì. Thế thì đồng bào người Dao quần chẹt đang lang thang trên sườn núi Ba sống bằng “đao canh đột chùng” đốt nương rẫy trồng lương thực thì cũng là người Hà Nội ư?

Vậy là: Đồng bào người Dao có hộ khẩu Hà Nội, đủ 1 tiêu chí. Đồng bào đang sống trên đất Hà Nội, thêm tiêu chí thứ 2. Đồng bào đang đóng góp sức người sức của để xây dựng Hà Nội, được tiêu chí thứ 3 nữa... Nếu cứ kéo dài mãi các tiêu chí tiếp theo thì sẽ quay trở lại cái tiêu chí lúc đầu mà tôi đã nêu ra: Phải có ý thức là người Hà Nội, cái ý thức ấy không phải để huênh hoang khoe mình là người Hà Nội, mà phải biến thành tri thức có chiều sâu cội nguồn. Không phải như người đạp xe xích lô quần quật suốt ngày, tối về ngủ lăn ra như người nông phu sau một ngày làm lụng vất vả.

*Nhà văn Sương Nguyệt Minh:* Trời! Nói như giáo sư thì tiêu chuẩn người Hà Nội cao lắm. Thảo nào tôi phấn đấu mãi không được.

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Vâng! Vâng. Có như thế thì mới có một Hà Nội thanh lịch.

### **Làm một người Hà Nội khó lắm.**

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Cái khốn khổ của Hà Nội bây giờ là sự ngu dốt. Họ chỉ cần bám lấy Hà Nội, trúng mảnh, hay mới phát bằng chơi chứng khoán là tậu xe hơi mua nhà, mặc comple cavat, nhưng mà “lói” ngọng. Người Hà Nội gốc cũng giàu sang, nhưng người ta có nói ngọng đâu.

Tôi chơi với chú em là nhà thơ Đỗ Trung Quân, mỗi lần ra Hà Nội, Quân đều đến tiệm cà phê gần nhà tôi và gọi điện cho tôi ra đó. Một lần Quân kể câu chuyện này: Anh ơi! Em vừa thấy một xe ô tô con bóng nhoáng dừng trước cửa và một mệnh phụ phu nhân mặt hoa da phấn, chân dài, dép cao gót bước vào, cất giọng oanh vàng rất sang trọng, gọi: “Lạy, cho một *lâu lóng* nhé!”

Đỗ Trung Quân ở Sài Gòn biết tôi người Hà Nội và kể cho tôi chuyện người Hà Nội như thế. Vậy cái bà ấy có phải người Hà Nội không? Vẫn là người Hà Nội đấy chứ, nhưng là Hà Nội 2, Hà Nội 3 gì đó.

Qua các câu chuyện này tôi hi vọng các vị hiểu được ý của tôi như thế nào là người Hà Nội. Tôi muốn nhấn mạnh cái điều, không phải cứ 3 đời, 5 đời là người Hà Nội, không phải cứ có cái quyền hộ khẩu đã là người Hà Nội, mà người Hà Nội là người có tri thức, có trí tuệ về miền đất này.

*Kiến trúc sư Trần Huy Ánh:* Tôi có dịp tiếp xúc với các bạn trẻ ở Thanh Hóa, Ninh Bình, Hòa Bình, cả các bạn trẻ ở miền Nam đang sống ở Hà Nội, họ là người có tri thức, có ý thức cao trong những tranh luận về kiến trúc. Tôi có nói với họ rằng: các bạn đừng phân vân gì với chuyện mình là người Hà Nội hay không. Các bạn đến với Hà Nội, học ở Hà Nội đang đấu tranh, đang làm cho Hà Nội tốt đẹp thì các bạn đã là người Hà Nội rồi. Còn những người đến đây, như giáo sư Lê Văn Lan nói, họ đến kiếm chác, đánh chén, mưu lợi không chính đáng thì dù có sống ở Hà Nội bao nhiêu đời cũng chẳng phải người Hà Nội. Mỗi người đến Hà Nội dù chỉ một ngày nhưng làm cái gì đó tốt cho Hà Nội thì rất xứng đáng được gọi là người Hà Nội.

*Nhà báo Cẩm Thúy:* Nói như kiến trúc sư Trần Huy Ánh thì nhiều người chưa đến Hà Nội, chưa sống ở Hà Nội vẫn có thể được coi là người Hà Nội?

*Kiến trúc sư Trần Huy Ánh:* Đúng thế. Tôi có chơi thân với nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, anh ấy sáng tác ca khúc “Nhớ mùa thu Hà Nội” rất nổi tiếng: “... *Hà Nội mùa thu, cây cơm nguội vàng/ Cây bàng lá đỏ, nằm kề bên nhau/ Phố xưa nhà cổ, mái ngói thẫm nâu/ Hà Nội mùa thu, mùa thu Hà Nội...*”

Tôi dẫn nhạc sĩ Trịnh Công Sơn ra Hồ Tây, nghe lại cái bài hát ấy: “*Hồ Tây chiều thu, mặt nước vàng lay bờ xa mời gọi/Màu sương thương nhớ, bầy sâm cầm nhỏ vỗ cánh mặt trời.*”...

Tôi nhìn thấy mép nước đập vào bờ cỏ, bóng rùng mình. Tại sao mình ở Hà Nội bao nhiêu năm rồi, lên Hồ Tây bao nhiêu lần rồi mà không phát hiện ra vẻ đẹp tinh tế, xao lòng của Hà Nội, của Hồ Tây như thế. Chỉ có Trịnh Công Sơn với tâm hồn rung động yêu Hà Nội da diết mới viết nổi ca khúc hay.

*Nhà văn Sương Nguyệt Minh:* Thế thì Trịnh Công Sơn cũng là người Hà Nội rồi.

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Các thầy đang nói rất hay. Cho tôi xin hai phút. Các vị vừa tôn Trịnh Công Sơn cũng là người Hà Nội. Tôi cũng chơi với nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Trong một buổi uống rượu, tôi có hỏi: Ông viết: “*bầy sâm cầm nhỏ vỗ cánh mặt trời*” nhưng ông có biết con chim thế

nào không? Sơn ngó ra vì không biết, vừa rượu vừa lắng. Sau rồi Sơn hỏi nhỏ tôi: “Thế thì con chim ấy là con gì?” Đây là câu chuyện để nói: làm một người Hà Nội khó thế đấy.

*Kiến trúc sư Trần Huy Ánh:* Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn ra Hà Nội lần đầu năm 1978, gặp nhiều văn nghệ sĩ và ông được đi nhiều nơi thăm thú Hà Nội, nhưng ông đã biết Hà Nội qua văn thơ, sách báo và có tấm lòng yêu Hà Nội từ lâu. Ra Hà Nội, chạm chân vào đất Hà Nội để lòng thổn thức hơn, Hà Nội lung linh hơn nên cảm xúc sáng tác mới thăng hoa như thế. Nói câu chuyện về Trịnh Công Sơn với sáng tác về Hà Nội để tôi muốn nói rằng: chẳng cần hộ khẩu, mà cũng chẳng cần nhiều đời ở Hà Nội lắm đâu cũng có thể là người Hà Nội. Người đã yêu Hà Nội, thương Hà Nội, làm việc có ích cho Hà Nội như thế thì cũng đã là người Hà Nội lắm rồi.

Tôi làm dự án vẽ lại phố cổ bằng công nghệ 3D, trong quá trình làm mới đi ngược lại lịch sử 36 phố, thấy cái chùa thuộc làng Tân Khai xưa. Nghe tên Tân Khai thì đã là cái vùng đất mới khai mở rồi. Chính là Bát Sứ ngày nay.

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Chính là Hàng Cót chứ. Đến thời nhà Nguyễn xây Hoàng Thành co lại khoảng 200m ở mặt đông ấy, dôi ra mảnh đất trống ở rìa thành. Dân tứ xứ mới đổ bộ vào, nhiều nhất là dân Thanh Hóa mở phố và đặt tên cho cái đền là Tân Khai, cạnh đấy là Tân Lập. Nhưng, mà không phải đất mới đâu, nó là đất cổ nằm trong Hoàng Thành, mới là mới so với ngoài thành.

*Kiến trúc sư Trần Huy Ánh:* Có lẽ dấy lên ý thức giữ gìn truyền thống, bản sắc người Hà Nội là từ phong trào Đông kinh nghĩa thực. Lúc Tây hóa ào ạt thì tầng lớp những người trí thức lo lắng và đứng lên bảo vệ giá trị Nho giáo, Phật giáo, và văn hóa dân tộc. Qua cọ sát Đông - Tây như thế phong trào lan rộng ra giới doanh thương, đến tận gia đình, thanh thiếu niên... Qua cọ sát, và thanh lọc mới ra “Tứ trấn đàng trong, ngũ quảng đàng ngoài”, nhưng lọc quyết liệt nhất là đầu thế kỉ 20 từ năm 1900 đến 1941. Đây là thời kỳ Hà Nội thanh lọc đẹp trau chuốt nhất.

Trở lại phố Tân Khai, có câu chuyện rất giản dị: Phố ấy có chuyện cãi nhau, thực ra là đôi co nói to với nhau. Có người hỏi: “Ai cãi nhau thế nhỉ?” Người khác bảo: “Họ đâu đấy, chứ không phải người phố mình đâu.” Người ta có ý thức giữ gìn lối sống như thế, họ nghĩ rằng phố Tân Khai họ ở không có chuyện cãi nhau, nếu có thì phải là người ở nơi khác đến.

Tôi có ngồi nói chuyện với anh Phó Đức Phan anh ruột nhạc sĩ Phó Đức Phương, anh Phan nói: “Ừ, đúng đấy. Ngày xưa, cùng phố người ta nghĩ ăn đời ở kiếp với nhau mới sống tử tế thế chứ. Nếu sống “ăn xổi ở thì” sống ở nhà này được vài tháng rồi bán đi mua nhà khác, hay mua nhà đất gom đó chờ giá lên bán kiếm lời lại đi tìm nơi ở mới thì chắc không tử tế thế đâu.

Tôi tình cờ chứng kiến ở hiệu chữa xe máy, khách trả tiền rồi lưỡng lự phân nản: “Dân phố với nhau mà tính thế à?” Ông thợ sửa xe ấy nhẹ nhàng nói: “Thôi, bác cứ yên tâm để tôi xem lại, có lẽ tính nhầm.”

Một ông ở phố Hàng Giấy, tôi biết ông ấy ở đó lâu rồi, lúc đương chức, muốn vẽ cái gì thì anh em đến vẽ cho, lại đòi hỏi nhiều chuyện, tiềnmf bạc lung tung, quan hệ bừa bãi, anh em phân nản: “Ông ấy cũng dân phố đấy mà sống chả ra gì”.

Tôi cũng đã tuổi 50 rồi, có học trò, có bạn bè, tôi biết có nhiều gia đình ở Hà Nội, nhưng con cháu lười lắm. Lại có nhiều anh em ở địa phương khác về và làm được nhiều việc tốt cho Hà Nội.

### **Nơi hội tụ, sàng lọc.**

*Nhà văn Sương Nguyệt Minh:* Em cũng nghĩ như kiến trúc sư Trần Huy Ánh. Có phải đất Kinh kỳ nó lạ đến mức tất cả những người tài giỏi ở nơi khác phải về đất kinh kỳ thì mới phát tiết tinh hoa được. Ví dụ như Giải nguyên Nguyễn Công Trứ chẳng hạn, nếu không về Hà Nội thì không có cái phong cách “ngắt ngưỡng” ấy không?

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Chắc chắn là có, nhưng không hoàn toàn như thế. Trước hết, đất kinh kỳ có một hạt nhân quan trọng gọi là đất đô thị có cấu trúc hai phần: phần *đô* và phần *thị*; ta gọi thành phố thì cũng có cấu trúc: phần *thành* và phần *phố*. Một nửa là trung tâm chính trị, một nửa là trung tâm kinh tế.

Đô thị Việt Nam quán xuyên suốt từ xưa đến nay, kể cả đô thị điển hình là Hà Nội thì vẫn là đô thị chính trị là chính, là chủ thể. Cái bộ phận kinh tế đô thị làm kinh tế để phục vụ cho đô thị chính trị. Mấy cái bà dệt vải, mấy cái anh may lông chỉ cần khéo tay hay nghề, "đất lề nghề chợ" là phục vụ được.

Văn hóa cung đình, văn hóa bác học hình thành một phần nhờ hệ thống trường học thế nên mới có Văn Miếu, Quốc Tử Giám. Trường vỡ lòng thì ở đâu cũng có, chỉ cần đồ tú tài thôi, không học được tiếp, không thi được tiếp thì ngồi ở một cái làng nào đó gõ đầu trẻ. Nhưng, đạt đến trình độ đại tập là làm được đủ các văn bài mới đi thi hương thi hội thi đình được. Nông thôn thì không có trường đại tập, nhưng Thăng Long có hàng chục trường đại tập. Các ông nghề, ông thương thư chán chính sự cũng quay ra mở trường đại tập. Ông thám hoa Vũ Khải mở trường Hà Nam ở ngay bên Bờ Hồ, ông nghề Phan mở trường đại tập Hồ Đình ở ngay chỗ cây đa báo Nhân Dân hiện nay. Tất cả muốn được học lên cao hơn, muốn thành sĩ phu cao cấp đều phải về học ở trường đại tập. Những người đến học trường đại tập đều là người tài, có sự cạnh tranh, đua nhau, cọ sát, giao lưu... mới tạo ra tài năng. Đó là quy luật đô thị Hà Nội. Những người tài giỏi, đỗ đạt cao như: Vũ Diễm, quê huyện Thiên Lộc (nay là Can Lộc, Hà Tĩnh), Nguyễn Bá Lân, quê ở Cổ Đô, Sơn Tây, Nhĩ Đình Hiền, quê ở Hoàng Trạch, Hải Dương, Nguyễn Công Thái, quê ở Kim Lũ, Hà Đông được mệnh danh là "Tràng An tứ hổ" cũng về Hà Nội học trường đại tập mà ra. Một thế giới chữ nghĩa của những người thông minh hơn người tụ tập ở đó mà sinh ra các tài năng. Ở các đại phương chỉ có một hai ông quan ngồi đó cai trị dân, còn ở Hà Nội đất kinh kỳ thì có cả một hệ thống quan lại đầy chữ nghĩa. Tôi vẫn cứ nhấn mạnh nhắc đi nhắc lại là người Hà Nội phải có tri thức.

*Nhà văn Sương Nguyệt Minh:* Tôi còn muốn nói đến yếu tố địa linh cũng sinh ra nhân kiệt. Hà Nội là vùng đất địa linh, mà trong *Chiếu rời đô* đã ghi là: "*thành Đại La, đô cũ của Cao Vương ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời.*"

Đất địa linh nhân kiệt nhưng cũng là nơi hội tụ, hội tụ để sàng lọc, đào thải, lắng đọng và kết tinh sinh ra những nhân tài. Hình như công thức "Hội tụ, kết tinh, lan tỏa" của Thăng Long-Hà Nội là định đề của giáo sư Trần Quốc Vương!

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Có một câu hỏi: Tầng lớp nào tiêu biểu nhất cho Hà Nội? Lúc còn sống, ông Trần Quốc Vương khẳng định là: "Tầng lớp cán bộ." Ông ấy chủ thuyết hẳn hoi đấy. Đi đâu gặp, tôi cũng chào: "Chào ông cán bộ!"

*Nhà văn Sương Nguyệt Minh:* Còn giáo sư Lê Văn Lan thì khẳng định là: Trí thức.

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Phân biệt tính nông thôn với tính đô thị của Hà Nội là cần thiết lắm.

*Nhà văn Sương Nguyệt Minh:* Vâng! Và cả nội đô và ngoại biên nữa. Nên mới có chuyện thế này: Một người sống ở Thanh Xuân, hay ở Cầu Giấy, ở Hoàng Mai đang đi làm gì đó ở Hàng Ngang, Hàng Da..., có bạn bè điện thoại hỏi: "Ông đang ở đâu đấy?" Thì người ta trả lời rằng: "Tôi đang ở trên phố." Trong dân gian, người ta tự ý thức đã là phố thì phải là 36 phố phường.



Chẳng hạn, ở hướng tây nam Hà Nội, phố phường tính từ Ô Chợ Dừa giạt trở lại. Còn như Thanh Xuân, Định Công, Cầu Giấy,... được coi là vùng ngoại biên, dù các khu vực này đã trở thành quận nội thành lâu rồi.

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Cái đó có thật đấy. Sự tinh lọc lâu đời nhất ở địa bàn trung tâm đầu. Có hạng người thế nào thì sẽ có cách ăn uống, sinh hoạt tương ứng như thế. Dân kẻ chợ khó tính, cầu kỳ trong ăn uống. Có nhóm khác lại sành mặc, nhóm khác nữa thì sành chơi.

*Nhà văn Sương Nguyệt Minh:* Tôi hình dung có một không gian sống nhất định như lấy tâm làm Hồ Hoàn Kiếm và vạch ra một bán kính tương đối thì có một nhóm người trí thức, thương gia... để lọt vào không gian sống ấy là chẳng dễ.

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Không gian sống khu vực Bờ Hồ xưa ấy là văn hóa công thương. Công thương rất khác với nông dân, nông dân lại rất khác với nông dân mất đất cầu bơ cầu bắt. Cụ Nguyễn Trãi viết trong *Bình Ngô đại cáo*: “Dương gậy làm cờ tụ họp bốn phương manh lệ”. Lệ là cái đám nông nô. Manh là nông dân. Người nông dân mất đất phải đi lưu tán gọi là lưu manh, gốc là thế. Dân công thương thì nhắm lợi nhuận, nên rất năng động. Họ phải có những phẩm chất ấy mới sống được ở khu 36 phố phường. Văn hóa công thương và tầng lớp thị dân hình thành ở đây, và là vấn đề cực kỳ quan trọng mà một số người lãnh đạo văn hóa vẫn chưa nhận ra có một vùng tiểu văn hóa công thương và tầng lớp thị dân.

### **Nhìn về tương lai.**

*Nhà văn Sương Nguyệt Minh:* Tôi thấy Hà Nội phát triển rất lộn xộn. Xin kiến trúc sư Trần Huy Ánh cho một ý kiến về quy hoạch tương lai của thủ Đô Hà Nội...

*Kiến trúc sư Trần Huy Ánh:* Tôi thấy không nên quá lo lắng và sốt ruột...

*Nhà văn Sương Nguyệt Minh:* Tôi xin lỗi kiến trúc sư Trần Huy Ánh, tôi xin 1 phút. Tôi thấy rằng: Hiện nay Hà Nội với phần hồn cốt tinh túy, thanh lịch, văn hiến vẫn như một dòng chảy âm thầm mãnh liệt, không dứt. Theo quy luật phát triển của xã hội thì Hà Nội vẫn phải hội nhập cái mới, vẫn phải xây dựng. Hình như cái mới chưa bị sàng lọc làm cho Hà Nội tốt đẹp nhưng cũng có nhiều cái mới chưa bị đào thải đang làm cho Hà Nội tan nát?

*Kiến trúc sư Trần Huy Ánh:* Chẳng có một đất nước phát triển nào mà không có chuyện lộn xộn trong buổi ban đầu. Ngay cả Singapore, Malaysia, thậm chí nước Mỹ cũng có chuyện đầu cơ nhà đất. Nhiều khu nhà ở xây lên không ai mua ở, các đại gia cũng đang nợ đầm đìa... sẽ bị quy luật kinh tế nó điều chỉnh. Quy hoạch Hà Nội vẫn đang rất nan giải, trước sau cũng sẽ được sắp xếp lại, những cái gì không phù hợp sẽ bị tan biến đi thôi. Hà Nội bao nhiêu lần tách ra nhập vào, nó có thể đúng với một thời và sẽ được điều chỉnh để đúng cho lâu dài. Chẳng hạn khu 36 phố phường trước đây là nơi ở của các gia đình danh giá. Theo thời gian thì sinh con đẻ cái, nhu cầu tách hộ, một nhà lớn chia thành nhiều nhà nhỏ. Thế rồi sống xập xệ quá, người ta lại bán đi ra Gia Lâm, Thanh Xuân ở. Có một tầng lớp giàu có mới nổi, họ có tiền mua lại nhà ở phố cổ. Bây giờ, có thể có một số người trưởng giả khuyết thiếu mỹ học xây nhà chưa đẹp; dần dần con cái họ đi học nước ngoài về, sự kết tinh tốt hơn và sẽ dần dần xây nhà đẹp hơn.

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Tôi tán thành với nhà văn Sương Nguyệt Minh là có Hà Nội 1, Hà Nội 2, Hà Nội 3... Tôi cũng rất tán thành cái điều chúng ta đang quan tâm coi trọng là Hà Nội 1 phải giữ gìn, phát huy. Nhưng thêm cái kinh nghiệm của Trung Quốc. Cứ thời nào rối loạn nhiều thì họ nhắc đến thời hoàng kim Nghiêu Thuấn. Thế thì cái Hà Nội 1 văn hiến, thanh lịch, hào hoa là hoàng kim Nghiêu Thuấn đấy.

*Nhà văn Sương Nguyệt Minh:* hiện nay người ta đang nói Hà Nội văn hiến, hòa hoa, thanh lịch đang bị mai một đi. Tôi đồ rằng không phải. Cái mà chúng ta đang nhìn thấy nhốn nháo xô bồ, bụi bặm, gánh hàng rong, nói ngong, chửi nhau, đi xe thì lách lên phía trước cướp đường nhau ấy là thuộc về Hà Nội 2, Hà Nội 3,... Hà Nội thứ n. Hà Nội văn hiến, thanh lịch, hào hoa không hề mất đi, vẫn đang còn và như một dòng chảy lớn âm thầm mãnh liệt.

*Kiến trúc sư Trần Huy Ánh:* Tôi đang đồng hành cùng các bạn trẻ với dự án *Hành trình xanh cùng Hà Nội*. Vào dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội sẽ có 1 cuộc triển lãm ở Văn Hồ với chủ đề *Hà Nội với Hà Nội*. Bọn tôi có 5 cái suy nghĩ về Hà Nội: Một là, sông Hồng với Hà Nội. Hai là, vành đai xanh sông Nhuệ với vương quốc văn hóa ở phía Tây. Ba là, đi qua một dòng sông ở Hà Nội thì cư xử của mình thế nào? Bốn là, con người Hà Nội đi lại ra sao? Năm là, đối mặt với hậu quả đô thị hóa là úng ngập thì thoát khỏi nó như thế nào? Những suy nghĩ của các kiến trúc sư trẻ sẽ được bày tỏ đầy hi vọng và lạc quan. Người ta không băn khoăn rằng họ đang đứng ở đâu trong 1 thành phố có mấy chục dân tộc cùng sinh sống. Đây là một thái độ tích cực đối với tương lai Hà Nội.

*Giáo sư Lê Văn Lan:* Nhà văn Sương Nguyệt Minh vừa nói đến không gian lõi cốt Hà Nội thì chúng ta phải giữ được không gian lõi cốt ấy. Cái không gian lõi cốt ấy nên gọi đúng cái tên của nó là thành phố với những thị dân, lấy lại cái tên là thành phố Thăng Long. Có nghĩa là nó đúng là không gian đô thị với những thị dân. Còn cái mênh mông bao quanh nó, gồm những làng quê, những người nông dân... đã có quyết định hành chính thì nên gọi là tỉnh Hà Nội. Một là, bảo tồn và phát triển cái không gian đô thị lõi cốt đặc quánh, "lắng hồn núi sông" tinh hoa 1000 năm là "miền văn hóa Hà Nội".

Hai là, không gian ngoại ô với các "thị dân non", (đây là thuật ngữ mà Khoa Đô thị học trên thế giới đã xác định từ thế kỷ 17-18 rồi). Miền văn hóa này trên một cái hằng số mênh mông là 3 chữ nông: Nông thôn, nông dân, nông nghiệp. Cả cái không gian mênh mông ấy mới nổi lên lác đác dăm ba cái đô thị, thì chúng ta phải giữ được cái hồn ấy, bảo tồn, phát triển. Tránh đô thị hóa gấp gáp, không kiểm soát. Từ cái lõi cốt "miền văn hóa Hà Nội" của thành phố Thăng Long làm hạt nhân để đô thị hóa, phát triển phần còn lại tỉnh Hà Nội.

*Nhà văn Sương Nguyệt Minh:* Thừa các vị! Có những cái nhìn khác nhau về Hà Nội và những nhận xét, khái quát khác nhau về Hà Nội với tinh thần thẳng thắn, dân chủ. Xin cảm ơn các vị - những người yêu thương Hà Nội nồng nhiệt đã tham gia cuộc Bàn tròn này.